

MỤC LỤC

01 THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & TỔNG GIÁM ĐỐC 10

02 ĐỊNH HƯỚNG, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 15

- | | |
|--|----|
| 1. Các mục tiêu chủ yếu của Vietnam Airlines | 16 |
| 2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Vietnam Airlines | 17 |
| 3. Mục tiêu phát triển bền vững | 18 |
| 4. Các rủi ro | 20 |

03 GIỚI THIỆU CHUNG VỀ VIETNAM AIRLINES 22

- | | |
|---|----|
| 1. Thông tin chung | 24 |
| 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh | 26 |
| 3. Quá trình hình thành và phát triển | 28 |
| 4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý | 30 |
| 5. Cơ cấu cổ đông | 40 |
| 6. Các sự kiện tiêu biểu trong năm | 42 |
| 7. Các danh hiệu, phần thưởng đạt được trong năm | 46 |

04 Tổng quan về kết quả kinh doanh 48

- | | |
|----------------------------------|----|
| 1. Các chỉ tiêu khai thác cơ bản | 50 |
| 2. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản | 54 |

05 Đánh giá của Hội đồng quản trị 56

- | | |
|--|----|
| 1. Về các mặt hoạt động của Vietnam Airlines | 58 |
| 2. Về hoạt động của Ban Giám đốc | 60 |
| 3. Về kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị | 61 |

06 Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc về KQ SXKD năm 2023 62

- | | |
|---|-----|
| 1. Tổng quan về môi trường kinh doanh trong năm | 64 |
| 2. Kết quả hoạt động trên các lĩnh vực | 65 |
| 3. Tình hình tăng/giảm vốn đầu tư của TCT tại các Công ty con/liên kết trong năm 2023 | 118 |
| 4. Tình hình tài chính | 127 |
| 5. Những cải tiến mới về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý | 134 |
| 6. Kế hoạch phát triển trong tương lai | 135 |

07 Báo cáo phát triển bền vững 136

- | | |
|--|-----|
| 1. Tuyên ngôn phát triển bền vững | 138 |
| 2. Chính sách phát triển bền vững | 139 |
| 3. Kế hoạch thực hiện phát triển bền vững | 139 |
| 4. Báo cáo phát triển bền vững năm 2023 của Vietnam Airlines | 140 |

08 Quản trị công ty 146

- | | |
|--|-----|
| 1. Cấu trúc quản trị công ty | 148 |
| 2. Thông tin và hoạt động của HĐQT | 149 |
| 3. Hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT | 151 |
| 4. Báo cáo của Ban kiểm soát | 152 |
| 5. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích | 154 |
| 6. Hoạt động của NPTQT-Thư ký TCT | 155 |
| 7. Quan hệ nhà đầu tư | 155 |

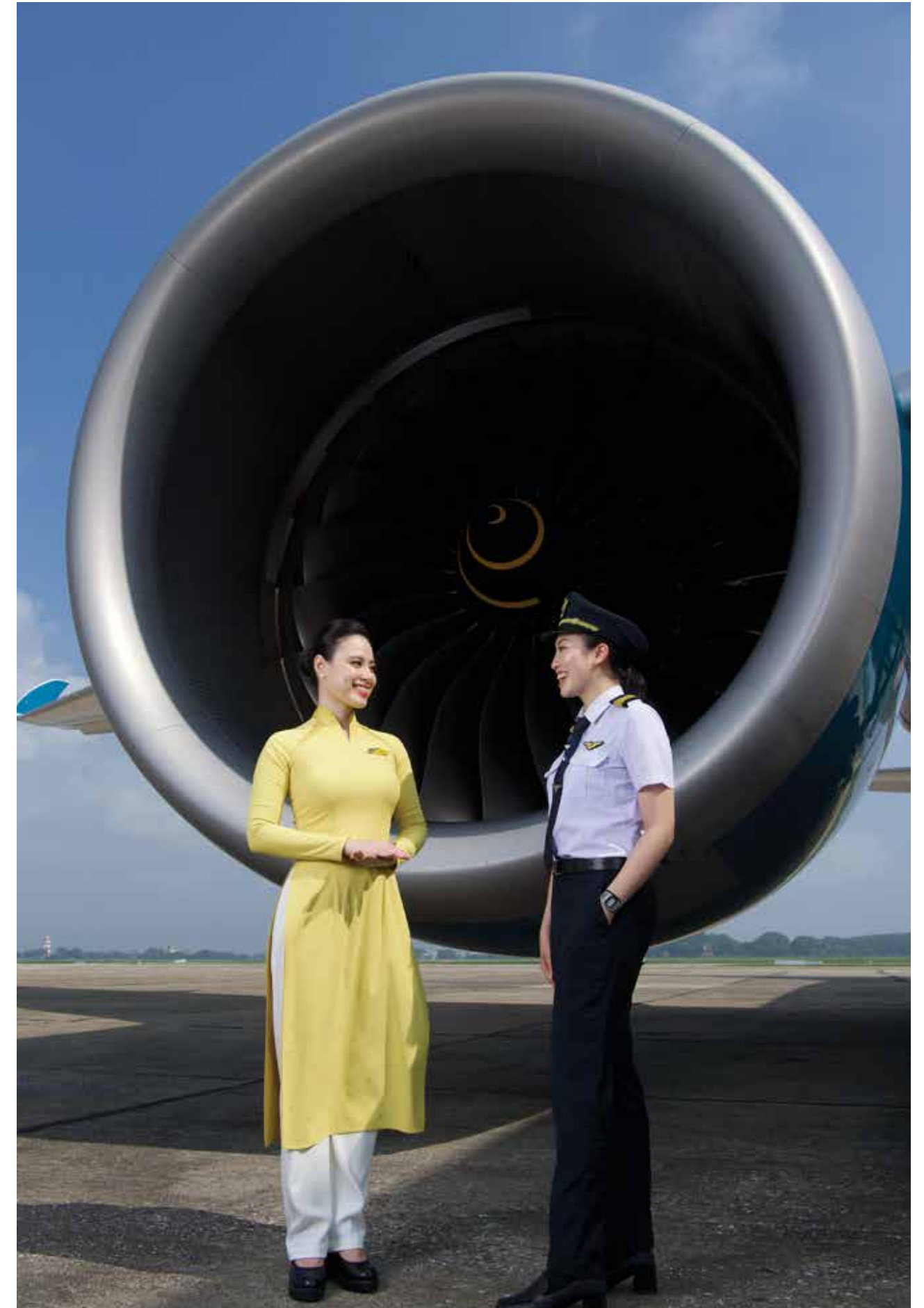
09 Quản trị rủi ro 157

10 Báo cáo tài chính Hợp nhất kiểm toán 162



DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ASK	Available Seat Kilometers (Ghế luân chuyển)
AFTK	Available Freight Tonne Kilometers (Tải cung ứng luân chuyển)
BH	Block Hour (Giờ bay)
TV HĐQT/TV BKS	Thành viên Hội đồng quản trị/ Thành viên Ban Kiểm soát
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CNTT	Công nghệ thông tin
CTCP	Công ty Cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐTV	Hội đồng thành viên
HĐQT	Hội đồng quản trị
PA	CTCP Hàng không Pacific Airlines
K6	Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
LNST	Lợi nhuận sau thuế
LCC	Low Cost Carrier (Hãng hàng không giá rẻ)
RPK	Revenue Passenger Kilometers (Khách luân chuyển)
RFTK	Revenue Freight Tonne Kilometers (Hàng hóa luân chuyển)
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
Công ty mẹ hay Vietnam Airlines	bao gồm Vietnam Airlines và Vasco
VNA Group	Công ty mẹ và PA
Hợp nhất	Công ty mẹ và các công ty con, liên kết
VTHK	Vận tải hàng không
TCT	Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP
UBAT	Ủy ban An toàn





01

**THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ &
TỔNG GIÁM ĐỐC**

10

“ Năm 2023, Vietnam Airlines đã vượt qua các khó khăn, phục hồi mạnh mẽ, tiến tới cân đối được thu chi và phát triển bền vững. ”

Ông **ĐẶNG NGỌC HÒA**
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Thông điệp CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & TỔNG GIÁM ĐỐC.

Kính thưa Quý Cổ Đông,

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Vietnam Airlines xin được gửi lời chào trân trọng và lời cảm ơn sâu sắc vì sự đồng hành, tin tưởng của quý cổ đông đã dành cho Hãng hàng không Quốc gia Việt Nam.

Năm 2023 đánh dấu nhiều cột mốc quan trọng của Vietnam Airlines khi hãng đã phục hồi mạnh mẽ và đạt được những kết quả đáng chú ý.

Vietnam Airlines Group đã vận chuyển hơn 24,6 triệu lượt hành khách và 223,8 nghìn tấn hàng hóa, tăng lần lượt 14,8% và 5,1% so sánh cùng kỳ. Tình hình khai thác khởi sắc giúp kết quả kinh doanh của Vietnam Airlines phục hồi đáng kể. Vietnam Airlines đạt 93.048 tỷ đồng doanh thu hợp nhất, cao hơn cùng kỳ năm 2022 là 29,8% và tiệm cận mức đỉnh năm 2019. Mức lỗ hợp nhất trước thuế giảm 5.249 tỷ đồng, giảm một nửa so với năm 2022. Bên cạnh một số thuận lợi của thị trường, những kết quả trên có được từ các giải pháp tự thân bám sát thực tiễn của Vietnam Airlines.

Cụ thể, Vietnam Airlines đã nhanh chóng khôi phục hoàn toàn mạng đường bay nội địa và hầu hết đường bay quốc tế so với trước dịch Covid-19; đồng thời, mở thêm đường bay mới đến Australia, Ấn Độ. Điều này giúp chúng tôi giữ vững vị thế là hãng hàng không trong nước có mạng đường bay lớn nhất hiện nay.

Hãng triển khai tốt công tác thương mại, quảng cáo, truyền thông, giúp gia tăng doanh thu và nâng

cao hình ảnh, thương hiệu của Vietnam Airlines. Chiến lược nâng tầm dịch vụ phát huy hiệu quả, mang đến những trải nghiệm xuất sắc, vượt trội và được khách hàng đánh giá cao.

Bên cạnh đó, Vietnam Airlines đặc biệt chú trọng cắt giảm chi phí, triệt để tiết kiệm. Ngoài các khoản chi phí cắt giảm theo quy mô sản lượng, Tổng công ty đã triển khai đàm phán giảm giá, tiết kiệm, cắt giảm chi phí với số tiền ước tính đạt hơn 3.200 tỷ đồng. Hãng cũng chủ động kiến nghị các cơ quan Nhà nước xem xét kéo dài chính sách hỗ trợ giảm thuế phí.

Năm 2023 còn là năm Vietnam Airlines đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, bám sát chiến lược chuyển đổi số trong giai đoạn 2026-2022. Hãng đã ứng dụng các công nghệ, phần mềm mới vào nhiều quy trình công việc, điểm chạm dịch vụ, không chỉ giúp gia tăng năng suất lao động, hiệu quả điều hành khai thác mà còn nâng cao sự hài lòng của hành khách.

Trong lĩnh vực trách nhiệm xã hội, phát triển bền vững, Vietnam Airlines tiếp tục hợp tác sâu rộng với các tổ chức trong, ngoài nước để thực hiện những hoạt động ý nghĩa như quyên góp dạm cho công tác thiện nguyện, hỗ trợ phẫu thuật cho hàng nghìn trẻ em dị tật hàm-mặt, tổ chức các chuyến bay Tô cam nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, chuyến bay đoàn viên đưa người lao động có hoàn cảnh khó khăn về quê đón Tết...

“Vietnam Airlines sẽ hoàn thành các kế hoạch kinh doanh năm 2024, tiếp tục đưa Hãng hàng không Quốc gia “sải cánh vươn cao””

Ông **LÊ HỒNG HÀ**
Tổng Giám đốc

Những nỗ lực năm 2023 của Vietnam Airlines được ghi nhận với nhiều giải thưởng uy tín như “Hãng hàng không quốc tế 5 sao” do tổ chức The Airline Passenger Experience Association (APEX) trao tặng; Top 20 hãng hàng không tốt nhất thế giới về an toàn và chất lượng dịch vụ theo AirlineRatings; Top 10 hãng hàng không tốt nhất thế giới theo Bounce - công ty lưu giữ hành lý toàn cầu có trụ sở ở Mỹ; giải thưởng World Travel Awards hãng hàng không hàng đầu châu Á cho 4 hạng mục là bản sắc văn hóa, hạng ghế Phổ thông, dịch vụ phi hành đoàn và tạp chí trên không; giải thưởng Human Act Prize - Hành động vì cộng đồng...

Thưa Quý Cổ đông,

Bước sang năm 2024, môi trường kinh doanh hàng không được nhận định có cả thuận lợi và khó khăn. Các xung đột chính trị khiến chuỗi cung ứng bị đứt gãy, ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất và kinh tế toàn cầu. Giá nhiên liệu dự báo duy trì ở mức cao khoảng 100 USD/thùng.

Điểm tích cực là kinh tế Việt Nam ổn định với tăng trưởng mục tiêu 6,5-6%; thị trường hàng không quốc tế phục hồi tốt, với dự báo tăng trưởng 19-13% so với năm 2023, tương ứng khoảng 90% năm 2019.

Trên cơ sở dự báo môi trường kinh doanh, Hội đồng Quản trị, Ban lãnh đạo Tổng Công ty đã xây dựng các mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2024. Trong đó, mục tiêu lớn là giảm lỗ còn lại và hướng tới cân đối được thu chi.

Vietnam Airlines tiếp tục tái cơ cấu về tài sản, nguồn vốn, danh mục đầu tư; tổ chức, sắp xếp, tối ưu hóa quy trình sản xuất kinh doanh và đổi mới quản trị doanh nghiệp. Hãng tối ưu hóa nguồn lực, hiệu suất sử dụng đội tàu bay, đảm bảo đầy đủ nguồn lực phi công, tiếp viên và kỹ sư.

Để đảm bảo cả về hiệu quả và thị phần khai thác, Vietnam Airlines linh hoạt điều hành sản phẩm theo diễn biến của thị trường và tình hình cạnh tranh. Hãng sẽ mở rộng mạng đường bay quốc tế bằng việc chuẩn bị mở thêm các đường bay mới đến Tây Âu và Đông Nam Á. Chúng tôi chú trọng đa dạng hóa sản phẩm, đổi mới công tác bán, mở rộng kênh bán, qua đó giúp gia tăng doanh thu. Chất lượng dịch vụ cải tiến theo định hướng 5 sao, qua đó ngày càng nâng cao trải nghiệm bay của hành khách.

Vietnam Airlines duy trì chặt chẽ các chương trình tiết kiệm và quản trị chi phí, không ngừng tìm kiếm các cơ hội đàm phán giảm, giãn, hoãn thanh toán. Công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ mới trên toàn hệ thống tiếp tục được triển khai theo cả chiều rộng và chiều sâu, với mục tiêu đưa Vietnam Airlines trở thành hãng hàng không công nghệ số.

Thưa Quý cổ đông,

Với sự quan tâm, hỗ trợ của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan quản lý; cùng sự ủng hộ nhiệt thành của Quý cổ đông, Quý khách hàng, đối tác và bạn hàng, chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng: Vietnam Airlines sẽ hoàn thành các kế hoạch kinh doanh năm 2024, tiếp tục đưa Hãng hàng không Quốc gia “sải cánh vươn cao”.

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và tập thể người lao động Vietnam Airlines cam kết trong thời gian tới tiếp tục đoàn kết, nỗ lực vì sứ mệnh phát triển thương hiệu Hãng hàng không Quốc gia uy tín, tăng trưởng bền vững, sánh bước khu vực và quốc tế.



02

ĐỊNH HƯỚNG, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

16

1. Các mục tiêu chủ yếu của Vietnam Airlines	16
2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Vietnam Airlines	17
3. Mục tiêu phát triển bền vững	18
4. Các rủi ro	20

1. Các mục tiêu chủ yếu của Vietnam Airlines

- Mục tiêu văn hóa an toàn tiệm cận mức 5.0 Generative (tiên tiến) từ năm 2025.
- Trở thành hãng hàng không Full Service đạt nhóm 03 về quy mô trong khu vực Đông Nam Á.
- Vietnam Airlines đạt nhóm 10 hãng hàng không được ưa thích tại châu Á.
- Củng cố dịch vụ 4 sao và từng bước đưa Vietnam Airlines đạt tiêu chuẩn hãng hàng không 5 sao.
- Thực hiện chuyển đổi công nghệ mạnh mẽ hướng tới là hãng hàng không công nghệ số.
- Trở thành doanh nghiệp được ưa thích hàng đầu tại thị trường lao động Việt Nam.
- Bảo đảm thanh khoản và khả năng hoạt động liên tục; từng bước cải thiện, phục hồi năng lực tài chính; đáp ứng nguồn vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư.



2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Vietnam Airlines

- Duy trì vị thế hàng đầu của VNA Group tại Việt Nam về thị phần vận tải hàng không hành khách.
- Chỉ số hài lòng tổng thể - CSI (Customer Satisfaction Index) đạt trên 4 điểm. Chỉ số thiện cảm khách hàng (NPS) bình quân năm đạt trên 30 điểm.
- Tổng sản lượng vận chuyển hành khách giai đoạn 2021-2030 của Công ty mẹ Vietnam Airlines đạt 252-262 triệu lượt khách, tăng trưởng bình quân 20,6 - 21,6%/năm. Tổng sản lượng hàng hóa đạt từ 3,4 triệu đến hơn 3,9 triệu tấn, tăng trưởng bình quân 7,9 - 8,9%/năm.
- Tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ Vietnam Airlines giai đoạn 2021-2030 đạt tương ứng khoảng 860,3 nghìn tỷ đồng và 10.061 nghìn tỷ đồng.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) tăng lên 23,6% vào cuối năm 2030.



3. Mục tiêu phát triển bền vững

- Với vai trò là Hãng hàng không quốc gia Việt Nam, Vietnam Airlines có trách nhiệm lên kế hoạch và triển khai các chương trình, mục tiêu phát triển bền vững để giảm thiểu các tác động đến môi trường và đồng thời gia tăng các mục tiêu kinh tế. Kế hoạch phát triển bền vững của Hãng có thể được triển khai thông qua các nội dung như giảm lượng khí thải carbon thông qua các chương trình hiện đại hóa tàu bay, áp dụng các công nghệ tiết kiệm nhiên liệu, tối ưu hóa lộ trình bay, giảm sử dụng nước và giảm lượng rác thải nhựa... Đồng thời, với nhu cầu ngày càng gia tăng về các lựa chọn du lịch bền vững, những doanh nghiệp gắn các mục tiêu phát triển bền vững vào các mục tiêu kinh tế sẽ thu hút được nhiều khách hàng hơn và quan trọng là cải thiện được danh tiếng của hãng. Từ đó cải thiện sự trung thành của khách hàng và gia tăng lợi nhuận trong tương lai, góp phần gia tăng và duy trì lợi thế cạnh tranh ngành hàng không.
- Vietnam Airlines luôn nỗ lực bền bỉ, không ngừng khẳng định vị thế, uy tín của thương hiệu Vietnam Airlines trong lòng khách hàng Việt Nam và thế giới nhằm mang đến chất lượng sản phẩm, dịch vụ tốt nhất cho khách hàng cũng như đóng góp vào sự phát triển chung cộng đồng, xã hội. Bên cạnh sản xuất kinh doanh, Vietnam Airlines còn đặc biệt chú trọng góp phần cải thiện an sinh xã hội, chung tay phát triển đất nước thông qua các hoạt động cộng đồng.
- Vietnam Airlines luôn đặt tiêu chí tuân thủ luật pháp về bảo vệ môi trường lên hàng đầu thông qua việc hình thành tổ chức bộ máy, xây dựng và ban hành các quy chế, quy định cũng như việc triển khai thực hiện và kiểm soát, đánh giá hoạt động toàn bộ hệ thống. Ngoài ra, Vietnam Airlines không ngừng nâng cấp đội tàu bay thế hệ mới với những dòng tàu bay mới, hiện đại, giảm thiểu tác hại cho môi trường, giảm khí thải, giảm tiếng ồn. Là một thành viên của IATA và liên minh SkyTeam, Vietnam Airlines hướng tới thực hiện cam kết của ngành hàng không thế giới (ICAO, IATA) với việc phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 (Net Zero 2050) thông qua chương trình bù đắp, giảm thiểu phát thải CO₂ của ngành (Carbon Offsetting and Reduction Scheme for International Aviation, CORSIA).
- Vietnam Airlines luôn hướng đến một môi trường làm việc bền vững, công bằng và an toàn cho người lao động. Vietnam Airlines luôn chú trọng đầu tư vào đào tạo và phát triển nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển cá nhân và chuyên môn của nhân viên. Luôn tôn trọng và bảo vệ quyền lợi của người lao động, bảo đảm mức lương công bằng và các chế độ phúc lợi hợp lý.



4. Các rủi ro

- Giai đoạn 2021-2025 là giai đoạn chuyển biến mạnh mẽ. Trong đó, điển hình là sự phát triển của cách mạng công nghiệp 4.0, sự phổ biến của công nghệ số và dữ liệu lớn (Big Data). Điều này dẫn đến thói quen tiêu dùng của các nhóm khách hàng thay đổi. Bên cạnh đó, ngành vận tải hàng không Việt Nam vẫn tiếp tục đứng trước những thách thức về bảo vệ môi trường, các rủi ro về kinh tế vĩ mô, dịch bệnh, thiên tai, xung đột chính trị/quân sự cũng như những tồn tại, mâu thuẫn trong hệ thống pháp lý và sự cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt khi xu hướng bầu trời mở ngày càng phổ biến.

Về kinh tế

- Sau khi đại dịch Covid-19 chấm dứt, nền kinh tế thế giới vẫn chật vật hồi phục trong bối cảnh xung đột Nga-Ukraine kéo dài khiến cho lạm phát tăng cao, các ngân hàng trung ương liên tục tăng lãi suất. Theo dự báo của IMF sau khi đạt mức tăng trưởng 3,5% năm 2022, năm 2023-2024 tăng trưởng kinh tế thế giới chỉ đạt lần lượt 3,0% và 2,9%. Trong khi đó, World Bank dự báo tăng trưởng toàn cầu chỉ đạt 2,1%-2,4% giai đoạn 2023-2024. Kinh tế Việt Nam cũng gặp nhiều khó khăn thách thức trong giai đoạn này. Theo dự báo của IMF, tăng trưởng GDP Việt Nam đạt 4,7% năm 2023 và 5,8% năm 2024, giảm đáng kể so với mức tăng trưởng ấn tượng 8,0% năm 2022 và cũng thấp hơn mức tăng trưởng 7%/năm giai đoạn trước Covid.

Về môi trường

- Ngành hàng không đóng góp 2% lượng khí thải CO2 toàn cầu, được đánh giá sẽ trở thành một trong những ngành ảnh hưởng lớn tới biến đổi khí hậu toàn cầu với tốc độ phát triển nhanh chóng, trong khi đó các ngành khác đang chuyển dịch sang sử dụng các nguồn năng lượng sạch. Việc sử dụng các nguồn nhiên liệu mới là một giải pháp giúp các hãng hàng không giảm bớt tác động xấu tới môi trường và tạo ấn tượng tốt với khách hàng, trong xu hướng tiêu dùng xanh giảm carbon và tăng tái chế. Điều này sẽ ảnh hưởng đến quyết định thuê mua, sử dụng đội tàu bay của các hãng hàng không.
- Dịch bệnh, thảm họa môi trường là điều không thể dự báo trước, đây cũng là rủi ro lớn đối với ngành hàng không. Nó ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu đi lại của người dân và hàng không là một trong những ngành đầu tiên phải hứng chịu hậu quả.

Về cạnh tranh

- Đối với thị trường nội địa, kinh tế vĩ mô trong nước còn nhiều khó khăn dẫn đến sự suy yếu về nhu cầu đi lại trong năm 2023. Mặc dù Q1/2023 có sự phục hồi rất tốt và tăng trưởng mạnh tới 18% so 2019, tuy nhiên thị trường chững lại ngay ở trong cao điểm Hè và yếu dần trong các tháng thấp điểm, buộc các hãng phải có những điều chỉnh tải cung ứng để phù hợp hơn với nhu cầu thị trường, đảm bảo cân đối hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Đối với quốc tế, thị trường phục hồi khá tích cực và diễn biến khác nhau ở các khu vực thị trường. Tuy nhiên nhìn chung tốc độ phục hồi ở các tháng cuối năm đang diễn biến chậm hơn so dự kiến, đặc biệt ở khu vực Đông Bắc Á. Khu vực Úc và Ấn Độ có mức tăng trưởng mạnh nhất, đồng nghĩa mức độ cạnh tranh gia tăng đáng kể, khi các hãng hàng không liên tục đổ tải vào khu vực này với một loạt đường bay mới và tăng tần suất.
- Như vậy, nhìn chung thị trường hàng không Việt Nam đang dần phục hồi trở về mức tương đương năm 2019, tuy nhiên mức độ phục hồi không đồng đều giữa các khu vực. Một số thị trường chững lại và phục hồi chậm do nhu cầu suy yếu dù mức độ cạnh tranh chưa trở lại như mức với năm 2019. Xu hướng này dự kiến sẽ tiếp tục kéo dài trong giai đoạn 2024-2025.

Về dịch bệnh

- Dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát, các quốc gia đã gỡ bỏ hầu hết rào cản về cách ly, kiểm dịch y tế, các đường bay quốc tế được phục hồi. Tuy nhiên, nguy cơ xuất hiện các biến thể mới của Covid-19 cũng như các dịch bệnh lây nhiễm luôn hiện hữu, ảnh hưởng sự phục hồi và phát triển của ngành hàng không.



03

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ VIETNAM AIRLINES

22

1. Thông tin chung	24
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	26
3. Quá trình hình thành và phát triển	28
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	30
5. Cơ cấu cổ đông	40
6. Các sự kiện tiêu biểu trong năm	42
7. Các danh hiệu, phần thưởng đạt được trong năm	46



1. Thông tin chung

- Tên giao dịch: **Tổng công ty Hàng không Việt Nam**
- Tên tiếng Anh: **Vietnam Airlines JSC**
- Địa chỉ trụ sở chính: **200 Nguyễn Sơn, P.Bồ Đề, Q. Long Biên, TP. Hà Nội.**
- Điện thoại: **024 38 732 732**
- Website: **www.vietnamairlines.com**
- Email: **nhadautu@vietnamairlines.com**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp CTCP mã số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 12/01/2022.

- Vốn điều lệ:

22.143.941.740.000 đồng.

- Mã cổ phiếu: **HVN**; Mệnh giá: **10.000 đồng/cổ phần**;
Tổng số cổ phần đang lưu hành: **2.214.394.174 cổ phần** (tính đến 31/12/2023).



2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Vietnam Airlines là vận chuyển hàng không đối với hành khách, hàng hóa, hành lý, bưu gửi.

Các ngành nghề kinh doanh khác được quy định tại Điều 5 Điều lệ ngày 28/6/2022 của TCT.

2.2 Địa bàn kinh doanh

Tính đến ngày 31/12/2023, Vietnam Airlines có



24 CHI NHÁNH TRONG NƯỚC 

31 CHI NHÁNH & VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI NƯỚC NGOÀI. 

03 ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC 

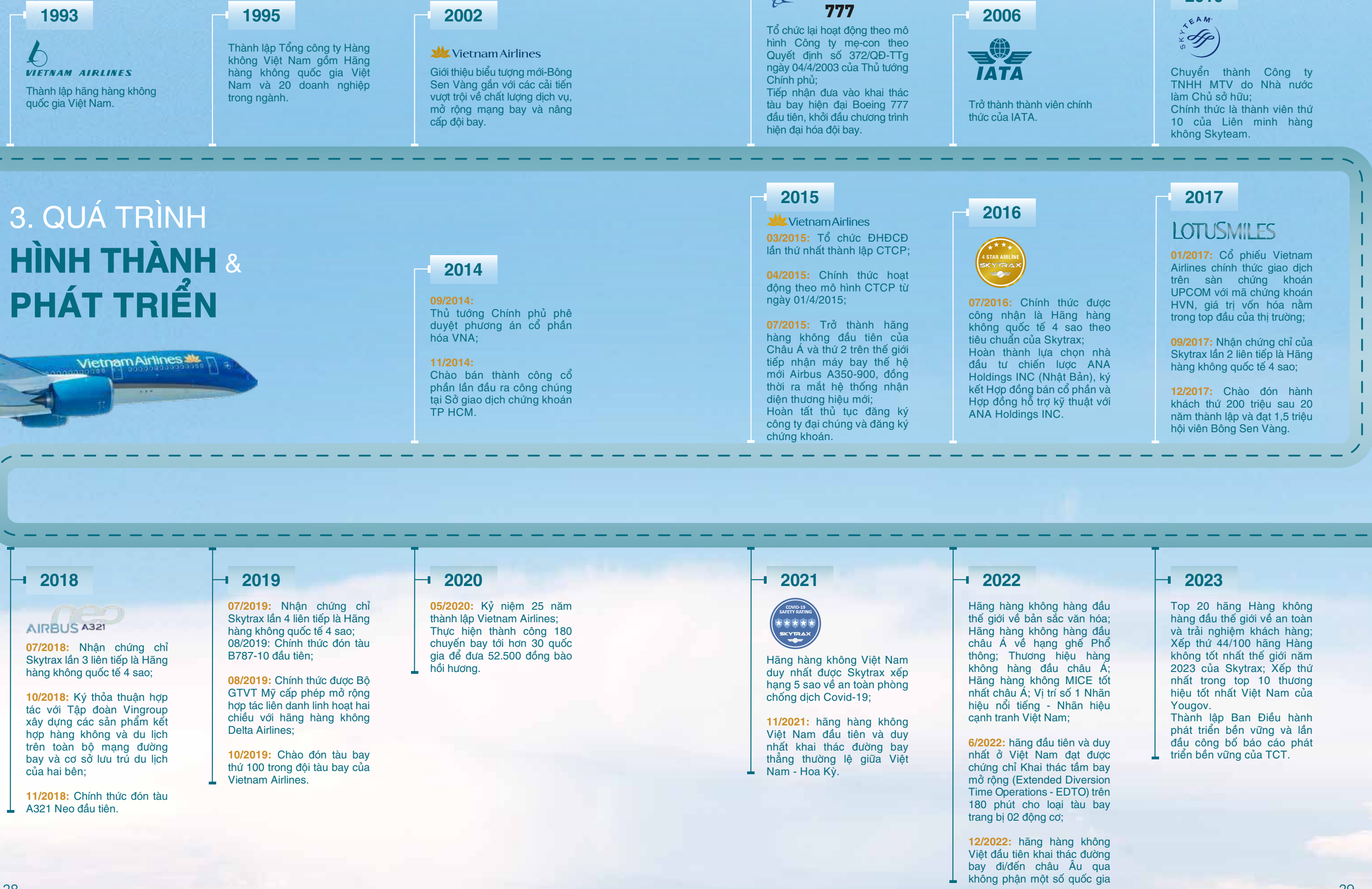
2.2.1 Danh sách các ĐVPT tại Việt Nam

1	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP Khu vực Việt Nam
2	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Tuy Hòa
3	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Chu Lai
4	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Đồng Hới
5	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Hải Phòng
6	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Vinh
7	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Điện Biên
8	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Buôn Ma Thuột
9	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Nha Trang
10	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Quy Nhơn
11	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Đà Lạt
12	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Huế
13	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Pleiku
14	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Cần Thơ
15	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Phú Quốc
16	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Rạch Giá
17	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Thanh Hóa
18	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP Công ty Bay dịch vụ Hàng không
19	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP Trung tâm Huấn luyện bay
20	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Hà Nội
21	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Côn Đảo
22	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Cà Mau
23	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP Trung tâm Bông Sen Vàng
24	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP - Trung tâm Dịch vụ và Khai thác sân bay
25	Tạp chí Heritage
26	Đoàn bay 919
27	Đoàn tiếp viên

2.2.2 Danh sách các ĐVPT tại nước ngoài

1	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Anh
2	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Campuchia
3	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Siem Reap
4	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Đài Loan
5	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Kaoshiung
6	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Đức
7	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Hàn Quốc
8	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Busan
9	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Hongkong
10	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Lào
11	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Luang Prabang
12	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Liên Bang Nga
13	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Malaysia
14	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Mỹ
15	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Myanmar
16	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Nhật Bản
17	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Osaka
18	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Fukuoka
19	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Nayoga
20	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Pháp
21	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Singapore
22	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Thái Lan
23	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Úc
24	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Melbourne
25	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Trung Quốc
26	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Thượng Hải
27	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Quảng Châu
28	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Thành Đô
29	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Indonesia
30	Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Ấn Độ
31	Văn phòng đại diện TCT HKVN - CTCP Khu vực châu Âu/EU






1993


VIETNAM AIRLINES
Thành lập hãng hàng không quốc gia Việt Nam.


1995

Thành lập Tổng công ty Hàng không Việt Nam gồm Hãng hàng không quốc gia Việt Nam và 20 doanh nghiệp trong ngành.

2002

 Vietnam Airlines
Giới thiệu biểu tượng mới-Bông Sen Vàng gắn với các cải tiến vượt trội về chất lượng dịch vụ, mở rộng mạng bay và nâng cấp đội bay.


2003


Tổ chức lại hoạt động theo mô hình Công ty mẹ-con theo Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 04/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ;
Tiếp nhận đưa vào khai thác tàu bay hiện đại Boeing 777 đầu tiên, khởi đầu chương trình hiện đại hóa đội bay.

2006


Trở thành thành viên chính thức của IATA.

2010


Chuyển thành Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm Chủ sở hữu;
Chính thức là thành viên thứ 10 của Liên minh hàng không Skyteam.


3. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN




2014

09/2014: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa VNA;
11/2014: Chào bán thành công cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở giao dịch chứng khoán TP HCM.

2015

 Vietnam Airlines
03/2015: Tổ chức ĐHCĐ lần thứ nhất thành lập CTCP;
04/2015: Chính thức hoạt động theo mô hình CTCP từ ngày 01/4/2015;
07/2015: Trở thành hãng hàng không đầu tiên của Châu Á và thứ 2 trên thế giới tiếp nhận máy bay thế hệ mới Airbus A350-900, đồng thời ra mắt hệ thống nhận diện thương hiệu mới; Hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng và đăng ký chứng khoán.


2016


07/2016: Chính thức được công nhận là Hãng hàng không quốc tế 4 sao theo tiêu chuẩn của Skytrax; Hoàn thành lựa chọn nhà đầu tư chiến lược ANA Holdings INC (Nhật Bản), ký kết Hợp đồng bán cổ phần và Hợp đồng hỗ trợ kỹ thuật với ANA Holdings INC.

2017

LOTUSMILES
01/2017: Cổ phiếu Vietnam Airlines chính thức giao dịch trên sàn chứng khoán UPCOM với mã chứng khoán HVN, giá trị vốn hóa nằm trong top đầu của thị trường;
09/2017: Nhận chứng chỉ của Skytrax lần 2 liên tiếp là Hãng hàng không quốc tế 4 sao;
12/2017: Chào đón hành khách thứ 200 triệu sau 20 năm thành lập và đạt 1,5 triệu hội viên Bông Sen Vàng.

2018


07/2018: Nhận chứng chỉ Skytrax lần 3 liên tiếp là Hãng hàng không quốc tế 4 sao;
10/2018: Ký thỏa thuận hợp tác với Tập đoàn Vingroup xây dựng các sản phẩm kết hợp hàng không và du lịch trên toàn bộ mạng đường bay và cơ sở lưu trú du lịch của hai bên;
11/2018: Chính thức đón tàu A321 Neo đầu tiên.

2019

07/2019: Nhận chứng chỉ Skytrax lần 4 liên tiếp là Hãng hàng không quốc tế 4 sao;
08/2019: Chính thức đón tàu B787-10 đầu tiên;
08/2019: Chính thức được Bộ GTVT Mỹ cấp phép mở rộng hợp tác liên danh linh hoạt hai chiều với hãng hàng không Delta Airlines;
10/2019: Chào đón tàu bay thứ 100 trong đội tàu bay của Vietnam Airlines.

2020

05/2020: Kỷ niệm 25 năm thành lập Vietnam Airlines; Thực hiện thành công 180 chuyến bay tới hơn 30 quốc gia để đưa 52.500 đồng bào hồi hương.

2021


Hãng hàng không Việt Nam duy nhất được Skytrax xếp hạng 5 sao về an toàn phòng chống dịch Covid-19;
11/2021: hãng hàng không Việt Nam đầu tiên và duy nhất khai thác đường bay thẳng thường lệ giữa Việt Nam - Hoa Kỳ.

2022

Hãng hàng không hàng đầu thế giới về bản sắc văn hóa; Hãng hàng không hàng đầu châu Á về hạng ghế Phổ thông; Thương hiệu hàng không hàng đầu châu Á; Hãng hàng không MICE tốt nhất châu Á; Vị trí số 1 Nhân hiệu nổi tiếng - Nhân hiệu cạnh tranh Việt Nam;
6/2022: hãng đầu tiên và duy nhất ở Việt Nam đạt được chứng chỉ Khai thác tầm bay mở rộng (Extended Diversion Time Operations - EDTO) trên 180 phút cho loại tàu bay trang bị 02 động cơ;
12/2022: hãng hàng không Việt đầu tiên khai thác đường bay đi/đến châu Âu qua không phận một số quốc gia

2023

Top 20 hãng Hàng không hàng đầu thế giới về an toàn và trải nghiệm khách hàng; Xếp thứ 44/100 hãng Hàng không tốt nhất thế giới năm 2023 của Skytrax; Xếp thứ nhất trong top 10 thương hiệu tốt nhất Việt Nam của Yougov.
Thành lập Ban Điều hành phát triển bền vững và lần đầu công bố báo cáo phát triển bền vững của TCT.

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị

Vietnam Airlines là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức tính đến 31/12/2023:

Những thay đổi về cơ cấu tổ chức trong năm 2023: Thành lập Chi nhánh Ấn Độ; Tái cơ cấu VASCO đáp ứng yêu cầu của nhà chức trách về AOC; Tái cơ cấu ASOC, thành lập Chi nhánh Tổng công ty Hàng không Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ và Khai thác sân bay (ASOC).



4.2 Ban lãnh đạo tính đến 31/12/2023

4.2.1 Hội đồng quản trị



Ông Đặng Ngọc Hòa

Chức vụ hiện tại: **Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- Tổ chức khác: Chủ tịch Tiểu ban chiến lược và đầu tư. Phó Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam - Trung Quốc khóa VII, nhiệm kỳ 2023 - 2028. Ủy viên Ban chấp hành VCCI khóa VII nhiệm kỳ 2021 - 2026
- Năm sinh: 1972
- Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1995
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không

Ông Lê Trường Giang

Chức vụ hiện tại: **Thành viên Hội đồng quản trị**

- Tổ chức khác: Chủ tịch Tiểu ban Lao động và Tiền lương. Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất (TCS). Ủy viên Ban chấp hành Liên đoàn Đua thuyền Việt Nam khóa III nhiệm kỳ 2022 - 2027
- Năm sinh: 1967
- Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1993
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh



Ông Đinh Việt Tùng

Chức vụ hiện tại: **Thành viên Hội đồng quản trị**

- Tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc SCIC. Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Đầu tư SCIC. Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Licogi. Chủ tịch HĐQT Tổng công ty CP Bảo Minh.
- Năm sinh: 1974
- Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 2021
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính ngân hàng

Ông Lê Hồng Hà

Chức vụ hiện tại: **Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc**

- Tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (SKYPEC). Ủy viên Đoàn chủ tịch Ban chấp hành Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam lần thứ VI nhiệm kỳ 2019 - 2024.
- Năm sinh: 1972
- Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1994
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế; Cử nhân Luật



Ông Trương Văn Phước

Chức vụ hiện tại: **Thành viên Hội đồng quản trị (độc lập)**

- Tổ chức khác: Thường trực Tổ tư vấn kinh tế của Thủ tướng Chính phủ; Ủy viên Hội đồng khoa học của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
- Năm sinh: 1959
- Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 2021
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng



Ông Tạ Mạnh Hùng

Chức vụ hiện tại: **Thành viên Hội đồng quản trị**

- Tổ chức khác: Phó Chủ tịch HĐQT Hãng hàng không quốc gia Cambodia Angkor Air (K6)
- Năm sinh: 1972
- Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1996
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý



Ông Hiroyuki Kometani

Chức vụ hiện tại: **Thành viên Hội đồng quản trị**

- Tổ chức khác: Phó Chủ tịch điều hành, Giám đốc chiến lược và kiến tạo tương lai của ANA Holdings
- Năm sinh: 1965
- Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 2022
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế học

4.2.2 Ban Giám đốc

Ông Lê Hồng Hà

Chức vụ hiện tại: **Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc**

- Tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (SKYPEC). Ủy viên Đoàn chủ tịch Ban chấp hành Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam lần thứ VI nhiệm kỳ 2019 - 2024.
- Năm sinh: 1972
- Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1994
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế; Cử nhân Luật



Ông Trịnh Hồng Quang

Chức vụ hiện tại: **Phó Tổng giám đốc**

- Tổ chức khác: Ủy viên Ban chấp hành Hội vận động hiến mô, bộ phận cơ thể người Việt Nam nhiệm kỳ 2022 - 2027
- Năm sinh: 1963
- Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1992
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Ông Nguyễn Chiến Thắng

Chức vụ hiện tại: **Phó Tổng giám đốc**

- Tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay (VAECO). Phó Chủ tịch Công ty cổ phần Cho thuê máy bay Việt Nam (VALC).
- Năm sinh: 1972
- Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1995
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật hàng không.



Ông Tô Ngọc Giang

Chức vụ hiện tại: **Phó Tổng giám đốc**

- Tổ chức khác: Đoàn trưởng Đoàn bay 919. Phó Chủ tịch Hội hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Pháp khóa VII nhiệm kỳ 2022 - 2027. Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đào tạo Bay Việt.
- Năm sinh: 1970
- Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1995
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Khoa học/Phi công.

Ông Đinh Văn Tuấn

Chức vụ hiện tại: **Phó Tổng giám đốc**

- Tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CPHK Pacific Airlines (PA).
- Năm sinh: 1970
- Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1996
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế phát triển.



Ông Nguyễn Thế Bảo

Chức vụ hiện tại: **Phó Tổng giám đốc**

- Tổ chức khác: Giám đốc Chi nhánh Việt Nam.
- Năm sinh: 1973
- Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1994
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế chính trị

Ông Lê Đức Cảnh

Chức vụ hiện tại: **Phó Tổng giám đốc**

- Tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài (NASCO).
- Năm sinh: 1972
- Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1997
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh



Ông Đặng Anh Tuấn

Chức vụ hiện tại: **Phó Tổng giám đốc**

- Tổ chức khác: Trưởng Ban Truyền thông. Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tin học-Viễn thông Hàng không. Trưởng Ban Tuyên giáo Đảng ủy TCT.
- Năm sinh: 1973
- Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1992
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Thạc sỹ Quản lý Hành chính công.

Ông Trịnh Ngọc Thành

Chức vụ hiện tại: **Phó Tổng giám đốc**

- Tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam (VIAGS); Thành viên Hội đồng tư vấn của IATA; Thành viên Hội đồng điều phối giờ hạ, cất cánh tại cảng HK, sân bay VN.
- Năm sinh: 1964
- Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1988
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.



4.2.3 Kế toán trưởng

Ông **Trần Thanh Hiền**

Chức vụ hiện tại: **Kế toán trưởng kiêm Trưởng ban Tài chính kế toán**

- Năm sinh: 1963
- Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1992
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.



4.2.5 Người phụ trách quản trị - Thư ký Tổng công ty

Bà **Kim Thị Thu Huyền**

Chức vụ hiện tại: **Người phụ trách quản trị - Thư ký TCT**

- Năm sinh: 1972
- Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1996
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.



4.2.4 Ban Kiểm soát



Bà **Dương Thị Việt Thắm**

Chức vụ hiện tại: **Trưởng Ban Kiểm soát**

- Năm sinh: 1971
- Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1993
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán.

Bà **Lê Trúc Quỳnh**

Chức vụ hiện tại: **Thành viên Ban Kiểm soát**

- Năm sinh: 1993
- Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 2023
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kế toán và Tài chính



Bà **Nguyễn Thị Hồng Loan**

Chức vụ hiện tại: **Thành viên Ban Kiểm soát**

- Tổ chức khác: Phó Trưởng Ban Kế hoạch tổng hợp - SCIC.
- Năm sinh: 1979
- Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 2021
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.



4.3 Các tiểu ban thuộc HĐQT

Tiểu ban Chiến lược và Đầu tư

- Ông Đặng Ngọc Hòa, Chủ tịch HĐQT - Chủ tịch Tiểu ban
- Ông Lê Hồng Hà, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Thành viên
- Ông Tạ Mạnh Hùng, Thành viên HĐQT - Thành viên
- Ông Lê Trường Giang, Thành viên HĐQT - Thành viên
- Ông Lê Đức Cảnh, Phó Tổng giám đốc - Thành viên
- Ông Trần Thanh Hiền, Kế toán trưởng, Trưởng ban TCKT - Thành viên
- Ông Nguyễn Quang Trung, Trưởng ban KHPT - Thành viên
- Ông Đỗ Đông Hưng, Phó Trưởng Ban Truyền thông - Thư ký

Tiểu ban Lao động và Tiền lương

- Ông Lê Trường Giang, Thành viên HĐQT - Chủ tịch Tiểu ban
- Ông Nguyễn Chiến Thắng, Phó Tổng giám đốc - Thành viên
- Ông Vũ Đình Thủy, Trưởng ban TCNL - Thành viên
- Ông Triệu Hải Đăng, Trưởng phòng, Ban TCNL - Thư ký

4.4 Bảng danh sách các công ty con, công ty liên kết đến 31/12/2023

4.4.1 Công ty con

STT	Công ty con	Tên viết tắt	Địa chỉ	Ngành nghề KD chính	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ sở hữu của VNA (%)
1	Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay	VAECO	Sân bay Quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh - Huyện Sóc Sơn - Hà Nội	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy bay	1.093.117 Triệu VND	100,00
2	Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không VN	SKYPEC	202 Nguyễn Sơn - P.Bồ Đề - Q.Long Biên - Hà Nội	Kinh doanh nhiên liệu hàng không	800.000 Triệu VND	100,00
3	Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không VN	VACS	Sân bay Tân Sơn Nhất - P.Q.Tân Bình - TP.Hồ Chí Minh	Thực phẩm, cung cấp suất ăn cho các chuyến bay	85.448 Triệu VND	100,00
4	Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay VN	VIAGS	49 Trường Sơn - P.2 Q.Tân Bình - TP.Hồ Chí Minh	Dịch vụ mặt đất sân bay	250.000 Triệu VND	100,00
5	Công ty CP HK Pacific Airlines	PA	112 Hồng Hà - P.2 - Q.Tân Bình - TP.Hồ Chí Minh	Kinh doanh vận tải hàng không	3.522.081 Triệu VND	98,84
6	Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	NCTS	Sân bay Quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh - Huyện Sóc Sơn - Hà Nội	Dịch vụ phục vụ hàng hóa chuyến bay	261.669 Triệu VND	55,13
7	Công ty CP DV Hàng hóa Tân Sơn Nhất	TCS	46-48 Hậu Giang - P.4 - Q.Tân Bình - TP.Hồ Chí Minh	Dịch vụ phục vụ hàng hóa chuyến bay	93.726 Triệu VND	55,00
8	Công ty TNHH DV Giao nhận hàng hoá Tân Sơn Nhất	TECS	Số 6 Thăng Long - P.4 - Q.Tân Bình - TP.Hồ Chí Minh	Dịch vụ phục vụ vận tải hàng không	51.430 Triệu VND	51,00
9	Công ty TNHH Giao nhận hàng hóa VINAKO	VINAKO	49 Trường Sơn - P.2 - Q.Tân Bình - TP.Hồ Chí Minh	Dịch vụ giao nhận hàng hóa, vận tải mặt đất, kho bãi	8.578 Triệu VND	65,05
10	Công ty CP Suất ăn hàng không Nội Bài	NCS	Sân bay Quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh - Huyện Sóc Sơn - Hà Nội	Cung cấp suất ăn hàng không và các dịch vụ liên quan	179.491 Triệu VND	60,17
11	Công ty CP Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài	NASCO	Sân bay Quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh - Huyện Sóc Sơn - Hà Nội	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	83.158 Triệu VND	51,00
12	Công ty CP Đào tạo Bay Việt	VFT	117 Hồng Hà - P.2 - Q.Tân Bình - TP.Hồ Chí Minh	Đào tạo phi công	66.000 Triệu VND	51,52
13	Công ty CP Tin học viễn thông Hàng không	AITS	412 Nguyễn Văn Cừ - P.Bồ Đề - Q.Long Biên - Hà Nội	Dịch vụ Tin học viễn thông	58.032 Triệu VND	52,73
14	Công ty CP Xuất nhập khẩu Lao động Hàng không	ALSIMEXCO	Số 1 Ngõ 10/200 Nguyễn Sơn - P.Bồ Đề - Q.Long Biên - Hà Nội	Xuất Nhập Khẩu Lao động	10.000 Triệu VND	51,00
15	Công ty CP Sabre Việt Nam	SABRE VN	L3-K, M1, M5 Tầng 3 Sungrand Ancora, số 3 Lương Yên, Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Thiết lập hệ thống đặt chỗ và các dịch vụ có liên quan qua hệ thống SABRE; Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	5.200 Triệu VND	51,69

4.4.2 Công ty liên kết

STT	Công ty liên kết	Tên viết tắt	Địa chỉ	Ngành nghề KD chính	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ sở hữu của VNA (%)
1	Công ty CP Cho thuê máy bay VN	VALC	Tầng 6, số 18 Lý Thường Kiệt, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Mua và cho thuê, thuê và cho thuê lại máy bay	63.315.837 USD	32,48
2	Công ty CP Dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng	MASCO	Sân bay Quốc tế Đà Nẵng - Q.Hải Châu - TP.Đà Nẵng	Dịch vụ cung cấp suất ăn trên máy bay, dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	42.677 Triệu VND	36,11
3	Công ty CP Xuất nhập khẩu hàng không	AIRIMEX	414 Nguyễn Văn Cừ - P.Bồ Đề - Q.Long Biên - Hà Nội	Nhập khẩu/phân phối phụ tùng máy bay và các thiết bị mặt đất sân bay	31.113 Triệu VND	41,31
4	Công ty CP Nhựa cao cấp hàng không	APLACO	Ngõ 200 Nguyễn Sơn - P.Bồ Đề - Q.Long Biên - Hà Nội	Công nghiệp nhựa cao cấp	44.708 Triệu VND	30,41

4.4.3 Danh mục đầu tư khác

STT	Danh mục đầu tư khác	Tên viết tắt	Địa chỉ	Ngành nghề KD chính	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ sở hữu của VNA (%)
1	Hãng HK Cambodia Angkor Air	K6	206A, Preah Norodom Blvd, Sangkat Tonle Basac, Khan Chamkarmon, Phnom Penh, Cambodia	Vận tải hành khách và hàng hóa hàng không	14.000.000 USD	14,00
2	Công ty CP Bưu chính viễn thông Sài Gòn	SPT	10 Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin	4.315 Triệu VND	0,36

5. Cơ cấu cổ đông

5.1. Thông tin cổ phần

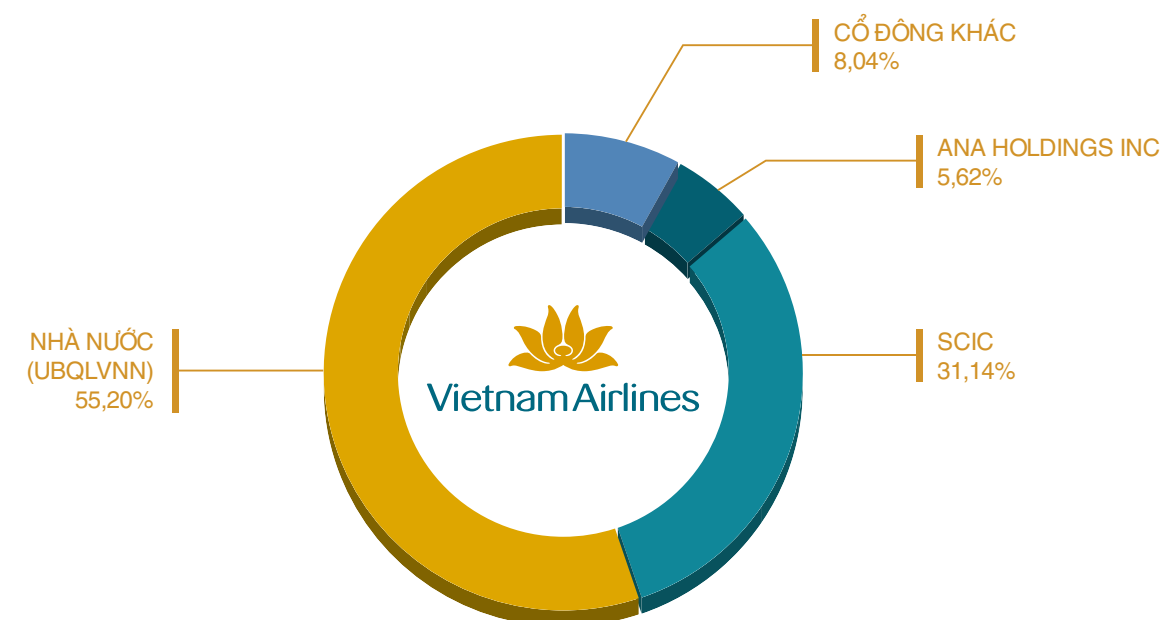
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/ cổ phần
Tổng số cổ phần đang lưu hành	2.214.394.174 cổ phần
Tổng số cổ phần đăng ký giao dịch	2.214.394.174 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông: theo danh sách cổ đông ngày 12/10/2023

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông
1	Trong nước	2.083.081.610	94,07	39.414
1.1	Cá nhân	152.932.871	6,91	39.370
1.2	Tổ chức	1.930.148.739	87,16	44
	Ủy ban quản lý vốn	1.222.368.291	55,20	1
	Nhà nước tại DN			
	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	689.488.080	31,14	1
	Khác	18.292.368	0,83	42
2	Nước ngoài	131.312.564	5,93	752
2.1	Cá nhân	5.846.547	0,26	721
2.2	Tổ chức	125.466.017	5,67	31
	ANA HOLDINGS INC.	124.438.698	5,62	1
	Khác	1.027.319	0,05	30
	Tổng cộng	2.214.394.174	100,00	40.166

Danh sách cổ đông lớn (năm giữ trên 5% tổng số cổ phần)

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại DN	1.222.368.291	55,20%
2	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	689.488.080	31,14%
3	ANA HOLDINGS INC	124.438.698	5,62%



5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

STT	Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn tăng thêm	Vốn điều lệ	Hình thức tăng vốn
1	04/2015		11.198.648.400.000	
2	07/2016	1.076.689.380.000	12.275.337.780.000	Chào bán riêng lẻ cho cổ đông chiến lược nước ngoài
3	12/2018	1.907.570.690.000	14.182.908.470.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu
4	9/2021	7.961.033.270.000	22.143.941.740.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

6. Các sự kiện tiêu biểu trong năm

2023 là một năm quan trọng, đánh dấu bước trưởng thành 30 năm thành lập Vietnam Airlines. Năm qua, tuy đã có cả thăng và trầm nhưng bằng bản lĩnh của người Vietnam Airlines cùng với sự linh hoạt trong điều hành, nắm bắt mọi diễn biến và cơ hội của thị trường của Ban lãnh đạo, Hãng đã vượt qua khó khăn và đạt những dấu mốc đáng tự hào.



Phục vụ an toàn, trọng thị các chuyến bay phục vụ lãnh đạo Đảng, Nhà nước

Mang trên mình sứ mệnh quốc gia, Vietnam Airlines tự hào hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được Đảng và Nhà nước giao phó. Năm 2023, Hãng đã thực hiện thành công tất cả các chuyến bay chuyên cơ đưa, đón lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Quốc hội. Các chuyến bay được thực hiện theo tiêu chuẩn cao nhất, với tổ bay giàu kinh nghiệm, đội ngũ kỹ sư, nhân viên kỹ thuật, mặt đất có chuyên môn cao, đảm bảo an toàn, an ninh, trọng thị.

30 năm vươn tầm khu vực và thế giới

Ngày 26/5, Vietnam Airlines đã tổ chức lễ kỷ niệm 30 năm thành lập Hãng hàng không Quốc gia Việt Nam (1993 - 2023). Trải qua 30 năm lịch sử phát triển, Vietnam Airlines đã vận chuyển hơn 300 triệu lượt khách, xấp xỉ 4,5 triệu tấn hàng hoá trên 1,6 triệu chuyến bay, đạt mốc doanh thu 1,1 triệu tỷ đồng và nộp ngân sách nhà nước hơn 65.300 tỷ đồng. Hãng đã đóng góp vào sự phát triển kinh tế quốc gia, an sinh xã hội bằng việc tạo ra hàng chục nghìn việc làm ổn định trong mảng vận tải hàng không, vận tải hàng hóa và các lĩnh vực hỗ trợ.



Ký kết, mở rộng hợp tác với các tỉnh, thành, cơ quan, doanh nghiệp

Vietnam Airlines tiếp tục đề cao sự chủ động hợp tác, cả bên trong và bên ngoài để mở rộng không gian hoạt động của mình và tạo ra những mối quan hệ mới. Sự hợp tác được xây dựng trên cơ sở phát triển bền vững, vì mục tiêu chung của Vietnam Airlines. Trong năm 2023, Hãng đã ký kết với một loạt các tỉnh thành như: TP.HCM, Hà Nam, Thái Nguyên, Đà Nẵng... và tăng cường hợp tác cùng các doanh nghiệp, cơ quan tổ chức như: VTV Cab, MobiFone, Visa, Tập đoàn TTC, Tổng cục Du lịch Singapore...



Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông năm 2023

Ngày 16/12/2023, Vietnam Airlines tổ chức thành công kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Tại Đại hội, Lãnh đạo Vietnam Airlines và các cổ đông chia sẻ, Hãng đặc biệt chú trọng triển khai Đề án tái cơ cấu, với các giải pháp hướng đến mục tiêu cân đối được thu chi kinh doanh từ năm 2024. Đồng thời sẽ tiếp tục nỗ lực triển khai các giải pháp tái cơ cấu hoạt động SXKD, chủ động xây dựng và triển khai các giải pháp tái cơ cấu tài chính, tái cấu trúc tài sản, tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, nâng cao chất lượng nguồn lực; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, bám sát chiến lược chuyển đổi số Vietnam Airlines giai đoạn 2022-2026.

Đăng cai Hội nghị An toàn và Khai thác thế giới của IATA 2023

Từ ngày 19 - 21/9/2023, Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA) đã chính thức tổ chức Hội nghị An toàn và Khai thác hàng không thế giới 2023 tại Hà Nội. Vietnam Airlines vinh dự là hãng hàng không chủ nhà đăng cai hội nghị quan trọng này. Hội nghị quy tụ hơn 800 khách mời là đại diện lãnh đạo các hãng hàng không và các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực hàng không trên thế giới. Việc Vietnam Airlines được lựa chọn là hãng hàng không chủ nhà cho sự kiện này đã cho thấy sự tin nhiệm của cộng đồng quốc tế đối với mức độ an toàn và hiệu quả khai thác của Vietnam Airlines cũng như của toàn ngành hàng không Việt Nam.



Gia nhập Hiệp hội các hãng hàng không châu Á - Thái Bình Dương

Ngày 14/11/2023, Vietnam Airlines chính thức gia nhập Hiệp hội các hãng hàng không châu Á - Thái Bình Dương (AAPA). Sự kiện khẳng định bước tiến mới của Vietnam Airlines trong việc mở rộng hợp tác quốc tế, tăng cường hoạt động và nâng cao vị thế ở khu vực.

■ Mua 50 máy bay 737 MAX của Boeing

Ngày 11/9/2023, tại Hà Nội, Hãng hàng không Quốc gia Vietnam Airlines và tập đoàn sản xuất máy bay Boeing đã ký kết bản ghi nhớ về việc chào bán 50 máy bay thân hẹp Boeing 737 MAX với giá trị 10 tỷ USD. Hợp tác này có ý nghĩa đặc biệt trong bối cảnh Tổng thống Mỹ Joe Biden thăm chính thức Việt Nam và hai quốc gia Việt Nam - Hoa Kỳ nâng mối quan hệ lên mức Đối tác Chiến lược Toàn diện. Sự kiện ký kết nằm trong dự án đầu tư đội máy bay thân hẹp nhằm phục vụ cho kế hoạch phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ của Vietnam Airlines trên các đường bay nội địa và khu vực châu Á, đồng thời giúp Hãng hoàn thiện đội máy bay hiện đại, tiện nghi và tiết kiệm nhiên liệu.



■ Tăng tần suất và mở mới đường bay, hướng tới khôi phục hoàn toàn mạng bay quốc tế

Từ tháng 9/2023, Vietnam Airlines tiếp tục tăng tần suất trên nhiều đường bay tới châu Âu, Úc và Trung Quốc, qua đó khôi phục gần 90% tần suất mạng bay quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại ngày càng tăng cao của hành khách. Song song, Hãng tiếp tục mở 4 đường bay mới là Hà Nội và Mumbai (Ấn Độ), Đà Nẵng - Đôn Mương (Thái Lan) và TP.HCM - Melbourne và TP.HCM - Perth (Úc).



■ Tổ chức thành công Đại hội Công đoàn nhiệm kỳ 2023 – 2028

Ngày 11/10/2023, Đại hội Công đoàn Tổng công ty Hàng không Việt Nam lần thứ VI, nhiệm kỳ 2023 – 2028 đã diễn ra thành công tốt đẹp. Với phương châm “Đổi mới – Dân chủ – Đoàn kết – Phát triển”, Đại hội xác định 3 khâu đột phá chiến lược và 7 nhiệm vụ trọng tâm như: “Đồng hành cùng doanh nghiệp, chăm lo đời sống vật chất cho người lao động; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong Tổng công ty Hàng không Việt Nam”. “Xây dựng đội ngũ cán bộ công đoàn có trí tuệ, bản lĩnh, tâm huyết, trách nhiệm, uy tín”. “Chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động công đoàn, ưu tiên lĩnh vực quản lý đoàn viên và tài chính”...



■ Chào mừng hội viên Bông Sen Vàng thứ 5 triệu

Chương trình Bông Sen Vàng của Vietnam Airlines đã đón chào hội viên thứ 5 triệu vào tháng 8/2023. Với 5 triệu khách trung thành, Vietnam Airlines ghi nhận vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực khách hàng thân thiết tại Việt Nam và thuộc tầm trung của các hãng trong Liên minh hàng không SkyTeam. Con số này là minh chứng cho chất lượng dịch vụ không ngừng được cải thiện cũng như sự chăm sóc khách hàng chu đáo của Hãng.



7. Các danh hiệu, phần thưởng đạt được trong năm

I. Giải thưởng quốc tế



Top 20 Hãng hàng không tốt nhất thế giới về an toàn và chất lượng dịch vụ do AirlineRatings bình chọn



Hãng hàng không hàng đầu châu Á về dịch vụ phi hành đoàn Hãng hàng không hàng đầu châu Á về tạp chí trên không do World Travel Award trao tặng



Hãng hàng không MICE hàng đầu thế giới do World Travel Award trao tặng.

II. Giải thưởng trong nước



Thương hiệu quốc gia do Bộ Công Thương trao tặng



Top 10 Nhân hiệu nổi tiếng do Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam trao tặng



Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa kinh doanh Việt Nam do Ban Tuyên giáo Trung ương và Bộ Công Thương trao tặng



Hãng hàng không quốc tế 5 sao do APEX trao tặng



Top 10 Hãng hàng không quốc tế tốt nhất khai thác đến Hoa Kỳ do Bounce bình chọn



Thương hiệu Hàng không giá trị nhất Việt Nam Top 5 doanh nghiệp tăng trưởng sức mạnh thương hiệu toàn ngành do Brand Finance trao tặng



Giải thưởng Human Act Prize (Hành động vì cộng đồng) hạng mục Bền bỉ cho dự án “Cùng Sen Vàng kết nối yêu thương” do VCCorp trao tặng

04

TỔNG QUAN VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH

48

1. Các chỉ tiêu khai thác cơ bản

50

2. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

54



1. Các chỉ tiêu khai thác cơ bản

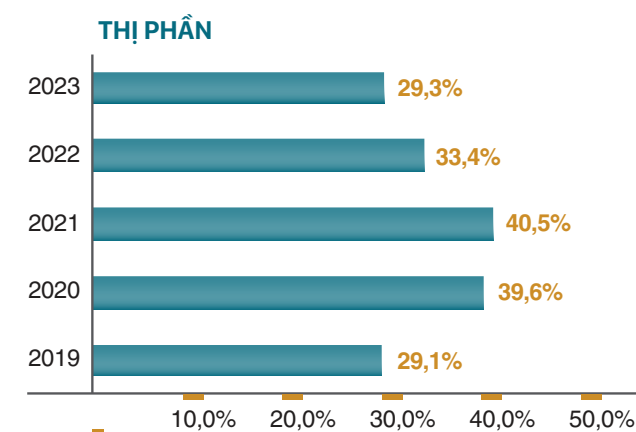
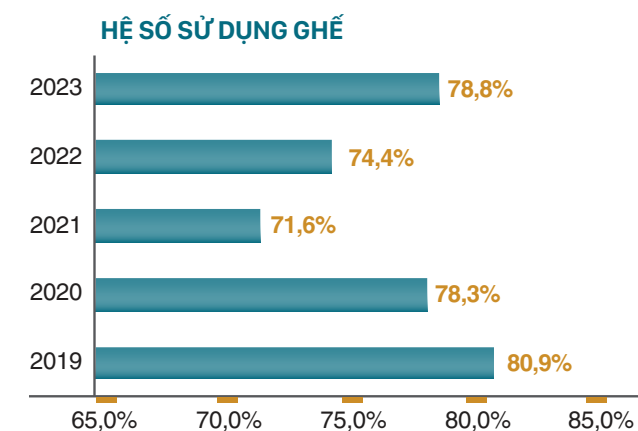
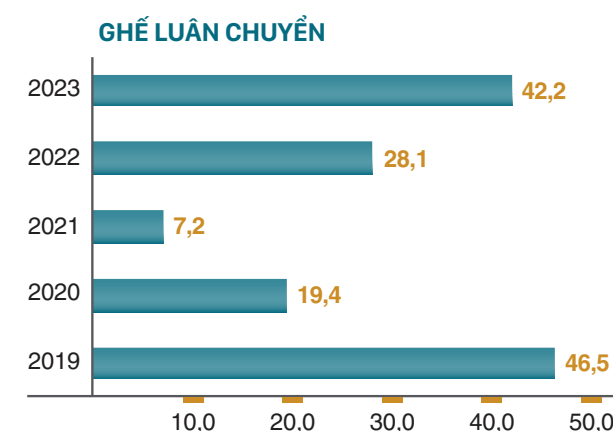
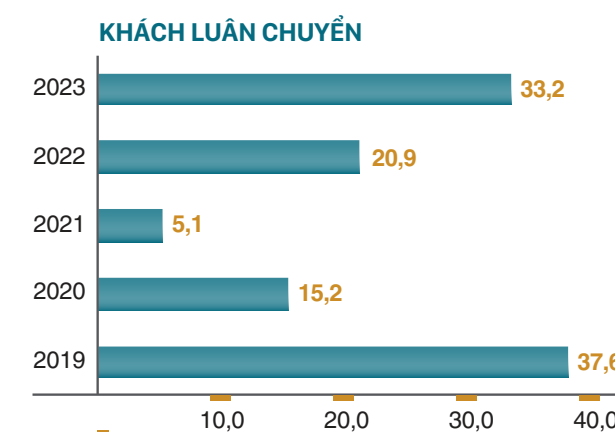
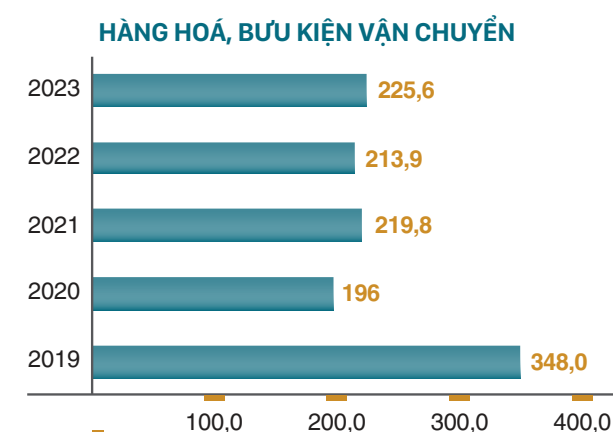
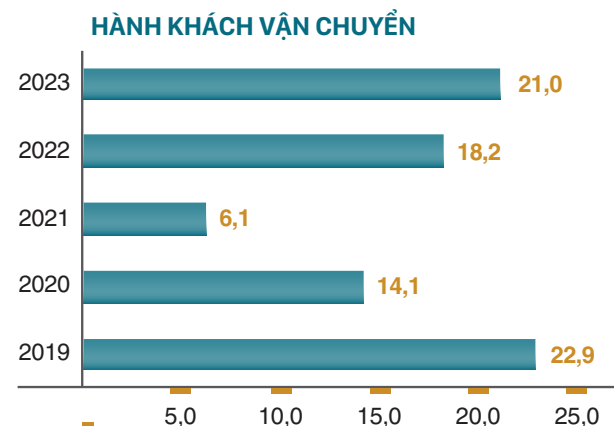
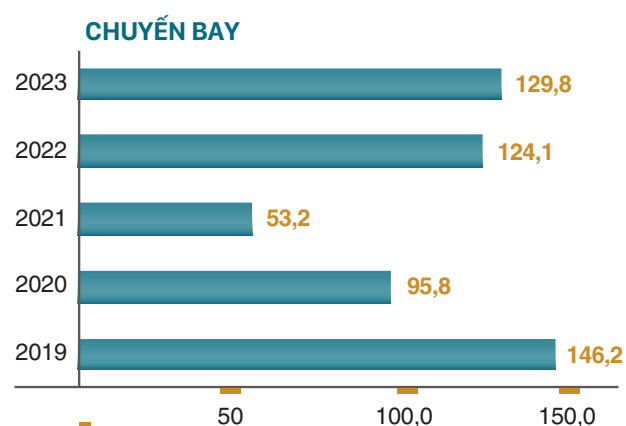
1.1. Số liệu Vietnam Airlines (VNA và VASCO)

Cập nhật số liệu 2019 - 2023

Chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020	2021	2022	2023
Tổng số chuyến bay	chuyến	146,2	95,8	53,2	124,1	129,8
Hành khách vận chuyển	Triệu khách	22,9	14,1	6,1	18,2	21,0
Hàng hóa, bưu kiện vận chuyển	Nghìn Tấn	348	196	219,8	213,9	225,6
Khách luân chuyển (RPK)	Tỷ khách.km	37,6	15,2	5,1	20,9	33,2
Ghế luân chuyển (ASK)	Tỷ ghế.km	46,5	19,4	7,2	28,1	42,2
Hệ số sử dụng ghế (LF)	%	80,9%	78,3%	71,6%	74,4%	78,8%
Thị phần	%	29,1%	39,6%	40,5%	33,4%	29,3%

Ghi chú: 2019 - 2022 theo số liệu đã công bố trong BCTN các năm trước

Biểu đồ cột giai đoạn 2019 - 2023



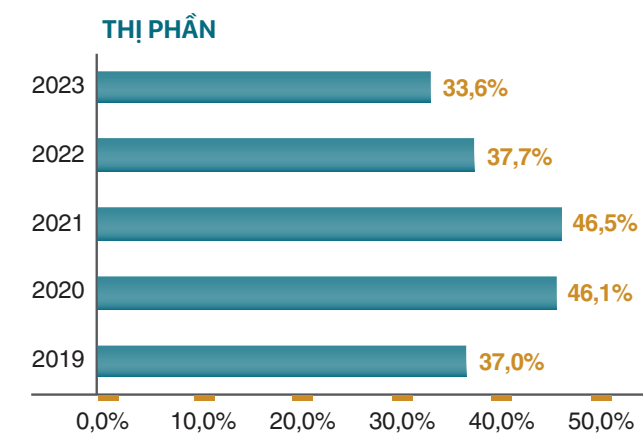
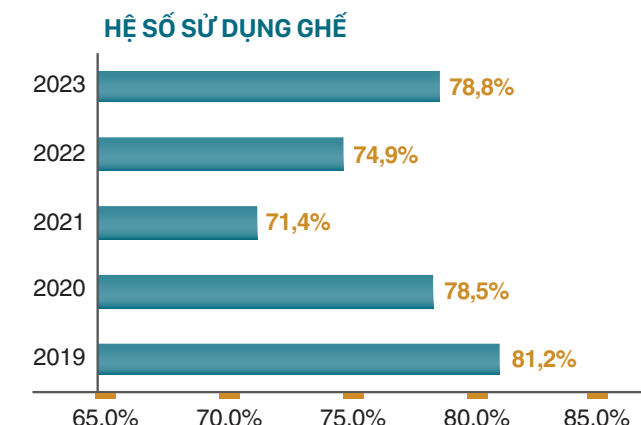
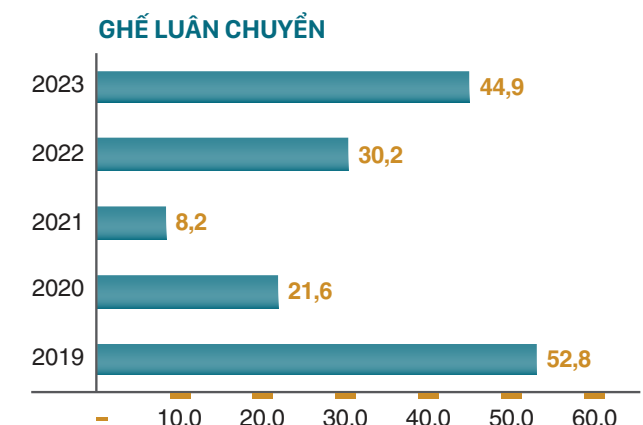
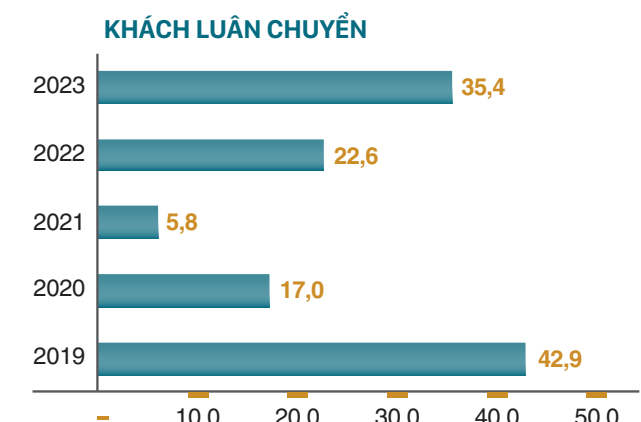
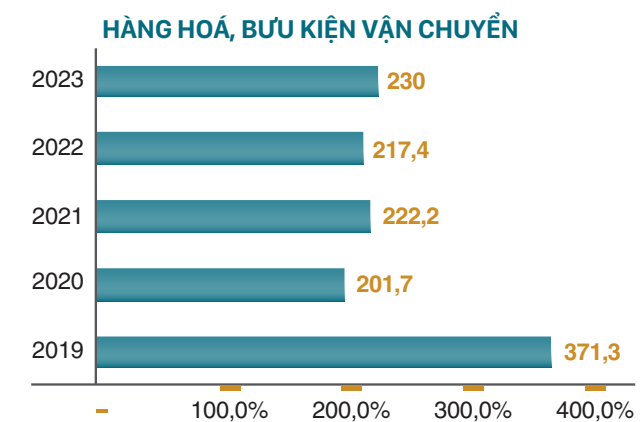
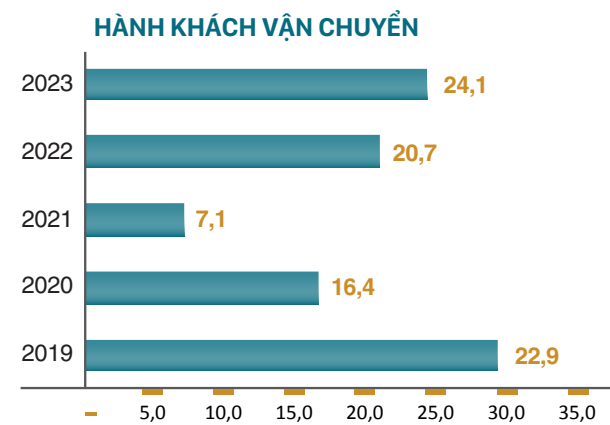
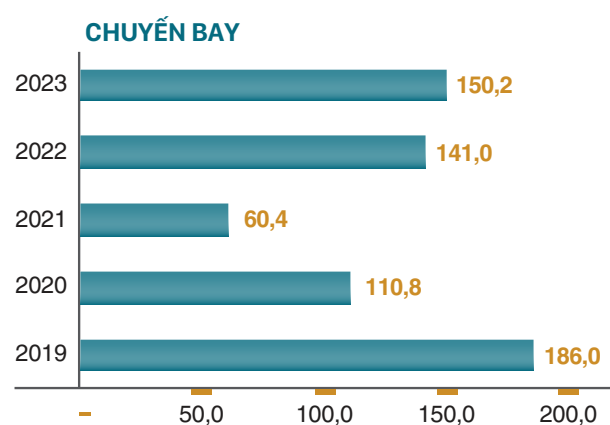
1.2. Số liệu VNA Group (VNA, VASCO và PA)

Cập nhật số liệu 2019 - 2023

Chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020	2021	2022	2023
Tổng số chuyến bay	chuyến	186,0	110,8	60,4	141,0	150,2
Hành khách vận chuyển	Triệu khách	29,1	16,4	7,1	20,7	24,1
Hàng hóa, bưu kiện vận chuyển	Nghìn Tấn	371,3	201,7	222,2	217,4	230
Khách luân chuyển (RPK)	Tỷ khách.km	42,9	17,0	5,8	22,6	35,4
Ghế luân chuyển (ASK)	Tỷ ghế.km	52,8	21,6	8,2	30,2	44,9
Hệ số sử dụng ghế (LF)	%	81,2%	78,5%	71,4%	74,9%	78,8%
Thị phần	%	37,0%	46,1%	46,5%	37,7%	33,6%

Ghi chú: 2019 - 2022 theo số liệu đã công bố trong BCTN các năm trước

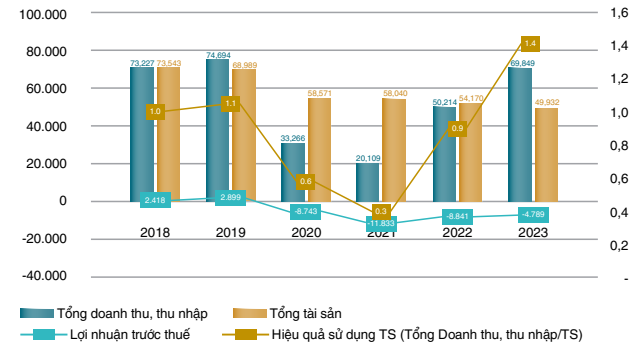
Biểu đồ cột giai đoạn 2023-2019



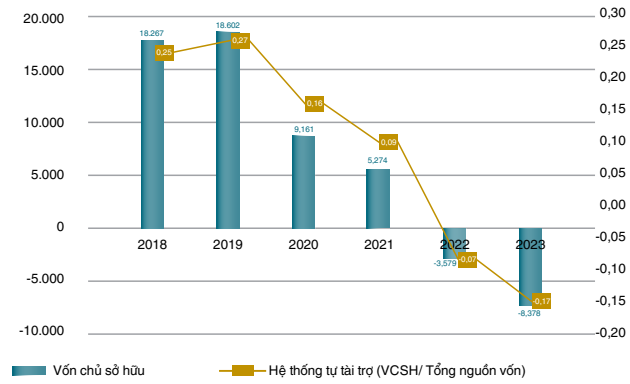
2. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

2.1 Công ty Mẹ

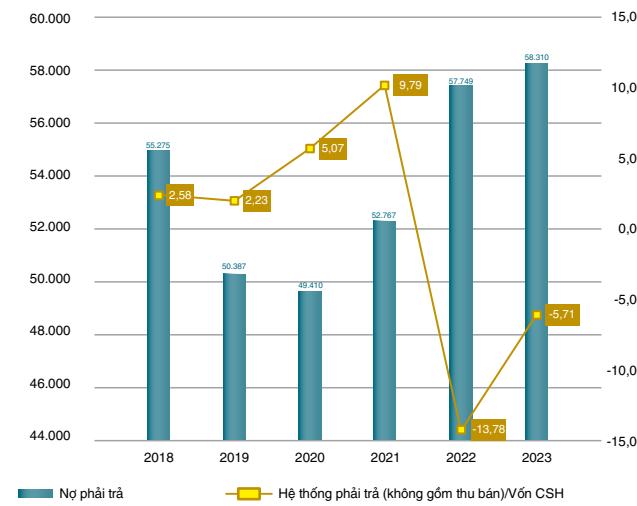
Tổng doanh thu, Tổng tài sản, Lợi nhuận trước thuế và Hiệu quả sử dụng tài sản (công ty mẹ)



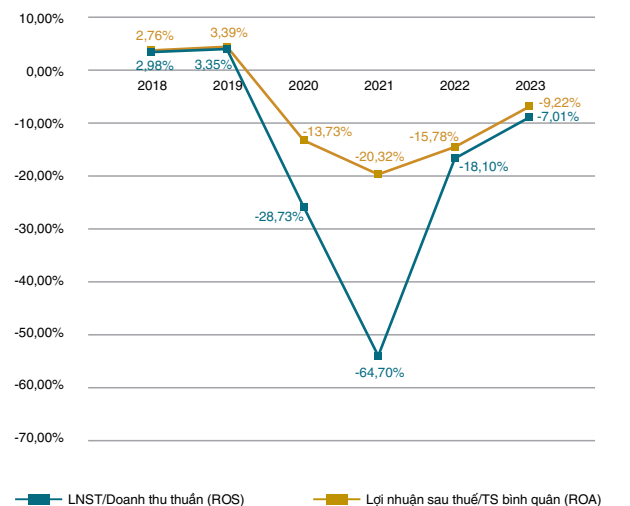
Khả năng tự chủ nguồn vốn



Nợ phải trả và Hệ số nợ

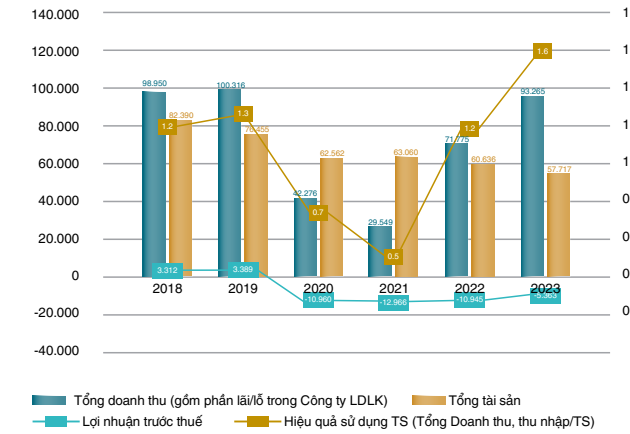


Khả năng sinh lời

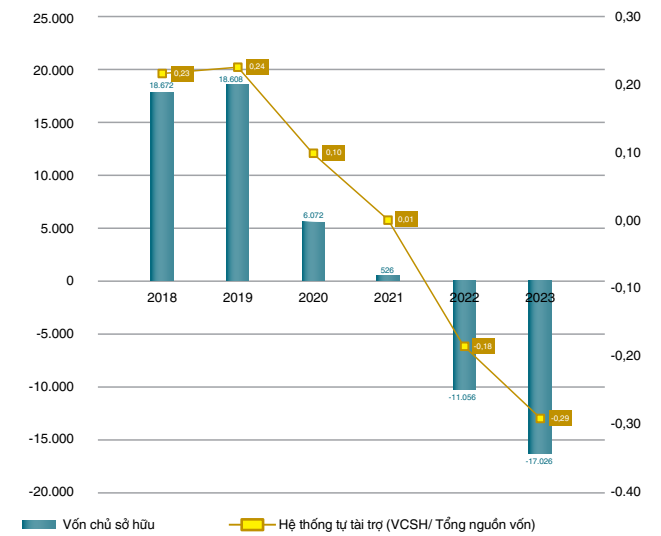


2.2 Báo cáo hợp nhất

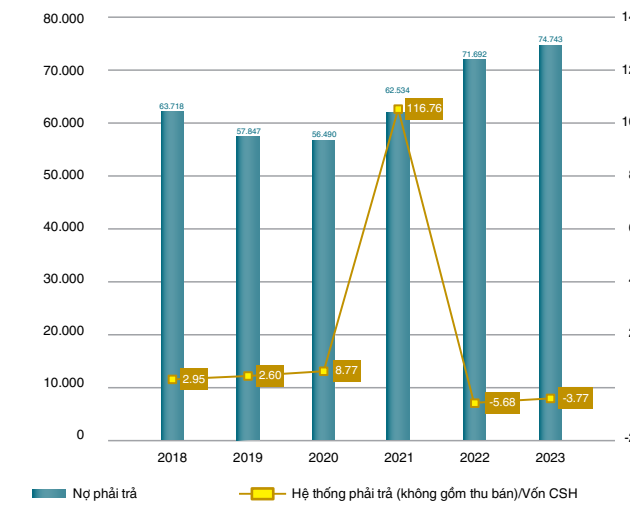
Tổng doanh thu, Tổng tài sản, Lợi nhuận trước thuế và Hiệu quả sử dụng tài sản (hợp nhất)



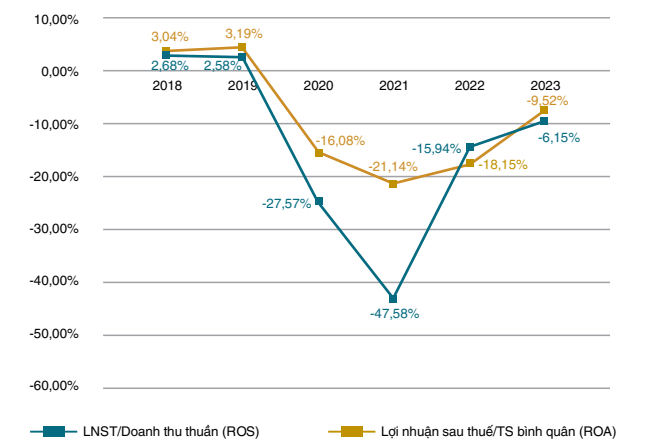
Khả năng tự chủ nguồn vốn



Nợ phải trả và Hệ số nợ



Khả năng sinh lời





05

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

56

- | | |
|--|----|
| 1. Về các mặt hoạt động của Vietnam Airlines | 58 |
| 2. Về hoạt động của Ban Giám đốc | 60 |
| 3. Về kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị | 61 |

1. Về các mặt hoạt động của Vietnam Airlines

1.1 Công việc trọng tâm của TCT

Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên để thông qua các nội dung theo thẩm quyền và quy định.

Về hoạt động SXKD: TCT đã chủ động triển khai hiệu quả hàng loạt các giải pháp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với diễn biến thị trường, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho hoạt động khai thác: mạng bay quốc tế khai thác 56 đường bay thường lệ, mở rộng mạng bay thông qua mở đường bay mới đến HAN/SGN – BOM, HAN – MEL, SGN – PER. Mạng đường bay nội địa hồi phục hoàn toàn so 2019 với 45 đường bay khai thác. TCT tận dụng mọi cơ hội tăng thu, cải thiện doanh thu bình quân, giảm lỗ so kế hoạch; điều hành dòng tiền linh hoạt, đảm bảo duy trì hoạt động liên tục, chất lượng dịch vụ tiếp tục được nâng cao. TCT đã đạt nhiều giải thưởng dịch vụ (Top 20 Hãng hàng không tốt nhất về an toàn và chất lượng dịch vụ theo AirlinesRatings; Top 10 hãng hàng không tốt nhất thế giới của tạp chí Bounce, giải thưởng về trải nghiệm khách hàng,...), luôn hoàn thành tốt vai trò hãng hàng không quốc gia.

Về các giải pháp đảm bảo thanh khoản và khả năng hoạt động liên tục: nâng cao chất lượng công tác lập kế hoạch, cân đối tài chính, chủ động xây dựng các phương án tài chính phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh, thường xuyên rà soát các khoản mục chi phí, định mức chi, thực hành tiết kiệm chi phí; cơ cấu lại nợ vay, sử dụng linh hoạt các khoản vay ngắn hạn để bù đắp thiếu hụt dòng tiền. Với tình hình SXKD dẫn được cải thiện trong các tháng đầu năm và giai đoạn cao điểm Tết, đặc

biệt trong giai đoạn cao điểm hè, dòng tiền của TCT đã được cải thiện đáng kể. TCT đã phần nào cân đối được dòng tiền để đảm bảo duy trì hoạt động SXKD, hỗ trợ trả nợ quá hạn cho các đối tác theo cam kết, trả nợ các công ty thành viên, trả nợ ngân hàng và chi hoàn vé để đảm bảo uy tín với các đối tác, khách hàng, duy trì hoạt động cung ứng và SXKD thông suốt.

Về tái cơ cấu, tinh gọn lao động và bộ máy tổ chức: HĐQT đã chỉ đạo việc rà soát, sắp xếp tinh giản bộ máy các cơ quan, đơn vị nhằm giảm bớt đầu mối xử lý công việc, tinh giản gọn nhẹ lực lượng lao động, phân công lại nhiệm vụ cho phù hợp với tình hình mới trên nguyên tắc tối ưu hóa năng suất lao động.

Về Đề án tổng thể các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho TCT do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 (Đề án tổng thể): TCT tiếp tục hoàn thiện, báo cáo lên UBQLV và các cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết các vướng mắc về cơ chế, chính sách, đồng thời chủ động triển khai ngay một số giải pháp cấp bách theo chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ.

Về dự án đầu tư tại cảng Hàng không quốc tế Long Thành: TCT đánh giá việc được đầu tư dự án “Tổ hợp công trình dịch vụ đồng bộ chuyên ngành hàng không của TCT tại Cảng HKQT Long Thành” là cơ sở quan trọng để phục hồi và phát triển bền vững trong giai đoạn sau Covid-19. TCT đang chuẩn bị các thủ tục liên quan để tham gia đầu tư dự án này.

1.2 Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ

Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2023

Bám sát những nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT TCT đã chỉ đạo triển khai quyết liệt giải pháp kinh doanh ngay từ đầu năm hướng tới mục tiêu đảm bảo hoạt động liên tục, bền vững. Năm 2023, phục hồi thị trường hàng không quốc tế đi/đến Việt Nam diễn ra khá tích cực và diễn biến khác nhau ở các khu vực thị trường. Tuy nhiên nhìn chung tốc độ phục hồi ở các tháng cuối năm đang diễn biến chậm hơn so dự kiến đầu năm, đặc biệt ở khu vực Đông Bắc Á. Đối với nội địa, kinh tế vĩ mô trong nước còn nhiều khó khăn dẫn đến sự suy yếu về nhu cầu đi lại trong năm nay. Kết quả SXKD năm 2023 của công ty mẹ giảm lỗ so với năm 2022 và giảm lỗ so với KH; hợp nhất đã giảm lỗ so với KH đã báo cáo ĐHĐCĐ thường niên 2023.

Tiền lương, thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát
Tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban KS năm 2023 được thực hiện theo đúng phê duyệt của ĐHĐCĐ.

Về chủ trương bán 06 tàu ATR72 để thay thế bằng đội bay phản lực khu vực

Căn cứ phương án bán được HĐQT phê duyệt tại NQ 1551/NQ-HĐQT/TCTHK ngày 29/10/2021, TCT đã triển khai bán 6 tàu ATR72-500 lần 1 trong 2021 nhưng không thành công.

Tới Q1/2024, TCT đã triển khai thủ tục bán lần 2 đối với 01 tàu dùng do nâng cấp sân bay DIN, tuy nhiên không thành công. TCT đang tiếp tục xem xét phương án triển khai bán trên cơ sở nhu cầu khai thác và tình hình thị trường.

Về chủ trương bán 9 tàu A321 CEO

Trong năm 2023, TCT đã triển khai bán và thực hiện đấu giá thành công 3 tàu A321CEO (VN-A350/351/352) và hoàn thành bay chuyển sân trong Q1/2024.

Đến thời điểm hiện tại, TCT còn lại 6 tàu A321CEO sản xuất 2007-2008 và sẽ tiếp tục xem xét phương án bán / bán & thuê lại trong các năm tiếp theo trên cơ sở đánh giá nhu cầu khai thác, tình hình thị trường và cân đối dòng tiền thực tế.

Công tác tái cơ cấu và Đề án cơ cấu lại Vietnam Airlines giai đoạn 2021-2025

Trong năm 2023, Vietnam Airlines tiếp tục chủ động, nỗ lực triển khai các giải pháp tự thân để từng bước phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời hoàn thiện lại Đề án tổng thể theo ý kiến chỉ đạo để UBQLV tiếp trình Thủ tướng Chính phủ. Sau khi Đề án tổng thể được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, HĐQT sẽ phê duyệt Đề án cơ cấu lại Vietnam Airlines giai đoạn 2021-2025, làm cơ sở tổ chức triển khai thực hiện.

2. Về hoạt động của Ban Giám đốc

Trong năm 2023, Ban giám đốc đã triển khai các giải pháp đảm bảo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với diễn biến thị trường và hiệu quả, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho hoạt động khai thác.

Ban giám đốc đã triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định chỉ đạo của HĐQT, thực hiện quản lý điều hành hoạt động SXKD sát sao, cẩn trọng với tinh thần trách nhiệm cao, khắc phục khó khăn, không ngừng nâng cao năng lực quản trị chuyên nghiệp, hiện đại để hoàn thành tốt các công việc, nhiệm vụ được giao vì lợi ích hợp pháp, tối đa của TCT và các cổ đông.

Hàng tháng, Tổng Giám đốc có báo cáo định kỳ về kết quả SXKD của TCT tại các phiên họp HĐQT. Hàng quý, Tổng giám đốc đều báo cáo HĐQT kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết/Quyết định của HĐQT.

Ban giám đốc đã thực hiện báo cáo đầy đủ theo quy định trong quá trình triển khai thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT khi phát sinh các vấn đề vượt thẩm quyền quyết định của TGD. Ban giám đốc cũng đã tổ chức làm việc thường xuyên với các CQ, ĐV để rà soát, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động SXKD và có những điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp với từng thời điểm của quá trình hoạt động SXKD của TCT.

Tổng Giám đốc cũng đồng thời là thành viên HĐQT, vì vậy việc thông tin giữa Ban Giám đốc và HĐQT rất chặt chẽ, thường xuyên. Theo đó, công tác giám sát kết quả hoạt động kinh doanh của Ban Giám đốc cũng được diễn ra liên tục, đảm bảo việc hỗ trợ và định hướng kịp thời từ HĐQT.



3. Về kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Đảm bảo hiệu quả SXKD bám sát hoặc tốt hơn so với KH 5 năm TCT trong Đề án Tổng thể các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho TCTHK do ảnh hưởng đại dịch Covid - 19 giai đoạn 2021 - 2025.

Tối ưu hóa nguồn lực, hiệu suất sử dụng đội tàu bay (tàu/tháng) tối thiểu tương đương năm 2019

Tiếp tục triển khai tái cấu trúc về tổ chức, sắp xếp, tối ưu hóa quy trình sản xuất kinh doanh. Đảm bảo

nguồn lực phi công, tiếp viên, kỹ sư cho phương án sản lượng cao; chú trọng đào tạo cán bộ quản lý

Đảm bảo tải cung ứng nội địa bám sát nhu cầu thị trường, ưu tiên nguồn lực để duy trì thị phần trên các đường bay trọng điểm, tiếp tục mở rộng mạng bay quốc tế.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ KQ SXKD NĂM 2023

62

1. Tổng quan về môi trường kinh doanh trong năm	64
2. Kết quả hoạt động trên các lĩnh vực	65
3. Tình hình tăng/giảm vốn đầu tư của TCT tại các Công ty con/liên kết trong năm 2023	118
4. Tình hình tài chính	127
5. Những cải tiến mới về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	134
6. Kế hoạch phát triển trong tương lai	135

1. Tổng quan về môi trường kinh doanh trong năm 2023

Năm 2023, đại dịch COVID - 19 đã bị đẩy lùi, nhưng thế giới đang phải đối mặt với rất nhiều vấn đề mới về các xung đột chính trị cũng như tình hình suy thoái kinh tế. Theo số liệu phân tích từ nhiều tổ chức như Tổ chức hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), IMF, IATA, tăng trưởng GDP toàn cầu dự kiến chỉ đạt 3% trong năm 2023, là mức thấp nhất trong 3 năm trở lại đây. Trong đó, tăng trưởng GDP của các nhóm các nước kinh tế phát triển chỉ đạt 1,3% do chịu tác động nặng nề của việc thắt chặt chính sách tiền tệ và xung đột chính trị Nga - Ukraine. Tăng trưởng GDP ở nhóm các nước kinh tế đang phát triển đạt 3,9% nhưng phải chịu áp lực nhiều từ vấn đề nợ công.

Cùng chung các nhận định trên, Ngân hàng thế giới (WB) nhận định nền kinh tế toàn cầu vẫn bất bình trong bối cảnh chịu tác động kéo dài của các cú sốc tiêu cực chông chéo như đại dịch Covid-19, xung đột giữa Nga và Ukraine cùng chính sách tiền tệ thắt chặt hơn để kiềm chế lạm phát. Những động lực giúp phục hồi kinh tế toàn cầu những tháng đầu năm 2023 dự kiến có sự suy giảm trong các tháng cuối năm.

Giá nhiên liệu bay năm 2023 ở mức 105,38 USD/thùng. Tỷ giá bình quân (TGBQ) 2023 USD/VND là 23.816, cao hơn TGBQ 2022 khoảng 1,8%. Tỷ giá VND/USD đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm 2023 là 24.240 đồng, tăng 670 đồng so với đầu năm.

Mặt bằng lãi suất vay dài hạn USD trong năm 2023 tiếp tục duy trì mức cao do FED vẫn tiếp tục tăng lãi suất để chống lạm phát, tuy nhiên tại thị trường trong nước lãi suất vay bằng VND bình ổn dần dưới các tác động chính sách của NHNN. Chi phí lãi vay và chi phí tài chính năm 2023 cao hơn năm 2019 khoảng 407 tỷ đồng chủ yếu do lãi suất tăng và tăng vay nợ ngắn hạn, giãn hoãn nợ nhà cung cấp (mặc dù dư nợ vay dài hạn đã giảm mạnh do hoạt động trả nợ vay).

Nội địa

Đối với thị trường nội địa, kinh tế vĩ mô trong nước còn nhiều khó khăn dẫn đến sự suy yếu về nhu cầu đi lại trong năm nay. nội địa, mặc dù Q1/2023 có sự phục hồi rất tốt và tăng trưởng mạnh tới 18% so 2019, tuy nhiên thị trường chững lại ngay ở trong cao điểm Hè và yếu dần trong các tháng thấp điểm, buộc các hãng phải có những điều chỉnh tải cung ứng để phù hợp hơn với nhu cầu thị trường, đảm bảo cân đối hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tính chung trong cả năm 2023, khách tổng thị trường nội địa đạt 40,14 triệu lượt khách giảm 6,9% so 2022 và tăng 7,5% so 2019, đạt 85,9% so dự báo đầu năm.

Quốc tế

Trong năm 2023, phục hồi thị trường hàng không quốc tế đi/đến Việt Nam diễn ra khá tích cực và diễn biến khác nhau ở các khu vực thị trường. Tuy nhiên nhìn chung tốc độ phục hồi ở các tháng cuối năm diễn biến chậm hơn so dự kiến đầu năm, đặc biệt ở khu vực Đông Bắc Á. Khu vực Úc và Ấn Độ có mức tăng trưởng mạnh nhất so 2019 khi các hãng hàng không liên tục đổ tải vào khu vực này với một loạt đường bay mới và tăng tần suất so cùng kỳ 2019. Khách tổng thị trường khu vực Châu Âu và Đông Bắc Á (bao gồm cả khách thuê chuyến chỉ đạt mức độ phục hồi lần lượt là 45% và 64% so 2019. Nguyên nhân chính là do chưa khai thác trở lại các đường bay đến Nga và sự phục hồi chậm từ các thị trường nguồn Hàn Quốc, Trung Quốc, Hồng Kông. Tại Đông Nam Á, thị trường diễn biến sôi động, mức độ phục hồi lên đến 99% so trước dịch đồng thời có sự dịch chuyển điểm đến tới các điểm thu hút du lịch tại Thái Lan và Indonesia. Tính chung trong năm 2023, khách tổng thị trường (bao gồm thuê chuyến) ước đạt 31,6 triệu lượt khách, bằng 2,7 lần so CK, bằng 76,8% so 2019, và đạt 88,3% so dự báo đầu năm.

2. Kết quả hoạt động trên các lĩnh vực

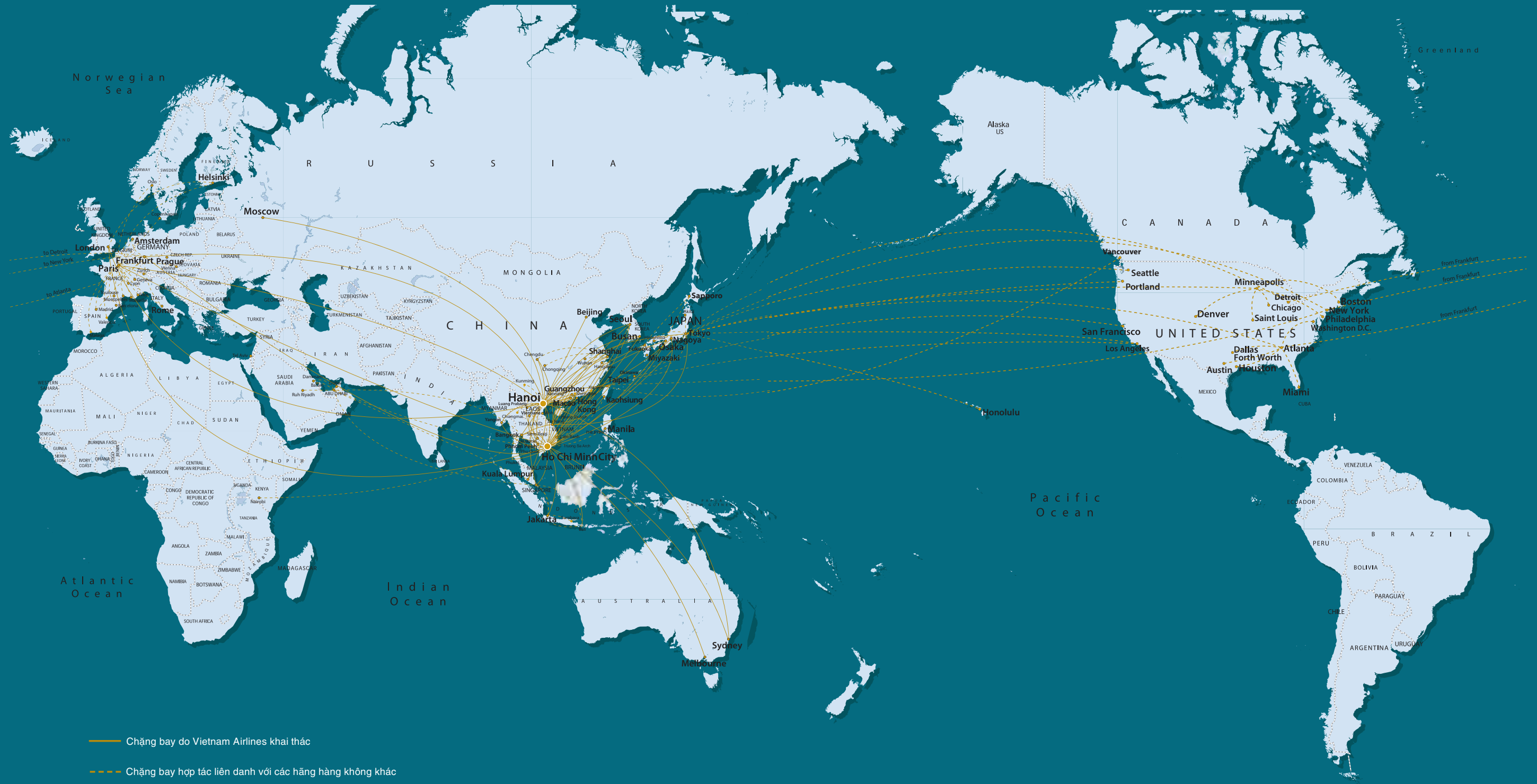
2.1. Mạng đường bay

Về mạng đường bay, đến cuối năm 2023, trên mạng bay quốc tế, TCT khai thác 56 đường bay thường lệ (tương đương 90% số đường bay so 2019) đến 28 điểm đến trên 18 quốc gia. Ngoài ra, TCT tiếp tục triển khai việc mở rộng mạng bay thông qua mở đường bay mới mới HAN/SGN - BOM (tháng 5/2023), HAN - MEL (tháng 6/2023), SGN - PER (tháng 12/2023). Trên mạng bay nội địa, TCT đã khai thác 45 đường bay (phục hồi hoàn toàn so 2019) tới 21 điểm đến.

Bảng số liệu đường bay tổng hợp, nội địa, quốc tế (Trực tiếp khai thác):

Năm 2023	Điểm đến		Mạng đường bay	
	Trong nước	Quốc tế	2021	2022
Công ty mẹ	21	28	45	56
PA	16	2	20	3
Tổng cộng	21	28	45	56

MẠNG ĐƯỜNG BAY QUỐC TẾ

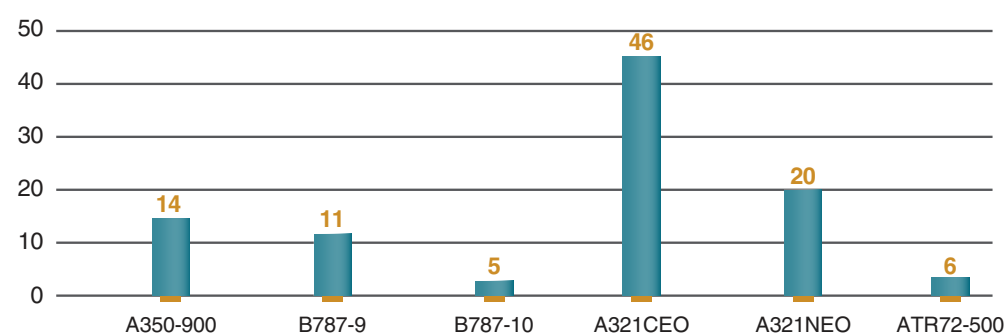


MẠNG ĐƯỜNG BAY NỘI ĐỊA



2.2. Đội tàu bay

2.2.1 Cơ cấu đội tàu bay tại 31/12/2023



2.2.2 Số liệu đội tàu bay tại 31/12/2023

Loại máy bay	Tính đến 31/12/2023			Ghi chú
	Thuê	Sở hữu	Tổng	
Tàu bay TurboProp	0	0	0	Tàu bay sử dụng động cơ Turbin cánh quạt, 72 ghế
ATR72-500	0	6	6	
Tàu bay thân hẹp	30	36	66	(Từ 178-203 ghế)
A321CEO	10	36	46	Bao gồm 01 tàu bay cho K6 thuê khô.
A321NEO	20	0	20	
Tàu bay thân rộng	22	7	29	(Từ 274-367 ghế)
A350-900	14	0	14	
B787-9	4	7	11	
B787-10	4	0	4	
TỔNG	52	49	101	

2.2.3 Biến động tăng giảm tàu bay sử dụng trong năm 2023

Loại máy bay	Tại 01/01/2023	Tại 31/12/2023	Biến động	Ghi chú
A350	14	14	0	
B787-9	11	11	0	
B787-10	4	4	0	
A321 CEO	46	46	0	
A321 NEO	20	20	0	
ATR72	6	6	0	

Kế hoạch phát triển đội bay giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030

Định hướng chủng loại tàu bay: VNA Group định hướng sử dụng đội tàu bay chở khách công nghệ mới, đơn giản về chủng loại. Đội tàu bay sẽ có 03 dòng tàu bay chính theo tiêu chuẩn chung của quốc tế:

ĐỘI TÀU BAY THÂN RỘNG

Các tàu bay thân rộng sẽ tiếp tục khai thác các đường bay Mỹ, Châu Âu, Úc, Đông Bắc Á và đưa vào khai thác các tần suất mới tại châu Âu, Đông Bắc Á;

ĐỘI TÀU BAY THÂN HẸP

Khai thác thị trường nội địa, các đường bay quốc tế có dung lượng thấp/tầm bay ngắn (dưới 5 giờ bay). Đội tàu được chia theo nhóm tàu bay tương đương A321 và tương đương A320, trong đó Vietnam Airlines sử dụng tàu A321 có khoang thương gia, Pacific Airlines sử dụng tàu A321 và A320 cấu hình tối đa số ghế

ĐỘI TÀU BAY KHU VỰC

Đối với các sân bay địa phương và sân bay hạn chế không tiếp nhận được tàu bay thân hẹp, dựa trên tình hình mở rộng nâng cấp sân bay, Vietnam Airlines tiếp tục nghiên cứu tàu bay phù hợp có thể thay thế ATR để khai thác các đường bay có dung lượng nhỏ và phối hợp sản phẩm với tàu bay thân hẹp trên các đường bay dung lượng chưa đủ lớn cần tần suất để cạnh tranh.

Kế hoạch phát triển đội bay giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030

Loại máy bay	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
Thân rộng	19	29	29	27	29-34	31-35	32-35	32-36	32-37	34-37
Thân hẹp	39	56	65	53	62-70	65-75	66-78	68-81	71-85	73-88
AT7 Phần lực khu vực	6	6	6	5	4-5	4-5	4-5	4-5	4-5	4-6
Tổng tàu	64	91	100	86	95-109	100-115	102-118	104-122	107-127	109-129

2.3 Thương mại

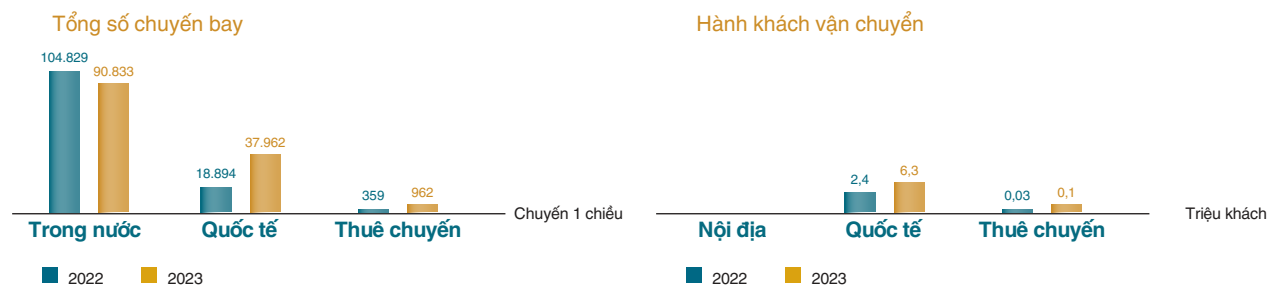
2.3.1 Vận chuyển hành khách

Công ty mẹ

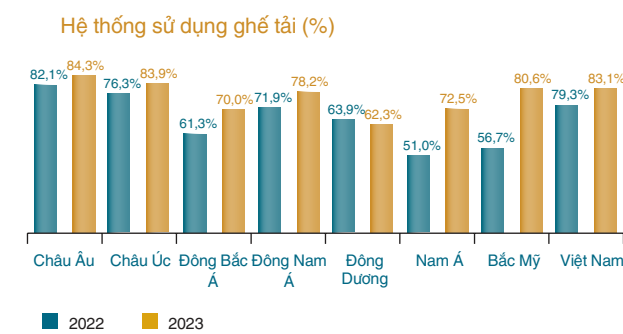
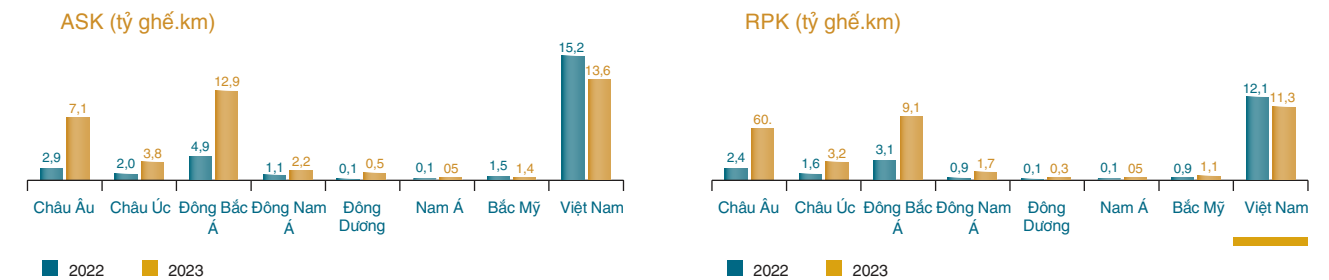
Trong bối cảnh dịch bệnh, chiến tranh và kinh tế thế giới vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro, dự báo hoạt động kinh doanh vận tải hàng không nói chung sẽ cần thêm thời gian để phục hồi hoàn toàn về mức trước khi có dịch bệnh Covid.

Trước tình hình đó, TCT luôn điều hành hoạt động SXKD phù hợp với diễn biến của thị trường và nguồn lực tàu bay trên tinh thần đảm bảo cân đối hiệu quả khai thác. Đến thời điểm hiện tại, TCT đã khôi phục lại toàn bộ mạng bay nội địa và hầu như toàn bộ mạng bay quốc tế (chỉ trừ Nga, Myanmar), đồng thời khai thác thêm một số đường bay mới.

Chỉ tiêu	ĐVT	2022	2023	2023/2022 (%)
Tổng số chuyến bay	Chuyến 1 chiều	124.082	129.757	104,6%
Trong nước		104.829	90.833	86,6%
Quốc tế		18.894	37.962	200,9%
Thuê chuyến		359	962	268,0%
Hành khách vận chuyển	Triệu khách	18,2	21,0	115,3%
Nội địa		15,8	14,7	93,0%
Quốc tế		2,4	6,3	255,9%
Thuê chuyến		0,03	0,1	317,9%



TT	Chỉ tiêu	ASK (tỷ ghế.km)			RPK (tỷ khách.km)			Hệ số sử dụng ghế/tài (%)		
		2022	2023	% chênh lệch	2022	2023	% chênh lệch	2022	2023	% chênh lệch
1	Châu Âu	2,9	7,1	145,8%	2,4	6,0	151,7%	82,1%	84,8%	2,0%
2	Châu Úc	2,0	3,8	86,3%	1,6	3,2	103,6%	76,3%	83,9%	7,1%
3	Đông Bắc Á	4,9	12,9	161,4%	3,1	9,1	195,7%	61,3%	70,0%	8,1%
4	Đông Nam Á	1,2	2,2	82,1%	0,9	1,7	96,7%	71,9%	78,2%	5,8%
5	Đông dương	0,1	0,5	286,4%	0,1	0,3	276,1%	63,9%	62,3%	-1,7%
6	Nam Á	0,1	0,7	472,3%	0,1	0,5	697,2%	51,0%	72,5%	20,4%
7	Bắc Mỹ	1,5	1,4	-10,0%	0,9	1,1	23,5%	56,7%	80,6%	23,3%
8	Việt Nam	15,2	13,6	-10,7%	12,1	11,3	-6,8%	79,3%	83,1%	3,8%
	Tổng	28,1	42,2	50,4%	20,9	33,2	57,9%	74,4%	78,7%	4,0%

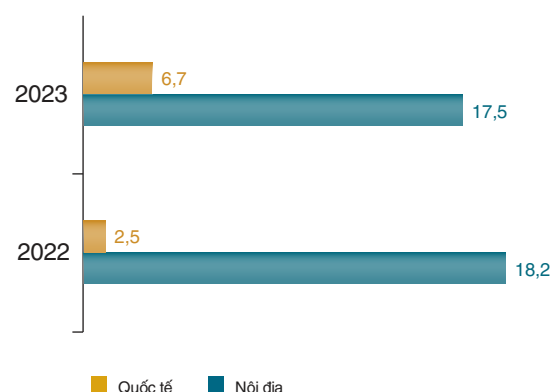


VNA Group

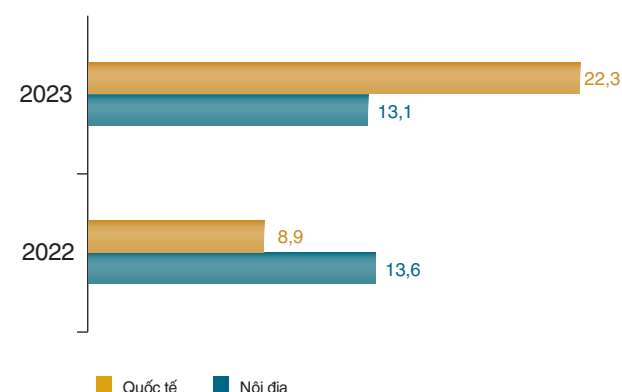
Chỉ tiêu	Quốc tế			Nội địa			Tổng		
	2022	2023	23/22	2022	2023	23/22	2022	2023	23/22
Khách	2,5	6,7	166,4%	18,2	17,5	-4,1%	20,7	24,1	16,5%
RPK	8,9	22,3	150,9%	13,6	13,1	-3,8%	22,5	35,4	57,4%
ASK	13,0	29,2	124,8%	17,1	15,7	-8,4%	30,2	44,9	48,7%
Ghế suất	68,4%	76,4%	8,0	79,6%	83,5%	3,9	74,9%	78,9%	4,0
Thị phần (*)	21,9%	21,0%	-0,9	41,9%	43,5%	1,6	37,7%	33,6%	-4,1

(ĐV tính Khách: 1.000, RPK: tỷ kh.km; ASK: tỷ ghế.km, ghế suất: %, thị phần: %)
 (*): Bao gồm thuê chuyến

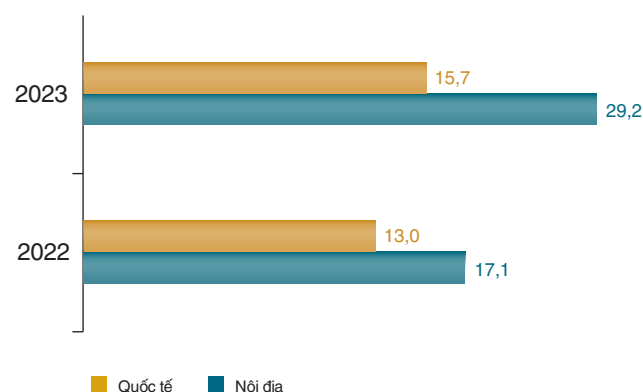
Khách (Triệu khách)



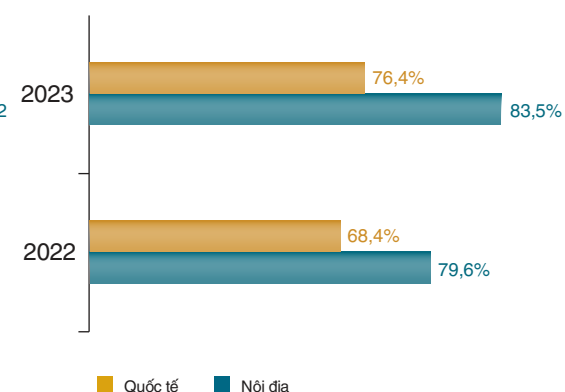
RPK (Tỷ khách/km)



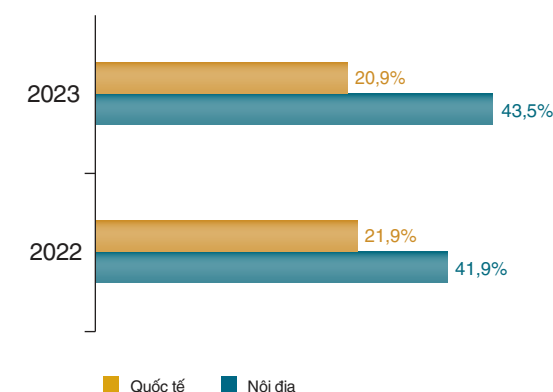
ASK (Tỷ ghế/km)



Ghế suất



Thị phần



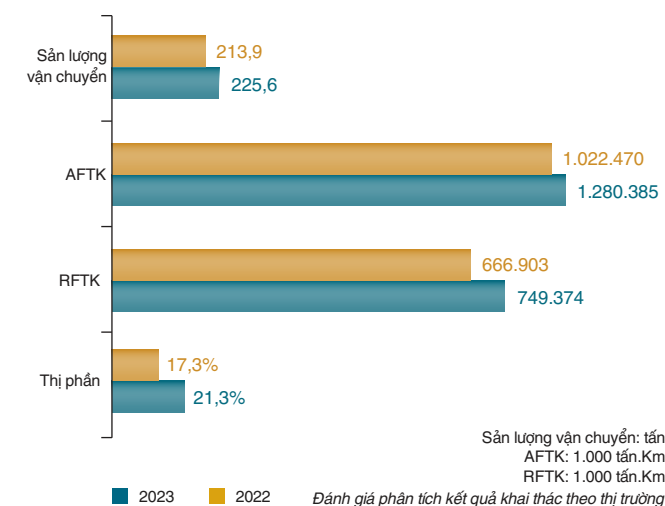
2.3.2 Vận chuyển hàng hóa, bưu kiện

Công ty mẹ (VNA và VASCO)

Kết quả vận chuyển hàng hóa, bưu kiện

Chỉ tiêu (VNA & VASCO)	ĐVT	2022	2023	SS 23/22
Sản lượng vận chuyển	Nghìn tấn	213,9	225,6	105%
AFTK	1000 tấn.km	1.022.470	1.280.385	125%
RFTK	1000 tấn.km	666.903	749.374	112%
Thị phần	%	17,3%	21,3%	4,0%

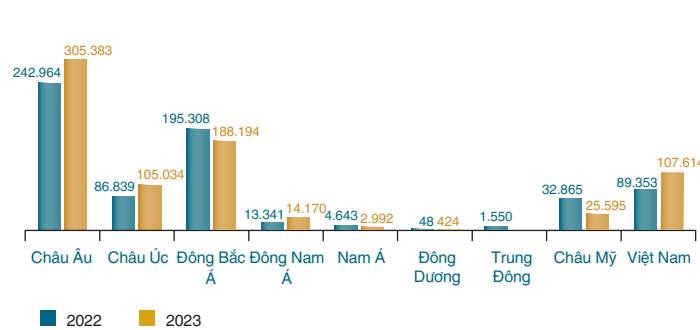
Chỉ tiêu (VNA và VASCO)



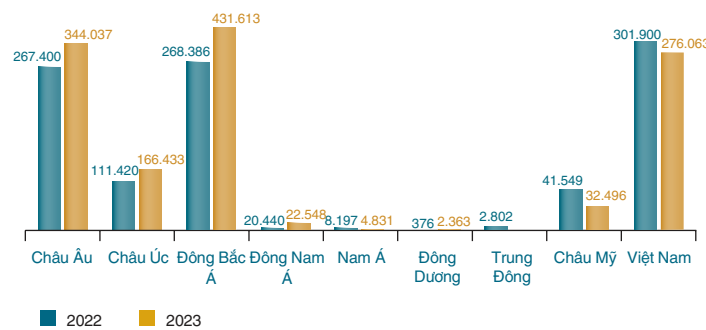
Đánh giá phân tích kết quả khai thác theo thị trường

Chỉ tiêu	RFTK (1000 tấn.km)			AFTK (1000 tấn.km)			Load factor (%)		
	2022	2023	SS 23/22	2022	2023	SS 23/22	2022	2023	SS 23/22
Châu Âu	242.964	305.383	126%	267.400	344.037	129%	91%	89%	-2%
Châu Úc	86.839	105.034	121%	111.420	166.433	149%	78%	63%	-15%
Đông Bắc Á	195.308	188.164	96%	268.386	431.613	161%	73%	44%	-29%
Đông Nam Á	13.341	14.170	106%	20.440	22.548	110%	65%	63%	-2%
Nam Á	4.643	2.992	64%	8.197	4.831	59%	57%	62%	5%
Đông Dương	48	424	883%	376	2.363	628%	13%	18%	5%
Trung Đông	1.550	-	-	2.802	-	-	55%	-	-
Châu Mỹ	32.856	25.595	78%	41.549	32.496	78%	79%	79%	0%
Việt Nam	89.353	107.614	120%	301.900	276.063	91%	30%	39%	9%
Tổng	666.903	749.374	112%	1.022.470	1.280.385	125%	65%	59%	-7%

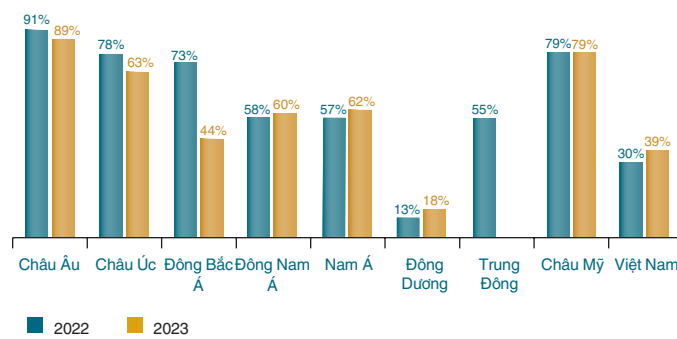
RFTK (1000 tấn.km)



AFTK (1000 tấn.km)



Load factor (%)

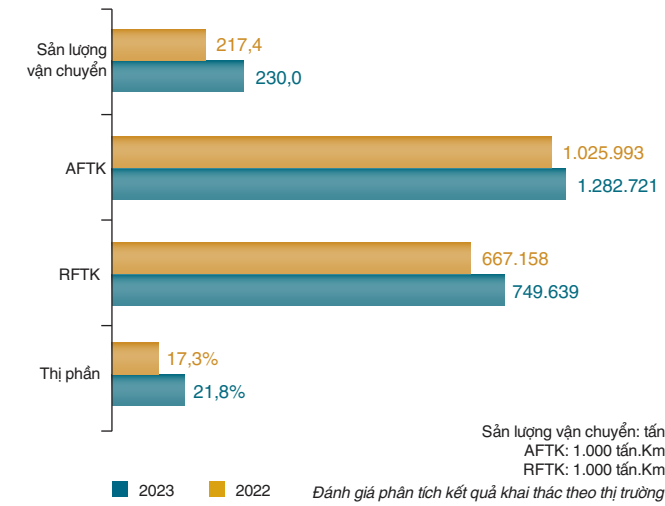


Group (Công ty mẹ và PA)

Kết quả vận chuyển hàng hóa, bưu kiện

Chỉ tiêu VNA, VASCO và PA	ĐVT	2022	2023	SS 23/22
Sản lượng vận chuyển	Nghìn tấn	217,4	230,0	106%
AFTK	1000 tấn.km	1.025.993	1.282.721	125%
RFTK	1000 tấn.km	667.158	749.639	112%
Thị phần	%	17,3%	21,8%	4,5%

Chỉ tiêu VNA, VASCO và PA



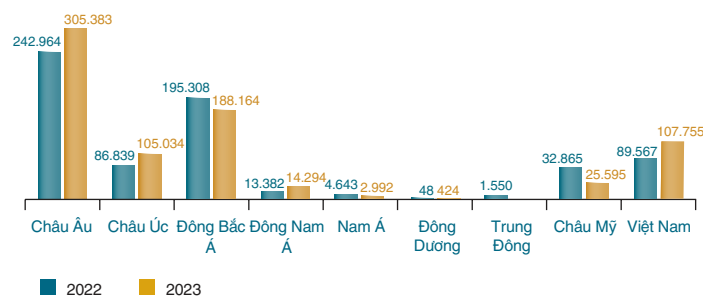
Sản lượng vận chuyển: tấn
AFTK: 1.000 tấn.Km
RFTK: 1.000 tấn.Km

Đánh giá phân tích kết quả khai thác theo thị trường

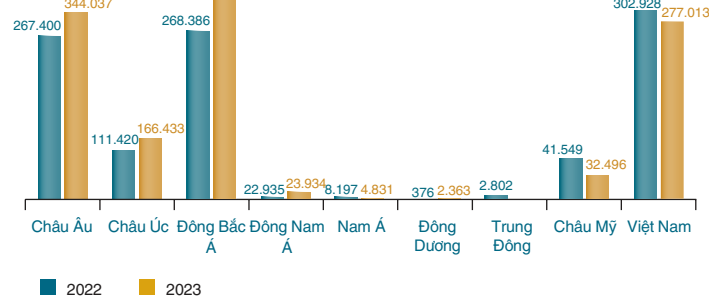
Đánh giá phân tích kết quả khai thác theo thị trường

Chỉ tiêu	RFTK (1000 tấn.km)			AFTK (1000 tấn.km)			Load factor (%)		
	2022	2023	SS 23/22	2022	2023	SS 23/22	2022	2023	SS 23/22
Châu Âu	242.964	305.383	126%	267.400	344.037	129%	91%	89%	-2%
Châu Úc	86.839	105.034	121%	111.420	166.433	149%	78%	63%	-15%
Đông Bắc Á	195.308	188.164	96%	268.386	431.613	161%	73%	44%	-29%
Đông Nam Á	13.382	14.294	107%	22.935	23.934	104%	58%	60%	1%
Nam Á	4.643	2.992	64%	8.197	4.831	59%	57%	62%	5%
Đông Dương	48	424	883%	376	2.363	628%	13%	18%	5%
Trung Đông	1.550	-	0%	2.802	-	0%	55%		
Châu Mỹ	32.856	25.595	78%	41.549	32.496	78%	79%	79%	0%
Việt Nam	89.567	107.755	120%	302.928	277.013	91%	30%	39%	9%
Tổng	667.158	749.639	112%	1.025.993	1.282.721	125%	65%	58%	-7%

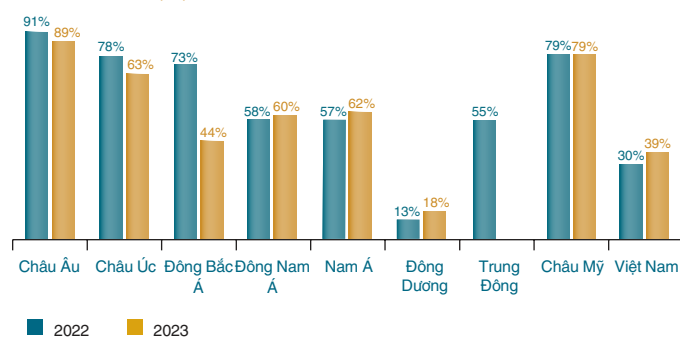
RFTK (1000 tấn.km)



AFTK (1000 tấn.km)



Load factor (%)



2.3.3 Chương trình khách hàng thường xuyên (Lotusmile)

Thông tin hội viên

Nước	P	G	T	S	R	Tổng
Trong nước	33,738	40,698	94,522	1,322,953	2,615,801	4,107,712
Ngoài nước	3,653	6,102	16,342	480,995	708,392	1,215,484
Tổng	37,391	46,800	110,864	1,803,948	3,324,193	5,323,196

Tỷ lệ hội viên active là hơn 1.3 triệu hội viên đạt 25%, giảm 2 điểm so cùng kỳ 2022.

Tổng số dặm tích lũy của HV đạt gần 6 tỷ dặm tăng 40% SSCK, tổng số dặm trả thưởng đạt 3,4 tỷ dặm tăng 23% SSCK tương đương 57% tổng số dặm tích lũy của hội viên.

Phát triển hội viên

- Năm 2023, số lượng hội viên Chương trình Bông Sen Vàng đạt 5.3 triệu, tăng 810.000 hội viên, tương ứng tăng gần 18%. Để đạt được kết quả như trên, Chương trình đã triển khai nhiều giải pháp phát triển hội viên, cụ thể:
 - Thông qua kênh số liệu của Vietnam Airlines, khai thác dữ liệu khách hàng mua vé qua nguồn Opaque/B2C;
 - Thông qua các đại lý, đối tác ngân hàng, ưu đãi dịch vụ;
 - Thông qua kênh điểm chạm online của Vietnam Airlines (Web/App);
 - Thông qua kênh các điểm chạm offline của VNA: mua vé, phòng chờ, phát bookmark trên máy bay...;
 - Phát triển hội viên tại các sự kiện của Vietnam Airlines;
 - Thông qua kênh đối tác như: tập khách sinh viên các trường đại học, đối tác Momo, VNPAY.

Doanh thu chương trình

- Tổng doanh thu FFP năm 2023 đạt hơn 442 tỷ đồng, vượt 20% so với kế hoạch. Việc doanh thu hoàn thành và vượt KH với những lý do chính sau đây:
 - Doanh thu hợp tác phi hàng không đạt 245 tỷ tăng 14% SSCK do liên tục triển khai các chương trình, cải thiện các sản phẩm thẻ ĐTH với các ngân hàng trong nước;
 - Doanh thu hợp tác hàng không tăng mạnh đạt 121 tỷ bằng 170% KH. Chủ yếu từ các việc chính như bám sát tình hình thị trường, rà soát việc mở bán của VN và phối hợp với các hãng SKT để đẩy mạnh công tác truyền thông đến HV lấy thưởng trên giai đoạn thấp điểm của VN;
 - Doanh thu sản phẩm cá nhân đạt 76 tỷ đồng tương đương 325% SSCK và bằng 230% KH. Ngoài các công tác làm việc trực tiếp với các CQĐV, chi nhánh, đại lý để thúc đẩy bán dặm, thẻ...tuy nhiên, doanh thu sản phẩm cá nhân năm 2023 có mức tăng trưởng tốt như vậy chủ yếu là từ chính sách tiếp thị theo hướng cá nhân hóa đến từng khách hàng mà TTBSV đã thành công triển khai trong năm 2023.

Nâng cấp hệ thống

- Hướng tới mục tiêu trở thành hãng hàng không số và chất lượng dịch vụ 5 sao, Chương trình Bông Sen Vàng đã vận hành hiệu quả hệ thống quản lý khách hàng thường xuyên chuyển đổi. Nhiều tính năng mới đã được giới thiệu đến hội viên.
- Nâng cấp hệ thống lõi CLM;
- Triển khai một số giải pháp kỹ thuật ngăn chặn tài khoản nghi ngờ ảo lấy thưởng, cộng dặm khiếu nại, ứng dụng kiểm soát tài khoản hội viên giai đoạn 1 với các rule theo chu kỳ vòng đời của hội viên;
- Tài khoản gia đình cho phép các thành viên trong gia đình gồm bố mẹ, vợ chồng, con gộp dặm để lấy thưởng cho cả gia đình;
- Cải thiện các tính năng đổi vé và lấy thưởng khác cho HV theo hình thức trực tuyến;

Các chương trình ưu đãi

- Chương trình đã không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ thông qua việc triển khai các chính sách:
- Khuyến khích khách hàng mua vé trên Website và App Vietnam Airlines bằng chương trình “Mua vé online, nhân hai dặm thưởng”;

- Tiếp tục bổ sung các chương trình ưu đãi ngắn “FridaySmiles” trong các ngày thứ 6 hàng tuần;
- Triển khai các chương trình giảm giá khi mua dặm, chặng theo hướng cá nhân hóa đến từng khách hàng;
- Triển khai các chương trình bán combo số thẻ đẹp tặng thẻ BSV, các gói “Hoàng kim” Vietnam Airlines;
- Phần thưởng phi hàng không: Tiếp tục cung cấp các sản phẩm trả thưởng đa dạng như: cước điện thoại MobiFone, điểm VinID, điện thoại Iphone, Samsung, phụ kiện du lịch, chăm sóc sức khỏe, sản phẩm sống xanh và nhiều quà tặng hấp dẫn khác;
- Ngoài ra, Chương trình Bông Sen Vàng đã triển khai nhiều ưu đãi khác từ các đối tác của Chương trình BSV: Giảm giá phòng khách sạn, ẩm thực, chăm sóc sức khỏe và được mở rộng trên thị trường Quốc tế;
- Triển khai các chương trình hợp tác đa phương đồng thời thúc đẩy chi tiêu để tăng doanh thu cụ thể: Chương trình chi tiêu bằng thẻ ĐTH vừa được cộng dặm, giảm giá vé và nhận ưu đãi dịch vụ của các đối tác phi hàng không khác của Lotusmiles - Vietnam Airlines như khách sạn, nhà hàng, thể thao và giải trí.

Trải nghiệm khách hàng

- Chương trình đã triển khai các chính sách để cải thiện trải nghiệm khách hàng:
- Triển khai chương trình hội viên triệu dặm với các dịch vụ đẳng cấp, nâng tầm trải nghiệm khách hàng cho hội viên MM;
- Triển khai chương trình 1 đầu mỗi dành cho các khách hàng hội viên cao cấp của Vietnam Airlines;
- Rút ngắn thời gian cộng dặm: Sau chuyến bay cất cánh 120 phút là dặm sẽ được cộng vào tài khoản hội viên thay vì phải chờ 5 ngày như trước đây;
- Tra soát dặm earn/burn thông qua Miles Calculator.

Chất lượng giao dịch hội viên

- Tỷ lệ cuộc gọi nhỡ trong và ngoài giờ hành chính của các hạng thẻ đều đạt dưới ngưỡng cho phép. Trong đó hội viên MM và P đạt dưới 4%, hội viên G và T đạt dưới 5.5%;
- Tỷ lệ yêu cầu cộng dặm bổ sung cao hơn ngưỡng cho phép (4%), chủ yếu vẫn do hội viên không nhập số thẻ BSV vào booking (chiếm 98%);
- Tổng số lượng email và cuộc gọi trong năm 2023 của HV là gần 500.000 với chất lượng trả lời đạt trên 99% đạt yêu cầu.

Kiểm soát rủi ro

- Đánh giá rủi ro mỗi khi triển khai các chương trình, chính sách mới. Kiểm tra, đánh giá dữ liệu, sớm phát hiện rủi ro mới phát sinh, kịp thời điều chỉnh chính sách ngay. Phối hợp chặt chẽ với các đối tác triển khai các giải pháp ngăn chặn rủi ro khi phát hiện, đảm bảo công tác thanh toán đúng hạn.
- Thực hiện xác minh tài khoản trước khi công nhận hội viên Million Miller, trước khi trao giải chương trình Bingo định kỳ của Chương trình BSV đảm bảo các tài khoản hợp lệ khi được công nhận/trao giải thưởng.



2.4. Dịch vụ

Năm 2023, Vietnam Airlines đã vinh dự nhận được nhiều giải thưởng từ các tổ chức uy tín như AirlineRating.com, website uy tín trên thế giới chuyên đánh giá các hãng hàng không, bình chọn là 1 trong 20 hãng hàng không tốt nhất thế giới năm 2023; được tổ chức APEX (The Airline Passenger Experience Association) trao tặng là hãng hàng không quốc tế 5 sao do hành khách bình chọn; được liên minh hàng không Skyteam trao tặng giải "Boldest Move" về phát triển bền vững với giải pháp thu hồi thực phẩm khô; được World Travel Awards đánh giá là Hãng hàng không hàng đầu châu Á về hạng ghế Phổ thông và Top 3 hãng hàng không có dịch vụ suất ăn, đồ uống tốt nhất do APEX trao tặng.

Chất lượng dịch vụ năm 2023 được đảm bảo, chỉ số thiện cảm (NPS) cải thiện so với giai đoạn trước dịch, chỉ số khách hàng hài lòng tổng thể (CSI)

tăng nhẹ so với năm 2022 và tăng mạnh so với trước dịch. Số lượng thư khen năm 2023 tiếp tục tăng so với năm 2022 đạt 9.158 thư (tăng 30% so với số lượng thư năm 2022:6.945 thư), tập trung tại các điểm chạm như quầy Check-in và sự phục vụ của tiếp viên trên chuyến bay.

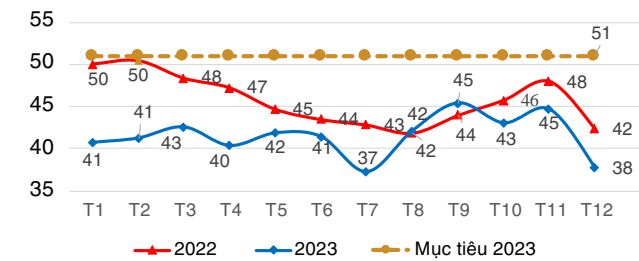
Năm 2023, chương trình Nâng tầm dịch vụ - Uplifting Service tiếp tục triển khai bám sát lộ trình đề ra đã đạt được nhiều kết quả tốt. Sự thay đổi rõ rệt trong tư duy chiến lược của lãnh đạo cấp cao với ưu tiên hàng đầu cho dịch vụ giúp hình thành tư duy, ý thức cải tiến, chăm sóc khách hàng của toàn bộ cán bộ nhân viên, đi đúng mục tiêu và quan điểm của TCT là phát triển bền vững thông qua việc nâng tầm dịch vụ. Nhiều cán bộ nhân viên khối dịch vụ đã có hành động, ý tưởng cải tiến thiết thực trong công việc hàng ngày, giúp mang đến cho khách hàng những trải nghiệm dịch vụ xuất sắc.



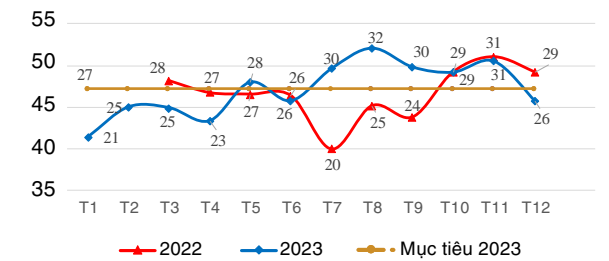
CÁC CHỈ TIÊU THỂ HIỆN ĐỘ HÀI LÒNG/PHẢN HỒI CỦA KHÁCH HÀNG (CSI, NPS) & SO VỚI BÌNH QUÂN NGÀNH

Chỉ số thiện cảm khách hàng NPS (Net Promoter Score) nội địa năm 2023 ổn định, dao động ở mức 42 điểm, thấp hơn 4 điểm so với cùng kỳ 2022 và chưa đạt mục tiêu (MT: 51). NPS nội địa chạm đáy vào tháng 7/2023 (37 điểm) tuy nhiên có sự tăng trở lại ở các tháng cuối năm, nguyên nhân do chỉ số OTP và VFM thấp, giảm mạnh dịp cao điểm Tết và đặc biệt Cao điểm Hè. NPS quốc tế năm 2023 cải thiện, có xu hướng tăng nhẹ trong Quý 3, trung bình đạt 27 điểm, đạt mục tiêu (MT: 27).

Biểu đồ chỉ số Thiện cảm khách hàng nội địa (NPS)

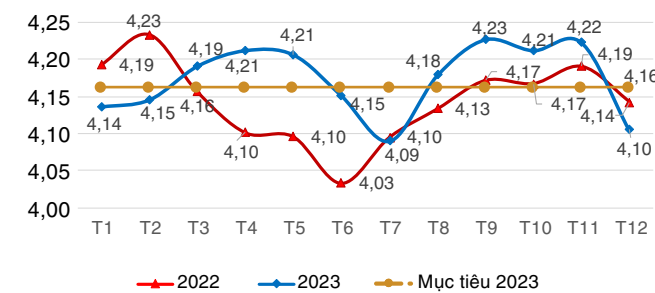


Biểu đồ chỉ số Thiện cảm khách hàng quốc tế (NPS)

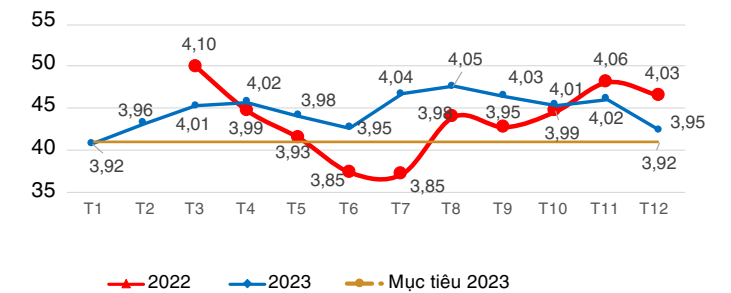


Chỉ số hài lòng khách hàng CSI (Customer Satisfaction Index) nội địa năm 2023 thực hiện tốt, đạt 4.17 điểm, vượt mục tiêu 0,01 điểm (MT: 4.16) và tăng 0,02 điểm so với cùng kỳ 2022. CSI quốc tế năm 2023 có xu hướng cải thiện, đặc biệt trong Quý 3 và đạt trung bình 4.00 điểm, vượt mục tiêu 0.08 điểm (MT: 3.92) và tăng 0.04 điểm so với năm 2022.

Biểu đồ chỉ số Hài lòng khách hàng nội địa (CSI)



Biểu đồ chỉ số Hài lòng khách hàng quốc tế (CSI)



Nguồn: Chương trình điều tra khách hàng thường xuyên Online Survey của TCT

CÁC CON SỐ/CHỈ SỐ ẤN TƯỢNG, NỔI BẬT LIÊN QUAN ĐẾN CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

Trong năm 2023, TCT triển khai nhiều chương trình dịch vụ mặt đất và trên không để nâng cao chất lượng, mang đến những trải nghiệm mới cho khách hàng:

Khai thác an toàn tuyệt đối các chuyến bay góp phần đem lại sự an tâm cho khách hàng khi lựa chọn bay cùng Vietnam Airlines.

Xác định dịch vụ phòng khách thương gia là dịch vụ trọng tâm, Vietnam Airlines không ngừng nâng cấp chất lượng dịch vụ phòng khách thương gia theo tiêu chuẩn quốc tế. Thương hiệu Phòng khách Bông Sen 1 - Premier Lotus Lounge ra đời theo phong cách hiện đại, sang trọng, tiêu chuẩn dịch vụ cao cấp dành cho khách VIP, khách Triệu dặm, Hội viên hạng thẻ Bạch kim là điểm nhấn dịch vụ góp phần thu hút và giữ chân khách hàng doanh thu cao.

Áp dụng công nghệ hiện đại trong các khâu dịch vụ như các chương trình ứng dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2, triển khai dịch vụ boarding tự động qua cửa E-gate, dịch vụ ký gửi hành lý tự động tại quầy Self Bag-Drop và thử nghiệm dịch vụ làm thủ tục qua tin nhắn.

Dự án Bản đồ Ẩm thực Việt đã tự hào cất cánh trên đường bay tới Mỹ, Châu Âu, Úc cùng các món ăn nổi tiếng như: bún chả Hà Nội, bánh mì sốt vang, bún bò Huế, mì Quảng, bún trộn thịt nướng, hủ tiếu Mỹ Tho. Khối dịch vụ đã nỗ lực biến mỗi chuyến bay thành sứ giả kết nối tinh hoa văn hóa ẩm thực Việt đến với đông đảo hành khách trong nước và quốc tế...

Triển khai dịch vụ đặt trước suất ăn hạng C đường bay quốc tế. Giải pháp mới này mang đến sự thuận tiện cho hành khách lựa chọn món ăn theo sở thích, tạo nền tảng để Vietnam Airlines triển khai bán suất ăn trong giai đoạn tiếp theo.

Menu cafe Việt là một điểm nhấn đáng kể trong hành trình trải nghiệm của khách hàng. Các ly cafe đậm đà bản sắc Việt như Cà phê đen, Cà phê sữa, Bạc xỉu đã có mặt trên các chuyến bay của Vietnam Airlines. Ngoài ra, các loại đồ uống sử dụng nguyên liệu tự nhiên, tốt cho sức khỏe như trà vải, trà cam quế, trà chanh dây, nước chanh/cam sả ... đã tô điểm làm đẹp hơn Tiệm cafe trên mây của Vietnam Airlines.

Phối hợp tổ chức chuỗi chuyến bay Flight of Surprise trong các dịp đặc biệt như Tết cổ truyền, Ngày quốc tế phụ nữ 8/3, chuyến bay chở đầy niềm vui cho các hành khách nhí nhân dịp 6/1. Chuyến bay kỷ niệm 1 năm mở đường bay thẳng đầu tiên đến Mỹ, chuyến bay kỷ niệm 20 năm quan hệ ngoại giao Việt - Pháp hay chuyến bay thử thách "Phát triển bền vững" nhằm truyền tải thông điệp về môi trường, thể hiện trách nhiệm của hãng hàng không Quốc gia Việt Nam.

Đổi mới nội dung giải trí trên chuyến bay: Mỗi tháng, Rạp phim trên mây liên tục trình chiếu các bộ phim bom tấn của Hollywood, các phim Châu Á nổi tiếng, các bộ phim Việt ăn khách nhất. Các chương trình ti vi với chủ đề đa dạng từ văn hóa, thể thao, giải trí tới các nội dung mới như podcast, audio book, bản tin Spirit Channel thường xuyên được cập nhật. Bên cạnh đó, "Sân khấu âm nhạc trên mây" lần đầu tiên ra mắt là một bản hòa ca đồng điệu kết nối trái tim khách hàng. Các tác phẩm âm nhạc đặc sắc, các bản nhạc hit của các ca sỹ nổi bật, các chương trình độc quyền riêng cho Vietnam Airline, tất cả cùng hòa quyện trong Dàn hợp xướng mang tên Thanh âm bầu trời.

riển khai dịch vụ bán trên chuyến bay: Nhân hiệu độc quyền LotusDeli đã "chạm" tới trái tim hành khách và mang lại doanh thu ấn tượng hơn 26 tỷ, thu về lợi nhuận hơn 10 tỷ cho TCT.

Tài trợ trải nghiệm là một hình thức mới Vietnam Airlines đang triển khai áp dụng với các đối tác cung cấp dịch vụ. Tính đến hết tháng 2023/8, tổng giá trị hợp đồng TCT ký kết từ hoạt động này đã lên tới 20 tỷ VNĐ. Đây là hoạt động mới đột phá và còn nhiều cơ hội phát triển trong thời gian tới.

Triển khai thực hiện thu hồi và tái cấp các sản phẩm đồ khô, dụng cụ dùng một lần với kết quả tiết kiệm hàng quý gần 3 tỷ đồng.

Giảm thiểu rác thải nhựa: Tiêu chuẩn dụng cụ hạng Y thân thiện với môi trường đã được ban hành, menu điện tử cũng đã được triển khai từ tháng 6, góp phần bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

Để cải tiến quy trình công việc, hệ thống Central Hub đã được triển khai, tích hợp các thông tin từ nhiều hệ thống khác nhằm thuận tiện cho việc xử lý, thông tin tập trung và có bức tranh toàn cảnh về chất lượng dịch vụ. Từ đó, tăng hiệu quả, tiết kiệm thời gian xử lý.



2.5. Kỹ thuật

2.5.1 Kết quả đảm bảo kỹ thuật cho hoạt động khai thác an toàn, hiệu quả

Tối ưu hóa nội dung các gói công việc bảo dưỡng định kỳ, nâng cao công tác chuẩn bị, kiểm soát và phối hợp thực hiện định kỳ đảm bảo tàu ra Check đúng kế hoạch.

Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác lập kế hoạch và điều phối các hoạt động bảo dưỡng góp phần nâng cao hiệu quả điều hành, giảm thiểu tỉ lệ máy bay dừng bay, tỉ lệ chậm giờ, hủy chuyến, tỉ lệ kéo dài định kỳ, nâng cao hệ số sẵn sàng khai thác của đội bay.

Duy trì kiểm soát trạng thái kỹ thuật đội bay, chủ động xác định nguyên nhân hỏng hóc, nhận dạng các hỏng hóc tiềm ẩn, triển khai các giải pháp phòng ngừa cũng như chương trình kỹ thuật cơ bản nhằm nâng cao chỉ số độ tin cậy cất cánh của đội bay.

Duy trì và nâng cao công tác giám sát tiến độ, điều hành linh hoạt kế hoạch định kỳ; áp dụng công nghệ thông tin, kết quả chương trình cải tiến liên tục trong công tác phối hợp - điều phối tiến độ và kế hoạch định kỳ theo slot nhằm đảm bảo kế hoạch định kỳ các tàu bay.

Tiếp tục thực hiện các chương trình kỹ thuật cơ bản (AD/SB, MOD) để nâng cao độ tin cậy thiết bị, hệ thống tàu bay, xây dựng chương trình tổng thể để cải thiện chất lượng, hiệu quả trong công tác bảo dưỡng - sửa chữa và tìm kiếm hỏng hóc, duy trì và cải thiện công tác phối hợp Khối Khai thác bay - kỹ thuật góp phần giảm số vụ gây gián đoạn khai thác. Hoàn thành bảo dưỡng định kỳ đáp ứng điều kiện trả/bán tàu ATR72 VN-B237 góp phần tăng doanh thu và giảm áp lực chi phí khi tàu không khai thác. Đảm bảo duy trì chất lượng nội thất tàu bay trong điều kiện khó khăn về nhân/vật lực, tăng cường công tác vệ sinh tàu bay (vệ sinh nâng cao ECP, tăng tần suất giặt áo ghế), triển khai chương trình nâng cấp chất lượng nội thất tàu bay A321 CEO, triển khai hệ thống giải trí không dây wifi-box tàu A321 CEO, ưu tiên làm mới nội thất khoang C tàu thân rộng.



2.5.2 Các giải pháp cải thiện, nâng cao hiệu suất sử dụng tàu bay, giảm chi phí kỹ thuật...

Quản lý kỹ thuật, bảo dưỡng và cung ứng

Ngoài việc tiếp tục chương trình Equalized EA Check cho A321, dựa trên kết quả thực hiện thực tế các gói công việc định kỳ, TCT và VAECO đã phối hợp triển khai thực hiện Block C Check cũng như rà soát nội dung các gói định kỳ đến từng công việc cụ thể để giảm thiểu tối đa thời gian dừng tàu bay để bảo dưỡng cũng như sử dụng hiệu quả nguồn nhân/vật lực.

Triển khai áp dụng chương trình CI (Continues Improvement) cho các định kỳ đặc biệt trong giai đoạn cao điểm khai thác để tối ưu hóa các công đoạn, rút ngắn TAT bảo dưỡng định kỳ.

Triển khai triệt để các chương trình Kỹ thuật cơ bản, bảo dưỡng ngăn ngừa, bảo dưỡng tăng cường đảm bảo độ tin cậy Kỹ thuật tàu bay.

Áp dụng hiệu quả các công cụ theo dõi trạng thái máy bay, động cơ như AHM, SHM, ADEM và các phần mềm dự đoán hỏng hóc như SPM và PRCP phát hiện sớm các hỏng hóc, chủ động xử lý, giảm tỷ lệ gián đoạn khai thác.

Năm 2023 là một năm rất nhiều khó khăn và thách thức trong chuỗi cung ứng PTVT toàn cầu từ việc thiếu nguyên liệu đầu vào đến PTVT đầu ra, giá cả PTVT tăng cao, các xưởng sửa chữa đều quá tải do không đủ nguồn lực. Trước tình hình đó Vietnam Airlines đã chủ động tìm các phương án phù hợp:

Đa dạng hóa nhà cung ứng, đẩy mạnh và duy trì việc sử dụng các dịch vụ PTVT trọn gói thuê ngoài tính theo giờ bay để giảm thiểu rủi ro tăng chi phí sửa chữa bảo dưỡng vượt ngoài kiểm soát. Áp dụng nhiều biện pháp để quản lý các chi phí phát sinh ngoài hợp đồng.

Đẩy mạnh việc sử dụng các dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng PTVT ở trong nước và trong khu vực gần nhằm giảm thiểu các chi phí vận chuyển, rút ngắn thời gian quay vòng sửa chữa dẫn đến giảm chi phí sửa chữa bảo dưỡng và giảm chi phí đầu tư mức kho PTVT dự phòng.

Thường xuyên tính toán lại mức kho PTVT để điều chỉnh cho phù hợp với thay đổi số lượng tàu bay khai thác.

Phối hợp chặt chẽ VAECO trong việc chuẩn bị danh mục PTVT tối ưu, và đúng thời điểm để rút ngắn thời gian làm bảo dưỡng định kỳ tàu bay.

Tăng cường sửa chữa on-wing, dẫn cách thời gian tháo lắp PTVT khi PTVT sắp đến hạn, và tìm các giải pháp về linh kiện thay thế trong trường hợp PTVT chính không có đủ.

Đối với sửa chữa động cơ, Vietnam Airlines tập trung vào việc xây dựng phạm vi công việc sửa chữa chặt chẽ, kiểm soát việc thay thế các PTVT và thời gian sửa chữa để đảm bảo việc sửa chữa bảo dưỡng động cơ ngắn nhất có thể. Ngoài ra, Vietnam Airlines cũng làm việc với nhà sản xuất động cơ để được hỗ trợ về chi phí, tìm kiếm các giải pháp tối ưu cho các vấn đề của động cơ, đàm phán giảm giá các hạng mục.

Tích cực đàm phán với Boeing, Airbus và các Nhà sản xuất để giảm chi phí dịch vụ kỹ thuật, yêu cầu bảo hành, tận dụng tối đa các hỗ trợ (FOC, credit) từ các đối tác cho các hỏng hóc do lỗi thiết kế, vật liệu hoặc các thiết bị có độ tin cậy thấp.

Tăng cường mở rộng nhân viên trực kỹ thuật tại một số trạm ngoại trường quan trọng để giảm thiểu chi phí bảo dưỡng và tăng mức độ linh hoạt.

Công tác quản trị chi phí kỹ thuật

Cập nhật, phân tích chi phí đơn vị (CASK) hàng quý, năm và theo yêu cầu. Tìm các nguyên nhân làm tăng chi phí, phản hồi và điều chỉnh ngay trong năm KH, đặc biệt đối với nội dung thuê, sửa chữa động cơ.

Tiếp tục xây dựng các PI cho chi phí kỹ thuật ở mức chi tiết hơn, phân tích/đánh giá các yếu tố ảnh hưởng và thực hiện ngay các biện pháp giảm chi phí đến từng yếu tố tác động.

Quản trị chặt chẽ/thường xuyên các hợp đồng sửa chữa động cơ, các hợp đồng pooling PTVT, các hợp đồng nhiên liệu, các hợp đồng dịch vụ và mua sắm khác đảm bảo các lợi ích thương mại của Tcty theo hợp đồng.

Đàm phán giảm giá, hỗ trợ từ các đối tác hợp đồng. Đàm phán giãn hoãn các khoản nợ đến hạn và miễn trừ lãi suất trả chậm cho các khoản nợ được giãn, hoãn.

Kiểm soát chi phí sửa chữa động cơ, APU bằng các giải pháp: đàm phán giảm giá, giới hạn trần chi phí sửa chữa (NTE), tăng cường kiểm soát PTVT thay thế, hỏng hóc, tối ưu hóa nội dung công việc đối với LRU/QEC.



2.5.3 Định hướng phát triển cơ sở bảo dưỡng của Vietnam Airlines và VAECO

Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với các đối tác lớn (về lĩnh vực bảo dưỡng máy bay) để học hỏi, tiếp cận phương thức quản lý tiên tiến hiện đại vào mô hình của TCT và VAECO, nhằm tối ưu chi phí bảo dưỡng sửa chữa tàu bay, nâng cao năng lực cạnh tranh tiến tới hình thành một trung tâm bảo dưỡng của khu vực.

Tích cực triển khai các thủ tục đấu thầu/ thuê đất chuẩn bị xây dựng hệ thống phục vụ bảo dưỡng tàu bay/động cơ/ thiết bị đồng bộ tại Nội Bài và Long Thành.

Đẩy mạnh triển khai chuyển đổi số trong quản lý sửa chữa và bảo dưỡng, cụ thể gồm chuyển đổi sang hệ thống MRO IT mới (AMOS), phần đầu đưa vào hoạt động trong tháng 04/2024, đáp ứng yêu cầu quản lý của hãng hàng không khai thác hơn 100 tàu bay và của tổ chức bảo dưỡng máy bay (VAECO); phát triển và hoàn thiện phần mềm TIMS giúp số hóa các quy trình kỹ thuật, thực hiện

và quản lý kỹ thuật tập trung, nâng cao hiệu quả quản lý và năng suất lao động, tăng cường sử dụng các phần mềm ứng dụng của NSX tàu bay, thiết bị, phần mềm tự nghiên cứu nhằm nâng cao hiệu quả bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay.

Tiếp tục triển khai phát triển các năng định thiết yếu nâng cao năng lực bảo dưỡng, đào tạo huấn luyện các lao động kỹ thuật đặc thù, giảm thiểu chi phí thuê ngoài như: năng định hàn, bảo dưỡng Nacelles, sửa chữa cấu trúc Composite, Kiểm tra không phá hủy (NDT), soi động cơ (BSI)... chuẩn bị nguồn lực sẵn sàng khi Hangar 3 Nội Bài và Hangar Long Thành đi vào hoạt động.

Tiếp tục rà soát và phát triển năng lực kỹ thuật độc lập để có thể thiết kế, chế tạo, xin phê chuẩn từ nhà chức trách hàng không CAAV, FAA, EASA đối với các cải tiến (local mod) và thiết bị tự chế tạo (local parts) đảm bảo tính chủ động trong công tác bảo dưỡng và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

2.5.4 Các chỉ số ấn tượng, nổi bật liên quan đến hoạt động kỹ thuật

Trong năm 2023 TCT đã thực hiện được khối lượng lớn các công việc góp phần vào hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh, đảm bảo an toàn tuyệt đối và đạt mục tiêu kế hoạch năm. Cụ thể như sau:

Các chỉ số	Kết quả thực hiện năm 2023
ARL	93.09 (Mục tiêu 94.30) – Không đạt MT
OCR	3.1% (Mục tiêu 4.91% *) – Đạt MT
DR A321	99.63 (Mục tiêu 99.50) – Đạt MT
DR A350	99.45 (Mục tiêu 99.35) – Đạt MT
DR B787	99.25 (Mục tiêu 99.20) – Đạt MT
DR ATR72	99.65 (Mục tiêu 99.50) – Đạt MT

(Mục tiêu OCR 4.91% là chỉ số lấy trung bình của 6 tháng đầu năm 2023)

Bảo dưỡng tàu bay:

Bảo dưỡng ngoại trường: Đảm bảo kỹ thuật cho 258625 giờ bay (trong đó: A321:146346 FH, A350:51180 FH, B787:54169 FH và ATR72:6930 FH).

Bảo dưỡng nội trường:

Lượt check	A321	A350	B787	ATR72
A-checks	0	52	58	8
EC checks	85	0	0	0
C/Y checks	156	22	13	2
Bảo dưỡng khác	127	21	12	15



2.6 Khai thác

- Năm 2023, điều hành khai thác hiệu quả, an toàn tuyệt đối 128.885 chuyến bay, tăng 4% so với năm 2022, trong đó 200 chuyến bay VIP/VAP chuyên cơ/chuyên khoang phục vụ lãnh đạo Đảng và Nhà nước.
- Chỉ số đúng giờ duy trì ở mức cao OTP đi đạt 86.8 %, OTP đến đạt 81.6%.
- Triển khai quyết liệt các giải pháp tiết kiệm chi phí khai thác ước đạt 853 tỷ đồng, góp phần rất lớn vào nỗ lực giảm chi phí của TCT.

2.6.1 Công tác điều hành

Điều hành an toàn linh hoạt hiệu quả các chuyến bay của Vietnam Airlines, VASCO.

Đảm bảo phục vụ an toàn chu đáo các chuyến bay chuyên cơ trong và ngoài nước phục vụ Lãnh đạo Đảng và Nhà nước, phục vụ tốt công tác chuyên chở đại biểu tham dự các Hội nghị TW, họp Quốc hội.

Chủ động nắm bắt thông tin, lên kịch bản ứng phó từ xa, thay đổi đường bay, xin phép bay kịp thời đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các chuyến bay của Vietnam Airlines. Triển khai các giải pháp điều hành sáng tạo, kịp thời, tiết kiệm chi phí: bay liên chặng giảm chuyển sân tăng hệ số sử dụng ghế, chuyển sân tàu bay kết hợp chở khách.

Điều hành lịch bay, phép bay, slot T+29 hiệu quả linh hoạt, đảm bảo kết nối giữa các yêu cầu thương mại, khai thác.

Tiếp tục hoàn thiện mô hình điều hành tập trung, nâng cao năng lực và chất lượng điều hành, bổ sung các vị trí Duty Captain, Kiểm soát tải trong kịp thời điều hành đạt được một số hiệu quả khả quan. Duy trì hệ thống trực điều hành ứng phó các tình huống bất thường, khẩn nguy.

2.6.2 Công tác đảm bảo nguồn lực phi công khai thác

Tổng số phi công đang bay khai thác tháng 31/12/2023 : 962 phi công, trong đó: lái chính 494, lái phụ 468; phi công Việt Nam: (%87) 841, phi công nước ngoài: (%13) 121.

Nguồn lực phi công đáp ứng sản lượng khai thác của TCT.

2.6.3 Công tác đảm bảo an toàn

Tỉ lệ sự cố loại A, B /10.000 CB; Tỉ lệ sự cố loại C, D /10.000 CB; Tỉ lệ vụ việc loại E /10.000 CB; Tỉ lệ vụ việc mức 10.000/ 3 CB: Đạt mục tiêu 2023

2.6.4 Công tác kỹ thuật khai thác

Đảm bảo hệ thống tài liệu dữ liệu khai thác bay cho

toàn hệ thống. Xây dựng phương án đường bay, chuẩn bị dữ liệu, tài liệu phục vụ các chuyến bay thuê chuyến đặc biệt - 18 chuyến VIP. Xây dựng phương án đường bay linh hoạt, hiệu quả và an toàn cho các chuyến bay từ Việt Nam đi/ đến châu Âu, Úc.

Xây dựng, hoàn thiện các quy định, quy trình và tham gia trực tiếp các quá trình đánh giá, đạt yêu cầu qua các đợt đánh giá IOSA 2023, MARI 2023, gia hạn chứng chỉ AOC của Cục HKVN. Phối hợp với CHK, QLBNV xây dựng và ban hành phương thức bay PBN các sân bay trong nước, tham gia quy hoạch mạng sân bay trong lãnh thổ Việt Nam. Hoàn thiện hệ thống tài liệu điện tử EFB, xây dựng chức năng cảnh báo thiếu dữ liệu NOTAM, WX, CFP khi cập nhật lên hệ thống FMS. Chính thức áp dụng hệ thống FD Pro, bỏ tài liệu Jeppesen trên VNA EDOC. Cấu trúc lại hệ thống tài liệu khai thác nhằm tăng hiệu quả sử dụng của eDOC trên iPad, EFB Class 3 B787. Xây dựng phần mềm quản lý FON tiết kiệm thời gian.

Đàm phán với các NCC AIB, ATR, Honeywell, Jeppesen, NavBlue về việc giãn, hoãn thanh toán.

2.6.5 Công tác lịch bay PC, TV

Tính toán nguồn lực phi công tiếp viên khai thác đáp ứng từng thời kỳ điều hành với tính chất khai thác khác nhau.

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ được TCT giao trong quản lý, điều hành phân bay tập trung phi công, tiếp viên; Tối ưu hóa hành trình bay, điều chỉnh cơ cấu PC/TV đảm bảo phân bay hiệu quả trong giai đoạn phục hồi khai thác.

Mô hình điều hành phân bay PC/TV tập trung góp phần nâng cao tính ổn định lịch bay cũng như ứng biến nhanh trong việc xử lý tình huống đối với các phương án lịch bay biến động hiện nay.



2.6.6 Công tác quản lý khai thác

Triển khai các giải pháp Tiết kiệm chi phí nhiên liệu, năm 2023 đạt tiết kiệm được 22.000 tấn, vượt định mức 2.000 tấn, tương đương 600 tỷ đồng. Phân tích, đánh giá các hoạt động khai thác tàu bay: Nâng cao hiệu quả khai thác, giảm chi phí. Theo dõi tính toán PF đội máy bay, phối hợp với Ban KT thực hiện các giải pháp giảm PF cho các đội bay, khuyến cáo sắp xếp tàu bay theo PF. Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu block time, taxi time, định mức nhiên liệu nhằm xây dựng LB KH, LB mùa đảm bảo hiệu quả sử dụng tàu bay.

Quản trị KPI khai thác, theo dõi, phân tích, tham mưu các giải pháp đảm bảo hoàn thành KPI được giao. Báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu CHK, các tổ chức HK, lãnh đạo TCT và BGĐ.

Tham mưu giúp việc P.TGD - GDK KTB, BGĐ TTĐHKT thực hiện hoàn thành KH 2023, điều hành ngân sách đảm bảo CASK dưới MT, cắt giảm tiết kiệm chi phí toàn Khối Khai thác bay. Thực hiện quản trị theo KPI chi phí. Xây dựng KH2024 gắn với mục tiêu của Khối, đảm bảo MT chung của TCT nâng cao năng suất lao động.

Công tác Chuyển đổi số (CĐS): Phối hợp với Trung tâm CĐS và Viettel trong quá trình khảo sát, tư vấn Chiến lược CĐS của Vietnam Airlines. Hoàn thành thực hiện các nội dung CĐS trong KH2023 (30% toàn bộ lộ trình của TTĐHKT) Kế hoạch CĐS 2024 thực hiện các chương trình CĐS OCC được giao chủ trì và phối hợp, theo sát Chiến lược CĐS chung của TCT.

Phối hợp tổ chức đào tạo định kỳ và đào tạo nội bộ OCC bằng hình thức online, duy trì thi năng định

FOD, gia hạn chứng chỉ Giáo viên NVĐHKT đúng thời hạn.

Thực hiện tốt công tác kiểm soát, quản lý Hợp đồng, đề nghị thanh toán phí điều hành và bay qua, quản trị phí hạ cất cánh, chi phí KS tổ bay, PC, TV.

2.6.7 Công tác nghiên cứu khoa học, sáng kiến và kết quả

Có nhiều sáng kiến trong công tác điều hành linh hoạt, hiệu quả: bay liên chặng giảm chuyển sân tăng hệ số sử dụng ghế, chuyển sân tàu kết hợp chở khách, bơm nhiên liệu từ các sân bay có chi phí thấp (tankering), đồng bộ lịch máy bay, PC, TV, tối ưu lịch phân bay giảm ngày cách ly, giải tỏa stress cho tổ bay.

2.6.8 Công tác huấn luyện chuyển loại, phục hồi, nâng cấp, các loại hình khai thác đặc biệt dành cho phi công

Số lượt học viên: 150, đạt 69% KH năm.

Số lớp: 80, đạt 72% KH năm.

Số lớp: 80, đạt 72% KH năm.

2.6.9 Huấn luyện định kỳ, đánh giá trình độ thông thạo tiếng Anh, kỹ năng phát thanh cho PC, ANHK đường bay Mỹ

Số lượt học viên: 2.071, đạt 95% KH năm.

Số lớp: 79, đạt 74% KH năm.

2.6.10 Công tác huấn luyện tiếp viên năm 2023

Số lượt học viên: 6,338, đạt 97% KH năm.

Số lớp: 414, đạt 101% KH năm.

2.7 An toàn

Năm 2023, UBAT đã tổ chức 4 phiên họp trong đó phiên họp thường niên đầu năm sẽ đưa ra các mục tiêu, chỉ số thực hiện an toàn năm 2023. UBAT hoạt động kịp thời, hiệu quả và giám sát chặt chẽ các mục tiêu, chỉ số, chính sách và định hướng an toàn của TCT.

Các tổ SAGs: duy trì đều đặn các cuộc họp hàng tháng giám sát thực hiện an toàn khai thác. Phối hợp với các CQ, ĐV đưa giải pháp chiến lược giảm thiểu kịp thời đối với hậu quả của mối nguy hiểm đã được xác định và đảm bảo bố trí phù hợp để thu thập dữ liệu an toàn; Giám sát công tác đẩy mạnh an toàn và đảm bảo công tác huấn luyện kỹ thuật, khai thác bay, khai thác mặt đất và hàng hóa.

Phiên bản 05, Chính sách an toàn - Chất lượng đã được ký ban hành ngày 2024/01/01 cụ thể hóa các nội dung “Lãnh đạo vào cuộc” của UBAT, thúc đẩy VHAT hướng tới mức Tiên tiến, chú trọng văn hóa chính trực; đẩy mạnh văn hóa học tập liên tục trong toàn TCT.

Với hai thập kỷ tham gia chương trình đánh giá IOSA, Vietnam Airlines luôn được IATA đánh giá cao; đặc biệt, những chỉ số trọng yếu liên quan đến an toàn bay đều vượt trội so với các hãng hàng không trong nước và ở mức cao so với mặt bằng chung thế giới. Vietnam Airlines đã lần thứ 10 liên tiếp gia hạn thành công Chứng nhận An toàn khai thác IOSA, đảm bảo mọi hoạt động của hệ thống tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn IOSA dựa trên 4 mục tiêu cốt lõi: Đảm bảo Độ tin cậy của chương trình đảm bảo An toàn - Chất lượng; Chuẩn hóa công tác đánh giá; Đảm bảo liên tục tuân thủ tiêu chuẩn IOSA và Tập trung vào việc thực hiện.

Việt Nam được IATA lựa chọn tổ chức Hội nghị An toàn và Khai thác hàng không thế giới 2023 và VNA là chủ nhà của Hội nghị. Hội nghị quy tụ hơn 800 lãnh đạo và chuyên gia hàng không toàn cầu, cùng bàn thảo về việc nâng cao an toàn và hiệu quả hoạt động sau thời kỳ dài chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Vietnam Airlines đã được AirlineRatings - trang web uy tín chuyên đánh giá mức độ an toàn và chất lượng dịch vụ của các hãng hàng không toàn cầu - xếp hạng cao nhất về an toàn với số điểm tuyệt đối 7/7 và vinh danh Top 20 hãng hàng

không tốt nhất thế giới về an toàn và chất lượng dịch vụ năm 2023.

Đánh dấu sự hợp tác chặt chẽ, chia sẻ kinh nghiệm và phối hợp nhịp nhàng giữa 3 TCT là Tổng công ty Hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines), Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam (ACV) và Tổng công ty Quản lý Bay Việt Nam (VATM), Hội nghị an toàn 3 Tổng công ty lớn nhất trong ngành hàng không lần đầu tiên được tổ chức thành công tại Đồi Rồng, Hải phòng vào ngày 3, 4/11/2023 do VNA chủ trì tổ chức. Tại Hội nghị, lãnh đạo 3 TCT đã ký kết Văn bản “Cam kết phối hợp an toàn hàng không” bảo đảm cung cấp dịch vụ và khai thác an toàn giữa Vietnam Airlines, ACV và VATM.

Hội nghị kiểm soát chim và động vật hoang dã cũng diễn ra thành công và hiệu quả với hơn 2 tháng làm việc với các chuyên gia về động vật hoang dã của ICAO và các nhà nghiên cứu về ĐVHD của Trường ĐH KHTN và Viện sinh Thái Quốc gia tại các sân bay HAN, SGN, DAD, HUI, PQC, VCS. Hội nghị đã quy tụ rất nhiều các chuyên gia đầu ngành thảo luận các vấn đề kiểm soát và biện pháp phòng ngừa ảnh hưởng của ĐVHD trong hoạt động khai thác HK.

Thúc đẩy văn hóa an toàn: Từ năm 2017, Vietnam Airlines tập trung nguồn lực thúc đẩy văn hóa an toàn, xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể. Và kết quả khảo sát VHAT của IATA năm 2023, VHAT Vietnam Airlines đạt mức 4.8. Hướng đến mục tiêu VHAT đạt mức Generative level vào năm 2025. Điểm nổi bật trong văn hóa an toàn của Vietnam Airlines là đề cao tính trung thực, minh bạch, tạo môi trường làm việc mà mọi nhân viên luôn sẵn sàng báo cáo lỗi; không áp dụng các biện pháp kỷ luật đối với bất cứ nhân viên nào khi chủ động báo cáo trung thực về các sự cố, sự việc ảnh hưởng tới an toàn, các lỗi do sơ ý. Qua đó, hãng xây dựng được hệ thống dữ liệu an toàn để dự báo, kịp thời xác định các nguy cơ, kịp thời xử lý, phòng ngừa rủi ro với mục tiêu cao nhất đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các chuyến bay.

Triển khai các lớp huấn luyện sâu rộng cho toàn bộ người lao động từ lãnh đạo cấp cao đến nhân viên làm việc trực tiếp về văn hóa an toàn; thực hiện khảo sát văn hóa an toàn, tổ chức các cuộc thi Gamification về an toàn, Hội thảo văn hóa an toàn.

Các sự cố uy hiếp an toàn bay, các sự cố liên quan đến yếu tố con người và giải pháp đã xử lý:

Năm 2023, đã xảy ra 59 sự cố/vụ việc phải báo cáo Cục HKVN, giảm 38 vụ so với cùng kỳ năm 2022, trong đó không có sự cố/ vụ việc loại A, B bằng với năm 2022; có 01 sự cố loại C bằng với năm 2022; có 3 sự cố loại D, tăng 02 vụ so với năm 2022; có 55 vụ việc loại E, giảm 40 vụ so với năm 2022.

- KPI số sự cố vụ việc/ 10.000 chuyến bay là 4.76 đạt mục tiêu (MT 9.50);
- Có 13 vụ việc liên quan đến yếu tố con người, giảm

03 vụ so với năm 2022. KPI là 1.05 đạt mục tiêu (MT 1.12).

- Lĩnh vực AT khai thác bay: 16 vụ chiếm 27%, giảm 38 vụ so với năm 2022;
- Lĩnh vực AT kỹ thuật: có 39 vụ chiếm 66%, giảm 01 vụ so với năm 2022;
- Lĩnh vực AT mặt đất: 04 vụ chiếm 7%, tăng 01 vụ so với năm 2022.
- Công tác giảng bình, rút kinh nghiệm năm 2023 đã được thực hiện thường xuyên và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các CQ, ĐV liên quan, đặc biệt trong lĩnh vực khai thác bay.

Các giải pháp giảm thiểu các sự cố, vụ việc

Duy trì nghiêm chế độ trực chỉ huy, trực ban điều hành sản xuất, trực ban trưởng, trực kỹ thuật; phân công bố trí lao động hợp lý đảm bảo hoạt động khai thác, sản xuất kinh doanh được thông suốt, đạt mục tiêu an toàn và hiệu quả.

Trước mỗi chuyến bay, nhân viên điều phái tại các sân bay thực hiện nghiêm hội ý (briefing) với tổ lái các thông tin chính xác về điều kiện khai thác, hành trình bay, thông tin thời tiết. Các chi nhánh của TCT trong và ngoài nước tăng cường giám sát việc phục vụ chuyến bay của các đối tác cung cấp dịch vụ cho TCT theo hợp đồng đã ký kết.

Các tổ lái tập trung canh, nghe, báo nhận các huấn lệnh không lưu một cách đầy đủ, rõ ràng và chính xác, đặc biệt là nội dung về độ cao (mức bay), hướng bay, đường CHC sử dụng. Thực hiện nghiêm và đầy đủ quy trình kiểm tra chéo của tổ lái, đặc biệt là các nội dung về huấn lệnh không lưu.

Quản triệt đội ngũ nhân viên bảo dưỡng thực hiện nghiêm túc các quy trình trong quá trình thực hiện công việc; chủ động báo cáo các mối nguy hiểm, điều kiện tiềm ẩn có nguy cơ uy hiếp an toàn, các sai lỗi bảo dưỡng để kịp thời có biện pháp xử lý.

Thực hiện các giải pháp kỹ thuật cơ bản, nâng cao độ tin cậy hệ thống, thiết bị tàu bay; triển khai ngay các giải pháp ngăn chặn tình trạng hỏng hóc động cơ, các hệ thống quan trọng như hệ thống điều khiển, hệ thống càn, hệ thống điều áp...

Lập kế hoạch bảo dưỡng và nguồn nhân lực bảo dưỡng phù hợp với yêu cầu khai thác, tránh tình trạng quá tải và các yếu tố ảnh hưởng đến con người gây sai lỗi trong quá trình bảo dưỡng.

Phát hiện kịp thời rủi ro tiềm ẩn, đưa ra các khuyến cáo tại các khu vực như đường lăn, sân đỗ, FOD... khi sân bay sửa chữa, nâng cấp nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các chuyến bay của TCT.

2.8 An ninh

TCT quyết tâm bảo đảm an ninh trong hoạt động khai thác, thực hiện bởi các CBNV có năng lực và được huấn luyện, trang thiết bị đầy đủ và được duy trì bảo dưỡng tốt, cùng với các quy trình chặt chẽ và có sự giám sát thực hiện phù hợp nhằm bảo đảm an toàn tính mạng cho hành khách và toàn thể CBNV của TCT.

TCT ban hành các Chương trình ANHK được Cục HKVN và nhà chức trách nước ngoài phê chuẩn nhằm tuân thủ các quy định về ANHK của Việt Nam và các quốc gia có hoạt động khai thác của TCT. Các Chương trình ANHK này đưa ra các quy định mang tính bắt buộc, yêu cầu các cán bộ nhân viên, CQĐV của TCT và đơn vị cung cấp dịch vụ tuân thủ, thực hiện nghiêm.

TCT chấp nhận các chi phí về ANHK, sử dụng có hiệu quả nguồn tài chính được đầu tư để phục vụ cho công tác bảo đảm ANHK, góp phần bảo đảm an toàn cho hoạt động của TCT, giao thông đường không và an ninh quốc gia.

TCT mong muốn những cam kết và chính sách an ninh trong các Chương trình ANHK và tài liệu liên quan khác được đảm bảo thực hiện bởi các CBNV một cách chuyên nghiệp trong mọi hoạt động khai thác của TCT. Mọi vi phạm trong công tác bảo đảm ANHK đều được điều tra, làm rõ, xử lý nghiêm và kịp thời khen thưởng các tổ chức, cá nhân tuân thủ, thực hiện tốt các quy định về ANHK.



Kết quả công tác bảo đảm ANHK năm 2023

Năm 2023, TCT tiếp tục gặp khó khăn và thách thức, trong đó môi trường kinh doanh vận tải hàng không chịu nhiều tác động bởi các bất ổn về kinh tế, chính trị thế giới và khu vực. Căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế có xu thế gia tăng. Xung đột chính trị, quân sự tại các quốc gia, khu vực tiếp tục leo thang ảnh hưởng đến sản lượng vận chuyển hàng hóa, hành khách trong nước và quốc tế. Đặc biệt, hậu quả của dịch Covid-19 để lại, cũng như xung đột quân sự Nga - Ukraine và chiến sự tại khu vực Trung Đông đã ảnh hưởng không nhỏ đến ngành hàng không và TCT.

Trước tác động của bối cảnh tình hình nêu trên, TCT đã thực hiện quyết liệt nhiều giải pháp quản lý, điều hành, trong đó đã bám sát sự chỉ đạo của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước, Bộ GTVT, Cục HKVN, chủ động, tích cực phối hợp với các CQĐV liên quan để triển khai có hiệu quả các nội dung, yêu cầu công tác bảo đảm ANHK theo quy định, bảo đảm an ninh cho hoạt động khai thác của TCT trên tất cả các lĩnh vực, địa bàn hoạt động, góp phần quan trọng vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của TCT. Một số kết quả công tác nổi bật:

Một là, kiện toàn, nâng cấp, nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống tổ chức ANHK của TCT. Trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá thực tế các cơ quan tham mưu, giúp việc của TCT và mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ bảo đảm ANHK của các hãng hàng không trong khu vực, trên thế giới và Việt Nam, cũng như của ACV và VATM, TCT đã quyết định thành lập Ban ANHK trên cơ sở nâng cấp Phòng ANHK hiện nay để đảm bảo bộ phận ANHK có chức trách, thẩm quyền tương đương về mặt hành chính so với các cơ quan tham mưu, giúp việc khác của TCT, Ban ANHK bắt đầu đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2024. Theo mô hình tổ chức Ban ANHK, Trưởng ban ANHK là người đứng đầu hệ thống quản lý ANHK của TCT, chịu trách nhiệm chính, cuối cùng trước Tổng giám đốc về công tác bảo đảm ANHK theo đúng quy định pháp luật.

Hai là, kịp thời tổ chức xây dựng, cập nhật, sửa đổi chính sách, tiêu chuẩn ANHK phù hợp với quy định pháp luật và thực tế hoạt động khai thác. Trọng tâm là cập nhật, sửa đổi Chương trình ANHK lần thứ 7,

các Quy chế ANHK của các đơn vị trực thuộc và Bộ Giáo trình ANHK của TCT theo Thông tư 34/2022/TT-BGTVT ngày 22/12/2022, Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT ngày 31/12/2020 và Thông tư số 42/2023/TT-BGTVT ngày 29/12/2023 của Bộ GTVT; cập nhật, sửa đổi Quy trình phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của TCT theo Nghị định 96/2021/NĐ-CP ngày 02/11/2021 của Chính phủ về công tác bảo đảm chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang và Thông tư số 25/2022/TT-BGTVT ngày 20/10/2022 của Bộ GTVT quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang; xây dựng và triển khai các thủ tục an ninh để mở đường bay HAN/SGN-BOM, HAN-MEL, HAN/SGN-PER; thực hiện tốt công tác kiểm soát chất lượng ANHK, đáp ứng các tiêu chuẩn ANHK trong các đợt thanh tra, thanh sát ANHK của Cục HKVN và Cục An ninh vận tải Mỹ (TSA).

Ba là, chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng nắm chắc tình hình an ninh liên quan trong và ngoài nước để kịp thời nhận diện, đánh giá các nguy cơ, rủi ro an ninh và triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh cho các đường bay, địa bàn khai thác, ứng phó có hiệu quả với các tình huống có thể ảnh hưởng đến hoạt động khai thác của TCT: (1) Triển khai phương án bảo đảm an ninh tuyệt đối cho **145** chuyến bay chuyên khoang nội địa và **21** chuyến bay chuyên cơ quốc tế, góp phần quan trọng phục vụ hoạt động đối ngoại của lãnh đạo Đảng, Nhà nước. (2) Tăng cường các biện pháp an ninh dịp Lễ Tết, các ngày kỷ niệm, sự kiện trọng đại của đất nước, thời điểm xảy ra vụ việc khủng bố tại Đắc Lắc, cho các chuyến bay của TCT đi/đến Indonesia trước thông tin đe dọa khủng bố Việt Nam của Tổ chức khủng bố JAD, các chuyến bay của TCT đi/đến châu Âu trước tình hình đe dọa an ninh, tấn công khủng bố tại một số quốc gia châu Âu. (3) Kịp thời đánh giá rủi ro an ninh để điều chỉnh, áp dụng đường bay đi/đến châu Âu qua không phận Iran và đường bay đi/đến châu Âu, Hoa Kỳ qua không phận Nga. (4) Phối hợp tra cứu, xác minh và cung cấp các thông tin liên quan, đáp ứng **150** lượt yêu cầu của cơ quan chức năng trong và ngoài nước; kịp thời cập nhật, cảnh báo trên hệ thống thông tin của **201** đối tượng truy nã, đối tượng liên quan đến vụ án cần theo dõi, đối tượng

cấm vận chuyển, kiểm tra bắt buộc để chủ động phát hiện, ngăn chặn và thông báo cho các cơ quan chức năng. (5) Triển khai hàng loạt các biện pháp trong bảo đảm an ninh đối với hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi, tàu bay... kịp thời phát hiện và xử lý theo quy định 65 vụ việc liên quan đến ANHK, không có vụ việc nghiêm trọng, tăng nhẹ so với năm 2022, góp phần quan trọng bảo đảm an ninh cho tất cả các chuyến bay và hoạt động khai thác tại địa bàn trong và ngoài nước.

Bốn là, tăng cường các giải pháp phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, kiểm soát an ninh nội bộ, hạn chế thấp nhất vi phạm kỷ luật, pháp luật của CBNV. TCT đã bám sát chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền, đặc biệt của Ban chỉ đạo quốc gia về phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả (Ban chỉ đạo 389), Bộ GTVT, Ủy ban Quản lý vốn NN, Cục HKVN và chủ động triển khai quyết liệt nhiều giải pháp, từng bước giảm thiểu các vụ việc buôn lậu, gian lận thương mại, vi phạm pháp luật, kỷ luật xảy ra trong hoạt động khai thác, góp phần bảo vệ CBNV và uy tín của TCT: (1) Đẩy mạnh công tác truyền thông, quán triệt sâu rộng đến toàn thể CBNV thông qua việc huấn luyện về văn hóa ANHK để mọi người nắm được, không tham gia, tiếp tay, giúp sức cho hoạt động buôn lậu, vi phạm kỷ luật, pháp luật. (2) Tổ chức rà soát, tăng cường công tác kiểm soát an ninh nội bộ, thực hiện luân chuyển và yêu cầu 100% cán bộ, nhân viên làm việc tại các vị trí trực tiếp tiếp xúc với hành lý, hàng hóa, tàu bay phải ký cam kết không tham gia hoặc tiếp tay cho các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại và vận chuyển hàng giả. (3) Tăng cường kiểm tra hành lý tổ bay trên các chuyến bay quốc tế để đảm bảo việc tuân thủ nghiêm hành lý tổ bay và quy định hải quan. (4)

Chủ động triển khai các biện pháp phòng ngừa phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả; phối hợp kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm vi phạm theo quan điểm của TCT là không dung túng, bao che cho các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả.

Năm là, chủ động phối hợp với Cục Quản lý xuất nhập cảnh (A08), Bộ Công an triển khai lực lượng an ninh trên không trên các chuyến bay của TCT. TCT đã phối hợp chặt chẽ với Cục A08 trong công tác đào tạo kiến thức hàng không cho lực lượng an ninh trên không, triển khai lực lượng an ninh trên không bay huấn luyện thực hành và bay chuyên khoang nội địa, bảo đảm tạo điều kiện tối đa cho lực lượng an ninh trên không thực hiện nhiệm vụ trên chuyến bay và không làm ảnh hưởng đến hoạt động khai thác thương mại, thực hiện chuyến bay chuyên khoang của TCT: (1) Phối hợp tổ chức 02 khóa đào tạo, huấn luyện cơ bản và nâng cao về kiến thức hàng không và kiến thức ANHK cho 42 cán bộ, sĩ quan an ninh trên không. (2) Phối hợp triển khai lực lượng an ninh trên không bay huấn luyện thực hành trên tàu bay A350, B787 của 22 chuyến bay thương mại. (3) Phối hợp triển khai lực lượng an ninh trên không thực hiện nhiệm vụ trên 68 chuyến bay chuyên khoang nội địa, phục vụ các đồng chí Lãnh đạo Đảng và Nhà nước đi công tác trong nước.

Phụ lục: Thống kê vụ việc ANHK năm 2023

STT	Nội dung vụ việc	Năm 2023 (vụ)	Năm 2022 (vụ)	So sánh
1	Khách dọa bom/chất nổ, vũ khí, đe dọa cướp tàu bay	2	2	0
2	Khách gây rối, không chấp hành hướng dẫn, say bia/rượu	11	10	1↑
3	Khách hút thuốc trên tàu bay	19	8	1↑
4	Khách sử dụng điện thoại, Ipad trên tàu bay	0	0	0
5	Khách trộm cắp trên tàu bay	1	0	1↑
6	Khách sử dụng giấy tờ giả	12	9	3↑
7	Khách sử dụng giấy tờ khác tên/sai quy định	1	0	1↑
8	Khách vận chuyển vũ khí sai quy định	0	2	2↓
9	Khách mang theo vật cấm, CCHT sai quy định	9	11	2↓
10	Trộm cắp tại mặt đất	0	0	0
11	Mất tài sản trong hành lý ký gửi của khách	0	0	0
12	Đồng bộ hành khách/nhầm chuyến	3	7	4↓
13	Mất/trộm cắp/gây hư hỏng áo phao	1	0	1↑
14	Buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả	4	0	4↑
15	Để lọt khách cấm bay	0	1	1↓
16	Tổ bay vi phạm	0	1	1↓
17	Vi phạm an ninh khác	2	6	4↓
Tổng cộng		65	57	8↑



2.8 Quản trị nguồn nhân lực

2.8.1 Tổng số lao động công ty mẹ và hợp nhất đến 31/12/2023

Số lao động hợp nhất của TCT tính đến 31/12/2023 là 19.167 người, bao gồm 5.229 của Công ty mẹ và 13.938 người của các Công ty con, công ty liên kết.

Trong số đó, đối với Công ty mẹ: Lao động được tính là lao động trong danh sách quản lý của các CQ, ĐV (không gồm TV ALSIMEXCO). Nguồn lao

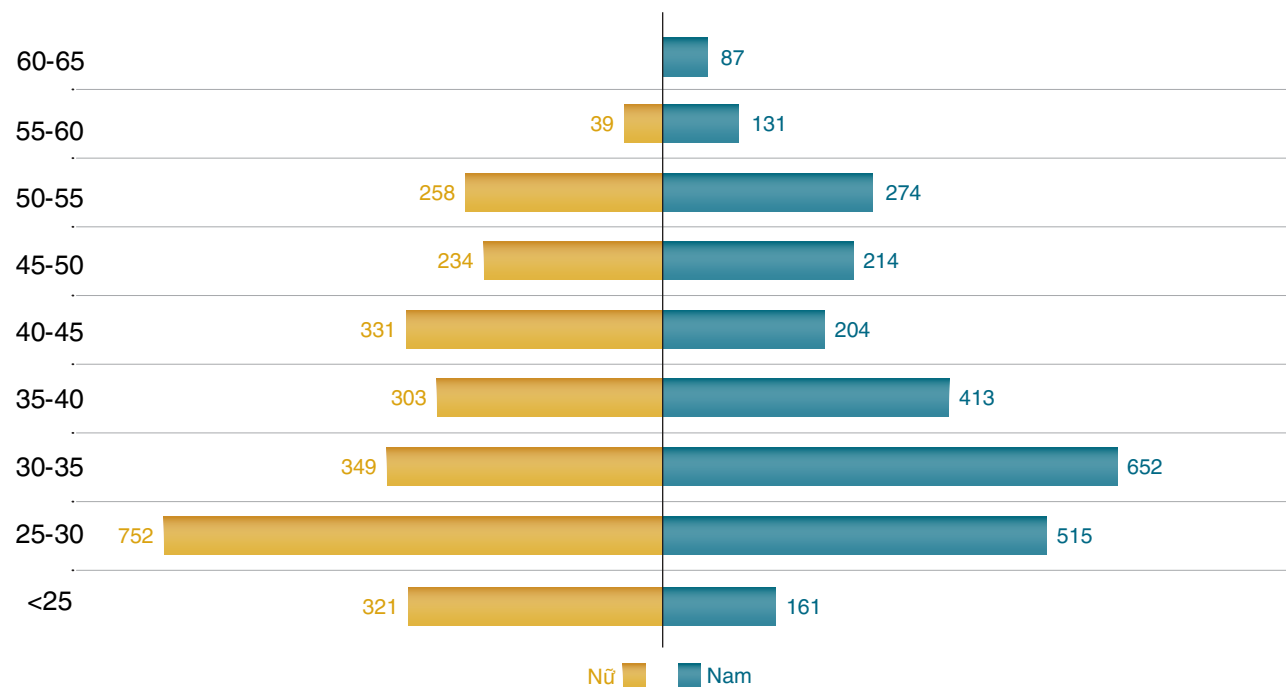
động của Vietnam Airlines tiếp tục phát triển theo xu hướng trẻ hóa, chú trọng nâng cao, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ không chỉ về mặt số lượng mà còn cả về chất lượng, đặc biệt với lao động đặc thù như phi công, tiếp viên, sẵn sàng đáp ứng tốt các yêu cầu sản xuất kinh doanh và hoạt động vận tải hàng không.

Thông tin công ty mẹ

a. Lao động bình quân, tuổi đời bình quân

Cơ cấu lao động theo giới tính, độ tuổi (reverse order). Lao động sử dụng bình quân trong năm là 5.161 người, tính trên số đi làm và đã quy đổi theo tỷ lệ

ngày công làm việc thực tế trong tháng; riêng PC, TV tính theo số lượng thực tế khai thác bay.

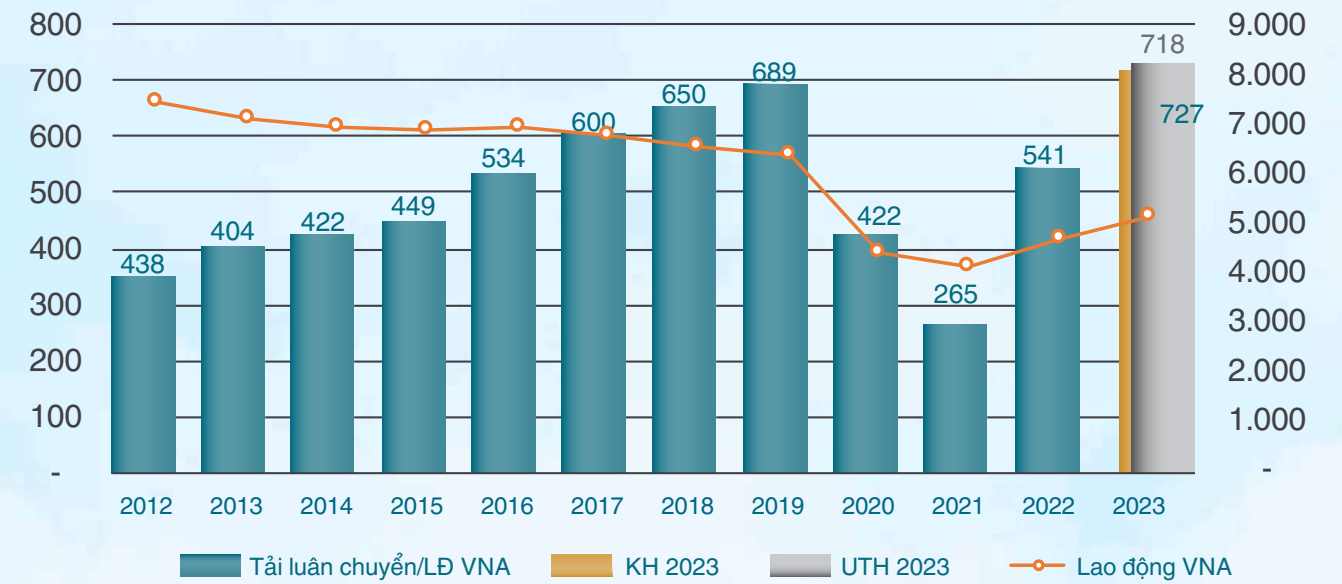


b. Các chỉ tiêu về NSL

Nhằm đảm bảo nguồn nhân lực được sử dụng tối ưu, tiết kiệm, các kịch bản về sản lượng, đảm bảo nguồn lực phi công, tiếp viên cho khai thác bay được xây dựng theo phương án sản lượng cao; người lao động tạm hoãn HĐLĐ do ảnh hưởng của Covid-19 trở lại làm việc từ 01/01/2023 được sắp xếp, bố trí, đánh giá thực hiện công việc theo đúng quy định; số LĐ thôi việc đã được tuyển dụng bù đắp hợp lý, tương ứng với quy mô hoạt động

SXKD, đáp ứng nhu cầu từng bước phục hồi, thực hiện chủ trương chuyển đổi số, tăng năng lực quản trị, cạnh tranh.

Với việc điều hành, sử dụng tiết kiệm lao động, lao động sử dụng bình quân 2023 là 5.161 người, bằng 97% so với KH2022 báo cáo ĐHCĐ. Năng suất lao động theo tải vận chuyển có doanh thu RTK (Revenued Ton Kilometre) là 727 nghìn tấn.km/LĐ, đạt 101% kế hoạch.



Nguyên nhân tăng giảm so với năm trước: Số lượng lao động mặt đất nghỉ việc tự nguyện năm 2023 giảm dần so với năm trước do tình hình sản xuất kinh doanh của TCT dần phục hồi, lao động được quay trở lại làm việc sau tạm hoãn HĐLĐ và mức lương năng suất được cải thiện.

Các yếu tố chính tác động: Yếu tố hàng đầu ảnh hưởng đến quyết định nghỉ việc của lao động mặt đất trong những năm trước là ảnh hưởng của dịch bệnh dẫn đến không đảm bảo về thu nhập, cơ hội phát triển trước mắt và dài hạn.

Các giải pháp đã thực hiện để cải thiện, nâng cao hiệu quả lao động:

Đảm bảo cơ chế lương - thưởng minh bạch. Tích cực truyền thông nội bộ về các chế độ phúc lợi cho người lao động, chú trọng vào chế độ phúc lợi như

một yếu tố thu hút ứng viên khi tuyển dụng và giữ chân người lao động.

Cơ chế đánh giá công bằng - minh bạch: nhìn nhận và đánh giá năng lực nhân viên thường xuyên dựa vào giá trị hiệu suất công việc, luôn có sự lắng nghe, phản hồi tích cực và khen thưởng khi nhân viên đạt thành tích tốt, đem lại cơ hội thăng tiến cho những cá nhân xứng đáng.

Lan tỏa văn hóa doanh nghiệp đến rộng rãi người lao động: xây dựng văn hóa doanh nghiệp vững chắc, môi trường làm việc hiện đại, chuyển đổi số để giảm áp lực công việc, gia tăng năng suất lao động.

Xây dựng lộ trình thăng tiến rõ ràng, tạo điều kiện phát triển cho người lao động; chú trọng đào tạo kỹ năng và luân chuyển nội bộ.



2.8.2 Kết quả triển khai

Tuyển dụng

TCT tiếp tục chương trình tạo nguồn, tuyển chọn và đào tạo lực lượng lao động đặc thù theo hình thức xã hội hóa, tiếp nhận Phi công cơ bản để đưa vào huấn luyện chuyển loại khai thác bay, tuyển bổ sung Tiếp viên để bù đắp số chấm dứt HĐLĐ và chuẩn bị nguồn lực cho 2024. Bên cạnh đó, quy trình tuyển dụng đã góp phần bổ sung một nguồn lao động mặt đất trẻ dồi dào, có nhiều tiềm năng, đóng góp tích cực trong công tác thúc đẩy nâng cao chất lượng và năng suất lao động.

Đào tạo

Trong bối cảnh môi trường kinh doanh có nhiều khó khăn và thách thức hậu dịch bệnh COVID-19, hệ thống đào tạo của TCT đã nỗ lực, tích cực triển khai, hoàn thành tốt công tác cập nhật hệ thống tài liệu, chính sách đào tạo huấn luyện đáp ứng yêu cầu của Cục HKVN; tổ chức tốt công tác đào tạo đối với Phi công, Tiếp viên, Nhân viên kỹ thuật máy bay, Nhân viên khai thác mặt đất, đào tạo phát triển cán bộ nguồn, cán bộ quản lý, giáo viên, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 - năm trọng yếu trong KH 5 năm giai đoạn 2021-2025 của TCT.

STT	Nội dung đào tạo	Số lượng (lượt người)
1	Tổ chức đào tạo các môn IOSA theo yêu cầu của Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay đối với phi công, tiếp viên, nhân viên kỹ thuật máy bay, khai thác mặt đất	97.350
2	Tổ chức đào tạo chuyển đổi hệ thống PSS đối với cán bộ, giáo viên khối Thương mại, Khối Dịch vụ	6.459
3	Tổ chức đào tạo nâng tầm dịch vụ (Uplifting service) đối với tất cả các cấp từ lãnh đạo quản lý cấp cao, cấp trung đến tất cả đội ngũ nhân viên	2.096
4	Đào tạo phát triển lao động đặc thù: <ul style="list-style-type: none"> □ Huấn luyện chuyển loại nâng định loại máy bay □ Đào tạo nâng cấp Lái chính 	Trên 100

Đánh giá chung: Công tác huấn luyện được tổ chức đảm bảo theo đúng mục tiêu, yêu cầu, trong đó: Hoàn thành tốt công tác xây dựng, cập nhật hệ thống tài liệu, chính sách đào tạo huấn luyện, trình Cục HKVN phê chuẩn bao gồm: Chính sách huấn luyện khối Khai thác bay (PART D1) theo Thông tư 09/2023/TT - BGTVT, Chương trình, giáo trình đào tạo Hàng nguy hiểm theo CBTA Competency Based Training Assessment), chương trình, giáo trình đào tạo An ninh hàng không theo Thông tư 34/2022/TT - BGTVT; Hoàn

thành xây dựng giáo trình 10 công cụ đào tạo nâng tầm dịch vụ (Uplifting Service); Tổ chức tốt công tác đào tạo cán bộ nguồn, cán bộ quản lý, giáo viên để chuẩn bị cho kế hoạch khai thác của TCT trong năm 2024 và các năm sắp tới cụ thể như sau:

- Xây dựng, cập nhật Quy chế, chính sách, chương trình, giáo trình: Chủ động xây dựng, cập nhật hệ thống chính sách, chương trình, giáo trình, tài liệu huấn luyện đảm bảo đúng tiến độ, đáp ứng yêu cầu của Cục HKVN, IOSA - IATA và yêu cầu của TCT;

- Đào tạo cán bộ quản lý: Xây dựng chương trình đào tạo quản trị, điều hành doanh nghiệp, các hội thảo chuyên đề; triển khai chương trình đào tạo chuyên sâu về lĩnh vực hàng không cho các đối tượng nguồn, cán bộ quản lý đã được qui hoạch, bổ nhiệm;
- Đào tạo phát triển giáo viên: Tổ chức quy hoạch và đào tạo phát triển lực lượng nguồn giáo viên, đặc biệt là giáo viên PC;
- Đào tạo lao động đặc thù: Đẩy nhanh tiến độ đào tạo chuyển loại PCCB và đào tạo nâng cấp Phi công (lái chính các loại máy bay);
- Hoàn thành kế hoạch đào tạo chuyển đổi hệ thống PSS vào trung tuần tháng 4/2024;
- Đào tạo các môn IOSA: Duy trì và kiểm soát chặt chẽ công tác đào tạo, huấn luyện các môn IOSA đối với PC, TV, nhân viên khai thác mặt đất nhằm góp phần giữ vững an toàn bay của TCT;
- Ứng dụng CNTT, công nghệ số: Đẩy mạnh việc số hóa bài giảng trên E-learning để tăng cường hiệu quả giảng dạy theo hình thức trực tuyến, tạo chủ động cho học viên, giáo viên và tiết kiệm thời gian, chi phí của TCT; Tạo môi trường văn hóa học tập, khuyến khích NLĐ tích cực học tập, tham dự các hội thảo để phát huy ý tưởng, sáng kiến của NLĐ đóng góp cho TCT...



Văn hoá doanh nghiệp

Xuyên suốt quá trình hình thành, xây dựng và phát triển bền vững của Vietnam Airlines, việc xây dựng VHDN và phát triển văn hóa công sở, con người trên nền tảng kế thừa, phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, giá trị truyền thống của ngành Hàng không dân dụng và Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng, đã kiến tạo nên sức mạnh nội sinh cũng như nét văn hóa riêng biệt của TCT. Từ đó, góp phần kết tinh nên các giá trị cốt lõi cho VHDN và được thấm nhuần qua thời gian, trở thành những chuẩn mực đạo đức không chỉ trong văn hóa giao tiếp, ứng xử mà còn bao gồm cả tầm nhìn sứ mệnh, giá trị cốt lõi, các quy tắc, phong cách quản lý, mục tiêu, chiến lược phát triển và hành vi, thái độ của mọi thành viên trong Vietnam Airlines.

Bên cạnh tinh thần nêu cao trách nhiệm trong việc bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp hiện hữu, việc phát triển, nâng tầm VHDN gắn liền với chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế cũng là những tiêu chí vô cùng quan trọng. Với mục tiêu xây dựng Vietnam Airlines vững mạnh, mang bản sắc riêng, bộ quy tắc văn hóa, ứng xử, cuốn “Sổ tay Văn hóa Vietnam Airlines” đang từng bước được hoàn thiện, ban hành và triển khai kiến tạo văn hoá. Đóng vai trò là kim chỉ nam để mỗi thành viên trong tổ chức thấu hiểu, trân trọng và gìn giữ những giá trị tinh túy của doanh nghiệp, sổ tay văn hóa là công cụ không thể thiếu trong quá trình thay đổi và hoàn thiện bản thân của mỗi cá nhân, chung tay củng cố sức mạnh tập thể.



Trách nhiệm đối với môi trường và xã hội

Sau 3 năm ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch, năm 2023, dịch bệnh Covid-19 về cơ bản đã được kiểm soát hoàn toàn trên thế giới, sản lượng khách luân chuyển dự kiến trên đà phục hồi, hoạt động sản xuất kinh doanh của TCT đã có những dấu hiệu chuyển biến tích cực. Trên cơ sở xác định nguồn quỹ tiền lương năm 2023 theo Nghị định số 20/2020/NĐ-CP, TCT đã điều hành linh hoạt chính sách tiền lương phù hợp với quy mô sản xuất kinh doanh, qua đó tạo điều kiện ổn định đời sống cho người lao động, giữ chân lao động chất lượng cao, duy trì nguồn lực chuẩn bị phục hồi, phát triển sau đại dịch.

Để tạo động lực cho người lao động đã và đang nỗ lực cố gắng hoàn thành nhiệm vụ và duy trì sự gắn kết của người lao động với TCT, lãnh đạo TCT đã có những thay đổi về chính sách tiền lương ngay từ đầu năm. Cụ thể: điều chỉnh tăng tỉ lệ hưởng tiền lương chuyển bay, tiền lương năng suất,... cao hơn năm 2022 cho tất cả các nhóm chức danh: Phi công Việt Nam, Tiếp viên cơ hữu, Lao động mặt đất. Chính sách này được duy trì ổn định cả năm để tạo động lực cho người lao động dù tình hình kinh tế vĩ mô có nhiều biến động khó lường (xung đột Ukraine và Nga, chiến sự Isarel, giá dầu tăng, tỷ giá ngoại tệ tăng,...) ảnh hưởng không nhỏ đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của TCT.

Ngoài ra, TCT đã tích cực làm việc, phối hợp với Ủy ban quản lý vốn và Bộ LĐTBXH trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quỹ tiền lương bổ sung bù chênh lệch mức lương giữa Người lái máy bay Việt Nam và Người lái máy bay nước ngoài cùng bay cho VNA. Ngày 23/8/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Nghị định số 64/2023/NĐ-CP về bổ sung Nghị định số 87/2021/NĐ-CP ngày 29/9/2021 của Chính phủ về kéo dài thời gian thực hiện và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2020/NĐ-CP ngày 17/2/2020 của Chính phủ thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với một số Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước.

Đối với các chế độ chính sách khác, TCT luôn thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Nhà nước và pháp luật về lao động, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Ngoài ra, TCT tiếp tục duy trì các chế độ phúc lợi khác như bảo hiểm sức khỏe đối với người lao động, chế độ vé miễn giảm cước, trang phục ngành, chế độ hỗ trợ người lao động nghỉ chờ hưu.

Việc điều hành linh hoạt chính sách nhân lực, tiền lương phù hợp tình hình sản xuất kinh doanh giúp tiền lương bình quân chung của người lao động năm 2023 phục hồi trên 85% so với thực hiện năm 2019 (giai đoạn đỉnh cao sản xuất kinh doanh của Tổng công ty).



2.10 Truyền thông, phát triển thương hiệu

Trong năm 2023, hoạt động thương hiệu, quảng cáo, truyền thông của TCT được triển khai theo hướng toàn diện, đa kênh, hỗ trợ mạnh mẽ công tác bán và gia tăng doanh thu. Đồng thời, quảng cáo truyền thông chú trọng các yếu tố nhân văn, thân thiện, trẻ trung, năng động, sáng tạo, hiện đại, khẳng định vị thế, vai trò của Hãng hàng không quốc gia trong sự phát triển của đất nước và quảng bá văn hóa Việt Nam.

Quản trị hình ảnh thương hiệu

- Duy trì hình ảnh thương hiệu tại tất cả các điểm chạm với khách hàng và cán bộ nhân viên.
- Phát triển nhận diện thương hiệu theo hướng trẻ trung, hiện đại, hợp xu thế.
- Tăng cường hợp tác với các tỉnh, thành phố, tập đoàn, doanh nghiệp, đại sứ quán, lãnh sự quán các nước để xây dựng, phát triển thương hiệu, hình ảnh.
- Tiếp tục triển khai nghiên cứu, thực hiện chương trình tái định vị thương hiệu.

Quảng cáo truyền thông

- Kết nối với khách hàng qua quảng cáo truyền thông tích hợp 360 độ trên nhiều kênh phương tiện và sự kiện.
- Tập trung quảng cáo, truyền thông về các điểm mạnh, điểm nổi trội trong sản phẩm dịch vụ của Vietnam Airlines như Dịch vụ tận tâm, Máy bay hiện đại, Tinh hoa ẩm thực, Tiếp viên chuyên nghiệp, Điểm đến, Top 20 hãng hàng không tốt nhất thế giới về an toàn và chất lượng dịch vụ...
- Đẩy mạnh quảng cáo bán các hạng doanh thu cao và quảng cáo bán các thị trường quốc tế trọng điểm.
- Triển khai kịp thời và đúng tiến độ 100% chương trình quảng cáo chiến thuật, đặc biệt chú trọng tính cá nhân hóa. Các chiến dịch quảng cáo đạt hiệu quả vượt trội về KPI trên các nền tảng số.
- Thông tin truyền thông bên ngoài và nội bộ bám sát định hướng sản xuất kinh doanh của TCT. Các KPI truyền thông và thị phần tin tức được đảm bảo
- Quan hệ báo chí tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh nhằm hỗ trợ hoạt động truyền thông.
- Tăng cường tham gia tổ chức và tài trợ các chương trình, sự kiện mang tầm quốc gia, quốc tế.
- Các kênh truyền thông tương tác và chăm sóc khách hàng trên mạng xã hội được đa dạng hóa (Facebook, Instagram, Tiktok, Zalo, LinkedIn...).
- Bắt kịp xu hướng, công cụ mới thông qua các chương trình như OneS, mascot và trẻ hóa thương hiệu VNA thông qua hợp tác với nghệ sĩ trẻ.



Sự kiện nổi bật

Tổ chức các chiến dịch, sự kiện tạo điểm nhấn, thu hút được sự quan tâm của khách hàng, đối tác và công chúng như các sự kiện kỷ niệm ngày lễ, Tết; khai trương đường bay mới (Ấn Độ, Úc); hội chợ Vietnam Airlines Festa; hội chợ VITM, ITE; Lễ ký kết với các tỉnh thành, doanh nghiệp; Lễ kỷ niệm 20 năm đường bay Pháp; Ký kết MOU 50 tàu bay Boeing 737 MAX; Hội nghị an toàn và khai thác thế giới IATA; Cuộc thi Youth Travel Awards; Giải Bơi chèo thuyền rồng Hà Nội mở rộng và giải chạy Run for Love; Kỷ niệm 15 năm website; Chiến dịch bình đẳng giới; Lễ phát động và chuyến bay tô cam; Tổ chức đưa tàu A321 khai thác sân bay Điện Biên mới...

Hoạt động CSR

Triển khai hiệu quả các hoạt động CSR nổi bật mang dấu ấn thương hiệu thông qua việc kết nối, kêu gọi nguồn lực từ các hội viên LotuSmile để mang lại nhiều giá trị cho cộng đồng và xã hội. Các hoạt động đã quyên góp được tổng số dăm lên đến 6,71 triệu (tương đương 4,1 tỷ VND). Các chương trình CSR tiêu biểu trong năm 2023:

- Phối hợp các bác sĩ tổ chức phẫu thuật 180 ca bệnh hàm - sọ - mặt- mắt, phẫu thuật 1100 nụ cười, thăm khám sàng lọc dị tật tim cho 35.000 trẻ em.
- Quyên góp hơn 2 tấn thực phẩm còn dư sau các chuyến bay để giúp đỡ 800 hoàn cảnh khó khăn thiếu thốn lương thực.
- Tổ chức thành công Chuyến đi mơ ước 1 và 2 cho hàng trăm trẻ em mồ côi, có hoàn cảnh khó khăn.
- Tổ chức chuyến bay Hành trình đoàn viên đưa người lao động trở về quê hương trong dịp Tết nguyên đán.
- Tổ chức giải chạy thiện nguyện Run For Love.
- Đồng hành cùng Lễ phát động Quốc gia, hưởng ứng Tháng hành động vì môi trường năm 2023, Vietnam Airlines đã trồng mới 3.000 cây lim xanh tại Rừng phòng hộ sông Ngàn Phố, tỉnh Hà Tĩnh..



Giải thưởng

10 giải thưởng quốc tế

STT	Giải thưởng quốc tế
1	Top 20 Hãng hàng không tốt nhất thế giới về an toàn và chất lượng dịch vụ - AirlineRatings
2	Top 100 Hãng hàng không tốt nhất thế giới (xếp hạng 44/100) - Skytrax
3	Top 10 Hãng hàng không quốc tế tốt nhất khai thác đến Hoa Kỳ - Bounce
4	Hãng hàng không hàng đầu châu Á về hạng ghế Phổ thông - World Travel Awards
5	Hãng hàng không hàng đầu Châu Á về bản sắc văn hóa - World Travel Awards
6	Hãng hàng không hàng đầu Châu Á về dịch vụ phi hành đoàn - World Travel Awards
7	Hãng hàng không hàng đầu Châu Á về tạp chí trên không - World Travel Awards
8	Hãng hàng không hàng đầu thế giới về bản sắc văn hóa - World Travel Awards
9	Hãng hàng không quốc tế 5 sao – APEX
10	Top 3 Hãng hàng không có dịch vụ suất ăn, đồ uống tốt nhất - APEX

13 giải thưởng trong nước

STT	Giải thưởng trong nước
1	Thương hiệu du lịch được yêu thích nhất tại Việt Nam - YouGov
2	Thương hiệu quốc gia
3	Thương hiệu có chỉ số cải thiện nhiều nhất (xếp hạng Nhất) - YouGov
4	Top 2 công ty cung cấp trải nghiệm khách hàng tốt nhất thị trường Việt Nam - Tạp chí Campaign Asia
5	Top 10 Nhân hiệu nổi tiếng (xếp hạng Nhất) - Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam
6	Thương hiệu HK giá trị nhất Việt Nam - Brand Finance và Mibrand Vietnam
7	Top 5 DN tăng trưởng sức mạnh thương hiệu toàn ngành - Brand Finance và Mibrand Vietnam
8	Top 26 Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam - Brand Finance
9	Top 500 nhà tuyển dụng tốt nhất Việt Nam (xếp hạng 52/500)
10	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ tặng VNA đã có nhiều đóng góp tích cực vào thành công của năm Chủ tịch ASEAN 2020.
11	Giải thưởng Human Act Prize (Hành động vì cộng đồng) cho hạng mục Dự án Bền bỉ Cùng Sen Vàng kết nối yêu thương
12	Doanh nghiệp đạt chuẩn Văn hoá kinh doanh Việt Nam 2023 - Ban Tuyên giáo và Bộ Công Thương
13	Bảng xếp hạng các thương hiệu tốt nhất tại Việt Nam - Decision Lab

Kết quả

Tiêu chí	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023
Thị phần truyền thông VNA Group	56%	58.8%
Sắc thái thảo luận	Tích cực ≥ 25.9%	Tích cực 26.03%

2.11 Công nghệ thông tin

a. Các ứng dụng công nghệ thông tin mới hoặc được cải tiến trong các lĩnh vực kinh doanh (thương mại, khai thác, kỹ thuật, công tác bán, quản trị,...)

Năm 2023, TCT đã triển khai đẩy mạnh các giải pháp CNTT nhằm tiến tới mục tiêu đưa Vietnam Airlines trở thành Hãng Hàng không số; nghiên cứu ứng dụng các giải pháp CNTT thông minh trong tất cả các lĩnh vực nhằm tối ưu hóa quy trình công việc, tiết kiệm chi phí, tăng doanh thu và mang lại trải nghiệm cho khách hàng phù hợp với yêu cầu phát triển của CMCN 4.0. Cụ thể như:

- Hoàn thành triển khai nhiều hệ thống phần mềm quan trọng phục vụ công tác chuyên môn: Phần mềm quản lý hợp đồng của TCT (CMS); phần mềm quản lý bảo dưỡng kỹ thuật (TIMS); phần mềm quản trị Khẩn nguy, quản trị gian lận điểm thưởng Loyalty;
- Hoàn thành nâng cấp hệ thống báo cáo thương mại lĩnh vực Hàng hóa và Bông sen vàng sang nền tảng công nghệ mới;
- Hoàn thành xây dựng phân hệ quản lý điểm thưởng Booker của hệ thống B2B;
- Tiếp tục mở rộng việc triển khai kết nối DCP Webservices cho các đại lý truyền thống và OTA để mở rộng mạng bán;
- Tiếp tục hoàn thành hệ thống API Data Hub phục vụ quản lý các OTA trong chương trình chuyển đổi PSS mới của TCT;
- Tối ưu hóa kênh truyền Internet phục vụ sản xuất kinh doanh và chuẩn bị cho công tác chuyển đổi hệ thống PSS/DCS;
- Đảm bảo hệ thống hạ tầng HNTH và VPN phục vụ hoạt động làm việc của CB, NV của TCT.

b. Đánh giá độ sẵn sàng các hệ thống CNTT

Độ sẵn sàng các hệ thống CNTT trung bình trong năm 2023 là 99,99%.

Các chỉ tiêu ANTT trung bình trong năm 2023 là 100%.

c. Các chính sách về an toàn thông tin, bảo mật thông tin cho khách hàng, cổ đông và những thay đổi quan trọng (nếu có)

- Đảm bảo ANTT cho các hệ thống CNTT, đạt KPI về an toàn thông tin đã đề ra như Tỷ lệ các máy trạm cài đặt các phần mềm ANTT đạt 100%; Tỷ lệ các máy chủ cài đặt các phần mềm ANTT đạt 100%; Tỷ lệ xử lý các sự cố về ATTT đạt 100%.
- Tối ưu các dịch vụ và giải pháp ANTT khác được tối ưu để ứng phó với khó khăn về ngân sách của VNA.
- Cam kết thực hiện đánh giá ATTT và khắc phục các lỗ hổng bảo mật đối với các hệ thống CNTT quan trọng và các hệ thống mới. Tiếp tục duy trì chứng nhận tuân thủ tiêu chuẩn bảo mật quốc tế PCI DSS của Hiệp hội thẻ thanh toán quốc tế. Áp dụng và triển khai hệ thống Quản lý An toàn Thông Tin theo tiêu chuẩn ISO 27001 cho Quản lý trung tâm dữ liệu và quản trị cơ sở dữ liệu.
- Các trường hợp khiếu nại về bảo vệ dữ liệu được gửi đến DPO được giải quyết, Hạn chế và khắc phục nhanh chóng các sự cố ANTT như Booking không, DDoS website TMĐT; Đảm bảo tất cả các trường hợp khiếu nại về bảo vệ dữ liệu được gửi đến DPO được giải quyết
- Tổ chức đánh giá nhận thức người dùng về ATTT và diễn tập tấn công lừa đảo qua Email. Triển khai thay thế các SSL, đưa về mô hình quản lý tập chung. Triển khai các giải pháp chống giả mạo đối với email gửi từ bên ngoài. Triển khai phương án tách domain hệ thống Email marketing, nâng cao độ an toàn và hiệu quả của Email Marketing. Thực

hiện nghiên cứu, áp dụng, triển khai thử nghiệm các giải pháp ANTT mới như PAM; SOAR và EDR

d. Lộ trình và các giải pháp để trở thành doanh nghiệp số 4.0 (Digital Airlines)

- Đẩy mạnh triển khai nghiên cứu các giải pháp chuyển đổi hạ tầng số, tổ chức nguồn dữ liệu số và đẩy mạnh khai thác các báo cáo thông minh (BI). Tổ chức kho dữ liệu dùng chung Datalake House chung bao gồm tất cả các lĩnh vực, đáp ứng nhu cầu khai thác và quản trị dữ liệu trên môi trường Cloud. Ban hành chính sách quản trị dữ liệu, quy trình khai thác dữ liệu trong toàn TCT.
- Triển khai đồng bộ các hệ thống Công nghệ thông tin theo chuẩn mực ngành hàng không dựa trên các quy trình tiêu chuẩn, tiên tiến (Best Practice) của ngành hàng không. Triển khai ứng dụng các thành tựu của cuộc CMCN 4.0 như Trí tuệ nhân tạo (AI) vào công tác dự báo, tối ưu hóa sử dụng nhiên liệu,...; nhận

dạng sinh trắc học (Biometric); khai thác dữ liệu lớn (Big Data) vào các lĩnh vực thương mại, Điều hành khai thác, tự động hóa phục vụ khách hàng, nâng cao tính trải nghiệm của khách hàng.

- Tăng cường ứng dụng và triển khai các hệ thống CNTT vào hoạt động bảo dưỡng kỹ thuật, dự báo hỏng hóc sớm để nâng cao hiệu quả bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay.
- Thực hiện nâng cấp hệ thống giám sát an ninh thông tin SOC; Đáp ứng các quy định, hướng dưỡng của cơ quan chức năng về An toàn thông tin; triển khai và duy trì thành công các tiêu chuẩn về An toàn thông tin như ISO 27001; PCI DSS;... nâng cấp và các hệ thống quản lý truy cập, phân quyền trên các ứng dụng quan trọng; hoàn thiện mô hình ANTT hướng đến từng ứng dụng; Triển khai các mô hình quản lý phân quyền trên lớp ứng dụng và CSDL, đảm bảo việc quản lý, truy xuất, truy vết dữ liệu khi có yêu cầu.



2.12 Tái cơ cấu Công ty mẹ và Doanh nghiệp thành viên

2.12.1 Tổ chức lại sản xuất kinh doanh

Đường bay

Điều hành hoạt động SXKD phù hợp với diễn biến của thị trường và nguồn lực tàu bay khai thác. Trên thị trường quốc tế, dừng khai thác hoặc giảm tần suất những đường bay chưa đạt hiệu quả cao, tiếp tục tìm kiếm cơ hội mở rộng thị trường thông qua việc mở đường bay mới. Ngoài ra, các đường bay khác cơ bản duy trì tần suất khai thác như năm 2019, ngoại trừ các đường bay Nga, Myanmar do vẫn còn tồn tại những bất ổn về chính trị. Trên thị trường nội địa, duy trì giữ thị phần chính của VNA Group trên các đường bay trực, tiếp tục tăng tải đường bay du lịch, điều hành tải linh hoạt nhằm đảm bảo hiệu quả.

Công tác bán

Đẩy mạnh kênh bán trực tuyến hướng tới mục tiêu Vietnam Airlines trở thành Hãng hàng không số đến năm 2025.

Mở rộng hệ sinh thái các sàn, ví, ứng dụng thương mại điện tử tại Việt Nam. Kết nối, hợp tác với các Metasearch, OTA lớn toàn cầu.

Cá nhân hóa quá trình bán, phục vụ và nâng cao trải nghiệm khách hàng: xây dựng Cơ sở dữ liệu khách hàng, nâng cấp website/mobile app. Khai thác hiệu quả dữ liệu khách hàng thường xuyên, B2C, B2B để triển khai chương trình bán, tăng doanh thu.

Đẩy mạnh đầu tư phát triển bán các sản phẩm bổ trợ. Chuyển đổi thành công hệ thống đặt giữ chỗ mới, nhanh chóng phát huy hiệu quả các tính năng tiên tiến của hệ thống mới để phục vụ tốt công tác bán. Sử dụng hiệu quả nguồn lực đội tàu bay trong điều kiện thiếu tải, tập trung đầu tư vào các đường bay dài, hiệu quả, thu hẹp tần suất các đường bay kém hiệu quả, cải thiện giá bình quân. Tiếp tục mở các đường bay mới để tăng độ bao phủ của mạng đường bay, tìm kiếm cơ hội, thị trường mới.

Tận dụng thế mạnh về mạng đường bay để tăng cường bán khách nối chuyển, thương quyền 6, đa dạng nguồn khách, cạnh tranh linh hoạt tại các thị trường có hoạt động mạnh của hàng không giá rẻ như Đông Nam Á, Đông Bắc Á.

Tập trung hoàn thiện hệ thống, quy trình phục vụ, nâng cao chất lượng công tác phục vụ và bán

khách hàng doanh nghiệp thông qua đổi mới chính sách ưu đãi, tập trung bán khách doanh thu cao, xây dựng, cải tiến hệ thống phần mềm phục vụ bán khách hàng doanh nghiệp.

Triển khai tiếp nối thành công bán sản phẩm Thẻ quà tặng cho khách hàng doanh thu cao, cho Các công ty con của TCT và các đối tác chiến lược/toàn diện, nâng cao tiện ích, chất lượng dịch vụ thông qua hoàn thiện các công cụ bán, sử dụng Thẻ quà tặng trên website Vietnam Airlines.

Sử dụng linh hoạt, hiệu quả chi Hoa hồng & Chiết khấu thương mại (CKTM) để phát động bán khi cần thiết: giảm hoa hồng về mức tối thiểu, thay bằng CKTM trên toàn mạng.

Tiếp tục mở rộng kênh bán gián tiếp, tăng cường mức độ bao phủ của đại lý, người bán của Vietnam Airlines tại các tỉnh thành thông qua hoàn thiện công cụ bán B2B, mở rộng chính sách dành cho người bán trực tiếp.

Ứng dụng, phát huy hiệu quả công cụ B2B/B2C Salesforce để quản trị, kết nối tới hành khách, khách hàng lớn CA, đại lý, CTDL; nắm rõ/chắc các nguồn khách hướng tới mục tiêu nâng cao hiệu quả bán ổn định, lâu dài; tăng cường hiệu quả công tác quản trị kênh bán thông qua công cụ B2B Salesforce.

Tiếp tục triển khai các công cụ bán mới: phối hợp với GDS, hệ thống đại lý ứng dụng, thử nghiệm triển khai NDC. Đây là phương thức bán mới giúp gia tăng trải nghiệm cho khách hàng, tăng cường thông tin, quảng bá các sản phẩm, nhất là sản phẩm bổ trợ tới khách hàng trực tiếp.

Mở rộng và khai thác hiệu quả hợp tác với các đối tác chiến lược, các tỉnh thành để triển khai các chương trình bán, tăng doanh thu, phối hợp thúc đẩy du lịch địa phương, tăng cường quảng cáo truyền thông, nâng cao hình ảnh VN tại các thị trường.

Công tác hàng hóa

Duy trì thị phần hàng hóa nội địa của VNA group ở mức 56% (Thị phần đường trực HANSGN~62%).

Bám sát diễn biến thị trường hàng hóa, triển khai chính sách bán linh hoạt, tối ưu hóa doanh thu chuyến bay. Tăng cường bán hàng hóa để lấp đầy tải chuyến bay, đảm bảo hệ số sử dụng tải trên các

chuyến bay chở khách quốc tế trên 71%. Tăng cường hợp tác với các hãng hàng không, nâng cao hiệu quả và mở rộng hợp tác.

Công tác dịch vụ

Tiếp theo các chương trình tái cơ cấu của Khối Dịch vụ từ năm 2022, các đơn vị trong Khối không ngừng hoàn thiện tổ chức bộ máy và chức năng nhiệm vụ

2.12.2 Tái cơ cấu tài chính Công ty Mẹ

Trong điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh có nhiều bất lợi khi trong khi tình hình tài chính của TCT vẫn chưa được cải thiện do di chứng do đại dịch Covid-19 để lại, TCT đã chủ động thực hiện nhiều giải pháp tái cơ cấu bao gồm: tiếp tục triển khai các giải pháp tiết kiệm, cắt giảm chi phí, đặc biệt là các chi phí gắn với quy mô sản lượng; đẩy mạnh việc đàm phán, thỏa thuận với các đối tác về phương án cơ cấu lại thời gian và số tiền trả nợ nhà cung cấp (chủ yếu là nợ tiền thuê máy bay, sửa chữa bảo dưỡng, chi phục vụ chuyến bay); tiếp tục tái cơ cấu khoản vay giúp giảm gánh nặng dòng tiền cho TCT và sử dụng linh hoạt nguồn vốn vay ngắn hạn để có dòng tiền phục vụ hoạt động

2.12.3 Tái cơ cấu doanh nghiệp thành viên

Năm 2023, TCT đã tích cực triển khai công tác thoái vốn tại các doanh nghiệp thành viên và đạt được một số kết quả như: hoàn thành toàn bộ thoái vốn giai đoạn 1 tại hãng hàng không Cambodia Angkor Air, chủ động thực hiện các công tác chuẩn

2.12.4 Công tác tái cơ cấu Nhân lực tiền lương

Năm 2023, TCT tiếp tục điều hành linh hoạt chính sách sử dụng nhân lực phù hợp với quy mô sản xuất, từng bước bổ sung lao động đi làm theo diễn biến thị trường; duy trì cao nhất tính sẵn sàng của nguồn lực, tuân thủ các quy định của pháp luật, tạo động lực cho người lao động khi hoạt động SXKD dần phục hồi.

Về công tác tổ chức, TCT đã thành lập Chi nhánh Ấn Độ, Giao Chi nhánh Việt Nam quản lý hoạt động của Chi nhánh Điện Biên.

Đối với chính sách tiền lương, nguồn quỹ tiền lương của Tổng công ty xác định theo các nghị định của

theo hướng tinh gọn, nâng cao chất lượng nguồn lực; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, bám sát chiến lược chuyển đổi số Vietnam Airlines giai đoạn 2026-2022. Theo đó, Khối Dịch vụ đã góp phần không nhỏ trong kế hoạch mục tiêu để Vietnam Airlines trở thành hãng hàng không số, tạo nền tảng để Vietnam Airlines tiếp tục phát triển hiệu quả và bền vững.

kinh doanh; hoàn thành giải ngân số tiền thu từ việc chuyển nhượng vốn tại K6 trong giai đoạn 1 giúp bổ sung vào dòng tiền phục vụ sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, một trong những TCT đã xây dựng và đang báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét Đề án tổng thể các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho Vietnam Airlines do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 giai đoạn 2025-2021 trong đó có giải pháp tái cơ cấu tài chính. Vietnam Airlines đang tích cực báo cáo, giải trình và thúc đẩy tiến trình phê duyệt Đề án của các cấp có thẩm quyền để có thể sớm triển khai giải pháp này ngay từ đầu năm 2024.

bị cho việc chuyển nhượng vốn của Vietnam Airlines tại một số công ty thành viên song song với quá trình báo cáo xin phê duyệt chủ trương, các giải pháp tháo gỡ khó khăn về cơ chế chuyển nhượng vốn của các cấp có thẩm quyền.

Nhà nước. Trên cơ sở tổng kết thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với một số Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước giai đoạn 2022-2020 theo Nghị định 2020/20/NĐ-CP và Nghị định 2021/87/NĐ-CP, Tổng công ty đã báo cáo kết quả triển khai và khó khăn, vướng mắc khi thực hiện thí điểm, đồng thời phối hợp với Ủy ban quản lý vốn và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trình Thủ tướng chính phủ phê duyệt Nghị định số 2023/64/NĐ-CP về bổ sung Nghị định số 2021/87/NĐ-CP. Theo đó, hàng năm Tổng công ty được bổ sung nguồn quỹ lương cho Phi công Việt

Nam nếu hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch do Ủy ban quản lý vốn giao. Nguồn quỹ bổ sung này tạo điều kiện giúp Tổng công ty thu hẹp khoảng cách lương giữa Phi công Việt Nam và Phi công

nước ngoài cùng bay cho Vietnam Airlines, giữ chân nguồn lực đặc thù, và cân đối nguồn quỹ còn lại để phân phối cho đối tượng lao động khác, tạo điều kiện ổn định thu nhập cho người lao động.

2.12.5 Công tác áp dụng chuyển đổi số vào hoạt động kinh doanh

TCTHK hiện nay đang áp dụng mạnh mẽ các nền tảng TMĐT vào công tác bán như nâng cấp phát triển liên tục trang Website giúp tạo ra nền tảng bán hàng và trải nghiệm khách hàng độc đáo. Phát triển Mobile App để gia tăng kênh bán và trải nghiệm di động. Tích hợp và hợp tác đa kênh với các đối tác ngân hàng, sàn thương mại, chợ điện tử để đa dạng hóa sản phẩm. Liên tục hợp tác với các đối tác để mở kênh tích lũy điểm thưởng cho khách

hàng nhằm đem tới cho khách hàng nhiều lợi ích nhất khi bay với Vietnam Airlines. Bên cạnh công tác bán trực tiếp sản phẩm hàng không, một số sản phẩm phi hàng không cũng được tích hợp và mở rộng tới khách hàng thông qua các cổng thương mại như VN Mall, VN Amazing hoặc các hoạt động xúc tiến thương mại khác.

2.13 Các chương trình hợp tác

a. Hợp tác chiến lược với cổ đông ANA Holdings Inc

Năm 2023, Vietnam Airlines và ANA tiếp tục đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác chiến lược tổng thể, toàn diện trên nhiều lĩnh vực theo các thỏa thuận giữa hai bên trong khuôn khổ hợp tác đầu tư mua cổ phần của Vietnam Airlines vào năm 2016. Trong năm 2023, hai bên tiếp tục tăng cường trao đổi về khả năng hợp tác liên doanh trong lĩnh vực thương mại, đồng thời đẩy mạnh triển khai nội dung hỗ trợ kỹ thuật trên các lĩnh vực: đào tạo tiếp viên, chuyển đổi số, một số nội dung hỗ trợ trong lĩnh vực thương mại (mô hình kinh doanh, công tác bán online, hệ thống phân phối mới...). Thông qua các chia sẻ, hỗ trợ của ANA, Vietnam Airlines đã học hỏi nhiều kinh nghiệm để nâng cao chất lượng tiếp viên phục vụ trên chuyến bay, cải tiến quy trình phục vụ hành khách. Đối với công tác chuyển đổi số, những hỗ trợ của ANA giúp Vietnam Airlines xây dựng và triển khai hệ thống quản lý và khai thác dữ liệu, từng bước hoàn thiện các giải pháp về dữ liệu mang lại giá trị cho hoạt động sản xuất kinh doanh cho VNA và nâng cao trải nghiệm khách hàng.



b. Hợp tác thương mại (song phương/ đa phương/ liên doanh/ Skyteam)

- Về hợp tác liên danh song phương, trong năm 2023, TCT đã triển khai trở lại hợp tác với 24/20 hãng hàng không quốc tế và 01 hãng tàu hỏa Pháp; ký kết hợp tác liên danh với 02 đối tác mới tại khu vực châu Âu là hãng hàng không Virgin Atlantic và Turkish Airlines; trao đổi khả năng hợp tác liên danh với các hãng hàng không Saudi Arabia Airlines, Emirates, Singapore Airlines nhằm khôi phục và mở rộng mạng bay hợp tác, phục vụ tốt hơn nhu cầu ngày càng đa dạng của hành khách.
- Về hợp tác liên doanh, TCT duy trì việc quản trị hợp tác liên doanh trên đường bay giữa Việt Nam – Pháp với hãng hàng không Air France của Pháp, hợp tác kinh doanh trên các đường bay nội địa với Pacific Airlines và trao đổi khả năng hợp tác liên doanh với một số đối tác tiềm năng.
- Về hợp tác chia chặng đặc biệt (SPA), TCT cũng quản trị hiệu quả hơn 80 hợp tác SPA với các hãng hàng không, hãng tàu. Việc tăng cường hợp tác giúp TCT mở rộng được mạng bay, đa dạng hóa sản phẩm, bảo vệ doanh thu cho Vietnam Airlines và góp phần nâng cao hiệu quả khai thác các đường bay, nâng cao hình ảnh thương hiệu và tăng cường sự hiện diện tại hầu hết các thị trường lớn trên thế giới.
- Về hợp tác đa phương, TCT đã tích cực tham gia sâu rộng vào các hoạt động tại các tổ chức đa phương IATA và Liên minh Hàng không toàn cầu SkyTeam nhằm phát huy vai trò và ảnh hưởng của

TCT trong việc xây dựng, định hình các chính sách chung của Liên minh. Trong năm 2023, TCT tiếp tục tăng cường các hoạt động hội nhập quốc tế thông qua việc phối hợp cùng IATA tổ chức thành công nhiều Hội nghị quốc tế tại Việt Nam. Bên cạnh đó, TCT cũng như hoàn tất thủ tục gia nhập Hiệp hội các hãng hàng không châu Á Thái Bình Dương (AAPA). Đây là tổ chức có sức ảnh hưởng nhất định trong ngành hàng không, đặc biệt tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Việc tham gia AAPA giúp Vietnam Airlines tăng cường quan hệ hợp tác với các hãng hàng không thành viên; trực tiếp tham gia các hoạt động vận động hành lang để gia tăng sức ảnh hưởng và nâng cao vị thế của Vietnam Airlines trong khu vực. Việc gia nhập AAPA cũng giúp củng cố quan hệ của Vietnam Airlines với các hãng trong khu vực, tăng cường hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau trong nhiều lĩnh vực.

□ Về Hiệp định chính phủ và quan hệ ngành, TCT luôn chủ động có ý kiến về các đối sách điều tiết hoạt động không tải giữa Việt Nam và các nước để bảo vệ quyền lợi của Vietnam Airlines trong hoạt động khai thác. Theo đó, trong năm 2023, TCT đã kiến nghị phương án đàm phán và tham gia đoàn công tác của CHK trao đổi Hiệp định hàng không song phương giữa Việt Nam và Hàn Quốc, Ấn Độ, Úc, Nga cũng như các Hiệp định hàng không đa biên nội vùng ASEAN, và ASEAN với các nước đối thoại EU/New Zealand/Hàn Quốc/Nhật Bản/Trung Quốc.



c. Hợp tác với chính quyền địa phương

Hợp tác giữa Vietnam Airlines và các tỉnh, thành phố không ngừng được tăng cường và mở rộng. Tính đến hết 2023, VNA đã hoàn thành triển khai ký kết hợp tác với 63/37 UBND các tỉnh/thành. Riêng trong năm 2023, Vietnam Airlines đã ký mới và gia hạn thỏa thuận hợp tác toàn diện với 08 UBND tỉnh/thành phố là Hà Nam, Đà Nẵng, Hải Phòng, Nam Định, Phú Yên, Thái Nguyên, Điện Biên, TPCHM;

Với các hợp tác đã ký kết trước đó, Vietnam Airlines tiếp tục duy trì, triển khai tổng thể các hoạt động xúc tiến du lịch, văn hóa, thương mại nhằm phối hợp đẩy mạnh xúc tiến quảng bá du lịch, đầu

tư thương mại, hàng không, điểm đến; xây dựng chính sách hỗ trợ và ưu tiên sử dụng sản phẩm, dịch vụ của nhau một cách hiệu quả; tăng cường quảng bá hình ảnh, khẳng định vai trò hợp tác toàn diện giữa Vietnam Airlines và các tỉnh/ thành phố trong quá trình hoạt động và phát triển, từ đó vừa nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, vừa đóng góp vào công cuộc quảng bá du lịch, xúc tiến thương mại và phát triển kinh tế của các địa phương cũng như cả nước. Việc hợp tác với các Tỉnh/thành trong các năm vừa qua đã góp phần giúp Vietnam Airlines nâng tầm thương hiệu quốc gia, khẳng định vai trò là doanh nghiệp hàng không số 1 tại Việt Nam



d. Hợp tác với các đối tác doanh nghiệp lớn

Thỏa thuận hợp tác giữa Vietnam Airlines với các tập đoàn kinh tế nhằm mục đích phát huy thế mạnh của mỗi bên trên các lĩnh vực hoạt động và kinh doanh, tăng cường hợp tác toàn diện hướng tới mục tiêu là đối tác chiến lược của nhau trong quá trình hoạt động và phát triển. Thông qua hoạt động hợp tác toàn diện, Vietnam Airlines và các tập đoàn này sẽ cùng xúc tiến các hoạt động hỗ trợ nhau, mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh để khai thác tốt nhất thế mạnh của mỗi bên, tiềm năng của thị trường trong và ngoài nước, trong lĩnh vực kinh doanh truyền thống của mỗi bên và các lĩnh vực

khác mà hai bên cùng quan tâm; thông qua hợp tác để tăng cường lợi ích cho cán bộ, công nhân viên của các bên. Trong năm 2023, Vietnam Airlines đã tiếp tục mở rộng ký kết hợp tác thêm với Tổng công ty Bảo hiểm BIDV (BIC) và Công ty cổ phần Thành Thành công, gia hạn hợp tác với Tổng công ty Viễn thông Mobifone. Bên cạnh đó, Vietnam Airlines tiếp tục duy trì triển khai các hoạt động hợp tác với các tập đoàn, doanh nghiệp lớn đã có hợp tác từ trước như VinGroup, Sun Group, Nova Group, Thiên Minh Group, BRG...



3. Tình hình đầu tư

3.1 Các khoản đầu tư dự án lớn

Kế hoạch ĐTPT năm 2023 đã được ĐHCĐ thông qua tại Nghị quyết số 02/NQ-ĐHCĐ ngày 16/12/2023 có tổng kinh phí 1.175,5 tỷ đồng, bao gồm: 42,5 tỷ đồng kinh phí đầu tư tài sản; 1.133 tỷ đồng kinh phí để chuẩn bị công trình tổ hợp dịch vụ hàng không tại Cảng HKQT Long Thành.

Tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2023 như sau:

Danh mục đầu tư	KH 2023		TH 2023		%TH/KH	
	Số dự án	Kế hoạch giải ngân (Tỷ đồng)	Số dự án	Giá trị giải ngân (Tỷ đồng)	Số dự án	Giá trị giải ngân
1	2	3	4	5	6	7
Đầu tư tài sản	23	42,5	5	40,5	21,7%	95,3%
Tàu bay	1					
Xây dựng cơ bản	10	39,3	3	37,3	30,0%	95,2%
Trang thiết bị, CNTT	12	3,2	2	3,2	16,6%	100,0%
Đầu tư RNDN	3					
Dự phòng để đầu tư tại Cảng Long Thành		1.133				
Tổng cộng	26	1.175,5	5	40,5	19,2%	3,4%

Ghi chú: Cột 4 là tổng số dự án CBĐT được phê duyệt, số dự án THĐT hoàn thành đưa vào sử dụng và dự án hoàn thành quyết toán trong năm 2023.

CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TÀI SẢN

Đầu tư tàu bay

Dự án 50 tàu bay thân hẹp đã được Sở TNMT đã phê duyệt BCĐG tác động môi trường, VNA và Boeing đã ký MOU chấp nhận Bản chào bán 50 tàu B737Max của Boeing nhân chuyến thăm cấp cao của Tổng thống Hoa kỳ đến Việt Nam ngày 2023/9/11, làm cơ sở để hai bên tiếp tục xem xét bản chào, đồng thời là yếu tố thúc đẩy quá trình đàm phán với các nhà sản xuất để hỗ trợ quá trình triển khai hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án.

Đầu tư trang thiết bị

Tổng giá trị thực hiện đầu tư trang thiết bị năm 2023 là 3,2 tỷ đồng để giải ngân cho 02 dự án TTB phục vụ huấn luyện đào tạo theo yêu cầu của nhà chức trách HK (đã hoàn thành đưa vào SD trong năm 2023).

Đầu tư xây dựng cơ bản

Tổng giá trị thực hiện đầu tư xây dựng năm 2023 là 37,3 tỷ đồng, trong đó chủ yếu giải ngân cho Dự án Tòa nhà VN1 tại 200 Nguyễn Sơn đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ Quý 1/2021. Ngoài ra, TCT giải ngân 1 tỷ đồng chi phí tư vấn chuẩn bị đầu tư tổ hợp công trình dịch vụ hàng không tại Cảng HKQT Long Thành.

Dự phòng đầu tư tại Long thành

Trong năm 2023, TCT dự phòng 1.133 tỷ đồng cho Tổ hợp công trình dịch vụ hàng không tại Cảng HKQT Long Thành. Năm 2023, TCT chưa triển khai các khoản đầu tư này do Cơ quan QLNN đang triển khai lựa chọn nhà đầu tư các hạng mục này, khoản kinh phí này chuyển tiếp để thực hiện ngay từ đầu năm 2024

Đánh giá chung công tác đầu tư tài sản


Năm 2023 TCT thực hiện đúng chủ trương giãn tiến độ các dự án CBĐT để phù hợp với tình hình tài chính của TCT. Kinh phí đầu tư giải ngân năm 2023 chủ yếu để thanh toán giá trị còn lại của dự án đã hoàn thành nhưng được giãn tiến độ giải ngân (nhà M2); thanh toán chi phí tư vấn lập các dự án tại Cảng HKQT Long Thành; thanh toán một phần HĐ các dự án mua thiết bị huấn luyện của TTHL để đáp ứng quy định của Cục Hàng không. Công tác thực hiện đầu tư được triển khai theo đúng quy định của Nhà nước và TCT.


3.2 Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp


Đánh giá chung về hiệu quả đầu tư ra ngoài DN





Năm 2023, Do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu thời kỳ hậu dịch bệnh và những biến động phức tạp về chính trị trên thế giới đã làm chậm lại quá trình phục hồi của các hãng HK, hoạt động SXKD tại các doanh nghiệp vốn góp của TCT đã có cải thiện nhưng vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Các DN đã và đang tiếp tục thực hiện các giải pháp khắc phục, chủ động, linh hoạt điều hành SXKD, giữ thị phần và khách hàng, đảm bảo chất lượng hàng hóa dịch vụ cung cấp cho TCT, đảm bảo an toàn bay và khai thác mọi nguồn thu, triệt để tiết giảm chi phí để cải thiện kết quả SXKD, phấn đấu hoàn thành tốt KH được giao; đảm bảo chất lượng hàng hóa dịch vụ cung cấp cho TCT và đảm bảo an toàn bay.

Kết quả kinh doanh của các công ty có vốn góp trong năm 2023





TT	Logo	Công ty	Tỉ lệ sở hữu của VNA	Tình hình hoạt động
1		VAECO	100%	<p>Là Công ty TNHH một thành viên do VNA sở hữu 100% vốn điều lệ. VAECO là Tổ chức bảo dưỡng máy bay duy nhất ở Việt Nam nhận được cả 2 chứng chỉ uy tín nhất thế giới là FAR-145 của Cục Hàng không Liên bang Mỹ (FAA, năm 2010) và EASA-145 của Cơ quan An toàn hàng không Châu Âu (EASA, năm 2017), bên cạnh chứng chỉ CAAV của Cục Hàng không Việt Nam và 20 Nhà chức trách hàng không trên thế giới. Với 6 hangar được trang bị đầy đủ thiết bị hiện đại, VAECO là doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam cung cấp các dịch vụ về bảo dưỡng ngoại trường, bảo dưỡng nội trường, bảo dưỡng nội thất cùng cung ứng dịch vụ phụ tùng vật tư cho toàn bộ đội bay của Vietnam Airlines và hơn 80 hãng hàng không dân dụng khác trên thế giới. Trung tâm Đào tạo của VAECO là tổ chức đào tạo về kỹ thuật máy bay đầu tiên và lớn nhất tại Việt Nam được Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn, không chỉ đào tạo cho nhân viên kỹ thuật của VAECO mà còn thực hiện đào tạo cho nhiều tổ chức và đơn vị bên ngoài.</p> <p>Trong giai đoạn 2022 - 2023 là giai đoạn phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid, VAECO đã tập trung triển khai những dự án trọng điểm như hangar 3 Nội Bài, chuyển đổi ứng dụng phần mềm CNTT MRO IT trong quản lý kỹ thuật bảo dưỡng máy bay, nâng cao năng lực, công suất bảo dưỡng và năng suất lao động, chú trọng liên doanh liên kết với các tổ chức bảo dưỡng có uy tín trên thế giới trong lĩnh vực bảo dưỡng tàu bay.</p> <p>Kết quả SXKD năm 2023 của VAECO được cải thiện đáng kể với tổng doanh thu đạt 2.403 tỷ đồng, LNTT đạt 142,6 tỷ đồng, ROE đạt 10,4%.</p>

TT	Logo	Công ty	Tỉ lệ sở hữu của VNA	Tình hình hoạt động
2		SKYPEC	100%	<p>Là Công ty TNHH một thành viên do Vietnam Airlines sở hữu 100% vốn điều lệ với bề dày kinh nghiệm và chuyên nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung ứng nhiên liệu hàng không cho các hãng hàng không trong nước và quốc tế với hệ thống kho chứa 200.000m³, mạng lưới hoạt động tại 18 cảng hàng không trên toàn lãnh thổ Việt Nam và 04 sân bay quốc tế lớn của Hàn Quốc.</p> <p>Để đáp ứng yêu cầu về các chỉ tiêu chất lượng rất khắt khe của nhiên liệu tra nạp cho máy bay, Công ty không ngừng nâng cao và đầu tư bổ sung dàn xe tra nạp, xây dựng cơ sở vật chất hiện đại và đã có các phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2017 với 10 phép thử tiêu chuẩn, Hệ thống quản lý chất lượng Công ty đạt tiêu chuẩn Quốc tế ISO 9001:2015 do Tổ chức QMS chứng nhận để luôn sẵn sàng phục vụ các khách hàng hàng không trong và ngoài nước một cách tối ưu nhất. Công ty đã áp dụng hệ thống giám sát thông minh, tích hợp GPS và camera hành trình, số hóa xe tra nạp, đảm bảo chuỗi cung ứng nhiên liệu của SKYPEC luôn được kiểm soát chặt chẽ. SKYPEC là nhà cung cấp nhiên liệu cho tất cả các hãng hàng không trong nước và gần 100 hãng hàng không nước ngoài đang khai thác tại Việt Nam.</p> <p>Năm 2023, sau ảnh hưởng từ dịch Covid-19, nền kinh tế lại chịu tác động bởi xung đột giữa Nga và Ukraina, cuộc chiến tại Dải Gaza, nền kinh tế toàn cầu tiếp tục khó khăn do suy thoái kinh tế, lạm phát; đặc biệt trong năm 2023 giá nhiên liệu tiếp tục biến động với biên độ lớn, nhiều thời điểm nguồn cung căng thẳng gây khó khăn cho công tác cân đối nguồn hàng. Diễn biến khó lường về tỷ giá giảm trong nửa đầu năm sau đó tăng cao từ tháng 7 đến tháng 10 và chỉ giảm nhẹ những tháng cuối năm làm tăng chi phí tài chính cũng như rủi ro về tỷ giá làm ảnh hưởng lớn tới kết quả SXKD của Công ty. Đứng trước các thách thức nêu trên, SKYPEC đã nỗ lực thực hiện các giải pháp điều hành để vượt qua khó khăn, khủng hoảng, cải thiện hiệu quả hoạt động. Do đó, hoạt động SXKD của SKYPEC năm 2023 vẫn đạt được những kết quả tích cực với tổng sản lượng đạt trên 1.477.000 tấn; chỉ tiêu tổng doanh thu đạt 33.450 tỷ đồng tỷ đồng và LNTT đạt trên 176 tỷ đồng, ROE đạt 22%.</p>





3		VACS	100%	<p>Hoạt động trong lĩnh vực cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa và các dịch vụ phục vụ sân đỗ, dịch vụ kỹ thuật, thương mại mặt đất cho hành khách, tàu bay của các hãng hàng không tại các cảng hàng không, sân bay. Với tiền thân là các xí nghiệp cung cấp dịch vụ mặt đất có hơn 25 năm kinh nghiệm, VIAGS sở hữu gần 4000 nhân viên tay nghề cao, được đào tạo từ cơ bản đến chuyên môn sâu và hệ thống trang thiết bị hiện đại luôn được vận hành theo tiêu chuẩn an toàn, chất lượng cao nhất đáp ứng tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và ISAGO. Năm 2023 Công ty đã nhận được nhiều thư khen về công tác phục vụ an toàn, đúng giờ và hiệu quả của Asiana Airlines, Eva Air, China Airlines. Đặc biệt hơn, VIAGS còn được trao các giải thưởng như giải thưởng "Công ty cung cấp dịch vụ mặt đất tốt nhất của Hãng Myanmar Airways International", giải thưởng "Đối tác phục vụ mặt đất xuất sắc nhất năm 2023 của Hãng hàng không Quốc gia Việt Nam - Vietnam Airlines" hay giải thưởng "Công ty phục vụ mặt đất có chất lượng dịch vụ xuất sắc nhất" của Hãng hàng không Malaysia Airlines.</p> <p>Dù đón nhận những tín hiệu tích cực từ thị trường trong năm 2023 nhưng thực tế VIAGS vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn. Tình hình chính trị thế giới diễn biến phức tạp cùng với suy thoái kinh tế, các hãng khai thác với tần suất thấp đã tác động trực diện đến hoạt động kinh doanh vận tải hàng không của VIAGS. Bên cạnh đó thị trường phục vụ mặt đất xuất hiện một số đơn vị mới khiến sức ép cạnh tranh ngày càng gay gắt, cơ sở hạ tầng tại các sân bay lớn như Nội Bài và Tân Sơn Nhất đã vượt công suất thiết kế, mặt bằng nhà ga chật hẹp ảnh hưởng tới việc khai thác đặc biệt là trong giai đoạn cao điểm lễ, Tết. Đứng trước những thách thức kể trên VIAGS đã thực hiện tốt các giải pháp điều hành SXKD, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ và tối ưu hóa lợi nhuận. Đặc biệt, trong năm 2023, VIAGS đã chào đón 5 hãng hàng không mới, nâng tổng số khách hàng lên 85 hãng hàng không (chiếm gần 60% thị phần trong các công ty phục vụ mặt đất tại Việt Nam), đồng thời VIAGS đã thực hiện đạt 100% bộ chỉ số an toàn khai thác mặt đất - SAG3 do Tổng Công ty Hàng không Việt Nam giao.</p> <p>Kết quả SXKD năm 2023, tổng sản lượng chuyến bay Công ty phục vụ đạt 114.077 chuyến; chỉ tiêu tổng doanh thu đạt 2.032,16 tỷ đồng, LNTT đạt hơn 103 tỷ đồng, ROE đạt 27,1%.</p>
---	---	------	------	---

TT	Logo	Công ty	Tỉ lệ sở hữu của VNA	Tình hình hoạt động
4		VACS	100%	<p>Là Công ty chuyên sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn và dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không do Vietnam Airlines nắm giữ 100% vốn điều lệ. Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng, Công ty đã áp dụng hệ thống tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 và SQF 2000 (tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm) được HACCP công nhận. Trong năm 2023, VACS đã nhận được nhiều giải thưởng, bằng khen của các Hãng HK như: CI Outstanding Caterer & Best Partner 2023; JL Certificate of Appreciation Award 2023; Bằng khen và Cúp VNA 30 năm Đồng Hành, Hợp tác và Phát triển 2023; Giấy khen của VNA Giải thưởng nghiệp vụ năm 2023 Nâng tầm bản sắc ẩm thực Việt trên các chuyến bay.</p> <p>Năm 2023, thị trường VTHK nội địa tiếp tục duy trì được sự tăng trưởng, thị trường hàng không quốc tế trên đà hồi phục, các hãng hàng không quốc tế khai thác thường lệ trở lại trên các chặng bay đi và đến Việt Nam, đồng thời Công ty đã chủ động mở rộng cung ứng sản phẩm non-air nên đã giúp hoạt động SXKD của VACS cải thiện nhanh chóng. Kết quả SXKD năm 2023, tổng sản lượng suất ăn cung ứng của VACS đạt 9.227.845 suất ăn; chỉ tiêu Tổng doanh thu đạt 826,1 tỷ đồng, LNTT đạt hơn 115,1 tỷ đồng, ROE đạt 74%.</p>
5		PACIFIC AIRLINES	98,84%	<p>Năm 2023, thị trường VTHK nội địa phục hồi, tháng 1 và đầu tháng 2 là giai đoạn cao Tết, PA đã tận dụng cơ hội tăng cường khai thác các đường bay nội địa và khai thác trở lại một số đường bay quốc tế, tuy nhiên thị trường quốc tế hồi phục chậm, tốc độ tăng trưởng khách nội địa không đạt so với KH. Bên cạnh đó giá nhiên liệu tăng cao, tỷ giá biến động mạnh đã làm ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả SXKD của PA. Trước tình hình hết sức khó khăn của PA, Vietnam Airlines tiếp tục triển khai những giải pháp phối hợp nguồn lực, đàm phán với nhà cung cấp việc giãn/hoãn thanh toán, hỗ trợ giảm giá nhằm giúp PA vượt qua giai đoạn khủng hoảng. Kết quả năm 2023 của Công ty có tổng doanh thu đạt 4.389 tỷ đồng, LNTT lỗ 1.499 tỷ đồng.</p>
6		NCTS	55,13%	<p>Công ty NCTS có lợi thế là công ty phục vụ hàng hóa đầu tiên tại sân bay Nội Bài với kinh nghiệm và trang thiết bị được đầu tư đồng bộ, được khách hàng đánh giá cao và ghi nhận về công tác phục vụ chuyên nghiệp đặc biệt là các loại hàng như hàng siêu trường siêu trọng, hàng quá khổ, hàng động vật sống. Với yêu cầu ngày càng khắt khe của khách hàng đòi hỏi những nỗ lực vượt bậc của Công ty để đảm bảo chất lượng dịch vụ. Công ty luôn chú trọng thực hiện đúng cam kết với khách hàng, được các hãng hàng không đánh giá cao về chất lượng dịch vụ, nhận được thư khen của các hãng như Etihad Airways (EY), Myanmar Airways International (8M), Asiana Airlines (OZ), Budget Lines (BD). Với nỗ lực nâng cao chất lượng dịch vụ, đàm phán giữ chân các Hãng hàng không, tận dụng cơ hội tập trung điều kiện tốt nhất để phục vụ các hãng có nhu cầu tăng chuyến freighter và quyết liệt trong các giải pháp tăng doanh thu, tiết giảm chi phí, cho nên mặc dù năm 2023 là năm gặp nhiều khó khăn, thách thức nhưng NCTS đã đạt kết quả SXKD cao với sản lượng hàng hóa phục vụ là 301.533 tấn, chỉ tiêu tổng doanh thu đạt 724,1 tỷ đồng, LNTT đạt 272 tỷ đồng, ROE đạt 82,5%.</p>
7		TCS	55,00%	<p>Là kho hàng hóa quốc tế đầu tiên và hàng đầu tại sân bay Tân Sơn Nhất với gần 30 năm kinh nghiệm, TCS luôn nỗ lực đáp ứng các yêu cầu và đảm bảo chất lượng phục vụ tốt nhất cho khách hàng. Từ tháng 8/2022, bắt kịp với sự thay đổi trong quy định đào tạo hàng nguy hiểm của ICAO, TCS thành công là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam đạt chứng nhận Trung tâm đào tạo về vận chuyển Hàng hóa nguy hiểm theo hình thức đào tạo và đánh giá dựa trên năng lực do IATA công nhận (Competency-Based Training and Assessment Center). Năm 2023, TCS đã vinh dự đón nhận danh hiệu "The Best Warehouse Handling Agent in S.E.A" do Hãng hàng không Korean Air trao tặng. Năm 2023, Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp tăng doanh thu, tiết kiệm chi phí để giữ hiệu quả SXKD ở mức cao, sản lượng hàng hóa phục vụ là 211.814 tấn, tổng doanh thu của TCS đạt 702,3 tỷ đồng, LNTT đạt 393,9 tỷ đồng, ROE đạt 335,9%.</p>




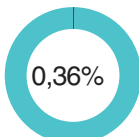
TT	Logo	Công ty	Tỉ lệ sở hữu của VNA	Tình hình hoạt động
8		TECS	51,00%	<p>Là công ty do Vietnam Airlines sở hữu 51% vốn điều lệ, hoạt động trong các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu sau: Dịch vụ khai thác và xử lý hàng hóa chuyển phát nhanh, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ logistic, dịch vụ khai thuê hải quan, kho bãi và lưu giữ hàng hóa... Công ty đã tập trung nguồn nhân lực, triển khai nhiều biện pháp để khai thác triệt để các nguồn hàng, theo sát diễn biến thị trường, tận dụng mọi cơ hội kinh doanh để hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh với sản lượng hàng hóa phục vụ là 35.150 tấn, chỉ tiêu tổng doanh thu của TECS đạt 229,6 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 96,6 tỷ đồng, ROE đạt 149,7%.</p>
9		VINAKO	65,00%	<p>Là công ty do Vietnam Airlines sở hữu 65% vốn điều lệ, hoạt động SXKD truyền thống là giao nhận hàng hoá, đặc biệt là hàng xuất quốc tế đến thị trường Nhật Bản. Năm 2023, kinh doanh VTHK hồi phục mạnh mẽ với các chuyến bay thường mại, hoạt động SXKD của Công ty vì vậy sẽ không còn lợi thế về khai thác hàng hoá thông qua hình thức Charter như giai đoạn ảnh hưởng của dịch bệnh và duy trì giá bán ở mức cao. Trong bối cảnh phải đối mặt với cạnh tranh gay gắt từ các forwarder lớn, VINAKO đã tập trung xây dựng các giải pháp kiểm soát chặt chẽ các chi phí đầu vào, rà soát chính sách giá đối với các lô hàng SL lớn, khách hàng truyền thống, linh hoạt trong cạnh tranh, chiết khấu giảm giá, tăng cường cung ứng các DV phụ trợ nhằm giữ vững sản lượng, bù đắp nguồn thu và tiết giảm tối đa CP trong tất cả các khâu nghiệp vụ. Kết quả năm 2023 của Công ty có chỉ tiêu tổng doanh thu đạt 160 tỷ đồng, LNTT của Công ty đạt 32 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 283%.</p>
10		NCS	60,17%	<p>là công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các món ăn, thức ăn chế biến sẵn, dịch vụ ăn uống... với gần 30 năm kinh nghiệm. NCS duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005, tiêu chuẩn HACCP, HALAL và ứng dụng phương pháp quản trị chất lượng Lean Six-Sigma, 5S vào hoạt động SXKD. Năm 2023, NCS đã được Hãng hàng không Japan Airlines trao giải thưởng là Công ty suất ăn xuất sắc nhất năm 2022 về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh và kiểm soát dị vật, được tặng Cờ thi đua của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam và khen thưởng của VNA về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ khối Dịch vụ năm 2023. Năm 2023, thị trường hàng không nội địa đang tiếp tục có sự hồi phục mạnh mẽ, sản lượng khách nội địa tăng trưởng mạnh; Thị trường hàng không quốc tế bắt đầu phục hồi trở lại, các hãng MH khai thác từ tháng 1/2023, CI và CX khai thác từ tháng 2/2023, tần suất bay của các hãng KE, OZ, QV đều ghi nhận sự tăng trưởng. Đồng thời, đối với mảng kinh doanh sản phẩm non-air, Công ty đã tạo được thương hiệu đối với một số sản phẩm như Giò tết, Bánh trung thu, Trà sữa... Việc trả sữa được bán trên máy bay có hiệu ứng lan tỏa khiến khách hàng biết đến sản phẩm trả sữa nhiều hơn cũng như các dòng sản phẩm khác như bánh Trung thu. Kết quả năm 2023, tổng sản lượng suất ăn cung ứng của NCS đạt 10.741.509 suất ăn; chỉ tiêu Tổng doanh thu đạt 603,5 tỷ đồng, LNTT đạt hơn 39,1 tỷ đồng, ROE đạt 21,8%.</p>
11		NASCO	51,00%	<p>Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung ứng các dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải hàng không tại Cảng HKQT Nội Bài. Sau giai đoạn dịch bệnh, thị trường nội địa phục hồi kéo theo các lĩnh vực kinh doanh khu vực nhà ga quốc nội của Công ty tăng trưởng trở lại, hoạt động đầu tư tài chính của NASCO tại NCTS đạt hiệu quả cao. Tuy nhiên NASCO vẫn còn gặp một số khó khăn khi sản lượng khách Quốc tế (đặc biệt đối với thị trường trọng điểm như Trung Quốc, Nga) qua Cảng HKQT Nội Bài năm 2023 không đạt so với kỳ vọng, bất ổn tại Trung Đông còn phức tạp có thể dẫn đến khủng hoảng về nhiên liệu, tài chính; phát sinh chi phí liên quan đến mặt bằng do Cảng HKQT Nội Bài chuyển hình thức cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh sang HTKD phân chia lợi ích. Trước tình hình đó, Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp như cơ cấu lại ngành nghề kinh doanh, tiết giảm tối đa các chi phí, nỗ lực tìm kiếm mở rộng thêm khách hàng mới để tăng doanh thu từ các hoạt động phụ trợ. Với việc thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên, kết quả SXKD của Công ty năm 2023 đạt tổng doanh thu 363,48 tỷ đồng, LNTT đạt 11,79 tỷ đồng, ROE đạt 9,4%.</p>

TT	Logo	Công ty	Tỉ lệ sở hữu của VNA	Tình hình hoạt động
12		VFT	51,52%	Hoạt động trong lĩnh vực đào tạo phi công cho các hãng hàng không trong khu vực. Năm 2022, VFT đã hoàn thành phê chuẩn tổ chức huấn luyện phi công cấp độ 1 (ATO1) với cục HKVN và đã triển khai huấn luyện phi công từ tháng 12/2022 mở ra bước phát triển mới cho dịch vụ đào tạo phi công tại Việt Nam. Về kết quả kinh doanh, mặc dù VFT còn gặp nhiều khó khăn do cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành nghề, do dịch bệnh làm ảnh hưởng đến các chương trình đào tạo phi công và phát sinh nhiều chi phí do các năm đầu triển khai huấn luyện bay thực hành, song nhờ phát triển thêm dịch vụ đào tạo khác và tiết kiệm tối đa chi phí nên kết quả năm 2023, tổng doanh thu đạt 46,51 tỷ đồng, LNTT đạt 4,39 tỷ đồng, ROE đạt 5,1%.
13		AITS	52,73%	Hoạt động trong lĩnh vực cung ứng các dịch vụ trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông. AITS hiện nay đóng vai trò quan trọng trong dây chuyền vận tải hàng không của VNA thông qua việc cung cấp các dịch vụ công nghệ thông tin - viễn thông trọng yếu như: HT mạng Core LAN; ĐBHD Phòng máy chủ; Cổng tương tác dữ liệu (Datagateway) với các đối tác bên ngoài; Bảo hành mở rộng cho thiết bị mạng WAN; Hệ thống hóa đơn điện tử; Kiểm soát tài khoản hội viên BSV; ĐBHD Trang tin điện tử Spirit... Kết quả năm 2023, tổng doanh thu của AITS đạt 302,54 tỷ đồng, LNTT đạt 11 tỷ đồng, ROE đạt 12,23%.
14		ALSIMEXCO	55,13%	Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung ứng, cho thuê và xuất nhập khẩu lao động trong và ngoài ngành hàng không, trong đó nổi bật nhất là lĩnh vực cung ứng tiếp viên cho các hãng hàng không với tỷ trọng doanh thu cung ứng cho Vietnam Airlines chiếm đến 90-80% tổng doanh thu. Do vậy, nhu cầu sử dụng tiếp viên ALSIMEXCO của Vietnam Airlines cũng như các hãng hàng không nước ngoài tăng cao hơn dự kiến đã tạo thuận lợi lớn cho hoạt động SXKD của Công ty. Tuy vẫn tồn tại những khó khăn mang tính khách quan ảnh hưởng đến các lĩnh vực hoạt động khác, ALSIMEXCO đã chủ động triển khai các giải pháp điều hành linh hoạt, tận dụng hiệu quả nguồn tiền nhân rồi và kiểm soát chi phí tối đa nhằm cải thiện kết quả SXKD chung của Công ty. Kết quả năm 2023 chỉ tiêu doanh thu của Công ty đạt 498 tỷ đồng; LNTT đạt 5 tỷ đồng; tỷ suất ROE đạt 36%.
15		SABRE VN	55,00%	Hoạt động trong lĩnh vực thiết lập hệ thống đặt chỗ và các dịch vụ có liên quan thông qua hệ thống GDS phân phối toàn cầu SABRE. Từ năm 2017, SABRE VN chính thức tiếp nhận và kí hợp đồng cung ứng dịch vụ CSKH cho Vietnam Airlines. Năm 2023, đối với lĩnh vực GDS, bên cạnh việc phục hồi chậm hơn dự kiến của thị trường quốc tế, việc phần lớn các hãng hàng không trong khu vực đều sử dụng hệ thống chủ Amadeus (đặc biệt Vietnam Airlines cũng đang bắt đầu quá trình chuyển đổi hệ thống PSS) cùng với việc nhiều hãng đẩy mạnh bán qua kênh online đã ảnh hưởng không nhỏ tới thị phần của SABRE VN. Đối với lĩnh vực CSKH, với vai trò là một mắt xích không thể thiếu trong chuỗi cung ứng dịch vụ tiêu chuẩn 4 sao, tiến tới 5 sao của Vietnam Airlines, Công ty đã nỗ lực để đảm bảo hoạt động dịch vụ CSKH cho Vietnam Airlines được ổn định, thông suốt trong điều kiện các khó khăn gây thiếu hụt nguồn nhân lực vẫn chưa được khắc phục. Kết quả năm 2023 chỉ tiêu doanh thu của Công ty đạt 114 tỷ đồng; LNTT đạt 9,5 tỷ đồng; tỷ suất ROE đạt 131%.

Tóm tắt tình hình hoạt động của các Công ty liên kết

TT	Logo	Công ty	Tỉ lệ sở hữu của VNA	Tình hình hoạt động
1		VALC	32,48%	Hoạt động trong lĩnh vực mua, bán, thuê và cho thuê lại máy bay. VALC được thành lập với mục tiêu là mua máy bay để cho các hãng hàng không thuê hoạt động, khai thác, qua đó góp phần phát triển ngành hàng không Việt Nam, tăng số lượng máy bay do Việt Nam sở hữu, giảm bớt sự lệ thuộc vào thị trường cung cấp máy bay quốc tế, nâng cao sức cạnh tranh và thúc đẩy sự hội nhập của ngành hàng không Việt Nam với thế giới. Năm 2023, Công ty tiếp tục triển khai ổn định hoạt động SXKD chính là cho Vietnam Airlines thuê 10 tàu bay A321. Với việc bán thanh lý tàu bay ATR trong năm, kết quả năm 2023 của Công ty có chỉ tiêu doanh thu đạt 76 triệu USD; LNTT đạt 16,8 triệu USD; tỷ suất ROE đạt 21%.
2		MASCO	65,05%	Masco là đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ hàng không sớm nhất và lâu nhất tại các sân bay khu vực miền Trung, bao gồm sản xuất và cung ứng suất ăn, vật dụng và dụng cụ trên máy bay; vận chuyển hành khách, tổ lái, tiếp viên tại các sân bay, kinh doanh thương mại tại nhà ga hàng không, đào tạo nghề.... Công ty đã áp dụng hệ thống cuối năm rồi mà vất vả và quá chi, Masco đang áp dụng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000:2018 vào hoạt động SXKD nhằm đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng suất ăn cung ứng cho các Hãng HK. Năm 2023, thị trường hàng không nội địa hồi phục nhanh chóng, tuy nhiên, thị trường quốc tế tại khu vực miền Trung chưa hồi phục, tăng trưởng chậm, đặc biệt các đường bay chủ điểm đi đến Trung Quốc đều bị hủy so với KH nên hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ hàng không của MASCO vẫn gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, Việc đào tạo lái xe ô tô - mô tô gặp nhiều khó khăn do phải tuân thủ các yêu cầu về camera giám sát hành trình, cabin điện tử, bài thi mô phỏng làm giá học phí tăng cao so với trước đây và nhu cầu thị trường cũng đã bão hòa. Kết quả năm 2023, tổng sản lượng suất ăn cung ứng của MASCO đạt 1.005.161 suất ăn; chỉ tiêu Tổng doanh thu đạt 148,3 tỷ đồng, LNTT đạt hơn 3,88 tỷ đồng, ROE đạt 9%.
3		AIRIMEX	41,31%	Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực nhập khẩu, phân phối máy móc, trang thiết bị, vật tư, phụ tùng, và dịch vụ xuất nhập khẩu cho ngành hàng không. Năm 2023, Airimex vẫn duy trì là đơn vị được cung cấp toàn bộ dịch vụ uỷ thác xuất nhập khẩu phụ tùng máy bay và dịch vụ vận chuyển cho Vietnam Airlines. Bên cạnh các điều kiện đảm bảo về cơ sở vật chất, đội ngũ nhân sự, Công ty vẫn đáp ứng được những nguồn hàng có chất lượng và giá cả hợp lý để tham gia các gói thầu mua sắm, cung cấp hàng hóa. Tuy nhiên, Công ty cũng đối mặt với nhiều thách thức, khó khăn do gặp phải cạnh tranh gay gắt từ các đối tác khai thác lĩnh vực vận chuyển, kinh doanh trang thiết bị mặt đất. Thị trường cho thuê văn phòng sụt giảm do ảnh hưởng từ đợt dịch bệnh và giảm phát kéo dài, nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa hoặc thu nhỏ quy mô hoạt động. Mặc dù hoạt động kinh doanh của Công ty còn gặp nhiều khó khăn nhưng bằng việc triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng doanh thu, tiết giảm chi phí, Airimex vẫn đạt được tổng doanh thu là 212,7 tỷ đồng, LNTT đạt 5,2 tỷ đồng, ROE đạt 12,76%.
4		APLACO	30,41%	Hoạt động chính trong lĩnh vực kinh doanh các mặt hàng nhựa, sản phẩm nhựa thông thường và cao cấp, gồm: các mặt hàng nhựa phục vụ ngành công nghiệp, sản phẩm nhựa xuất khẩu, sản phẩm gia dụng, thiết bị khuôn mẫu, vật tư ngành nhựa... Ngoài ra, Công ty còn kinh doanh tái chế vật tư, nguyên liệu, phụ tùng phương tiện phục vụ ngành công nghiệp đã qua sử dụng... Năm 2022, hoạt động SXKD của công ty gặp nhiều khó khăn do giá nguyên vật liệu tăng, tình trạng thiếu hụt vốn cùng với chi phí tài chính cao... nên kết quả kinh doanh bị ảnh hưởng nặng nề, hiện Vietnam Airlines chưa có số liệu báo cáo tài chính của APLACO.

Danh mục đầu tư khác

TT	Logo	Công ty	Tỉ lệ sở hữu của VNA	Tình hình hoạt động
1		K6		Là Hãng hàng không quốc gia của Campuchia được thành lập vào năm 2009 với sự tham gia góp vốn của Chính phủ Hoàng gia Campuchia, Vietnam Airlines và các nhà đầu tư Campuchia. Năm 2023, nhu cầu trên đường bay Việt Nam và đường bay nội địa Campuchia được hồi phục giúp K6 có cơ hội cải thiện kết quả SXKD. K6 đã nỗ lực khôi phục lại các đường bay đến Việt Nam, Trung Quốc, đồng thời thực hiện các giải pháp tăng doanh thu, triệt để cắt giảm chi phí, đàm phán giãn hoãn thanh toán, tận dụng mọi cơ hội để tăng cường khai thác chuyến bay thuê chuyến, chuyển bay chở hàng giúp bổ sung dòng tiền duy trì hoạt động. Năm 2023, tổng doanh thu K6 đạt 66,9 triệu USD, kết quả năm lỗ 12,8 triệu USD.
2		SPT		Là công ty cổ phần trong đó Vietnam Airlines sở hữu 0,36% vốn điều lệ (tương đương 4,3 tỷ đồng), ngành nghề kinh doanh chính của SPT là bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin. Hiện Vietnam Airlines chưa có thông tin về kết quả SXKD năm 2023 của công ty.

Kết quả SXKD 2023 của các DNVG là số liệu chưa kiểm toán)

3.2 Tình hình tăng/giảm vốn đầu tư của TCT tại các Công ty con/liên kết trong năm 2023:

Trong năm 2023, TCT không tăng/giảm vốn đầu tư tại các Công ty con/liên kết.

4. Tình hình tài chính

4.1. Các chỉ tiêu tài chính bắt buộc theo TT 96/2020/TT-BTC

Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ

Chỉ tiêu công ty mẹ	Đơn vị tính	2022	2023	Chênh lệch % 2023 so 2022
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	54.170	49.932	-7,8%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	48.921	68.443	39,9%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	(9.088)	(5.077)	-44,1%
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	247	288	16,5%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(8.841)	(4.789)	-45,8%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(8.853)	(4.799)	-45,8%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	%	0%	0%	
Thuế và các khoản còn phải nộp Nhà nước	Tỷ đồng	33	40	20,3%
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,14	0,15	1,6%
+ Hệ số thanh toán nhanh Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	Lần	0,14	0,14	2,0%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	106,6%	116,8%	9,5%
+ Hệ số Nợ ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	71,2%	90,7%	27,4%
+ Hệ số Nợ dài hạn/ Tổng tài sản	%	35,4%	26,1%	-26,4%
+ Hệ số Nợ (không bao gồm Thu bán)/Vốn chủ sở hữu	Lần	(13,78)	(5,71)	-58,5%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	(16,13)	(6,96)	-56,9%
+ Hệ số Vốn chủ sở hữu /Tổng nguồn Vốn	%	-6,6%	-16,8%	153,9%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	182,9	234,3	28,1%
+ Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Lần	0,90	1,37	51,8%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	-18,1%	-7,0%	-61,3%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	-1044,9%	80,3%	-107,7%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	-15,8%	-9,2%	-41,6%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-18,6%	-7,4%	-60,1%

(* Hệ số ROE năm 2023 dương do VCSH bình quân âm và LNST âm.

Chỉ tiêu tài chính Hợp nhất

Chỉ tiêu hợp nhất	Đơn vị tính	2022	2023	Chênh lệch % 2023 so 2022
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	60.636	57.717	-4,8%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	70.410	91.540	30,0%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	(11.218)	(5.978)	-46,7%
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	273	615	125,5%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(10.945)	(5.363)	-51,0%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(11.223)	(5.632)	-49,8%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	%	0%	0%	
Thuế và các khoản còn phải nộp Nhà nước	Tỷ đồng	310	321	3,7%
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,24	0,24	2,2%
+ Hệ số thanh toán nhanh Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	Lần	0,18	0,19	2,6%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	118,2%	129,5%	9,5%
+ Hệ số Nợ ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	85,4%	106,0%	24,1%
+ Hệ số Nợ dài hạn/ Tổng tài sản	%	32,8%	23,5%	-28,3%
+ Hệ số Nợ (không bao gồm Thu bán)/Vốn chủ sở hữu	Lần	(5,7)	(3,8)	-33,6%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	(6,5)	(4,4)	-32,3%
+ Hệ số Vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	-18,2%	-29,5%	61,8%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	28,6	27,8	-2,8%
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,16	1,59	36,6%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	-15,9%	-6,2%	-61,4%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	213,2%	40,1%	-81,2%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	-18,1%	-9,5%	-47,6%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	%	-15,9%	-6,5%	-59,0%
+ Hệ số EPS	Đồng	(5.102)	(2.678)	-47,5%
+ Hệ số P/E	Lần	(2,72)	(4,57)	67,9%

(*) Hệ số ROE năm 2023, 2022 dương do VCSH bình quân âm và LNST âm.

Đánh giá tổng quát

Trong năm 2023, thị trường quốc tế chưa phục hồi hoàn toàn và vẫn gặp nhiều khó khăn do suy giảm cầu tại một số thị trường trọng điểm và ảnh hưởng xung đột Nga - Ukraine, Israel-Hamas, thị trường nội địa từ quý 2 bắt đầu bị ảnh hưởng tiêu cực bởi tình hình kinh tế vĩ mô, tình trạng thừa tải và cạnh tranh cao, nhiều yếu tố đầu vào (giá nhiên liệu, lãi suất, tỷ giá) vẫn ở mặt bằng cao và bất lợi. Vietnam Airlines đã điều hành hoạt động SXKD linh hoạt theo tình hình thị trường hàng không trong nước và quốc tế, tích cực thực hiện các giải pháp bổ sung

nguồn thu, quản trị doanh thu, thực hiện các giải pháp tiết kiệm, quản trị chi phí, chủ động đề xuất kéo dài các chính sách hỗ trợ của Nhà nước (giảm thuế bảo vệ môi trường), nỗ lực tối đa để cải thiện kết quả SXKD và dòng tiền.

Kết quả SXKD năm 2023 của Vietnam Airlines công ty mẹ lỗ trước -4.789 tỷ đồng, lỗ hợp nhất trước thuế là -5.363 tỷ đồng. Với kết quả lỗ vẫn ở mức lớn, tình hình tài chính của Vietnam Airlines tiếp tục bị ảnh hưởng nghiêm trọng, các chỉ tiêu tài chính vẫn diễn biến theo chiều hướng tiêu cực.

4.2. Phân tích tình hình tài chính Công ty mẹ và Hợp nhất

Các giải pháp quản trị nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD và đảm bảo thanh khoản của Vietnam Airlines

Trong năm 2023 Vietnam Airlines tiếp tục thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để cải thiện kết quả SXKD, đảm bảo thanh khoản và khả năng hoạt động liên tục, bao gồm:

Về tổ chức sản xuất: Vietnam Airlines chủ động đánh giá, xây dựng các kịch bản SXKD, theo dõi sát sao diễn biến của thị trường để triển khai kịp thời các kế hoạch kinh doanh tại thị trường nội địa và quốc tế; tập trung nguồn lực khai thác cho các giai đoạn cao điểm để tăng doanh thu và dòng tiền; tiếp tục đẩy mạnh quản trị, tối ưu hóa doanh thu, chi phí, nỗ lực để cải thiện kết quả SXKD VTHK. Đến cuối năm 2023, trên mạng bay quốc tế, TCT khai thác 56 đường bay thường lệ (khoảng 90% so với 2019) đến 28 điểm đến trên 18 quốc gia, mở rộng mạng bay thông qua mở đường bay mới mới HAN/SGN - BOM (tháng 5/2023), HAN - MEL (tháng 6/2023), SGN - PER (tháng 12/2023). Trên mạng bay nội địa, TCT đã khai thác 45 đường bay (phục hồi hoàn toàn so 2019) tới 21 điểm đến.

Về chính sách lao động, tiền lương: Năm 2023 VNA tiếp tục triển khai tái cấu trúc về tổ chức, sắp xếp, tối ưu hóa quy trình sản xuất kinh doanh để nâng cao hiệu quả công việc, sự phát huy của từng cá nhân cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh tổng thể và khả năng thích nghi của tổ chức với các biến động của thị trường và môi trường SXKD.

Cắt giảm chi phí, triệt để tiết kiệm: VNA tiếp tục thực hiện cắt giảm, tiết kiệm, quản trị và tối ưu hóa chi phí, kiến nghị các cơ quan hữu quan kéo dài các giải pháp hỗ trợ chính sách của Chính phủ (chính sách giảm thuế bảo vệ môi trường cho nhiên liệu bay).

Về quản lý dòng tiền và thanh khoản, đàm phán giãn hoãn thanh toán: VNA tăng cường công tác dự báo, quản lý chặt chẽ dòng tiền, điều hành linh hoạt các dòng tiền thu-chi kết hợp sử dụng hạn mức tín dụng ngắn hạn hợp lý để cân đối dòng tiền cho hoạt động SXKD và thanh toán nợ quá hạn theo cam kết với các chủ nợ, duy trì thanh khoản và khả năng hoạt động liên tục.

VNA chủ động, thường xuyên báo cáo Chính phủ, Cơ quan đại diện chủ sở hữu Nhà nước, Bộ Tài chính và các Cơ quan Nhà nước cập nhật tình hình SXKD, kiến nghị các giải pháp hỗ trợ của Chính phủ với ngành hàng không, với doanh nghiệp. VNA cũng đã gửi báo cáo các cấp có thẩm quyền đề xuất các giải pháp phục hồi năng lực tài chính sau các ảnh hưởng của dịch Covid tại Đề án Tổng thể các giải pháp hỗ trợ khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid giai đoạn 2021-2025.

Doanh thu – Lợi nhuận công ty mẹ

STT	Chỉ tiêu	Chênh lệch 2022/2023			
		2022	2023	Giá trị	%
1	Tổng doanh thu	50.214	69.849	19.636	39,1%
	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DV	48.921	68.443	19.522	39,9%
	Doanh thu hoạt động tài chính	1.044	1.118	74	7,1%
	Thu nhập khác	248	288	40	16,1%
2	Tổng chi phí	59.054	74.638	15.584	26,4%
3	Lợi nhuận trước thuế	-8.841	-4.789	4.052	-45,8%
4	Lợi nhuận sau thuế	-8.853	-4.799	4.055	-45,8%

Hoạt động SXKD của VNA trong năm 2023 vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn do thị trường quốc tế vẫn chưa phục hồi hoàn toàn, một số thị trường trọng điểm chịu ảnh hưởng bởi tình trạng suy giảm cầu (thị trường Đông Bắc Á) và bởi xung đột Nga Ukraine (thị trường Nga), thị trường nội địa từ quý 2 cũng bắt đầu bị ảnh hưởng tiêu cực từ tình hình kinh tế vĩ mô. Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2023 của công ty mẹ đạt 69.849 tỷ đồng, bằng 139,1% so với năm 2022. Tuy nhiên, nếu so với trước dịch thì sản lượng và doanh thu vẫn chưa phục hồi về mức trước dịch, doanh thu năm 2023 đạt khoảng 93,5% so với năm 2019 (thấp hơn 4.845 tỷ đồng). Trong cơ cấu doanh thu, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 68.443 tỷ đồng, tăng 39,9% so với năm 2022 và chiếm 98% tổng doanh thu. Doanh thu hoạt động tài chính là 1.118 tỷ đồng, tăng 7,1% so với năm 2022 (tăng tuyệt đối 74 tỷ đồng). Thu nhập khác là 288 tỷ đồng, tăng 16,1% so với năm 2022 (tăng tuyệt đối 40 tỷ đồng).

Năm 2023, những yếu tố đầu vào quan trọng vẫn duy trì ở mặt bằng cao và bất lợi đặc biệt là giá nhiên liệu, lãi suất và tỷ giá. Mức giá nhiên liệu bình quân năm 2023 là 105,38 USD/thùng, cao hơn 28,66 USD/thùng so với năm 2019 (tương đương mức tăng 37,4%), chi phí nhiên liệu năm 2023 tăng do yếu tố giá và tỷ giá khoảng 6.100 tỷ đồng so với năm 2019. Chênh lệch chi - thu tỷ giá năm 2023

tăng so với năm 2019 là 548 tỷ đồng. Chi phí lãi vay và chi phí tài chính năm 2023 cao hơn năm 2019 khoảng 407 tỷ đồng chủ yếu do lãi suất tăng và tăng vay nợ ngắn hạn, giãn hoãn nợ nhà cung cấp (mặc dù dư nợ vay dài hạn đã giảm mạnh do hoạt động trả nợ vay).

Từ năm 2023, VNA dừng thực hiện chính sách giãn khấu hao, phân bổ chi phí sửa chữa bảo dưỡng áp dụng trong các năm 2022, 2021, 2020. Phần chênh lệch lũy kế giữa khấu hao theo phương pháp đường thẳng và phương pháp khấu hao áp dụng trong các năm từ 2022-2020 được tiếp tục phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính còn lại của tài sản cố định. Đối với chi phí sửa chữa bảo dưỡng phân bổ, phần chênh lệch lũy kế giữa phương pháp phân bổ theo đường thẳng và phương pháp phân bổ áp dụng trong các năm từ 2022-2020 được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ nhưng tối đa không quá 3 năm. Do đó, chi phí khấu hao và sửa chữa bảo dưỡng phân bổ được giãn hoãn giai đoạn trước đã được đưa vào chi phí năm 2023 là 2.976 tỷ đồng (trong đó chi phí khấu hao là 1.450 tỷ đồng, chi phí sửa chữa bảo dưỡng phân bổ là 1.526 tỷ đồng).

Kết quả SXKD năm 2023 của công ty mẹ lỗ trước thuế - 4.789 tỷ đồng (giảm lỗ so với năm 2022 là 4.052 tỷ đồng).

Nguồn vốn- Tài sản công ty mẹ

Chỉ tiêu tài sản - nguồn vốn	Tăng giảm so 2022			
	2022	2023	Giá trị	%
1. Tài sản ngắn hạn	5.572	6.650	1.078	19,3%
2. Tài sản dài hạn	48.598	43.282	-5.316	-10,9%
Tổng tài sản	54.170	49.932	-4.237	-7,8%
1. Nợ phải trả	57.749	58.310	561	1,0%
- Nợ ngắn hạn	38.557	45.296	6.739	17,5%
- Nợ dài hạn	19.192	13.014	-6.178	-32,2%
2. Vốn chủ sở hữu	-3.579	-8.378	-4.799	134,1%
Tổng nguồn vốn	54.170	49.932	-4.237	-7,8%

Tổng tài sản tại ngày 31/12/2023 là 49.932 tỷ đồng, giảm 4.237 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022 (%7,8). Tài sản dài hạn cuối kỳ là 43.282 tỷ đồng, giảm 5.316 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022 (%10,9). Trong đó khoản mục tài sản cố định giảm 6.070 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022 chủ yếu do khấu hao (5.555 tỷ đồng) và hoạt động bán và thuê lại 01 động cơ dự phòng A321 Neo (giảm 531 tỷ đồng); số tài sản cố định tăng chủ yếu là các trang thiết bị, dụng cụ quản lý có giá trị nhỏ. Trong năm 2023, VNA đã hoàn thành bán và thuê lại 01 động cơ dự phòng A321 Neo và hoàn thành thủ tục đấu giá với 03 máy bay A321CEO cũ (thủ tục bán và bàn giao tài sản hoàn thành trong năm 2024). Khoản mục đầu tư tài chính dài hạn giảm 150 tỷ đồng chủ yếu do giảm số ủy thác đầu tư vào hãng hàng không Cambodia Angkor Air sau khi VNA hoàn thành thoái vốn giai đoạn 1. Khoản mục tài sản dài hạn khác tăng 882 tỷ đồng chủ yếu do tăng Chi phí trả trước dài hạn cho hoạt động sửa chữa bảo dưỡng.

Tài sản ngắn hạn cuối kỳ là 6.650 tỷ đồng, tăng 1.078 tỷ đồng so với cùng kỳ năm (%19,3) 2022. Khoản mục tăng mạnh là: phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng 1.242 tỷ đồng do qui mô hoạt động SXKD phục hồi, tài sản ngắn hạn khác tăng 598 tỷ đồng do tăng khoản mục thuế GTGT được khấu trừ và chi phí trả trước thuê máy bay do hoạt động SXKD dần trở lại bình thường. Khoản mục tài sản ngắn hạn giảm chủ yếu là tổng trữ lượng tiền giảm 785 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu tài sản cuối năm biến động theo hướng tăng tỷ trọng tài sản ngắn hạn so với cùng kỳ năm 2022 (tăng từ 10,3% lên 13,3%), giảm tỷ trọng tài sản dài hạn (giảm từ 89,7% xuống 86,7%). Khả năng thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh tăng nhẹ so với cùng kỳ 2022.

Qui mô vốn chủ sở hữu công ty mẹ tại ngày 31/12/2023 là -8.378 tỷ đồng, giảm 4.799 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022 do khoản lỗ phát sinh trong năm 2023.

Nợ phải trả tại ngày 31/12/2023 là 58.310 tỷ đồng, tăng 1,0% (tăng tuyệt đối 561 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2022. Trong cơ cấu nợ phải trả cuối năm 2023, nợ phải trả dài hạn chiếm 22,3%, nợ phải trả ngắn hạn chiếm 77,7%.

Nợ phải trả ngắn hạn tại ngày 31/12/2023 là 45.296 tỷ đồng, tăng 17,5% so với cùng kỳ năm 2022 (tăng tuyệt đối 6.739 tỷ đồng). Các khoản mục tăng chủ yếu do tăng mạnh các khoản bán vé trước, tăng các khoản phải trả nhà cung cấp và chi phí phải trả ngắn hạn do qui mô SXKD phục hồi, tăng khoản mục nợ vay ngắn hạn và nợ vay đến hạn trong năm sau. Tổng dư nợ vay ngắn hạn và vay tái cấp vốn tại thời điểm 2023/12/31 là 8.641 tỷ đồng, tăng 2.362 tỷ đồng so với cùng kỳ 2022 do tăng vay ngắn hạn. Trong đó số dư nợ vay tái cấp vốn là 3.986 tỷ đồng, thời hạn vay tái cấp vốn gia hạn hằng năm tối đa đến 3 năm.

Nợ phải trả dài hạn tại ngày 31/12/2023 là 13.014 tỷ đồng, giảm 32,3% (giảm tuyệt đối 6.178 tỷ đồng) so với năm 2022 chủ yếu do giảm nợ vay, thuê tài chính

dài hạn và giảm khoản mục phải trả người bán dài hạn do chuyển sang ngắn hạn với một số khoản mục phải trả dài hạn còn thời hạn dưới một năm.

Tổng dư nợ theo các hợp đồng vay và thuê tài chính dài hạn của công ty mẹ (bao gồm phần nợ dài hạn và phần nợ ngắn hạn - tương ứng với các khoản đến hạn trong vòng 1 năm) tại ngày 31/12/2023 là 18.430 tỷ đồng, giảm 3.644 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022, chủ yếu do hoạt động trả nợ vay trong năm.

Nợ phải trả nhà cung cấp đang giãn hoãn thanh toán đến 31/12/2023 là 8.859 tỷ VND, giảm 1.579 tỷ VND so với cùng kỳ năm 2022 do trong năm VNA đã cân đối trả một phần các khoản nợ theo các cam kết với đối tác.

Doanh thu – Lợi nhuận hợp nhất

STT	Chỉ tiêu	Chênh lệch 2022/2023			
		2022	2023	Giá trị	%
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	71.701	93.176	21.475	30,0%
	Doanh thu thuần	70.410	91.540	21.130	30,0%
	Doanh thu hoạt động tài chính	980	926	-54	-5,5%
	Thu nhập khác	311	710	400	128,6%
2	Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	74	88	14	19,0%
3	Tổng doanh thu và thu nhập (gồm phần lãi lỗ trong công ty LDLK) (1+2)	71.775	93.265	21.489	29,9%
4	Lợi nhuận trước thuế	-10.945	-5.363	5.583	-51,0%
5	Lợi nhuận sau thuế	-11.223	-5.632	5.591	-49,8%

Tổng Doanh thu, thu nhập hợp nhất (gồm phần lãi lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết) của VNA trong năm 2023 ở mức 93.265 tỷ đồng, tăng 29,9% so với năm 2022. Trong đó, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023 là 91.540 tỷ đồng, tăng 30,0% so với năm 2022 và chiếm khoảng 98,2% tổng doanh thu. Doanh thu hoạt động tài chính thấp hơn 5,5% so với năm 2022 (giảm tuyệt đối 54 tỷ đồng). Nội dung thu nhập khác năm 2023 tăng 128,6% so với năm 2022 (tăng tuyệt đối 400 tỷ

Các chỉ tiêu về nguồn vốn trong năm 2023 bị ảnh hưởng theo hướng tiêu cực do vốn chủ sở hữu công ty mẹ giảm. Cơ cấu nguồn vốn của Vietnam Airlines - công ty mẹ tiếp tục biến động theo hướng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (giảm từ mức -6,6% cuối năm 2022 xuống -16,8% cuối năm 2023) và tăng tỷ trọng vốn từ bên ngoài (nợ phải trả tăng từ 106,6% lên 116,8% tổng nguồn vốn). Trong cơ cấu nợ phải trả, tỷ trọng nợ ngắn hạn tăng (từ 66,8% lên 77,7%), tỷ trọng nợ dài hạn giảm (từ 33,2% xuống 22,3% tổng nợ phải trả).

đồng) chủ yếu do phát sinh khoản thu nhập bất thường do Bên cho thuê máy bay xóa nợ cho hãng HK Pacific Airlines, ngoài ra do các khoản thu nhập khác cũng tăng so với năm trước.

Lỗ hợp nhất trước thuế năm 2023 là -5.363 tỷ đồng đến từ kết quả lỗ của công ty mẹ và hãng HK Pacific Airlines, trong khi các công ty thành viên khác đa số có kết quả SXKD khả quan và có lãi; so với năm 2022 mức lỗ trước thuế hợp nhất giảm 5.583 tỷ đồng

Tài sản – Nguồn vốn hợp nhất

Chi tiêu tài sản - nguồn vốn	Tăng giảm so 2022			
	2022	2023	Giá trị	%
1. Tài sản ngắn hạn	12.330	14.884	2.554	20,7%
2. Tài sản dài hạn	48.306	42.833	-5.474	-11,3%
Tổng tài sản	60.636	57.717	-2.919	-4,8%
1. Nợ phải trả	71.692	74.743	3.051	4,3%
- Nợ ngắn hạn	51.800	61.171	9.371	18,1%
- Nợ dài hạn	19.892	13.572	-6.320	-31,8%
2. Vốn chủ sở hữu	-11.056	(17.026)	-5.970	54,0%
Tổng nguồn vốn	60.636	57.717	-2.919	-4,8%

Tổng tài sản hợp nhất tại ngày 31/12/2023 là 57.717 tỷ đồng, giảm 2.919 tỷ đồng so với năm (%4,8) 2022. Tài sản ngắn hạn cuối năm là 14.884 tỷ đồng, tăng 2.554 tỷ đồng (20,7%), khoản mục tăng chủ yếu là khoản mục phải thu ngắn hạn của khách hàng (tăng 1.224 tỷ đồng) do hoạt động SXKD hồi phục; hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn khác cũng tăng (555 tỷ đồng và 690 tỷ đồng). Dự trữ tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn (tiền gửi kỳ hạn) tăng nhẹ so với cuối năm 2022.

Tài sản dài hạn cuối năm là 42.833 tỷ đồng, giảm 5.474 tỷ đồng (11,3%) so với năm 2022. Trong đó, khoản mục tài sản cố định giảm 6.313 tỷ đồng do khấu hao (5.986 tỷ đồng), do việc bán và thuê lại động cơ dự phòng tại công ty mẹ (giảm 531 tỷ VND); Số tăng tài sản cố định chủ yếu là do đầu tư thêm một số máy móc trang thiết bị, phương tiện, công cụ sản xuất, phần mềm tại công ty mẹ và một số công ty con. Khoản tài sản dài hạn khác tăng 863 tỷ đồng chủ yếu ở nội dung chi phí trả trước dài hạn liên quan đến sửa chữa bảo dưỡng và phụ tùng máy bay, công cụ dụng cụ quay vòng.

Cơ cấu tài sản biến động theo hướng tăng tỷ trọng tài sản ngắn hạn (tăng từ 20,3% lên 25,8%), giảm tỷ trọng tài sản dài hạn (giảm từ 79,7% xuống 74,2%).

Qui mô vốn chủ sở hữu hợp nhất tại 2023/12/31 là -17.026 tỷ đồng, giảm 5970 tỷ đồng so với cuối năm 2022 do số lỗ phát sinh trong năm. Nợ phải trả hợp nhất tại 2023/12/31 tăng 4,3% (tăng tuyệt đối 3.051 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó nợ phải trả dài hạn chiếm khoảng 18,2%, nợ phải trả ngắn hạn chiếm khoảng 81,8%.

Nợ phải trả ngắn hạn tại 31/12/2023 là 61.171 tỷ đồng, tăng 18,1% (tăng tuyệt đối 9.371 tỷ đồng) chủ yếu do tăng các khoản khách mua trước, các khoản phải trả

nhà cung cấp, các khoản chi phí phải trả ngắn hạn do qui mô SXKD phục hồi và tăng các khoản nợ vay ngắn hạn và đến hạn trong vòng một năm. Nợ phải trả dài hạn tại 31/12/2023 là 13.572 tỷ đồng, giảm 31,8% (giảm tuyệt đối 6.320 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2022, chủ yếu do giảm dư nợ vay và thuê tài chính dài hạn (giảm 5.061 tỷ đồng) và giảm các khoản phải trả người bán dài hạn (giảm 1677 tỷ đồng) do chuyển sang nợ ngắn hạn.

Tổng dư nợ vay ngắn hạn và tái cấp vốn tại thời điểm 31/12/2023 là 12.056 tỷ đồng, tăng 2.918 tỷ đồng so với đầu năm. Tổng dư nợ theo các hợp đồng vay và thuê tài chính dài hạn của toàn Tổng công ty (bao gồm phần nợ dài hạn và phần nợ ngắn hạn - tương ứng với các khoản đến hạn trong vòng 1 năm) tại 31/12/2023 là 15.312 tỷ đồng, giảm 3.818 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022 chủ yếu do hoạt động trả nợ vay.

Nợ phải trả nhà cung cấp đang giãn hoãn thanh toán đến 31/12/2023 là 13.743 tỷ VND giảm 1.653 tỷ VND so với cuối năm 2022 chủ yếu do hoạt động trả nợ của công ty mẹ, ngoài ra do việc Pacific Airlines được nhà cung cấp xóa nợ trong năm 2023.

Các chỉ tiêu về nguồn vốn trong năm 2023 bị ảnh hưởng theo hướng tiêu cực do vốn chủ sở hữu hợp nhất giảm xuống mức âm lớn. Cơ cấu nguồn vốn của Tổng công ty tiếp tục biến động theo hướng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (giảm từ mức -18,2% cuối năm 2022 xuống -29,5% cuối năm 2023) và tăng tỷ trọng vốn từ bên ngoài (nợ phải trả tăng từ 118,2% lên 129,5% tổng nguồn vốn). Trong cơ cấu nợ phải trả, tỷ trọng nợ ngắn hạn tăng (từ 72,3% lên 81,8%), tỷ trọng nợ dài hạn giảm (từ 27,7% xuống 18,2% tổng nợ phải trả).

5. Những cải tiến mới về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Năm 2023, Tổng công ty tiếp tục triển khai tái cấu trúc về tổ chức, sắp xếp, tối ưu hóa quy trình sản xuất kinh doanh. Công tác rà soát, tổ chức lại quy trình công việc, phân công lại lao động, giảm các cấp trung gian, rút ngắn thời gian ra quyết định đã được triển khai đồng bộ, mang lại những kết quả tích cực, rõ nét, phát huy năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm của từng cá nhân;

tổ chức phản ứng nhanh hơn, linh hoạt hơn với sự thay đổi, biến động của thị trường; sàng lọc và loại bỏ các quy trình, công việc thừa, ít ý nghĩa; tập trung nguồn lực cho công việc chính, trọng tâm; nâng cao hiệu quả công việc của từng cá nhân và năng lực cạnh tranh tổng thể của tổ chức.

6. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Mục tiêu văn hóa an toàn tiệm cận mức 5.0 Generative (tiên tiến) từ năm 2025.

Trở thành hãng hàng không Full Service đạt nhóm 03 về quy mô trong khu vực Đông Nam Á.

VNA đạt nhóm 10 hãng hàng không được ưa thích tại châu Á.

Củng cố dịch vụ 4 sao và từng bước đưa Vietnam Airlines đạt tiêu chuẩn hãng hàng không 5 sao.

Thực hiện chuyển đổi công nghệ mạnh mẽ hướng tới là hãng hàng không công nghệ số.

Trở thành doanh nghiệp được ưa thích hàng đầu tại thị trường lao động Việt Nam.

Bảo đảm thanh khoản và khả năng hoạt động liên tục; từng bước cải thiện, phục hồi năng lực tài chính; đáp ứng nguồn vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư.

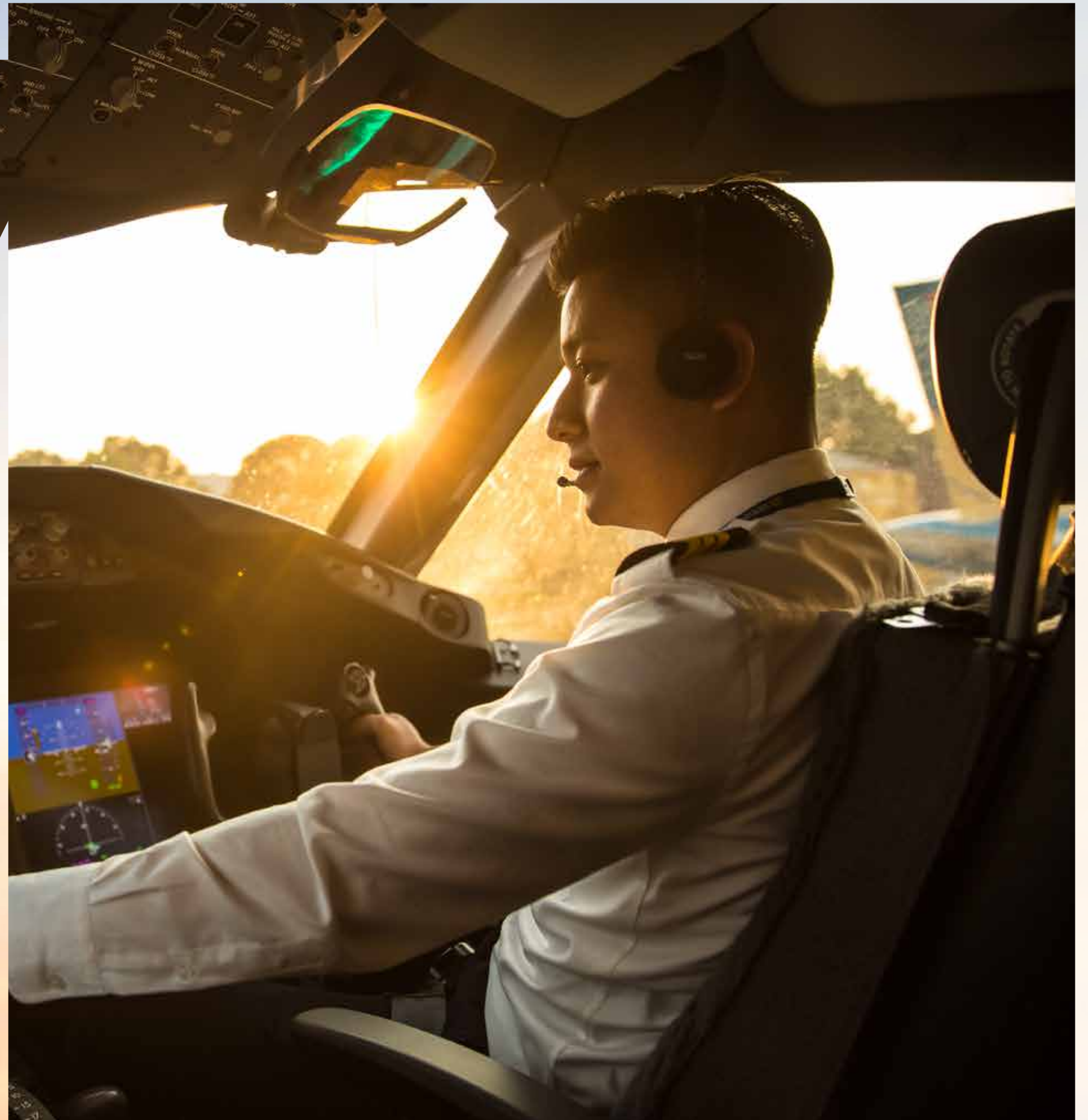


07

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

136

1. Tuyên ngôn phát triển bền vững	138
2. Chính sách phát triển bền vững	139
3. Kế hoạch thực hiện phát triển bền vững	139
4. Báo cáo phát triển bền vững năm 2023 của Vietnam Airlines	140



1. Tuyên ngôn phát triển bền vững

Hãng hàng không quốc gia Vietnam Airlines luôn duy trì sự tăng trưởng, phát triển đi đôi với cam kết về sự phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, đóng góp vào cộng đồng, tôn trọng quyền lợi của người lao động và xã hội. Chúng tôi tin rằng chỉ có bằng việc hành động đúng đắn và tôn trọng các giá trị này, chúng ta mới có thể xây dựng một tương lai tốt đẹp cho thế hệ tiếp theo.

Với tôn chỉ này, chúng tôi cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong tất cả các hoạt động. Vietnam Airlines sử dụng các công nghệ tiên tiến nhằm giảm thiểu khí thải carbon và ô nhiễm, áp dụng các biện pháp tiết kiệm nhiên liệu và quản lý chặt chẽ việc sử dụng tài nguyên. Là một thành viên của IATA và liên minh SkyTeam, chúng tôi hướng tới thực hiện cam kết của ngành hàng không thế giới (ICAO, IATA) với việc phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 (Net Zero 2050) thông qua chương trình bù đắp, giảm thiểu phát thải CO2 của ngành (Carbon Offsetting and Reduction Scheme for International Aviation, CORSIA).

Hơn nữa, Vietnam Airlines hiểu rằng chúng tôi là một thành phần, bộ phận không thể tách rời của cộng đồng, nước Việt Nam và thế giới. Vì vậy, các

hoạt động hỗ trợ cộng đồng là một phần quan trọng trong hành trình phát triển của chúng tôi. Chúng tôi sẽ thực hiện các hoạt động xã hội có lợi, hỗ trợ các dự án phát triển cộng đồng và thúc đẩy sự tiến bộ xã hội. Chúng tôi cũng cam kết đối xử công bằng và tôn trọng quyền lợi của cộng đồng, đảm bảo rằng ảnh hưởng của chúng tôi là tích cực và mang lại lợi ích cho mọi người.

Với nhân viên là nguồn lực quan trọng, Vietnam Airlines cam kết đảm bảo một môi trường làm việc bền vững, công bằng và an toàn. Tổng công ty đầu tư vào đào tạo và phát triển nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển cá nhân và chuyên môn của nhân viên. Chúng tôi cam kết tôn trọng và bảo vệ quyền lợi của người lao động, bảo đảm mức lương công bằng và các chế độ phúc lợi hợp lý.

Vietnam Airlines tin rằng phát triển bền vững không chỉ là một mục tiêu, mà là trách nhiệm của từng cá nhân và tập thể đối với mọi người và tương lai của hành tinh. Chúng tôi cam kết hành động và tạo ra những tác động tích cực, giúp xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn, nơi mà môi trường, cộng đồng, xã hội và người lao động đều được tôn trọng và phát triển.

2. Chính sách phát triển bền vững

Chính sách phát triển bền vững của Vietnam Airlines xoay quanh sự cân bằng giữa các yếu tố môi trường, xã hội và kinh tế. Vietnam Airlines luôn hành động và tạo ra những tác động tích cực, không chỉ trong hoạt động hàng không mà còn trong cộng đồng và xã hội. Vietnam Airlines tin rằng việc thực hiện chiến lược này sẽ giúp chúng tôi đạt được mục tiêu phát triển bền vững và góp phần vào xây dựng một thế giới tốt đẹp, “xanh” hơn. Một số chính sách chủ đạo:

- Luôn đặt yếu tố an toàn, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường lên hàng đầu.
- Tiên phong đổi mới công nghệ để đảm bảo sự phát triển bền vững. Tập trung triển khai nhanh và mạnh công tác chuyển đổi số doanh nghiệp. Ưu tiên phát triển thương mại điện tử và công nghệ hỗ trợ khách hàng. Tiếp tục đầu tư đổi mới phát triển đội tàu bay hiện đại tiên tiến. Thực hiện thúc đẩy

nghiên cứu, sử dụng nhiên liệu bền vững hàng không (SAF), mua tín chỉ giảm phát thải khí CO2 trong hoạt động khai thác trong tương lai gần.

- Triển khai các giải pháp, chính sách phát triển, mở rộng quy mô sản xuất hay nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh phải đảm bảo vai trò, trách nhiệm đối với xã hội, cộng đồng, đồng thời gìn giữ và bảo vệ môi trường sinh thái.
- Xây dựng môi trường làm việc toàn diện, đa dạng và công bằng cho nhân viên thông qua việc tham gia chương trình “25 by 2025” của IATA, tăng cường vai trò người lao động nữ ở cấp quản lý.
- Tôn trọng và bảo vệ đa dạng sinh học trong hoạt động thông qua việc lựa chọn các đối tác và nhà cung cấp. Ưu tiên sử dụng các sản phẩm, dịch vụ từ các nguồn tài nguyên bền vững và hạn chế sử dụng các tài nguyên không tái tạo.

3. Kế hoạch thực hiện phát triển bền vững

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Vietnam Airlines luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Các hoạt động phục vụ phát triển bền vững đã được thực hiện đa dạng trong các lĩnh vực, từ bảo vệ môi trường, tiết kiệm nhiên liệu đến hỗ trợ người yếu thế trong xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng. Kế hoạch hành động thực hiện phát triển bền vững tập trung vào các nhiệm vụ chính như sau:

Khai thác, sử dụng đội tàu bay thế hệ mới để giảm phát thải CO2 thông qua tiết kiệm nhiên liệu. Tiếp tục nghiên cứu tối ưu đường bay, lịch bay và tối ưu trọng lượng chất xếp để giảm tiêu hao nhiên liệu (tối ưu quá trình cất cánh, hạ cánh và tuyến đường bay). Nâng cấp, đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin theo dõi tiêu hao nhiên liệu, phát thải CO2 và có sự xác minh của đối tác thứ 3 để gửi cơ quan nhà nước (Cục Hàng không).

Nghiên cứu và thúc đẩy cơ quan nhà nước triển khai việc sử dụng nhiên liệu hàng không bền vững (SAF) tại Việt Nam và mua tín chỉ giảm phát thải

CO2 tại các thị trường hàng không thế giới để nghị. Tham gia chương trình CORSIA và thị trường tín chỉ CO2 tại Việt Nam khi cơ quan nhà nước triển khai. Triển khai việc lắp đặt thay thế hệ thống chiếu sáng đèn huỳnh quang bằng đèn LED tại khối văn phòng để tiết kiệm năng lượng và nghiên cứu triển khai lắp đặt hệ thống năng lượng tái tạo.

Thực hiện triển khai sử dụng tài liệu điện tử để hạn chế tài liệu giấy. Tiếp tục nghiên cứu triển khai các nội dung của chương trình “Zero Waste Vietnam Airlines” như dùng dụng cụ ăn uống bằng gỗ, inox thay cho dụng cụ nhựa; cắt giảm sử dụng túi nylon...

Triển khai thực hiện rà soát quy định, tăng cường đào tạo nhằm cải thiện phúc lợi, kỹ năng công việc, môi trường làm việc, đảm bảo thu nhập cho người lao động, trong đó có nâng cao vai trò của người lao động nữ. Hành động nâng cao nhận thức và thúc đẩy bình đẳng giới. Duy trì các hoạt động công ích, hỗ trợ cộng đồng như hiến máu tình nguyện, trồng cây gây rừng, quyên góp suất ăn...



4. Báo cáo phát triển bền vững năm 2023 của Vietnam Airlines

Năm 2023, Vietnam Airlines đã đạt được kết quả tích cực về phát triển bền vững trên các lĩnh vực: y tế, môi trường, giáo dục và xã hội.

Y tế

Triển khai hiệu quả các hoạt động CSR nổi bật mang dấu ấn thương hiệu thông qua việc kết nối nguồn lực từ các hội viên LotuSmile để mang lại nhiều giá trị cho cộng đồng và xã hội. Quyên góp được số dặm lên đến 6.71 triệu (quy đổi tương đương 4.1 tỷ VND) để thực hiện các mục tiêu nhân đạo:

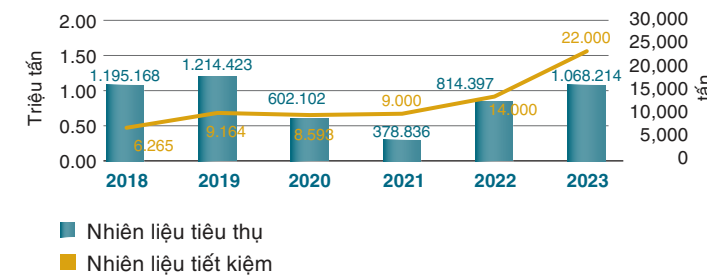
- Phẫu thuật 180 ca bệnh hàm - sọ - mặt - mắt phức tạp;
- Phẫu thuật 1.100 nụ cười;
- Thực hiện thăm khám sàng lọc dị tật tim cho 35.000 trẻ em.



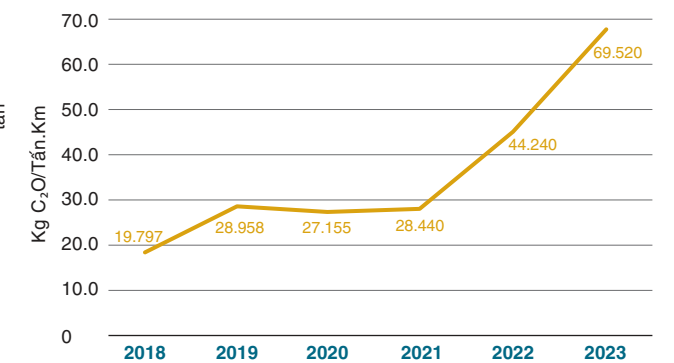
Môi trường

- Năng lượng (JET A1) tiết kiệm được năm 2023 là 22.000 tấn, vượt 46,7% kế hoạch đề ra (15.000 tấn) và bằng 2,06 % so với lượng tiêu thụ của năm. Tương đương tiết kiệm 438,3 tỷ đồng chi phí.
- Lượng khí CO2 giảm thông qua các hoạt động tối ưu khai thác tàu bay, sử dụng nhiên liệu đạt 69.520 tấn.

Nhiên liệu tiêu thụ/Nhiên liệu tiết kiệm



Lượng CO2 đã giảm bằng hoạt động tối ưu khai thác



- Tham gia chương trình “Thử thách chuyến bay bền vững” (The Sustainable Flight Challenge của liên minh SkyTeam) với 02 chuyến bay hành trình giữa Hà Nội - Frankfurt - Hà Nội, giúp nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Vietnam Airlines kêu gọi sự chung tay của các hành khách bằng việc mang theo bình nước cá nhân, chặn hoặc áo ấm, kem đánh răng và bàn chải đánh răng để sử dụng thay thế các vật phẩm được cấp trên chuyến bay nhằm góp phần giảm rác thải dùng 1 lần. Ngoài ra, hãng tặng hành khách túi tái chế từ áo phao cứu hộ trên máy bay.
- Lần đầu tiên triển khai giải pháp thu hồi, tái cấp các sản phẩm đồ khô, dụng cụ dùng 1 lần đảm bảo chất lượng sau chuyến bay, ước tính giúp “giải cứu” hơn 12 triệu suất ăn và dụng cụ mỗi năm. Giải pháp này không những giúp bảo vệ môi trường mà còn mang lại hiệu quả kinh tế cho Vietnam Airlines. Ngoài ra, 1 phần các sản phẩm thu hồi, Vietnam Airlines quyên góp cho tổ chức giải cứu thực phẩm VietHarvest nhằm giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn trong xã hội. Với giải pháp trên, Vietnam Airlines vinh dự được Skyteam trao tặng danh hiệu là Hãng hàng không đóng góp giải pháp phát triển bền vững mạnh mẽ nhất “Boldest Move” trong cuộc thi “Thử thách chuyến bay bền vững”.
- Chuyển đổi sử dụng các chất liệu thân thiện môi trường; cắt giảm 62.8 triệu số lượng túi nilon sử dụng mỗi năm cho các vật dụng trên tàu bay.
- Triển khai ứng dụng đọc báo điện tử PressReader giúp cắt giảm tiêu thụ 35.000 cuốn tạp chí, 64.000 tờ báo giấy, tiết kiệm 2,3 triệu tấn nhiên liệu/ năm.
- Đồng hành cùng Lễ phát động Quốc gia, hưởng ứng Tháng hành động vì môi trường năm 2023, Vietnam Airlines đã thực hiện trồng mới 3.000 cây lim xanh tại Rừng phòng hộ sông Ngân phố, tỉnh Hà Tĩnh, được Bộ Tài nguyên và Môi trường vinh danh vì những nỗ lực không ngừng nghỉ vì mục tiêu phát triển bền vững.

Giáo dục

- Tổ chức khánh thành, trao tặng công trình Thư viện sách cho trường Trường Tiểu học & Trung học Cơ sở Đoàn Kết, xã Đoàn Kết, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn trong dịp khai giảng năm học mới. Việc triển khai dự án thể hiện nỗ lực mang tới những giá trị thiết thực, lâu dài trong công tác xây dựng văn hóa đọc, nâng cao chất lượng dạy và học ở vùng cao.
- Trước đó, Vietnam Airlines đã tích cực tuyên truyền, vận động các cơ quan đơn vị khu vực phía Bắc quyên góp sách và đồ dùng học tập để trao tặng cho các em. Dự án đã nhận được sự hưởng ứng tích cực của toàn thể các cơ quan đơn vị trong Tổng công ty. Sau 2 ngày quyên góp sách, Ban tổ chức đã nhận được hơn hàng trăm cuốn sách, vở, đồ dùng học tập và tiền mặt để trao tặng học bổng cho các cháu có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, mắc bệnh hiểm nghèo, vươn lên trong học tập.



Xã hội

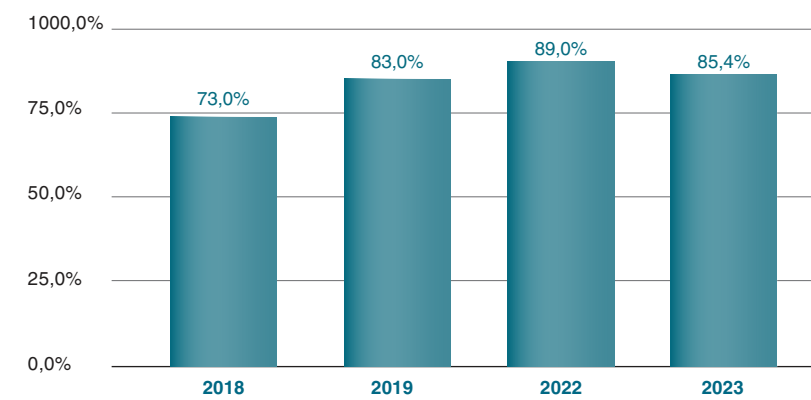
An sinh xã hội

- Tổng công ty Hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines) và Tổ chức giải cứu thực phẩm VietHarvest đã ký kết hợp tác nhằm triển khai hoạt động quyên góp các suất ăn hàng không chưa sử dụng và còn đảm bảo chất lượng sau các chuyến bay tới những tổ chức, cá nhân có hoàn cảnh khó khăn. Theo đó, các sản phẩm Vietnam Airlines quyên góp là các thực phẩm khô chưa sử dụng và còn đảm bảo chất lượng như ngũ cốc khô, các loại bánh ăn nhẹ... Các suất ăn được quyên góp sẽ thực hiện theo quy trình thu hồi, kiểm tra, phân loại và lưu trữ riêng biệt để đảm bảo chất lượng của sản phẩm khi chuyển giao cho VietHarvest. Chiến dịch đã quyên góp hơn 2 tấn thực phẩm dư thừa sau các chuyến bay (tính riêng trong 5 tháng triển khai hợp tác từ tháng 6 - 11/2023), giúp đỡ khoảng 800 hoàn cảnh khó khăn thiếu thốn lương thực theo chương trình hợp tác với VietHarvest.
- Tổ chức thành công Chuyến đi mơ ước 1 và 2 cho hàng trăm trẻ em mồ côi, có hoàn cảnh khó khăn. “Chuyến đi Mơ ước” là chiến dịch do SpaceSpeakers Group và Vietnam Airlines phối hợp tổ chức và đồng hành cùng chương trình Nhịp tim Việt Nam thực hiện chuyến đi trong mơ cho những trẻ em còn gặp nhiều khó khăn tại Việt Nam, từ đó lan tỏa những thông điệp tích cực về tình yêu thương.
- Tổ chức chuyến bay khứ hồi thiện nguyện cho người lao động có quê quán tại các tỉnh thành phía Bắc đang làm việc tại các tỉnh thành phía Nam để trở về quê nhà trong dịp Tết nguyên đán và quay trở lại làm việc sau Tết.
- Giải chạy thiện nguyện Run For Love lần thứ 2 với toàn bộ doanh thu từ việc bán vé được Vietnam Airlines sử dụng để thực hiện các chương trình thiện nguyện, giúp đỡ các hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Người lao động

- Số lao động của Tổng công ty tính đến 2023/12/31 là 5.229 người, với mức sử dụng bình quân là 5.160.
- Công tác đóng bảo hiểm được thực hiện theo đúng quy định (người lao động đóng 10,5% lương, người sử dụng lao động đóng 21,5% lương).
- 100% người lao động đã tham gia ký kết thỏa ước lao động tập thể để bảo vệ quyền lợi người lao động và minh bạch trách nhiệm của người sử dụng lao động.
- Người lao động gắn kết và thỏa mãn với môi trường làm việc.

Mức độ hài lòng và gắn kết của người lao động



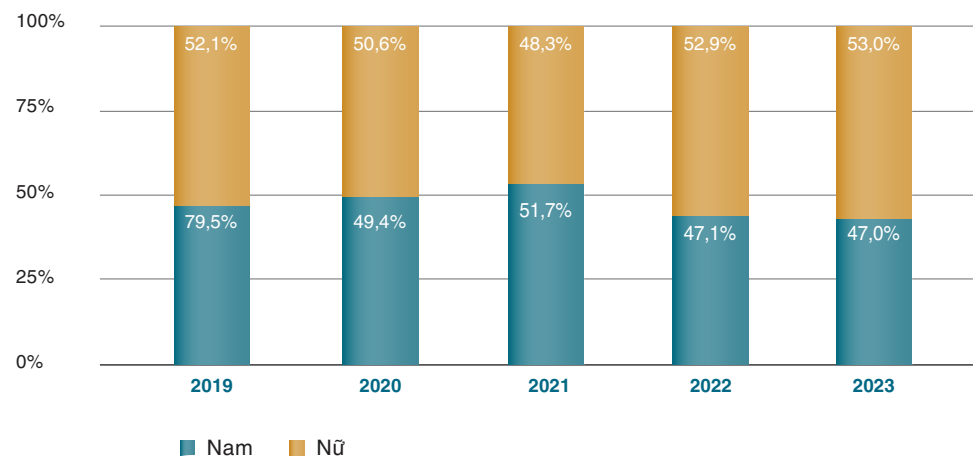
Ghi chú: Thực hiện khảo sát, báo cáo kết quả Quý IV hàng năm. Năm 2021, 2022 không khảo sát do ảnh hưởng bởi COVID-19

- Không xảy ra tình trạng đình công của người lao động.
- Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc là 100%, qua đó kịp thời phát hiện ra những vấn đề bất cập trong công tác quản lý, vận hành và kinh doanh, nhanh chóng đưa ra giải pháp phù hợp, kịp thời nhằm cải thiện tình hình cũng như nâng cao năng suất, chất lượng công việc của người lao động.
- 100% nhân lực thuộc cấp quản lý (Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát) có độ tuổi lớn hơn 50, với tỷ lệ nam giới là 92.9% và tỷ lệ nữ giới là 7.1%
- Những phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian (đối tượng lao động giản đơn thuê dịch vụ ngoài) bao gồm:
 - Vé ID, AD
 - Bảo hiểm sức khỏe
 - myIDTravel
 - Bảo hiểm hưu trí

Thúc đẩy bình đẳng giới

- Nhiều năm qua từ Tổng công ty đến các đơn vị cơ sở đã quán triệt và triển khai tốt đường lối của Đảng và chính sách của Chính phủ về công tác cán bộ nữ.
- Trong quá trình xây dựng và phát triển, lao động nữ là lực lượng lao động quan trọng trong dây chuyền hoạt động sản xuất kinh doanh của Vietnam Airlines. Với tỷ lệ 53% trên tổng số lao động hiện có, lực lượng lao động nữ đã tham gia vào hầu hết các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh và chiếm đa số ở những vị trí trực tiếp, tuyến trước như: đội ngũ tiếp viên phục vụ trên máy bay, nhân viên bán vé và nhân viên phục vụ hành khách tại các nhà ga hàng không...

Tỷ lệ giới tính của lao động



- Cán bộ lãnh đạo nữ từ cấp phòng và tương đương trở lên là 126/450 chiếm 28% tổng số cán bộ lãnh đạo.
- Xây dựng, hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Ban vì sự tiến bộ phụ nữ trong Tổng công ty để thực thi thúc đẩy bình đẳng giới, bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em.
- Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về vai trò của nữ giới, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về bình đẳng giới được triển khai thường xuyên, sâu rộng, với đa dạng hình thức như: đào tạo, huấn luyện, cuộc thi, bài viết, phóng sự...
- Tổ chức Hội thi về “Tìm hiểu Luật bình đẳng giới”. Bên cạnh mục tiêu nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và hành động của CBNV về việc thực hiện các quy định của Luật bình đẳng giới trong các lĩnh vực của xã hội và đời sống gia đình
- Đồng hành cùng Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women) tổ chức 02 chuyến bay “Tô cam bầu trời”, hưởng ứng Tháng hành động quốc gia về Bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới và Chiến dịch Toàn cầu 16 Ngày Đoàn kết hành động chấm dứt bạo lực trên cơ sở giới.



08

QUẢN TRỊ CÔNG TY 146

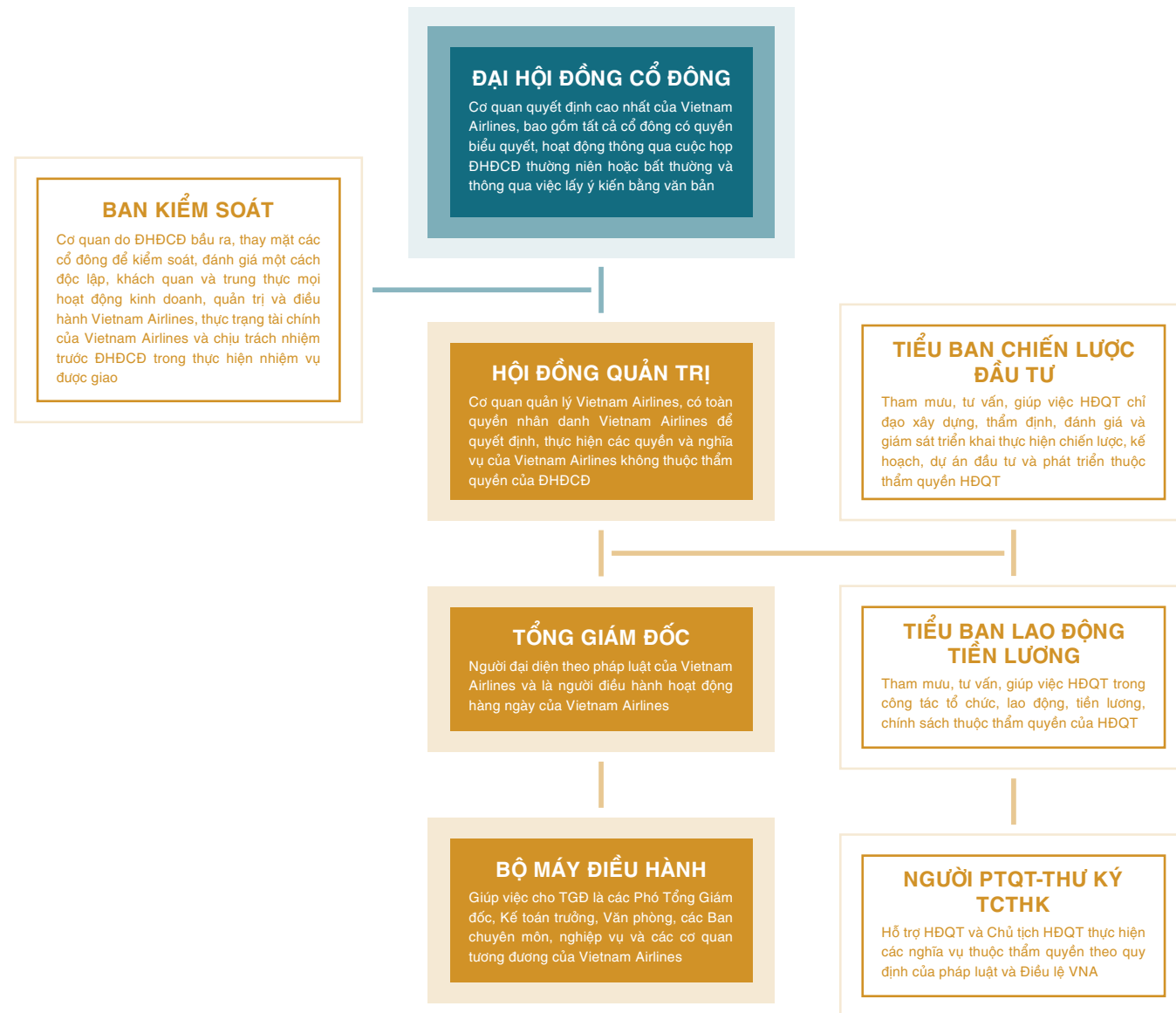
1. Cấu trúc quản trị công ty	148
2. Thông tin và hoạt động của HĐQT	149
3. Hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT	151
4. Báo cáo của Ban kiểm soát.	152
5. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích.	154
6. Hoạt động của NPTQT-Thư ký TCT	155
7. Quan hệ nhà đầu tư	155



1. Cấu trúc quản trị công ty

Việc quản trị công ty đối với Vietnam Airlines tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ Vietnam Airlines và các quy định, quy chế nội bộ với nguyên tắc sau đây:

- Cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;
- Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Vietnam Airlines và cổ đông;
- Bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;
- Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị công ty;
- Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty;
- Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.



2. Thông tin và hoạt động của HĐQT

2.1 Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị và các cuộc họp HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không Tham dự họp
1	Đặng Ngọc Hòa	CT HĐQT	10/8/2020	14/14	100%	
2	Lê Hồng Hà	TV HĐQT kiêm TGD	10/8/2020	14/14	100%	
3	Tạ Mạnh Hùng	TV HĐQT	1/10/2016	13/14	93%	
4	Lê Trường Giang	TV HĐQT	01/1/2021	13/14	93%	
5	Đình Việt Tùng	TV HĐQT	14/12/2021	13/14	93%	
6	Trương Văn Phước	TV HĐQT độc lập	14/12/2021	14/14	100%	
7	Hiroyuki Kometani	TV HĐQT	28/6/2022	13/14	93%	

Năm 2023, HĐQT TCT đã ban hành 186 Nghị quyết và 132 Quyết định thực hiện chức năng quản trị hoạt động của TCT và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ SXKD được ĐHĐCĐ giao. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành đúng quy định, đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý, điều hành để duy trì hoạt động SXKD trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp.

2.2 Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Thực hiện chức trách, nhiệm vụ của thành viên độc lập HĐQT; Đóng góp ý kiến tư vấn, phản biện về các nội dung quyết định của HĐQT.

Tham mưu việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT về các mặt hoạt động của TCT thuộc thẩm quyền HĐQT.

Cung cấp kinh nghiệm, tư vấn về chính sách tài chính, kinh tế vĩ mô, thông tin dự báo/dự đoán liên quan đến các hoạt động của thị trường tài chính tiền tệ, điều hành chính sách của Nhà nước.

2.3 Đào tạo về quản trị công ty

Với chính sách chú trọng tới hoạt động quản trị công ty nhằm xây dựng và phát triển TCT ngày càng vững mạnh, thành viên HĐQT, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý khác của TCT được khuyến khích tham gia các chương trình về quản trị công ty. Trong năm 2023, TCT đã tổ chức các Hội thảo cho lãnh đạo TCT, cán bộ cấp Ban, Phòng và các chuyên gia trong các lĩnh vực:

- Tổ chức đào tạo giai đoạn 2 về “Nâng tầm dịch vụ”;
- Tổ chức đào tạo giáo viên dạy HNH theo phương pháp CBTA tại IATA;
- Đào tạo chuyển đổi hệ thống PSS;
- Tổ chức các lớp tập trung của TCT theo kế hoạch năm gồm: đánh giá viên nội bộ, đánh giá viên trưởng, nghiệp vụ đấu thầu;
- Tổ chức các lớp về yếu tố con người, văn hóa an toàn, nhận thức an ninh mạng;
- Triển khai các lớp học IOSA cho các công ty phục vụ mặt đất trong và ngoài nước;
- Triển khai thủ tục cử nhân sự tham gia hội nghị an toàn hàng không khu vực Châu Á Thái Bình Dương;
- Triển khai lớp Quản trị nâng cao cho cán bộ cấp trung và cán bộ tiềm năng;
- Triển khai các lớp về văn hóa số, chuyển đổi số, phân tích dữ liệu và công nghệ số hóa tài liệu thành bài giảng điện tử.
- Triển khai Hội thảo tại Trường ĐH Fullbright và lớp đào tạo tin học do công ty Microsoft VN và công ty Trainocate mời tham dự.
- Hội thảo chiến lược;
- Hội thảo quy hoạch mạng bay, lịch bay, đội tàu bay;
- Hội nghị tổng kết văn hóa an toàn 2022-phát động văn hóa an toàn 2023;
- Tổ chức Hội thảo văn hóa doanh nghiệp.



3. Hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT

Trong năm 2023, các Tiểu ban thuộc HĐQT và Ban KTNB đóng vai trò tích cực trong việc tham mưu, hỗ trợ hoạt động cho HĐQT trên các nội dung sau:

Tiểu ban chiến lược đầu tư sửa lại thành 03 mục như sau:

1. Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP giai đoạn đến hết năm 2025;

Chiến lược phát triển Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP giai đoạn 2021 - 2023, tầm nhìn đến 2035; Kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP giai đoạn đến hết năm 2025.

2. Công tác thoái vốn tại các doanh nghiệp vốn góp.

3. Kế hoạch đầu tư của TCT và định hướng đầu tư của doanh nghiệp vốn góp

Năm 2023, TCT tập trung công tác đầu tư:

Dự án Tổ hợp công trình dịch vụ đồng bộ chuyên ngành HK của TCT tại Cảng HKQT Long Thành để đáp ứng nhu cầu về cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ khai thác của VNA Group.

Nghiên cứu phương án đầu tư dự án tàu bay thân hẹp, dự án chuyển đổi cấu hình các tàu bay A321 CEO để đổi mới đội tàu bay và đáp ứng nhu cầu khai thác của TCT khi thị trường phục hồi hoàn toàn và phát triển trên cơ sở phù hợp với định hướng tái cơ cấu đội tàu bay của TCT.

Chuyển đổi hệ thống phục vụ hành khách nhằm thực thi chiến lược chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025, theo đó VNA sẽ trở thành hãng hàng không số vào năm 2025, nâng tầm dịch vụ hướng tới Hãng hàng không với dịch vụ 5 sao vào năm 2025.

Các dự án đầu tư thực sự cấp thiết phục vụ trực tiếp SXKD, phù hợp khả năng bố trí vốn.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp vốn góp.

Tiểu ban nhân sự tiền lương tham mưu cho HĐQT chính sách sử dụng nguồn lực, đào tạo, tiền lương năm 2023; công tác kiện toàn tổ chức, tổ chức lại

lao động đáp ứng yêu cầu SXKD của TCT (ASOC, VASCO, CNVN, cơ quan tham mưu, giúp việc về an ninh hàng không); các nội dung về định mức trang phục ngành; chế độ chính sách đối với cán bộ đại diện tại nước ngoài; có ý kiến góp ý với CQ chuyên môn trong việc ban hành Nghị định 64 sửa đổi bổ sung Nghị định 87 về tiền lương với phi công Việt Nam; sửa đổi bổ sung Quy chế quản lý và sử dụng quỹ tiền lương, thù lao; Quy chế quản quản lý, sử dụng Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Trong năm 2023, Ban Kiểm toán nội bộ (KTNB) đã triển khai thực hiện các chuyên đề KTNB theo kế hoạch KTNB năm 2023 được HĐQT phê duyệt. Các chuyên đề KTNB hoàn thành trong năm gồm: “Kiểm tra các gói mua sắm do Ban ĐTMS thực hiện mua và được phân công thẩm định theo Quy chế mua sắm 2019”, “Kiểm tra tình hình thực hiện đàm phán cắt giảm, giãn hoãn chi phí ứng phó đại dịch Covid-19”, “Kiểm tra việc thực hiện quy định của Luật Đấu thầu trong công tác đầu tư và mua sắm hàng hóa, dịch vụ của TCT”, “Kiểm tra quy trình quản lý kho đồ uống và dụng cụ PVHK của TCT” và “Kiểm tra quy trình thực hiện phân bay đối với PC, TV của TCTHK”. Ban KTNB đã hoàn thiện quy chế, quy trình liên quan đến công tác giám sát và KTNB, cụ thể: hoàn thành việc xây dựng và ban hành quy trình KTNB, áp dụng cho hoạt động KTNB tại TCT; hoàn thiện quy chế giám sát tài chính (GSTC) của TCT. Đồng thời, Ban KTNB cũng thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của HĐQT và Ban Kiểm soát như: soát xét các Tờ trình HĐQT, thẩm tra quyết toán các dự án đầu tư hoàn thành; tổng hợp báo cáo, đánh giá hoạt động của KSV định kỳ hàng tháng/quý; hỗ trợ Ban Kiểm soát thực hiện thẩm định BCTC, báo cáo soát xét báo cáo GSTC; theo dõi và báo cáo tình hình thực hiện kiến nghị của các CQNN; theo dõi tình hình thực hiện hợp đồng kiểm toán độc lập năm 2022, và hoàn thành lựa chọn công ty kiểm toán BCTC của TCT năm 2023, 2024.

4. Báo cáo của Ban kiểm soát.

Nhân sự trong Ban kiểm soát (BKS) từ 1/1/2023 đến ngày 15/12/2023

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Bà Nguyễn Thị Thiên Kim	Trưởng BKS	10/5/2019	Thạc sỹ quản trị kinh doanh; CPA Việt Nam, CPA Australia
2	Ông Mai Hữu Thọ	TV BKS	KSV Kiểm nhiệm từ 15/4/2015; KSV chuyên trách từ 01/01/2021	Thạc sỹ quản trị kinh doanh
3	Bà Nguyễn Thị Hồng Loan	TV BKS	14/12/2021	Thạc sỹ quản trị kinh doanh

ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của TCT (được tổ chức vào ngày 16/12/2023) đã miễn nhiệm bà Nguyễn Thị Thiên Kim - Trưởng BKS và ông Mai Hữu Thọ - TV BKS do đến tuổi nghỉ hưu theo chế độ; đồng thời bầu bà Dương Thị Việt Thắm và bà Lê Trúc Quỳnh làm TV BKS TCT với nhiệm kỳ 05 năm kể từ ngày 16/12/2023.

BKS đã bầu bà Dương Thị Việt Thắm là Trưởng BKS từ ngày 16/12/2023.

Nhân sự BKS hiện có:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Bà Dương Thị Việt Thắm	Trưởng BKS	Từ ngày 16/12/2023	Cử nhân ngành Kế toán
2	Bà Lê Trúc Quỳnh	TV BKS	TV BKS chuyên trách từ 16/12/2023	Thạc sỹ Kế toán và Tài chính
3	Bà Nguyễn Thị Hồng Loan	TV BKS	TV BKS chuyên trách từ 14/12/2023	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

4.1 Cuộc họp của Ban Kiểm soát

Năm 2023, BKS tổ chức 9 cuộc họp, nhằm thống nhất các nội dung chính sau:

- Tổ chức thẩm định Báo cáo tình hình SXKD, BCTC năm 2022; Kết quả soát xét Báo cáo giám sát tài chính của năm 2022 của TCT;
- Triển khai nội dung, chương trình kiểm tra/giám sát và các nhiệm vụ trọng tâm trong từng giai đoạn.
- Tổ chức giám sát thường xuyên: hoạt động sản xuất kinh doanh của TCT, việc rà soát, xây dựng, sửa đổi các quy chế, quy định theo các văn bản pháp luật hiện hành.
- Xem xét, đánh giá một số sự kiện bất thường, một số vấn đề nổi cộm của TCT trong hoạt động SXKD.
- Thống nhất giải quyết các vấn đề khác thuộc chức năng nhiệm vụ của BKS.

4.2 Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

- Giám sát hoạt động SXKD thông qua việc tham gia các cuộc họp HĐQT, giao ban Ban Giám đốc và các cuộc họp khác (khi cần thiết). BKS tham gia và có ý kiến tại các cuộc họp HĐQT. Trưởng BKS tham dự các cuộc họp giao ban định kỳ của TCT để nắm bắt tình hình, đóng góp ý kiến và làm cơ sở cho việc giám sát thường xuyên hoạt động quản trị, điều hành của TCT.
- Hoàn thành thẩm định BCTC năm 2022 công ty mẹ và hợp nhất; ý kiến bộ tài liệu của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 theo quy định. Soát xét báo cáo giám sát tài chính năm 2022 của TCT báo cáo UBQLV.
- Giám sát tình hình triển khai thực hiện NQ của ĐHĐCĐ; NQ, QĐ của HĐQT. Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức họp 14 phiên, gửi phiếu xin ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT 164 nội dung; ban hành 186 Nghị quyết, 132 Quyết định. Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã được HĐQT triển khai theo qui định. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT đã được TGD chỉ đạo triển khai thực hiện, định kỳ có báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.
- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023, việc xây dựng và thực thi các giải pháp điều hành hoạt động SXKD; giám sát hoạt động của Tổ giám sát tài chính đặc biệt đối với PA và K6; giám sát tiến độ thoái vốn của TCT tại một số Doanh nghiệp có vốn góp của TCT; giám sát công tác lập KH SXKD năm 2024 của công ty mẹ và các doanh nghiệp có vốn góp của TCT.

4.3 Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- BKS đã luôn phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Tổng giám đốc và Ban Giám đốc điều hành trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp, tối đa của TCT; lợi ích của các cổ đông và người lao động theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.
- Các thông tin, tài liệu BKS yêu cầu đều được HĐQT, Ban giám đốc điều hành và các cơ quan đơn vị phối hợp giải trình, cung cấp đầy đủ, đúng thời gian quy định.
- Ngoài ra, BKS luôn nhận được sự hỗ trợ, cung cấp đầy đủ thông tin phục vụ công tác kiểm soát từ Cổ đông lớn (UBQLV) để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát.
- BKS không nhận được khiếu kiện liên quan đến cổ đông trong năm 2023.

5. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích

5.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng TV HĐQT, TV Ban KS, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý

Mức tiền lương của Thành viên HĐQT, Ban KS, Ban điều hành năm 2023 tiếp tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định 87/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

5.2 Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Lý do tăng
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Đặng Ngọc Hòa	21.595	0,000975	21.595	0,000975	-
2	Lê Hồng Hà	19.531	0,000882	19.531	0,000882	-
3	Tạ Mạnh Hùng	20.604	0,000930	20.604	0,000930	-
4	Lê Trường Giang	19.030	0,000859	19.030	0,000859	-
5	Lê Đức Cảnh	9.397	0,0004244	9.397	0,0004244	-
6	Trịnh Hồng Quang	19.711	0,0009	19.711	0,0009	-
7	Trịnh Hồng Minh	3.210	0,00014	3.3210	0,00014	-
8	Nguyễn Chiến Thắng	14.340	0,0006476	14.340	0,0006476	-
9	Tô Ngọc Giang	7.951	0,000359	7.951	0,000359	-
10	Nguyễn Xuân Tú	11.135	0,0005	11.135	0,0005	-
11	Đình Văn Tuấn	17.425	0,0008	17.425	0,0008	-
12	Nguyễn Thế Bảo	27.068	0,0012	27.068	0,0012	-
13	Đặng Anh Tuấn	19.711	0,0009	19.711	0,0009	-
14	Nguyễn Diệu Thúy	2.500	0,00011	2.500	0,00011	-
15	Hoàng Ngọc Chí	1.920	0,00009	1.920	0,00009	-
16	Trần Thanh Hiền	19.707	0,000890	19.707	0,000890	-
17	Trần Thị Hương	11.039	0,0005	11.039	0,0005	-
18	Dương Thị Việt Thắm	13.346	0,0006	13.346	0,0006	-
19	Nguyễn Mạnh Tuấn	17.595	0,00079	17.595	0,00079	-
20	Nguyễn Thị Thu Hương	6.000	0,00027	6.000	0,00027	-
21	Dương Thị Hồng	3.795	0,00017	3.795	0,00017	-
21	Hồ Xuân Dung	4.700	0,00021	4.700	0,00021	-
22	Kim Thị Thu Huyền	1.306	0,00006	1.306	0,00006	-

5.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với TCT, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của TV HĐQT, TV Ban KS, TGD, các cán bộ quản lý và những người liên quan đến đối tượng nói trên

Giao dịch với các bên liên quan được trình bày tại mục 35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan - Thuyết minh báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính riêng năm 2023 (kèm theo).

6. Hoạt động của NPTQT-Thư ký TCT

Năm 2023 Người phụ trách quản trị - Thư ký Vietnam Airlines đã hoàn thành các chức trách nhiệm vụ được giao như sau:

- Tư vấn cho HĐQT trong việc tổ chức các cuộc họp HĐQT, ĐHĐCĐ; ban hành các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT, ĐHĐCĐ liên quan đến tất cả các lĩnh vực hoạt động của Vietnam Airlines đảm bảo sự tuân thủ đối với các quy định của pháp luật và Điều lệ Vietnam Airlines.
- Cầu nối giữa HĐQT và Ban điều hành.
- Phụ trách công tác quan hệ cổ đông của Vietnam Airlines; tổ chức triển khai các công việc liên quan giữa Vietnam Airlines và cổ đông.
- Thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Quan hệ Nhà đầu tư

“Vietnam Airlines cam kết luôn đồng hành cùng cổ đông trong việc thiết lập các kênh đối thoại mở và minh bạch thông tin, tổ chức hoạt động kinh doanh an toàn - chất lượng và hiệu quả, trên cơ sở kiến tạo giá trị lợi ích cổ đông gắn liền với sự phát triển bền vững của Vietnam Airlines và nhu cầu phát triển của đất nước”

Các hoạt động quan hệ nhà đầu tư

Vietnam Airlines thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin, đảm bảo cung cấp thông tin minh bạch và kịp thời tới các cổ đông và nhà đầu tư.

Vietnam Airlines luôn chú trọng đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, thường xuyên cập nhật, đăng tải rộng rãi các hoạt động của doanh nghiệp trên các kênh thông tin nhằm tạo điều kiện cho cổ đông, nhà đầu tư kịp thời tiếp cận thông tin về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra, tại Đại hội đồng cổ đông, Ban Lãnh đạo Vietnam Airlines đã trực tiếp giải đáp các vấn đề cổ đông quan tâm liên quan đến hoạt động của Vietnam Airlines.



09

QUẢN TRỊ RỦI RO

157

1. Rủi ro về môi trường kinh doanh	158
2. Rủi ro pháp lý	159
3. Rủi ro cạnh tranh	159
4. Rủi ro đặc thù ngành hàng không	160
5. Rủi ro thông tin	160
6. Các rủi ro khác	161

1. Rủi ro về môi trường kinh doanh

- Bước sang năm 2024, tình hình kinh tế - chính trị thế giới được nhận định vẫn còn tiếp tục khó khăn. Các xung đột chính trị như Nga - Ukraine, Israel - Hamas khiến chuỗi cung ứng bị đứt gãy, ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất và kinh tế toàn cầu, đặc biệt là yếu tố giá nhiên liệu. Cụ thể, giá nhiên liệu tiếp tục duy trì ở mức cao khoảng 104 USD/thùng. Ngoài ra, Mỹ duy trì chính sách lãi suất cao, ảnh hưởng đến tỷ giá các đồng ngoại tệ và làm cho chi phí đầu vào tăng cao.
- Đối với nhu cầu đi lại của hành khách, hầu hết các tổ chức đều dự báo sản lượng khách đi lại trên toàn cầu sẽ phục hồi hoàn toàn so 2019. Tuy nhiên, khu vực Châu Á - Thái Bình Dương dự kiến cần thêm thời gian để phục hồi. Trong đó, đặc biệt khu vực Đông Bắc Á được nhận định chưa thể phục hồi hoàn toàn trong 2024 do tình hình kinh tế, lạm phát và mất giá đồng tiền.
- Đối với thị trường Việt Nam, so với năm 2023, dự kiến thị trường sẽ có những dấu hiệu tích cực cả ở nội địa và quốc tế. Tuy nhiên, các yếu tố vĩ mô ảnh hưởng đến thị trường hàng không còn tiềm ẩn nhiều rủi ro khó lường. Cụ thể:
 - Đối với thị trường nội địa, môi trường vĩ mô về tình hình kinh tế còn tiềm ẩn rủi ro. Bên cạnh đó, việc quá tải về cơ sở hạ tầng của các sân bay vẫn tiếp tục diễn biến trầm trọng.
 - Đối với thị trường quốc tế đi đến Việt Nam, thị trường dự kiến vẫn chưa thể đạt được mức trước dịch do lo ngại về suy thoái kinh tế, xung đột chính trị Nga - Ukraine, Israel Hamas chưa có dấu hiệu giảm nhiệt và mất giá đồng tiền bản tệ tại các thị trường chính (Nhật bản, Hàn Quốc, Châu Âu, v.v) khiến sức mua của khách hàng, nhu cầu du lịch nước ngoài suy giảm. Thị trường Trung Quốc (thị trường khách lớn thứ 2) phục hồi rất chậm, mặc dù Chính phủ Trung Quốc đã nới lỏng các chính sách xuất nhập cảnh từ đầu năm 2023.
- Rủi ro giá nhiên liệu năm 2024 được đánh giá là khó lường do nhiều yếu tố không chắc chắn về kinh tế vĩ mô, thị trường năng lượng và địa chính trị thế giới trong khi chi phí nhiên liệu bay chiếm tỷ trọng không nhỏ trong cơ cấu chi phí của Vietnam Airlines.
- Rủi ro tỷ giá USD/VND và tỷ giá giữa các đồng tiền trên thế giới với USD tác động lớn đến doanh thu và chi phí hoạt động SXKD của Vietnam Airlines. Hầu hết các chi phí lớn như nhiên liệu, sửa chữa bảo dưỡng v.v được thanh toán bằng USD, doanh thu của Vietnam Airlines gồm loại tiền tệ khác nhau nên tỷ giá USD/VND và biến động tỷ giá trên thế giới sẽ ảnh hưởng đến kết quả SXKD của Vietnam Airlines.
- Vấn đề cuối cùng nhưng là khó khăn lớn nhất trong năm 2024, đó là vấn đề động cơ Pratt & Whitney trên các tàu bay A321/320 NEO gây ra tình trạng không ổn định, thiếu hụt nguồn lực tàu bay, ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch khai thác, phục hồi và mở rộng mạng bay sau đại dịch.

2. Rủi ro pháp lý

- Hoạt động kinh doanh của Vietnam Airlines tuân thủ tất cả luật áp dụng về mọi khía cạnh quan trọng. Vietnam Airlines đã chưa từng và đang không phải chịu bất kỳ hình phạt nghiêm trọng nào áp dụng bởi bất kỳ Cơ quan có thẩm quyền nào trong và ngoài nước.
- Về khả năng xảy ra các tranh chấp, tố tụng liên quan đến các lĩnh vực hoạt động SXKD của Vietnam Airlines: Theo hiểu biết và tin tưởng tốt nhất của Vietnam Airlines tại thời điểm phát hành Báo cáo thường niên này, không có bất kỳ việc tranh chấp, kiện tụng nào đang diễn ra mà có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Vietnam Airlines.

Biện pháp quản trị rủi ro pháp lý

- Nâng cao năng lực quản trị rủi ro pháp lý, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bộ phận pháp chế trong doanh nghiệp. Chủ động rà soát, đảm bảo hoạt động SXKD của Vietnam Airlines tuân thủ quy định pháp luật của Việt Nam, các nước sở tại và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.
- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nhà chức trách nước sở tại.
- Liên tục cập nhật các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động SXKD của Vietnam Airlines. Sử dụng đơn vị tư vấn luật trong nước và quốc tế để hỗ trợ Vietnam Airlines trong việc tuân thủ pháp luật của Việt Nam, các nước sở tại và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.
- Nâng cao nhận thức pháp luật của toàn bộ các cơ quan, đơn vị và người lao động của Vietnam Airlines.

3. Rủi ro cạnh tranh

Trong năm 2023, thị trường hàng không quốc tế đi/đến Việt Nam diễn ra khá tích cực và diễn biến khác nhau ở các khu vực thị trường. Năm 2024, dự báo thị trường quốc tế sẽ tiếp tục xu hướng phục hồi và các hãng hàng không nước ngoài tiếp tục tăng cường hoạt động khai thác. Các hãng nhiều khả năng tiếp tục đổ tải vào các khu vực tăng trưởng và hồi phục mạnh như Úc, Ấn Độ và Đông Nam Á, làm gia tăng cạnh tranh khốc liệt. Đối với nội địa, kinh tế vĩ mô trong nước còn nhiều khó khăn dẫn đến sự suy yếu về nhu cầu đi lại

trong năm 2023, mặc dù Q1/2023 có sự phục hồi rất tốt và tăng trưởng mạnh tới 18% so 2019, tuy nhiên thị trường chững lại ngay ở trong cao điểm Hè và yếu dần trong các tháng thấp điểm, buộc các hãng phải có những điều chỉnh tải cung ứng để phù hợp hơn với nhu cầu thị trường, đảm bảo cân đối hiệu quả sản xuất kinh doanh. Năm 2024, cạnh tranh trên các đường bay nội địa dự báo vẫn gay gắt do slot tại các cảng hàng không nội địa còn hạn chế; cạnh tranh về giá vé vẫn xuất hiện khi sức mua yếu dẫn đến khả năng dư thừa tải cung ứng.



4. Rủi ro đặc thù ngành hàng không

Rủi ro công tác an toàn

- Năm 2023, UBAT đã chỉ đạo và định hướng chiến lược thực hiện quản lý rủi ro an toàn cho các tổ công tác an toàn đối với các vấn đề an toàn cụ thể, phù hợp; giám sát thực hiện công tác quản lý rủi ro an toàn của TCT.
- Các Tổ SAGs đã thực hiện quản lý rủi ro an toàn theo chỉ đạo và định hướng của UBAT; tổng hợp, xem xét hiệu lực và giám sát thực hiện quản lý rủi ro an toàn của các CQ, ĐV thuộc lĩnh vực quản lý; xây dựng mức độ chấp nhận rủi ro an toàn của lĩnh vực phụ trách.
- Lãnh đạo các CQ, ĐV đảm bảo thực hiện hiệu quả công tác quản lý rủi ro an toàn trong phạm vi của CQ, ĐV; định kỳ báo cáo an toàn cho các Tổ công tác an toàn. Ngoài ra, các CQ, ĐV đã xây dựng quy trình nội bộ thực hiện quản lý rủi ro an toàn phù hợp với chính sách, mục tiêu của TCT và quản lý hồ sơ quản lý rủi ro an toàn của CQ, ĐV.

Rủi ro chương trình Lotusmile

- Đánh giá rủi ro mỗi khi triển khai các chương trình, chính sách mới. Kiểm tra, đánh giá dữ liệu, sớm phát hiện rủi ro mới phát sinh, kịp thời điều chỉnh chính sách ngay. Phối hợp chặt chẽ với các đối tác triển khai các giải pháp ngăn chặn rủi ro khi phát hiện, đảm bảo công tác thanh toán đúng hạn.
- Thực hiện xác minh tài khoản trước trước khi công nhận hội viên Million Miller, trước khi trao giải chương trình Bingo định kỳ của Chương trình BSV đảm bảo các tài khoản hợp lệ khi được công nhận/trao giải thưởng.

5. Rủi ro thông tin

Là những rủi ro liên quan đến việc sử dụng, vận hành CNTT trong doanh nghiệp.

TCT đã và đang tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các nền tảng hạ tầng CNTT, hạ tầng Dữ liệu, triển khai các cơ sở hạ tầng kỹ thuật phù hợp và áp dụng các kỹ thuật ứng dụng tiến tiến cùng với đội ngũ nhân lực được đào tạo theo các quy trình giúp quản lý tốt để tránh rủi ro trong khai thác vận hành.

Xây dựng môi trường văn hóa "hiểu biết về rủi ro" trong doanh nghiệp, trong đó mỗi người có hiểu biết phù hợp về rủi ro và có thể trao đổi về rủi ro một cách cởi mở, không bị lo sợ thông qua các lớp học, thi tìm hiểu về rủi ro an ninh, mạng, CNTT.



6. Các rủi ro khác

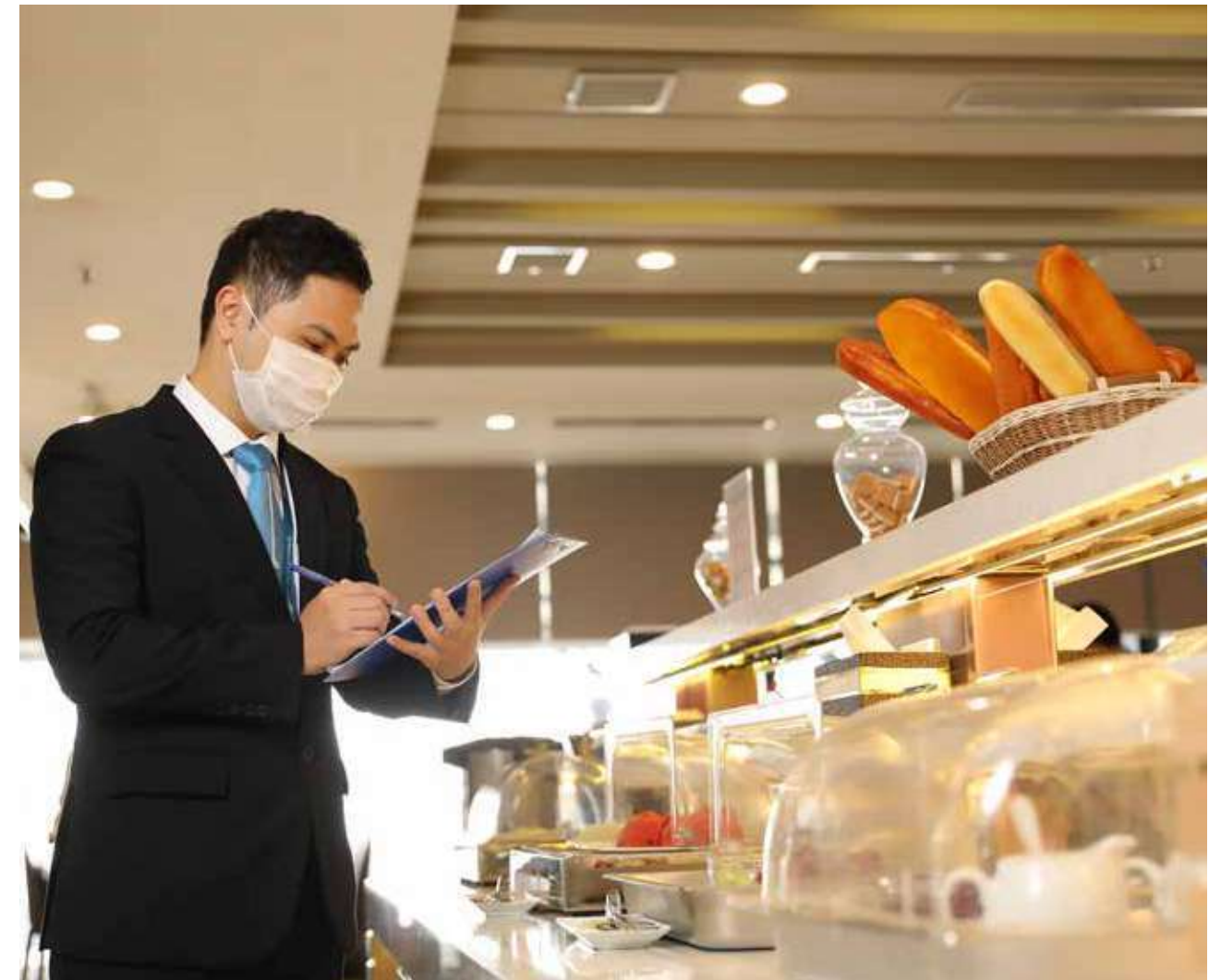
Kiểm toán không phát hiện được những yếu kém của Hệ thống kiểm soát nội bộ của Tổng công ty.

Các thủ tục kiểm toán không phát hiện được các sai phạm trọng yếu.

Kiểm toán viên đưa ra ý kiến không xác đáng về đối tượng được kiểm toán.

Biện pháp quản trị rủi ro pháp lý

- Đảm bảo đội ngũ nhân sự làm công tác kiểm toán nội bộ đáp ứng tiêu chuẩn quy định, có trình độ và năng lực đáp ứng được yêu cầu công việc, chú trọng đạo đức nghề nghiệp của các kiểm toán viên cũng như bộ phận Kiểm toán nội bộ.
- Đảm bảo tính độc lập và khách quan của kiểm toán viên cũng như bộ phận Kiểm toán nội bộ.
- Xây dựng và thực hiện quy trình kiểm toán nội bộ theo thông lệ và quy định kiểm toán hiện hành, trong đó có việc lập kế hoạch, xây dựng chương trình kiểm toán và kiểm soát chất lượng nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán.
- Tổng công ty lựa chọn công ty kiểm toán đủ năng lực và uy tín thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính.
- Giám sát chặt chẽ việc thực hiện hợp đồng kiểm toán, yêu cầu các cơ quan, đơn vị xác nhận ngày công làm việc của từng cấp bậc kiểm toán viên, nhận xét về hoạt động của các kiểm toán viên nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán. Hàng năm, thực hiện xem xét, đánh giá kết quả thực hiện kiểm toán trước khi triển khai thực hiện hợp đồng cho năm tiếp theo.





10

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 162
KIỂM TOÁN



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thông tin về Tổng Công ty

Giấy chứng nhận Đăng ký

Doanh nghiệp số

0100107518

ngày 30 tháng 6 năm 2010

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100107518 ngày 12 tháng 1 năm 2022. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Ngọc Hòa

Chủ tịch

Ông Tạ Mạnh Hùng

Ủy viên

Ông Lê Hồng Hà

Ủy viên

Ông Lê Trường Giang

Ủy viên

Ông Hiroyuki Kometani

Ủy viên

Ông Đinh Việt Tùng

Ủy viên

Ông Trương Văn Phước

Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Hồng Hà

Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Hồng Quang

Phó Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Ngọc Thành

Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31/12/2023)

Ông Đặng Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/7/2023)

Ông Nguyễn Hồng Lĩnh

Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1/6/2023)

Ông Nguyễn Chiến Thắng

Phó Tổng Giám đốc

Ông Tô Ngọc Giang

Phó Tổng Giám đốc

Ông Đinh Văn Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Ông Lê Đức Cảnh

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thế Bảo

Phó Tổng Giám đốc

Ông Trần Thanh Hiền

Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

Số 200 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề
Quận Long Biên, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP Báo cáo của Ban Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, cổ nhùng áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng đến ngành hàng không toàn cầu trong đó có Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP và các công ty con. Ban Giám đốc đã chủ động triển khai hàng loạt các giải pháp quyết liệt trong điều hành hoạt động kinh doanh để ứng phó và giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của dịch bệnh; kêu gọi tối đa sự chia sẻ và hỗ trợ của các đối tác, nhà cung cấp và cho thuê. Tổng Công ty đã và đang tiếp tục đề xuất Chính phủ Việt Nam thực hiện nhiều giải pháp hỗ trợ để đảm bảo Hãng hàng không Quốc gia duy trì hoạt động liên tục. Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ vượt qua giai đoạn khó khăn và đang chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng cho giai đoạn phục hồi và phát triển.

Họ và tên Ban Giám đốc

Lê Hồng Hà
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 6 đến trang 69.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc tới:

- a) Thuyết minh số 2(c) của báo cáo tài chính hợp nhất này trong đó mô tả việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nợ ngắn hạn của Tổng Công ty và các công ty con vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 46.287 tỷ đồng, khoản phải trả đã quá hạn của Tổng Công ty và các công ty con là 13.743 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu âm (-) 17.026 tỷ đồng. Trong năm kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty và các công ty con có kết quả kinh doanh lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền là 5.632 tỷ đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty và các công ty con sẽ phụ thuộc chủ yếu vào khả năng hồi phục hoạt động sản xuất kinh doanh sau COVID-19 và việc được gia hạn thanh toán các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng và các khoản phải trả cho nhà cung cấp và bên cho thuê, cũng như khả năng thành công của đề án tái cơ cấu hiện đang được các cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Những điều kiện này, cùng các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số 2(c), cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty và các công ty con.
- b) Thuyết minh số 3 của báo cáo tài chính hợp nhất này trong đó mô tả việc Tổng Công ty áp dụng phương pháp tính và ghi nhận chi phí khấu hao và chi phí phân bổ tiền sửa chữa bảo dưỡng máy bay và động cơ cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, 2021 và 2022 theo hướng dẫn kế toán riêng được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2023, phần chênh lệch lũy kế giữa chi phí khấu hao và phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phương pháp được phê duyệt riêng nêu trên được Tổng Công ty tiếp tục phân bổ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính như trình bày tại Thuyết minh số 3.





Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần cùng các vấn đề cần nhấn mạnh về các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty và các công ty con và về phương pháp tính và ghi nhận chi phí khấu hao, chi phí phân bổ tiền sửa chữa bảo dưỡng máy bay và động cơ cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, 2021 và 2022 theo hướng dẫn kế toán riêng được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 7 tháng 12 năm 2023.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-02-00231-24-2



Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2024-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2024-007-1

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		14.884.282.536.124	12.329.950.221.266
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	2.551.042.006.378	2.490.276.442.806
Tiền	111		1.964.242.006.378	2.344.476.442.806
Các khoản tương đương tiền	112		586.800.000.000	145.800.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		920.438.534.909	896.630.691.696
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	920.438.534.909	896.630.691.696
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.121.737.465.734	4.897.522.587.507
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	4.474.693.862.337	3.983.027.337.240
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	220.120.316.380	238.017.088.297
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	1.758.027.426.614	884.118.225.378
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(331.104.139.597)	(207.640.063.408)
Hàng tồn kho	140	12	3.430.699.464.456	2.875.284.260.009
Hàng tồn kho	141		3.659.335.181.051	3.077.116.544.217
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(228.635.716.595)	(201.832.284.208)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.860.365.064.647	1.170.236.239.248
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	18(a)	605.280.039.079	416.870.156.281
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.247.838.608.693	744.580.776.918
Thuế phải thu Nhà nước	153	20	7.246.416.875	8.785.306.049

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		42.832.648.184.069	48.306.237.440.542
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.632.231.467.885	1.606.719.470.813
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	8	2.015.745.888	2.094.595.888
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	1.632.369.722.189	1.606.719.470.813
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	11	(2.154.000.192)	(2.094.595.888)
Tài sản cố định	220		34.358.558.415.730	40.672.004.481.125
Tài sản cố định hữu hình	221	13	13.706.433.076.192	16.032.875.218.066
Nguyên giá	222		43.453.041.747.996	40.410.251.333.312
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.746.608.671.804)	(24.377.376.115.246)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	14	20.503.753.861.143	24.464.670.980.070
Nguyên giá	225		39.060.643.420.829	42.585.171.948.360
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(18.556.889.559.686)	(18.120.500.968.290)
Tài sản cố định vô hình	227	15	148.371.478.395	174.458.282.989
Nguyên giá	228		826.771.700.583	805.958.491.646
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(678.400.222.188)	(631.500.208.657)
Tài sản dở dang dài hạn	240		132.650.060.151	94.019.231.444
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	132.650.060.151	94.019.231.444
Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.672.501.502.444	1.751.061.180.082
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252	17	1.298.599.332.395	1.182.959.007.769
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7(b)	463.902.170.049	648.952.172.313
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7(b)	(90.000.000.000)	(90.000.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7(a)	-	9.150.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		5.036.706.737.859	4.182.433.077.078
Chi phí trả trước dài hạn	261	18(b)	4.844.972.224.674	3.981.549.152.743
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.274.128.504	1.028.969.581
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		190.460.384.681	199.854.954.754
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		57.716.930.720.193	60.636.187.661.808

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		74.742.856.598.931	71.691.812.417.662
Nợ ngắn hạn	310		61.171.298.216.881	51.800.108.824.797
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19(a)	30.797.349.212.237	28.174.812.908.030
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		211.266.356.339	171.336.958.809
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	321.376.695.991	310.043.110.493
Phải trả người lao động	314		1.214.047.937.665	989.855.504.487
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21(a)	7.869.932.904.480	5.367.307.615.549
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	1.215.909.234.339	730.319.902.881
Phải trả ngắn hạn khác	319	23(a)	1.300.450.902.586	1.890.693.945.604
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24(a)	17.561.780.915.106	13.400.052.716.447
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		8.684.511.123	9.084.834.063
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	670.499.547.015	756.601.328.434
Nợ dài hạn	330		13.571.558.382.050	19.891.703.592.865
Phải trả người bán dài hạn	331	19(b)	763.215.038.360	2.440.049.287.211
Chi phí phải trả dài hạn	333	21(b)	1.528.272.034.954	1.142.457.551.629
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.379.102.100	2.239.264.127
Phải trả dài hạn khác	337	23(b)	1.315.649.049.543	1.278.025.865.817
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24(b)	9.806.279.127.540	14.868.103.213.122
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		156.764.029.553	160.828.410.959

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		(17.025.925.878.738)	(11.055.624.755.854)
Vốn chủ sở hữu	410	26	(17.025.925.878.738)	(11.055.624.755.854)
Vốn cổ phần	411	27	22.143.941.740.000	22.143.941.740.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411	a	22.143.941.740.000	22.143.941.740.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.220.498.156.541	1.220.498.156.541
Vốn khác của chủ sở hữu	414		241.355.237.827	241.355.237.827
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(1.153.004.222.954)	(1.153.004.222.954)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		154.285.019.292	122.441.972.786
Quỹ đầu tư phát triển	418		933.114.412.332	932.083.454.332
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.024.298.861	2.024.298.861
Lỗ lũy kế	421		(41.057.410.026.425)	(35.072.236.866.340)
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	421a		(35.134.005.719.826)	(22.022.657.943.690)
- Lỗ năm nay	421b		(5.923.404.306.599)	(13.049.578.922.650)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	28	489.269.505.788	507.271.473.093
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		57.716.930.720.193	60.636.187.661.808

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Hồ Xuân Tam
Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:

Trần Thanh Hiền
Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 02 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	92.231.210.227.412	70.792.824.615.294
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	691.345.042.213	382.603.297.695
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	30	91.539.865.185.199	70.410.221.317.599
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		87.654.421.187.647	73.286.232.320.827
Lợi nhuận/(lỗ) gộp (20 = 10 - 11)	20		3.885.443.997.552	(2.876.011.003.228)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	926.348.652.367	980.367.899.207
Chi phí tài chính	22	32	4.404.977.636.713	4.432.415.448.356
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.554.935.763.903</i>	<i>1.164.558.952.418</i>
Phần lãi trong công ty liên kết	24		88.210.560.520	74.112.410.620
Chi phí bán hàng	25	33	4.376.668.981.713	3.195.005.684.899
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	2.096.092.630.937	1.769.308.764.254
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		(5.977.736.038.924)	(11.218.260.590.910)
Thu nhập khác	31	35	710.169.511.600	310.657.078.140
Chi phí khác	32	36	95.042.794.407	37.880.809.329
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		615.126.717.193	272.776.268.811
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(5.362.609.321.731)	(10.945.484.322.099)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	273.448.689.289	302.034.384.439
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	38	(4.309.540.329)	(24.503.543.354)
Lỗ thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)	60		(5.631.748.470.691)	(11.223.015.163.184)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)**

Mẫu B 02 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Lỗ thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		(5.631.748.470.691)	(11.223.015.163.184)
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		(5.930.301.562.765)	(11.298.155.189.349)
Cổ đông không kiểm soát	62		298.553.092.074	75.140.026.165
Lỗ trên cổ phiếu				
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	39	(2.678)	(5.102)

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Hồ Xuân Tam
Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:

Trần Thanh Hiền
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Hồng Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lỗ kế toán trước thuế	01	(5.362.609.321.731)	(10.945.484.322.099)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	5.986.079.114.730	3.536.492.399.102
Các khoản dự phòng	03	149.926.589.940	(58.850.642.688)
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	514.351.528.068	821.108.129.598
Lãi/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(467.634.463.424)	(371.254.364.761)
Chi phí lãi vay	06	1.554.935.763.903	1.164.558.952.418
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	2.375.049.211.486	(5.853.429.848.430)
Biến động các khoản phải thu	09	(1.729.033.423.779)	(2.017.256.662.411)
Biến động hàng tồn kho	10	(572.824.066.761)	(595.723.729.702)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	3.901.121.166.075	15.710.008.308.018
Biến động chi phí trả trước	12	(1.002.615.415.057)	1.297.440.344.417
		2.971.697.471.964	8.541.038.411.892
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.568.129.924.439)	(1.057.619.694.360)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(231.390.906.825)	(273.644.233.637)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(168.487.031.146)	(315.955.331.568)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.003.689.609.554	6.893.819.152.327
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(317.900.923.776)	(952.400.998.090)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	641.993.313.127	89.268.374.529
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(1.260.818.548.290)	(1.744.506.439.635)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	1.246.160.705.077	3.075.171.101.612
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(8.100.000.000)
Tiền thu hồi cho đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	191.972.142.445	774.520.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	165.687.633.381	221.759.122.433
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	667.094.321.964	1.455.711.160.849

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	38.150.404.534.128	33.708.103.421.762
Tiền trả nợ gốc vay	34	(36.529.783.059.443)	(37.749.501.571.474)
Tiền trả nợ gốc thuộc tài chính	35	(2.928.257.233.074)	(3.153.677.032.338)
Tiền trả cổ tức	36	(305.517.256.815)	(408.886.714.378)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.613.153.015.204)	(7.603.961.896.428)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	57.630.916.314	745.568.416.748
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	2.490.276.442.806	1.713.826.600.918
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.134.647.258	30.881.425.140
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70 6	2.551.042.006.378	2.490.276.442.806

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Hồ Xuân Tâm
Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Trần Thanh Hiến
Kế toán trưởng



Lê Hồng Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09- DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 259/2006/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc (“các đơn vị phụ thuộc”).

Căn cứ vào Quyết định số 952/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2010 về việc chuyển Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu từ ngày 1 tháng 7 năm 2010, Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam hoạt động dưới hình thức doanh nghiệp Nhà nước, được chuyển đổi thành Tổng Công ty Hàng không Việt Nam hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Một thành viên.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010 và thay đổi lần thứ ba ngày 1 tháng 4 năm 2015, Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam được chuyển đổi thành công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP kể từ ngày 1 tháng 4 năm 2015. Tổng Công ty có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi mới nhất lần 9 ngày 12 tháng 1 năm 2022.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm:

- Vận chuyển hàng không đối với hành khách;
- Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp quản lý vốn kinh doanh; đầu tư ra nước ngoài; mua, bán doanh nghiệp; góp vốn mua cổ phần và chuyển nhượng vốn góp, bán cổ phần;
- Vận chuyển hành lý, hàng hóa, bưu kiện, bưu phẩm, thư;
- Hoạt động hàng không chung (bay chụp ảnh địa hình, khảo sát địa chất, bay hiệu chuẩn các đài hướng dẫn đường hàng không, sửa chữa bảo dưỡng đường điện cao thế, phục vụ dầu khí, trồng rừng, kiểm tra môi trường, tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu y tế, bay phục vụ cho mục đích chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng);
- Cung ứng dịch vụ thương mại, du lịch, khách sạn, bán hàng miễn thuế tại nhà ga hàng không và các tỉnh, thành phố; các dịch vụ hàng không khác;
- Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa và các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không, sân bay;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); bảo dưỡng tàu bay, động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không và các thiết bị kỹ thuật khác;

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Sản xuất linh kiện, phụ tùng, vật tư tàu bay, trang thiết bị kỹ thuật và các nội dung khác thuộc lĩnh vực công nghiệp hàng không;
- Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật và vật tư phụ tùng cho các hãng hàng không trong nước và nước ngoài;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa; đầu tư và khai thác hạ tầng kỹ thuật tại các sân bay; nhà ga hành khách, hàng hóa, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ đồng bộ trong dây chuyền vận tải hàng không;
- Vận tải đa phương thức;
- Xuất nhập khẩu tàu bay; động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không (thuê, cho thuê, thuê mua và mua, bán) và những mặt hàng khác theo quy định của Nhà nước;
- Sản xuất, xuất, nhập khẩu các trang thiết bị phục vụ dây chuyền vận tải hàng không;
- Sản xuất, chế biến, xuất, nhập khẩu thực phẩm để phục vụ trên tàu bay;
- Xuất, nhập khẩu xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu khác;
- Cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu khác tại các cảng hàng không sân bay;
- Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các nhà sản xuất tàu bay, động cơ, thiết bị, phụ tùng tàu bay, các công ty vận tải, du lịch trong nước và nước ngoài;
- In ấn (trừ các loại hình Nhà nước cấm);
- Xây dựng, tư vấn xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình);
- Cung ứng lao động (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài); xuất, nhập khẩu lao động;
- Khoa học, công nghệ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ thương mại điện tử;
- Đào tạo, dạy nghề: ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ và thợ kỹ thuật hàng không; và,
- Tài chính, ngân hàng; cho thuê tài chính (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Tổng Công ty và các công ty con chỉ kinh doanh khi đạt điều kiện theo quy định của pháp luật.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty đang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con. Cấu trúc Tổng Công ty bao gồm các đơn vị trực thuộc (bao gồm các chi nhánh trong và ngoài nước), các công ty con và công ty liên kết.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có 27 đơn vị trực thuộc, 17 công ty con và 8 công ty liên kết (1/1/2023: 26 đơn vị trực thuộc, 17 công ty con và 8 công ty liên kết).

Các đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty bao gồm:

- Tạp chí Heritage
- Đoàn bay 919
- Đoàn tiếp viên
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm Dịch vụ và Khai thác sân bay
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm Huấn luyện bay
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm Bông Sen Vàng
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Công ty Bay Dịch vụ Hàng không (VASCO)
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Chi nhánh khu vực Việt Nam
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Thái Lan
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Singapore
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Malaysia
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Lào
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Campuchia
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Nhật Bản
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Hàn Quốc
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Hồng Kông
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Đài Loan
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Liên Bang Nga
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Úc
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Đức
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Pháp và Tây Âu
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Trung Quốc
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Mỹ
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Vương Quốc Anh
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Myanmar
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Indonesia
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Ấn Độ (thành lập mới năm 2023)

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thông tin chi tiết các công ty con, công ty liên kết tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2023			1/1/2023			Hoạt động chính
	Địa chỉ	Số cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Số cổ phần	% sở hữu	
Công ty con							
Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	Việt Nam	31.648.701	98,84%	98,84%	31.648.701	98,84%	Kinh doanh vận tải hàng không
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	Việt Nam		100,00%	100,00%		100,00%	Sửa chữa, bảo dưỡng máy bay
Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam	Việt Nam		100,00%	100,00%		100,00%	Kinh doanh nhiên liệu hàng không
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hoá Nội Bài	Việt Nam	17.027.005	60,62%	65,07%	17.027.005	60,62%	Dịch vụ phục vụ hàng hoá các chuyến bay
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	Việt Nam	11.106.622	61,87%	61,87%	11.106.622	61,87%	Cung cấp suất ăn trên máy bay
Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	Việt Nam		100,00%	100,00%		100,00%	Cung cấp suất ăn trên máy bay
Công ty Cổ phần Đào tạo Bay Việt	Việt Nam	3.400.000	51,52%	51,52%	3.400.000	51,52%	Đào tạo phi công
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	Việt Nam	3.060.000	52,73%	52,73%	3.060.000	52,73%	Cung cấp dịch vụ tin học và viễn thông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hoá Tân Sơn Nhất	Việt Nam	5.154.930	55,00%	55,00%	5.154.930	55,00%	Dịch vụ phục vụ hàng hoá các chuyến bay
Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Hàng hóa Tân Sơn Nhất	Việt Nam		51,00%	51,00%		51,00%	Vận chuyển, giao nhận hàng hoá, cho thuê kho bãi
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	Việt Nam	4.241.160	51,00%	51,00%	4.241.160	51,00%	Dịch vụ phục vụ vận tải hàng không
Công ty TNHH Giao nhận Hàng hoá Vinako	Việt Nam		65,05%	65,05%		65,05%	Dịch vụ giao nhận hàng hoá, vận tải mặt đất, kho bãi
Công ty Cổ phần Cung ứng và Xuất nhập khẩu Lao động Hàng không	Việt Nam	510.000	51,00%	51,00%	510.000	51,00%	Xuất, nhập khẩu lao động
Công ty Cổ phần Sabre Việt Nam	Việt Nam	268.800	51,69%	51,69%	268.800	51,69%	Dịch vụ đặt giữ chỗ tự động
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	Việt Nam		100,00%	100,00%		100,00%	Dịch vụ mặt đất
Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Hàng không Việt Nam Singapore (i)	Việt Nam		51,00%	51,00%		51,00%	Sửa chữa, bảo dưỡng máy bay
Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hoá Nausco (i)	Việt Nam	6.222.000	25,05%	25,05%	6.222.000	25,05%	Dịch vụ vận chuyển, giao nhận hàng hoá

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/IN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2016/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2023			1/1/2023			Hoạt Động chính
	Số cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Số cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	
Công ty liên kết							
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	42.835.200	32,48%	32,48%	42.835.200	32,48%	32,48%	Cho thuê máy bay
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	1.285.200	41,31%	41,31%	1.285.200	41,31%	41,31%	Dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	1.541.265	36,11%	36,11%	1.541.265	36,11%	36,11%	Dịch vụ phục vụ hàng không
Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	1.335.400	30,41%	30,41%	1.335.400	30,41%	30,41%	Sản xuất sản phẩm nhựa
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tâm Sơn Nhứt (i)	11.968.642	30,47%	30,47%	11.968.642	30,47%	30,47%	Dịch vụ tra nạp nhiên liệu
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không	3.000.000	30,00%	30,00%	3.000.000	30,00%	30,00%	Dịch vụ tra nạp nhiên liệu
Nội Bài (i)							
Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không (i)	378.000	25,00%	25,00%	378.000	25,00%	25,00%	Dịch vụ mặt đất
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam (i)	378.000	8,16%	36,00%	378.000	8,16%	36,00%	Dịch vụ vận tải hành khách đường bộ

(i) Các doanh nghiệp do các công ty con của Tổng Công ty góp vốn và nắm quyền biểu quyết trực tiếp. Theo đó, tỷ lệ phần sở hữu của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp này được xác định bằng tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua các công ty con trực tiếp của Tổng Công ty; tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp này được xác định bằng tỷ lệ quyền biểu quyết của các công ty con trực tiếp của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty và các công ty con có 21.130 nhân viên (31/12/2022: 20.569 nhân viên).

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Quy định chế độ báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP được ban hành theo Quyết định số 1913/QĐ-TCTHK-TCKT ngày 18 tháng 12 năm 2015 (“Quyết định số 1913”) của Tổng Công ty và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Quyết định số 1913 được xây dựng dựa trên Quyết định số 2581/TCTHK-TCKT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Tổng Công ty đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 17011/BTC-CĐKT ngày 14 tháng 12 năm 2011. Chế độ báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP có một số khác biệt so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“VAS”) số 7 “Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết” và VAS 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con” ban hành theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 và hướng dẫn thực hiện tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Tổng Công ty thực hiện loại trừ theo nguyên tắc số nhỏ hơn đối với số dư các khoản công nợ phải thu và phải trả, cho vay và đi vay, các nghiệp vụ doanh thu và chi phí giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau trong trường hợp số liệu đối chiếu, xác nhận giữa Công ty mẹ với các công ty con hoặc giữa các công ty con không bằng nhau. Riêng trường hợp phát sinh giao dịch Công ty mẹ cung cấp dịch vụ vận chuyển cho công ty con thì khi điều chỉnh sẽ lấy theo số liệu báo cáo của công ty con; và
- Hàng tồn kho mua bán nội bộ được giả định là số tồn kho của năm trước đã được tiêu thụ hết trong năm nay.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nợ ngắn hạn của Tổng Công ty và các công ty con vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 46.287 tỷ đồng (1/1/2023: 39.470 tỷ đồng), khoản phải trả đã quá hạn của Tổng Công ty và các công ty con là 13.743 tỷ đồng (1/1/2023: 15.396 tỷ đồng) và vốn chủ sở hữu âm (-) 17.026 tỷ đồng (1/1/2023: âm (-) 11.056 tỷ đồng). Trong năm kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty và các công ty con có kết quả kinh doanh lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền là 5.632 tỷ đồng (2022: lỗ 11.223 tỷ đồng).

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Tổng Công ty thường xuyên đánh giá các ảnh hưởng và triển khai các giải pháp đối phó với các khó khăn về tình hình tài chính để Tổng Công ty và các công ty con có thể duy trì khả năng hoạt động liên tục. Các giải pháp đã và đang thực hiện bao gồm:

(i) *Quản lý hoạt động*

Với các diễn biến tích cực của ngành hàng không, Tổng Công ty đã vận chuyển khoảng 17,62 triệu hành khách nội địa và 6,62 triệu khách quốc tế trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, tương đương với 91,82% và 73,79% so với sản lượng hành khách năm 2019 (2022: 18,57 triệu hành khách nội địa và 2,53 triệu khách quốc tế).

Tổng Công ty đã điều chỉnh kế hoạch sử dụng đội tàu bay, lịch bay, các chặng bay phù hợp với nhu cầu thị trường, giai đoạn cao điểm và nhu cầu du lịch, đi lại hậu COVID-19 nhằm tối ưu hóa chi phí hoạt động và đội tàu bay, tiếp tục duy trì thị phần vận tải hành khách nội địa. Tổng Công ty cũng tập trung quản lý và tập trung phát triển dịch vụ và khách hàng trong các chặng bay có doanh thu và lợi nhuận cao nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và cải thiện dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

Trong năm 2023, hầu hết các đường bay quốc tế đã được Tổng Công ty khai thác trở lại.

Ngoài ra, Tổng Công ty tiếp tục duy trì và đẩy mạnh hoạt động vận tải hàng hóa nhằm tận dụng hiệu quả năng lực đội bay, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và dòng tiền hoạt động.

Đối với chi phí hoạt động, Tổng Công ty tiếp tục thực hành chính sách tối ưu chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng đội bay và triển khai các giải pháp đàm phán giảm giá, tiết kiệm chi phí. Ngoài ra, Tổng Công ty liên tục xem xét để tối ưu quy trình dịch vụ mặt đất, dịch vụ phục vụ trên chuyến bay cũng như việc sửa chữa và bảo dưỡng động cơ và máy bay, nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và đảm bảo hiệu quả kinh tế.

(ii) *Nguồn vốn hoạt động*

Tổng Công ty và các công ty con đã và đang đàm phán với các ngân hàng thương mại để có thêm hạn mức tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng hạn mức tín dụng mà Tổng Công ty và các công ty con đã ký với các ngân hàng thương mại là 25,4 nghìn tỷ VND (1/1/2023: 20 nghìn tỷ VND), ngoài ra Tổng Công ty còn có nguồn vốn vay tái cấp vốn 4 nghìn tỷ VND từ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội theo Thông tư số 04/2021/TT-NHNN ngày 5 tháng 4 năm 2021.

Trong năm, các ngân hàng đã đồng ý tiếp tục cấp hạn mức tín dụng cho các khoản vay ngắn hạn mà Tổng Công ty và các công ty con đã thanh toán đúng hạn và đáp ứng các điều kiện và quy định của Ngân hàng Nhà nước. Tổng Công ty tin tưởng sẽ tiếp tục duy trì được các hạn mức tín dụng hiện tại trong năm tiếp theo cũng như đảm bảo thanh toán các khoản gốc vay đến hạn.

Đối với các khoản vay dài hạn và nợ thuế tài chính, Tổng Công ty cũng đã đàm phán thành công với một số chủ nợ để cơ cấu lại lịch thanh toán các khoản vay dài hạn và nợ thuế tài chính đến hạn trả.

Tổng Công ty và các công ty con đã và đang tiếp tục đàm phán giảm giá, giãn hoãn tiến độ thanh toán với các đối tác, trong đó nhiều đối tác đã đồng ý giảm giá (đối với chi phí thuê tàu bay và bảo dưỡng...) hoặc giãn, hoãn lịch thanh toán (đối với chi phí thuê tàu bay, quản lý bay, các dịch vụ chuyến bay...).

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tổng Công ty cũng đã và đang đàm phán với một số nhà cung cấp dịch vụ sửa chữa máy bay để bù trừ khoản quỹ đại tu đã thanh toán cho nhà cung cấp còn dư chưa sử dụng với khoản phải trả các nhà cung cấp này và thay thế biện pháp bảo đảm bằng L/C, qua đó, giảm khoản thanh toán bằng tiền cần huy động thêm cho nhà cung cấp khi đến hạn.

Một mặt, Tổng Công ty và các công ty con đang tích cực tìm kiếm các nguồn tài chính để thanh toán các khoản nợ quá hạn nhà cung cấp với số tiền 13.743 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Thuyết minh số 19). Mặt khác, Tổng Công ty và các công ty con cũng đang tiếp tục đàm phán và kêu gọi sự hỗ trợ của các đối tác trong việc giảm và giãn hoãn thời hạn thanh toán đối với các khoản nợ quá hạn. Tổng Công ty đánh giá và tin tưởng rằng các đối tác đã và vẫn đang hỗ trợ tích cực Tổng Công ty và các công ty con trong những năm qua và trong thời gian tới.

(iii) Đề án tái cơ cấu lại Tổng Công ty

Tổng Công ty đã hoàn thành xây dựng Đề án tổng thể các giải pháp tháo gỡ khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và Đề án cơ cấu lại Tổng Công ty giai đoạn 2021 - 2025 (“đề án”) và báo cáo các cơ quan liên quan, đồng thời Tổng Công ty cũng đang trình các cấp có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và xem xét phê duyệt các Đề án này. Trong các Đề án, Tổng Công ty sẽ thực hiện đồng bộ ba (3) nhóm giải pháp để khắc phục tình trạng tài chính hiện tại bao gồm:

- Giải pháp cải thiện kết quả sản xuất kinh doanh vận tải hàng không, trong đó, thực hiện đồng bộ các giải pháp để tăng cường thích nghi, nhanh chóng phục hồi và sử dụng hiệu quả năng lực sản xuất;
- Tái cơ cấu tài sản và thoái vốn các công ty con và công ty liên kết để gia tăng thu nhập và dòng tiền;
- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn chủ sở hữu sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Ban Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn cũng như các khoản hỗ trợ từ Chính phủ và khả năng thực hiện đề án tái cơ cấu Tổng Công ty giai đoạn 2021 - 2025. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty và các công ty con sẽ phụ thuộc chủ yếu vào khả năng hồi phục hoạt động sản xuất kinh doanh sau COVID-19 và việc được gia hạn thanh toán các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng và các khoản phải trả cho nhà cung cấp và cho thuê, cũng như một số giải pháp khác trong đề án tái cơ cấu. Trong các kế hoạch này có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty và các công ty con.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Hướng dẫn kế toán riêng áp dụng cho giai đoạn 2020-2022

Tổng Công ty áp dụng tính và ghi nhận chi phí khấu hao và chi phí phân bổ tiền sửa chữa bảo dưỡng của các máy bay và động cơ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, 2021 và 2022 theo hướng dẫn kế toán riêng được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó, chi phí khấu hao và phân bổ chi phí sửa chữa, bảo dưỡng hàng tháng của từng loại máy bay ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, 2021 và 2022 được xác định theo tỷ lệ tổng giờ khai thác theo tháng thực tế của từng loại máy bay so với tổng giờ khai thác theo kế hoạch của từng loại máy bay đó, như sau:

Số khấu hao được ghi nhận hàng tháng hoặc chi phí sửa chữa bảo dưỡng được phân bổ trong từng tháng của từng loại máy bay	=	Giá trị khấu hao hàng tháng của từng máy bay hoặc giá trị chi phí sửa chữa bảo dưỡng hàng tháng theo loại máy bay trong điều kiện hoạt động bình thường	X	Tổng giờ khai thác theo tháng thực tế của từng loại máy bay

				Tổng giờ khai thác theo tháng kế hoạch năm 2020 của loại máy bay đó (thời điểm hoạt động bình thường, trước khi bị ảnh hưởng đại dịch COVID-19)

Đối với các động cơ dự phòng và cảng máy bay, Tổng Công ty thực hiện trích và ghi nhận chi phí khấu hao nhất quán với chính sách kế toán tài sản cố định hữu hình ở Thuyết minh 4(g).

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2023, phần chênh lệch lũy kế giữa chi phí khấu hao và phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phương pháp được phê duyệt riêng nêu trên được Tổng Công ty tiếp tục phân bổ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính như sau:

- Đối với chi phí khấu hao máy bay, phần chênh lệch lũy kế giữa khấu hao theo phương pháp đường thẳng và phương pháp khấu hao được phê duyệt riêng nêu trên tới ngày 1 tháng 1 năm 2023 được Tổng Công ty tiếp tục phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính còn lại của tài sản cố định hữu hình.
- Đối với chi phí sửa chữa và bảo dưỡng, phần chênh lệch lũy kế giữa phân bổ theo phương pháp đường thẳng và theo phương pháp phân bổ được phê duyệt riêng nêu trên được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ với tổng thời gian từ thời điểm bắt đầu phân bổ ban đầu tối đa không quá 3 năm.

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Trừ trường hợp đã được trình bày ở Thuyết minh số 3, những chính sách kế toán được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn hoặc tăng vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn hoặc tăng vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tổng Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

Như đã được trình bày tại Thuyết minh 2(a), Tổng Công ty thực hiện loại trừ theo nguyên tắc số nhỏ hơn đối với số dư các khoản công nợ phải thu và phải trả, cho vay và đi vay, các nghiệp vụ doanh thu và chi phí giữa Tổng Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau trong trường hợp số liệu đối chiếu, xác nhận giữa Tổng Công ty với các công ty con hoặc giữa các công ty con không bằng nhau. Riêng trường hợp phát sinh giao dịch Tổng Công ty cung cấp dịch vụ vận chuyển cho công ty con thì khi điều chỉnh sẽ lấy theo số liệu báo cáo của công ty con. Bên cạnh đó, hàng tồn kho mua bán nội bộ đang được giá định là số tồn kho của năm trước đã được sử dụng hết trong năm nay.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế của ngân hàng thương mại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không được dùng để chia cổ tức cho các cổ đông.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tổng Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty hoặc công ty con có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chứng kỳ giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí trực tiếp để bán sản phẩm.

Giá trị vật tư, phụ tùng máy bay nhập kho được xác định dựa trên giá mua trên hóa đơn của nhà cung cấp cộng với toàn bộ chi phí liên quan để nhập vật tư, phụ tùng (như thuế nhập khẩu, phí ủy thác, chi phí vận chuyển).

Giá hàng tồn kho đối với các loại vật tư, phụ tùng máy bay để sử dụng được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Giá trị vật tư, phụ tùng máy bay xuất kho sử dụng được đưa vào chi phí sản xuất kinh doanh theo nguyên tắc:

- Đối với vật tư, phụ tùng máy bay tiêu hao, xuất dùng một lần, không sửa chữa được, giá xuất kho bằng 100% giá trị của vật tư, phụ tùng và được phản ánh toàn bộ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.
- Đối với phụ tùng vật tư quay vòng có nguyên giá đơn vị từ 1.500 USD đến 50.000 USD khi xuất kho đưa vào sử dụng được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm kể từ khi xuất dùng lần đầu.
- Đối với phụ tùng vật tư quay vòng có nguyên giá đơn vị từ 50.000 USD trở lên khi xuất kho đưa vào sử dụng được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm kể từ khi xuất dùng lần đầu.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty và các công ty con được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Trong trường hợp tài sản cố định hữu hình là máy bay, phần hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay được ghi nhận theo nguyên tắc sau:

- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là dịch vụ không được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay mà giảm trừ giá vốn hàng bán khi thực nhận;
- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là phụ tùng vật tư hoặc thiết bị không chắc chắn sẽ nhận được thì không được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay mà giảm trừ giá vốn hàng bán khi thực nhận;
- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là thiết bị chắc chắn sẽ nhận được và có danh mục cụ thể khi bàn giao thì được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Máy bay	16 – 20 năm
▪ Động cơ máy bay	10 năm
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ Máy móc, thiết bị	3 – 20 năm
▪ Phương tiện vận tải mặt đất	3 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm
▪ Tài sản cố định khác	4 – 7 năm

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, Tổng Công ty trích và ghi nhận khấu hao của máy bay và động cơ máy bay cho các năm 2020, 2021 và 2022 theo hướng dẫn kế toán riêng được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2023, phần chênh lệch lũy kế giữa khấu hao theo phương pháp đường thẳng và phương pháp khấu hao được trình bày tại Thuyết minh số 3 tới ngày 1 tháng 1 năm 2023 được tiếp tục phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính còn lại của tài sản cố định hữu hình, theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng Công ty và các công ty con đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 4(g).

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, Tổng Công ty trích và ghi nhận khấu hao của máy bay và động cơ máy bay cho các năm 2020, 2021 và 2022 theo hướng dẫn kế toán riêng được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2023, phần chênh lệch lũy kế giữa khấu hao theo phương pháp đường thẳng và phương pháp khấu hao được trình bày tại Thuyết minh số 3 tới ngày 1 tháng 1 năm 2023 được tiếp tục phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính còn lại của tài sản cố định hữu hình thuê tài chính, theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Tổng Công ty và các công ty con không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không thời hạn.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính bao gồm phần mềm quản lý doanh thu vận chuyển hành khách/hàng hóa, phần mềm quản lý hàng hóa, và phần mềm kế toán. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến tám năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí sửa chữa bảo dưỡng động cơ và thân máy bay

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng động cơ và thân máy bay đã phát sinh được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh tính từ thời điểm đại tu, sửa chữa hoàn thành. Đối với động cơ máy bay thuê, chi phí sửa chữa bảo dưỡng là giá trị sửa chữa sau khi đã trừ phần thu hồi quỹ đại tu từ bên cho thuê máy bay. Chi phí sửa chữa bảo dưỡng định kỳ đối với thân máy bay, động cơ chính, động cơ phụ và càng máy bay cho mỗi lần có giá trị tương đương từ 300.000 USD trở lên sẽ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong ba năm theo phương pháp đường thẳng. Chi phí sửa chữa bảo dưỡng được ghi nhận vào chi phí trong năm nếu giá trị nhỏ hơn 300.000 USD.

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, Tổng Công ty trích và ghi nhận phân bổ chi phí sửa chữa bảo dưỡng động cơ và thân máy bay cho các năm 2020, 2021 và 2022 theo hướng dẫn kế toán riêng được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phần chi phí chênh lệch lũy kế giữa phân bổ theo phương pháp đường thẳng và theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh số 3 được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ với tổng thời gian từ thời điểm bắt đầu phân bổ ban đầu tối đa không quá 3 năm.

Ngoài các chi phí sửa chữa bảo dưỡng động cơ và thân máy bay nêu trên, chi phí sửa chữa bảo dưỡng động cơ máy bay quy định trong hợp đồng bảo dưỡng động cơ theo giờ được trích trước và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên số giờ bay thực tế.

(ii) Phí bảo lãnh tín dụng xuất khẩu vay mua máy bay

Phí bảo lãnh tín dụng xuất khẩu hợp đồng huy động vốn mua máy bay theo hình thức thuê tài chính và các chi phí khác liên quan đến hợp đồng huy động vốn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí hoạt động kinh doanh theo thời gian huy động vốn.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm:

- Các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ trong vòng hai đến ba năm;
- Các vật tư, phụ tùng thay thế thực hiện phân bổ đều (Thuyết minh 4(f)).

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty hoặc các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu đồng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Nghĩa vụ hoàn trả máy bay

Theo các điều khoản của hợp đồng thuê hoạt động máy bay ký giữa Tổng Công ty hoặc các công ty con và các bên cho thuê, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ khôi phục lại điều kiện và khả năng hoạt động của máy bay như khi được bàn giao (ngoại trừ các hao mòn tự nhiên) khi hoàn trả lại máy bay cho bên cho thuê tại cuối thời hạn thuê. Theo Công văn số 11876/BTC-CĐKT ngày 25 tháng 8 năm 2016 của Bộ Tài chính, Tổng Công ty có thể ghi nhận chi phí hoàn trả máy bay thuê hoạt động khi thực tế phát sinh hoặc lập dự phòng hoàn trả máy bay trong thời gian thuê. Tổng Công ty hiện đang áp dụng chính sách ghi nhận chi phí trả máy bay thuê hoạt động khi thực tế phát sinh và không lập dự phòng cho nghĩa vụ này trong báo cáo tài chính.

(n) Doanh thu chưa thực hiện từ các chương trình khách hàng thường xuyên

Tổng Công ty thực hiện các chương trình Bông Sen Vàng cho các khách hàng thường xuyên và chương trình Khách hàng Tổ chức Doanh nghiệp, theo đó các khách hàng sẽ được tích lũy điểm thưởng khi mua hàng hóa hoặc sử dụng dịch vụ của Tổng Công ty hay một số đối tác cụ thể của Tổng Công ty. Phần doanh thu tương ứng với số điểm tích lũy mà khách hàng dự kiến lấy thưởng được xác định theo giá trị hợp lý và ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận là doanh thu trong năm nếu khách hàng lấy thưởng hoặc điểm thưởng tích lũy hết hạn.

(o) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm báo cáo bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận vào một tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận vào tài khoản tương ứng thuộc vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trong bảng cân đối kế toán. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu vận chuyển hàng không

Các khoản thu bán chứng từ vận chuyển (bao gồm vé và các chứng từ vận chuyển khác) được ghi nhận là khoản phải trả người bán trên bảng cân đối kế toán. Giá trị khoản phải trả người bán này được kết chuyển vào doanh thu phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ vận chuyển được thực hiện.

Doanh thu chuyên cơ, thuê chuyển được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ

Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ được hoàn thành trong thời gian ngắn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ hoàn thành. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức và lợi nhuận được chia liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư hoặc trước giai đoạn cổ phần hóa được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Trong năm, Tổng Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là hàng không và các hoạt động phụ trợ.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Ban Giám đốc Tổng Công ty xác định Việt Nam là quốc gia duy nhất có phát sinh doanh thu trên 10% tổng doanh thu, và do đó là một bộ phận cần được báo cáo. Tài sản, các chi phí và nợ phải trả liên quan không được phân bổ do đặc thù hoạt động ngành hàng không của Tổng Công ty và các công ty con là tài sản hầu hết được đăng ký và quản lý tại Việt Nam nhưng hoạt động ở khắp các đường bay trên toàn thế giới. Theo đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tiền mặt	10.194.150.961	14.120.364.696
Tiền gửi ngân hàng	1.863.228.591.781	2.254.439.154.339
Tiền đang chuyển	90.819.263.636	75.916.923.771
Các khoản tương đương tiền	586.800.000.000	145.800.000.000
	<hr/>	<hr/>
	2.551.042.006.378	2.490.276.442.806
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty và các công ty con có khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn bị hạn chế sử dụng là 110 tỷ VND (1/1/2023: 879 tỷ VND).

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Các khoản đầu tư tài chính	31/12/2023			1/1/2023		
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị ghi sổ VND
(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	920.438.534.909	920.438.534.909	896.630.691.696	896.630.691.696	896.630.691.696	
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	-	-	9.150.000.000	9.150.000.000	9.150.000.000	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn						
Tiền gửi có kỳ hạn						
	920.438.534.909	920.438.534.909	905.780.691.696	905.780.691.696	905.780.691.696	

(i) Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn ngắn hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại thời điểm báo cáo tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 0,86%/năm đến 9,5%/năm (1/1/2023: 0,35% đến 8,8%/năm).

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023	1/1/2023
	Giá trị ghi số VND	Giá trị ghi số VND
	Dự phòng VND	Dự phòng VND
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	248.141.431.740	248.141.431.740
Công ty Cổ phần Nhà ga quốc tế Cam Ranh – Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	90.000.000.000 (90.000.000.000)	90.000.000.000 (90.000.000.000)
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	65.049.600.000	65.049.600.000
Công ty Cổ phần Kho cảng Xây dựng Hàng không miền Nam	52.000.000.000	52.000.000.000
Công ty Cổ phần Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	6.161.138.309	6.161.138.309
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thăng Long	2.550.000.000	2.550.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Du lịch và Vận tải biển Phương Nam	-	185.050.002.264
	463.902.170.049 (90.000.000.000)	648.952.172.313 (90.000.000.000)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty đã thế chấp một số cổ phiếu mà Tổng Công ty đang nắm giữ tại các công ty con/công ty liên kết niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE, HNX và UPCOM để đảm bảo cho một số khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh số 24(a)).

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất vì:

- Đối với khoản đầu tư vào các đơn vị đã niêm yết trên thị trường chứng khoán, số lượng giao dịch cổ phiếu của các đơn vị này trong năm rất nhỏ, do đó, giá cổ phiếu niêm yết có thể không phản ánh giá trị hợp lý của các khoản đầu tư, và
- Đối với các khoản đầu tư còn lại không có giá niêm yết trên thị trường, các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi số.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu của khách hàng****(a) Chi tiết phải thu của khách hàng**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Các đại lý bán sản phẩm vận chuyển hành khách	1.952.145.989.033	1.573.306.766.020
Các hãng hàng không khác	1.283.309.215.432	1.139.812.805.151
Cước vận chuyển hàng hóa	297.874.336.285	194.339.427.919
Các khách hàng khác	943.380.067.475	1.077.662.934.038
	4.476.709.608.225	3.985.121.933.128

(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Ngắn hạn	4.474.693.862.337	3.983.027.337.240
Dài hạn	2.015.745.888	2.094.595.888
	4.476.709.608.225	3.985.121.933.128

(c) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty TNHH Dịch vụ Mật đất Hàng không	4.850.421.719	2.692.207.745
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	122.408.331	117.464.465
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	98.295.964	853.593.843
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	-	162.130.749
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam	-	24.025.843
	5.071.126.014	3.849.422.645

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và được hoàn trả theo thỏa thuận.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/IN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Trả trước về đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	93.350.632.911	88.839.524.307
Trả trước về tiền thuê máy bay	9.592.533.931	13.601.759.983
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	117.177.149.538	135.575.804.007
	220.120.316.380	238.017.088.297

10. Phải thu khác**(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Đặt cọc thuê máy bay và động cơ máy bay ngắn hạn	185.605.090.791	274.954.808.291
Trả trước chi phí sửa chữa lớn chờ cần trừ với Quỹ đại tu (i)	1.087.847.023.048	311.116.882.764
Phải thu từ các hợp đồng cho thuê lại	31.496.723.577	115.608.161.834
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.211.178.344	-
Phải thu tiền bồi thường bảo hiểm	244.426.439.455	338.132.635
Phải thu khác	207.440.971.399	182.100.239.854
	1.758.027.426.614	884.118.225.378

- (i) Trả trước chi phí sửa chữa lớn chờ cần trừ với Quỹ đại tu phản ánh các khoản chi phí sửa chữa phát sinh thực tế mà Tổng Công ty và các công ty con ước tính có thể thu được từ đối tác cho thuê máy bay. Khi thanh quyết toán chi phí sửa chữa, phần không thu lại được từ đối tác cho thuê sẽ được Tổng Công ty và các công ty con hạch toán vào chi phí trong năm.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Đặt cọc thuê máy bay, động cơ máy bay dài hạn (ii)	1.418.242.292.011	1.418.775.727.537
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ dài hạn khác	208.946.640.562	174.799.483.594
Phải thu dài hạn khác	5.180.789.616	13.144.259.682
	<hr/> 1.632.369.722.189	<hr/> 1.606.719.470.813

(ii) Khoản tiền Tổng Công ty và các công ty con đặt cọc để thuê máy bay và động cơ máy bay sẽ được hoàn trả khi hết thời hạn thuê.

(c) Phải thu khác từ các bên liên quan

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	402.363.651.223	391.285.107.973
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Nợ xấu

	31/12/2023		1/1/2023					
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Hàng Hàng không	Từ 1 tháng đến trên 3 năm	263.052.480.000	(141.091.344.000)	121.961.136.000	Từ 1 tháng đến trên 3 năm	206.405.741.753	(88.234.149.407)	118.171.592.346
Cambodia Angkor Air								
CTCP Hàng không	Trên 3 năm	37.967.202.851	(37.967.202.851)	-	Trên 3 năm	38.537.918.851	(38.537.918.851)	-
Đông Dương					Trên 3 năm	15.136.170.040	(13.826.332.041)	1.309.837.999
Smartlynx Airlines	Trên 3 năm	5.429.413.506	(5.429.413.506)	-	Trên 3 năm	5.023.647.549	(5.023.647.549)	-
Air Fast Ticket Group	1 - 20 năm	201.675.986.675	(148.770.179.432)	52.905.807.243	1 - 20 năm	70.589.255.069	(64.112.611.448)	6.476.643.621
Các đối tượng khác								
		508.125.083.032	(333.258.139.789)	174.866.943.243		335.692.733.262	(209.734.659.296)	125.958.073.966
Trong đó:								
Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn			(331.104.139.597)				(207.640.063.408)	
Dự phòng phải thu khó đòi - dài hạn			(2.154.000.192)				(2.094.595.888)	

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	96.492.034.376	-	523.323.280.962	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.181.552.803.972	(228.635.716.595)	1.110.251.488.418	(201.832.284.208)
Công cụ và dụng cụ	73.189.787.053	-	63.604.589.678	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	93.127.872.417	-	75.513.297.227	-
Thành phẩm	889.936.203	-	770.073.370	-
Hàng hóa (*)	2.180.761.051.738	-	1.290.401.635.344	-
Hàng hóa kho bảo thuế	32.915.903.381	-	12.741.567.689	-
Hàng gửi đi bán	405.791.911	-	510.611.529	-
	3.659.335.181.051	(228.635.716.595)	3.077.116.544.217	(201.832.284.208)

(*) Hàng hóa tồn kho chủ yếu là xăng dầu Jet A1 tại Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam, một công ty con của Tổng Công ty.

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có 268.333 triệu VND nguyên vật liệu (1/1/2023: 235.815 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Máy bay, động cơ máy bay VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải mặt đất VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá	29.786.510.650.115	2.979.343.178.598	4.198.789.059.769	2.021.159.305.778	1.086.075.810.176	3.38.373.328.876	40.410.251.333.312
Số dư đầu năm	-	44.030.000	96.211.252.179	24.677.305.736	10.282.417.251	6.399.091	131.221.404.257
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	846.444.087	1.800.715.375	20.203.390.150	605.130.369	12.749.969.738	14.686.650.813	50.892.300.532
Chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính	3.525.767.222.713	-	(11.180.887.763)	(40.265.444.782)	(12.882.974.290)	-	3.525.767.222.713
Thanh lý	-	(762.113.701)	760.597.863	-	51.033.485	(9.258.334.314)	(74.349.754.850)
Phân loại lại	-	(811.631.348)	-	-	-	-	-
Bán và thuê lại	(590.740.757.968)	-	-	-	-	-	(590.740.757.968)
Số dư cuối năm	32.722.383.558.947	2.979.614.178.924	4.304.783.412.198	2.006.176.297.101	1.096.276.256.360	343.808.044.466	43.453.041.747.996
Giá trị hao mòn lũy kế	16.981.814.178.840	1.507.922.187.871	3.393.684.068.673	1.378.629.766.338	883.346.172.501	231.979.741.023	24.377.376.115.246
Số dư đầu năm	2.440.683.787.994	111.038.587.461	211.091.179.608	121.461.069.534	82.225.192.517	14.229.605.608	2.980.729.422.722
Khấu hao trong năm	2.522.416.845.159	-	-	-	-	-	2.522.416.845.159
Chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính	-	(762.113.701)	(11.180.887.763)	(40.265.444.782)	(12.882.974.290)	(9.258.334.314)	(74.349.754.850)
Thanh lý	-	(1.091.606.226)	(961.957.066)	5	2.053.563.379	8	-
Phân loại lại	(59.550.032.862)	-	-	-	-	-	(59.550.032.862)
Bán và thuê lại	-	-	-	-	-	-	(13.923.611)
Điều chỉnh khác	-	-	(13.923.611)	-	-	-	-
Số dư cuối năm	21.885.364.779.131	1.617.107.055.405	3.592.618.479.841	1.459.825.391.095	954.741.954.007	236.951.012.325	29.746.608.671.804
Giá trị còn lại	12.804.696.471.275	1.471.420.990.727	805.104.991.096	642.529.539.440	202.728.637.675	106.393.587.853	16.052.875.218.066
Số dư đầu năm	10.837.018.779.816	1.362.507.123.519	712.164.932.357	546.350.906.006	141.534.302.353	106.857.032.141	13.706.433.076.192
Số dư cuối năm							

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản cố nguyên giá 11.047.710 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2023: 5.465.091 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 8.585.756 triệu VND (1/1/2023: 12.940.579 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 24).

Cho năm tài chính 2020, 2021 và 2022, Tổng Công ty trích khấu hao máy bay và động cơ máy bay theo hướng dẫn kế toán riêng trình bày tại Thuyết minh số 3. Phần chênh lệch lũy kế giữa khấu hao theo phương pháp đường thẳng và phương pháp khấu hao được trình bày tại Thuyết minh số 3 tới ngày 1 tháng 1 năm 2023 được tiếp tục phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính còn lại của tài sản cố định hữu hình.

Nếu Tổng Công ty áp dụng chính sách khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong các năm 2020, 2021 và 2022, khoản mục hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 sẽ tăng 1.669 tỷ VND (1/1/2023: tăng 2.161 tỷ VND); khoản mục giá vốn hàng bán và lỗ sau thuế TNDN trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 sẽ giảm với số tiền là 925 tỷ VND (2022: tăng 486 tỷ VND).

14. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy bay và động cơ máy bay VND	Máy móc, thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	42.581.459.504.360	3.712.444.000	42.585.171.948.360
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.525.767.222.713)	-	(3.525.767.222.713)
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.238.695.182	-	1.238.695.182
Số dư cuối năm	39.056.930.976.829	3.712.444.000	39.060.643.420.829
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	18.118.273.501.898	2.227.466.392	18.120.500.968.290
Khấu hao trong năm	2.958.062.947.751	742.488.804	2.958.805.436.555
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.522.416.845.159)	-	(2.522.416.845.159)
Số dư cuối năm	18.553.919.604.490	2.969.955.196	18.556.889.559.686
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	24.463.186.002.462	1.484.977.608	24.464.670.980.070
Số dư cuối năm	20.503.011.372.339	742.488.804	20.503.753.861.143

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/IN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty đang thuê tài chính 21 máy bay bao gồm các loại máy bay A321 và B787. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Tổng Công ty có quyền lựa chọn mua lại những máy bay này theo các điều kiện của hợp đồng thuê tài chính.

Cho năm tài chính 2020, 2021 và 2022, Tổng Công ty trích khấu hao máy bay và động cơ máy bay theo hướng dẫn kế toán riêng trình bày tại Thuyết minh số 3. Phần chênh lệch lũy kế giữa khấu hao theo phương pháp đường thẳng và phương pháp khấu hao được trình bày tại Thuyết minh số 3 tới ngày 1 tháng 1 năm 2023 được tiếp tục phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính còn lại của tài sản cố định hữu hình thuê tài chính.

Nếu Tổng Công ty áp dụng chính sách khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong các năm 2020, 2021 và 2022, khoản mục hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình thuê tài chính trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 sẽ tăng 2.987 tỷ VND (1/1/2023: tăng 3.945 tỷ VND); khoản mục giá vốn hàng bán và lỗ sau thuế TNDN trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 sẽ giảm với số tiền là 526 tỷ VND (2022: tăng 800 tỷ VND).

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	73.246.777.206	706.826.483.060	25.885.231.380	805.958.491.646
Tăng trong năm	599.400.000	14.722.729.177	-	15.322.129.177
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	6.121.017.593	-	6.121.017.593
Chuyển sang chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	(428.087.833)	-	(428.087.833)
Thanh lý	-	(201.850.000)	-	(201.850.000)
Số dư cuối năm	73.846.177.206	727.040.291.997	25.885.231.380	826.771.700.583
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	4.267.820.893	626.547.156.384	685.231.380	631.500.208.657
Khấu hao trong năm	113.859.656	46.988.003.875	-	47.101.863.531
Thanh lý	-	(201.850.000)	-	(201.850.000)
Số dư cuối năm	4.381.680.549	673.333.310.259	685.231.380	678.400.222.188
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	68.978.956.313	80.279.326.676	25.200.000.000	174.458.282.989
Số dư cuối năm	69.464.496.657	53.706.981.738	25.200.000.000	148.371.478.395

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 545.646 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2023: 452.385 triệu VND).

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	94.019.231.444	146.060.878.602
Tăng trong năm	160.240.330.517	109.754.126.889
Chi phí lãi vay vốn hóa	4.267.472.385	-
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	428.087.833	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(50.892.300.532)	(109.651.505.290)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	(1.238.695.182)	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(6.121.017.593)	(26.160.643.050)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(96.211.820)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(49.121.327.852)	(25.344.586.818)
Quyết toán các công trình sửa chữa TSCĐ	(18.835.509.049)	(639.038.889)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	132.650.060.151	94.019.231.444

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Phần mềm MRO đang trong quá trình lập đặt	86.141.813.552	46.938.487.200
Kinh phí hỗ trợ đi đời giải phóng mặt bằng khu đất hợp tác giai đoạn 2 phần diện tích 1.045ha	17.837.109.000	17.837.109.000
Kho xăng dầu sân bay Phú Bài	11.495.867.327	5.427.022.945
Các dự án khác	17.175.270.272	23.816.612.299
	<hr/>	<hr/>
	132.650.060.151	94.019.231.444

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Đầu tư vào công ty liên kết

Địa chỉ	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá gốc VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	439.335.275.853	1.070.125.339.375	439.335.275.853	965.081.628.476
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	119.686.420.000	147.950.025.874	119.686.420.000	143.387.213.027
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	86.652.841.772	11.024.432.707	86.652.841.772	9.997.353.750
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài	30.000.000.000	39.961.863.164	30.000.000.000	35.643.324.977
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	22.812.300.000	15.455.358.860	22.812.300.000	14.745.293.212
Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không	17.000.000.000	-	17.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	14.266.335.863	13.354.000.000	14.266.335.863	13.354.000.000
Công ty Cổ phần Dầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam	1.280.000.000	728.312.415	1.280.000.000	750.194.327
	731.033.173.488	1.298.599.332.395	731.033.173.488	1.182.959.007.769

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của giá trị đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	1.182.959.007.769	1.072.364.092.650
Tăng vốn tại công ty liên kết	-	8.100.000.000
Lãi trong công ty liên kết phát sinh trong năm	88.210.560.520	74.112.410.620
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ các hoạt động ở nước ngoài	31.843.046.506	40.695.562.877
Biến động khác	(4.413.282.400)	(12.313.058.378)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.298.599.332.395	1.182.959.007.769

18. Chi phí trả trước**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí thuê máy bay, động cơ máy bay và các tài sản khác	519.780.557.186	295.002.564.585
Hoa hồng thu bán chứng từ vận chuyển (*)	16.714.433.506	41.170.672.123
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	68.785.048.387	80.696.919.573
	<hr/>	<hr/>
	605.280.039.079	416.870.156.281

(*) Đây là khoản hoa hồng của các chứng từ vận chuyển đã bán nhưng dịch vụ vận chuyển chưa được thực hiện. Khoản trả trước này sẽ được hạch toán vào chi phí khi dịch vụ vận chuyển được thực hiện hoặc khi các chứng từ vận chuyển đã hết hạn.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí sửa chữa lớn thân và động cơ máy bay VND	Chi phí bảo lãnh tín dụng xuất khẩu vay mua máy bay VND	Chi phí phụ tùng máy bay, công cụ dụng cụ quay vòng VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	2.714.344.404.476	670.556.991.140	378.486.214.555	218.161.542.572	3.981.549.152.743
Tăng trong năm	3.350.437.780.722	-	437.730.046.440	100.349.802.981	3.888.517.630.143
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	116.732.156	49.004.595.696	49.121.327.852
Bán và thuê lại	-	-	(98.824.307.014)	-	(98.824.307.014)
Phân bổ trong năm	(2.379.503.876.646)	(198.789.968.275)	(259.613.973.364)	(137.483.760.765)	(2.975.391.579.050)
Số dư cuối năm	3.685.278.308.552	471.767.022.865	457.894.712.773	230.032.180.484	4.844.972.224.674

Cho năm tài chính 2020, 2021 và 2022, Tổng Công ty phân bổ chi phí sửa chữa lớn động cơ và thân máy bay theo hướng dẫn kế toán riêng trình bày tại Thuyết minh số 3. Phần chênh lệch lũy kế giữa phương pháp phân bổ theo đường thẳng và phương pháp phân bổ được trình bày tại Thuyết minh số 3 tới ngày 1 tháng 1 năm 2023 đang được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ với tổng thời gian từ thời điểm bắt đầu phân bổ ban đầu tới đa không quá 3 năm.

Nếu Tổng Công ty áp dụng chính sách phân bổ theo phương pháp đường thẳng cho chi phí sửa chữa lớn động cơ và thân máy bay trong các năm 2020, 2021 và 2022, khoản mục chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 sẽ giảm 48 tỷ đồng (1/1/2023: giảm 1.567 tỷ đồng), theo đó, giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp và lỗ sau thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 sẽ giảm với số tiền là 1.519 tỷ đồng (2022: tăng 691 tỷ đồng).

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***19. Phải trả người bán****(a) Chi tiết phải trả người bán – ngắn hạn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải trả các nhà cung cấp chính	18.251.179.961.779	17.596.438.023.663
Phải trả thu bán chứng từ vận chuyển hành khách, hành lý, MCO (i)	10.518.729.323.348	8.859.621.600.528
Phải trả thu bán thuế trên giá vé (ii)	1.685.118.016.356	1.387.029.973.014
Phải trả Interlines	333.087.597.109	305.289.826.420
Phải trả thu bán chứng từ vận chuyển hàng hóa	9.234.313.645	26.433.484.405
	<hr/>	<hr/>
	30.797.349.212.237	28.174.812.908.030

- (i) Phải trả thu bán chứng từ vận chuyển hành khách, hành lý, MCO phản ánh giá trị khách hàng đã mua các dịch vụ nhưng chưa sử dụng tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- (ii) Phải trả thu bán thuế trên giá vé phản ánh giá trị Tổng Công ty và các công ty con phải trả cơ quan thuế hoặc nhà quản lý sân bay, bao gồm các loại thuế phát sinh khi bán vé cho hành khách và các loại thuế sẽ phát sinh nghĩa vụ phải trả khi thực hiện dịch vụ vận chuyển.

(b) Chi tiết phải trả người bán – dài hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải trả tiền thuê máy bay dài hạn	763.215.038.360	2.440.049.287.211

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	1.252.858.581.370	621.098.536.346
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	42.398.669.111	36.383.509.877
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	20.666.653.090	20.711.588.350
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	6.371.022.881	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam	502.713.241	-
	<u>1.322.797.639.693</u>	<u>678.193.634.573</u>

Khoản phải trả người bán là các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả theo thỏa thuận.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nợ phải trả quá hạn chưa thanh toán của Tổng Công ty và các công ty con là 13.743 tỷ VND (1/1/2023: 15.396 tỷ đồng). Ngoài ra, Tổng Công ty và các công ty con cũng đã thỏa thuận bù trừ một phần khoản phải trả với quỹ đại tu đã nộp cho bên cho thuê.

Khả năng trả nợ của Tổng Công ty và các công ty con sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ về tài chính của Chính phủ Việt Nam và việc được gia hạn thanh toán các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng và các khoản phải trả cho nhà cung cấp và cho thuê (Thuyết minh 2(c)).

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2023		Số phải nộp trong năm sau khi bù trừ VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2023	
	Phải thu VND	Phải nộp VND			Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế						
Thuế giá trị gia tăng	-	105.126.187.309	1.479.845.095.723	(1.507.262.742.047)	140.318.236	77.848.859.221
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	8.932.027.572	(8.976.826.751)	44.799.179	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.879.513.168	80.612.994.888	276.826.720.321	(231.390.906.825)	1.845.380.631	126.014.675.847
Thuế thu nhập cá nhân	5.502.441.833	45.087.822.578	543.431.295.937	(535.271.666.924)	4.797.642.886	52.542.652.644
Thuế lãi nguyên	177.158.240	-	-	-	177.158.240	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.224.192.808	-	83.457.208.251	(82.472.115.146)	239.099.703	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	70.752.434.000	792.856.516.650	(810.018.502.650)	18.000	53.590.466.000
Thuế nhà thầu	-	8.463.671.718	161.320.198.590	(161.356.590.108)	-	8.427.280.200
Các khoản phải nộp khác						
Phí, lệ phí	2.000.000	-	10.425.558.248	(7.472.796.169)	2.000.000	2.952.762.079
	8.785.306.049	310.043.110.493	3.357.094.621.292	(3.344.222.146.620)	7.246.416.875	321.376.695.991

Theo Biên bản thanh tra thuế ngày 28 tháng 4 năm 2011 do Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh ban hành, Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines (“PA”), một công ty con của Tổng Công ty, phải thanh toán cho Ngân sách Nhà nước số tiền nợ thuế tăng thêm cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2004 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 là 303 tỷ đồng, trong đó nợ thuế và tiền phạt thuế lần lượt là 186 tỷ đồng và 117 tỷ đồng. Từ tháng 8 năm 2012 đến tháng 02 năm 2013, PA đã thanh toán một phần khoản nợ thuế này với số tiền là 63,5 tỷ đồng, đây là khoản tiền nợ thuế liên quan tới giai đoạn sau khi Qantas Asia Investment Company (Singapore) Pte., Ltd, đầu tư vào PA (sau ngày 31 tháng 7 năm 2007).

Theo Công văn số 3106/TCT-QLN do Tổng cục Thuế ban hành ngày 29 tháng 8 năm 2012, PA được phép hoãn thanh toán khoản phải thuế cho đến khi có các hướng dẫn khác. Ngày 4 tháng 2 năm 2013, Bộ Tài chính gửi Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh Công văn số 1894/BTC-TCT. Theo đó, Bộ Tài chính đề nghị Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh tạm dừng việc cưỡng chế đối với khoản nợ thuế 127,8 tỷ đồng trước ngày 31 tháng 7 năm 2007 của PA cho đến khi có hướng dẫn mới.

Tổng Công ty và PA vẫn đang tiếp tục làm việc và giải trình theo yêu cầu của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh về khoản nợ thuế này.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Chi phí phải trả****(a) Chi phí phải trả – ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí thuê, sửa chữa máy bay	5.317.658.402.615	3.188.822.099.883
Chi phí lãi trả chậm	1.236.669.848.521	670.876.141.771
Chi phí lãi vay	182.265.443.419	191.192.131.570
Chi phí phục vụ chuyến bay	60.683.665.917	146.877.345.541
Chi phí nhiên liệu	5.257.928.637	5.037.794.072
Các khoản trích trước khác	1.067.397.615.371	1.164.502.102.712
	<hr/> 7.869.932.904.480	<hr/> 5.367.307.615.549

(b) Chi phí phải trả – dài hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí thuê, sửa chữa máy bay	1.528.272.034.954	1.142.457.551.629
	<hr/> 1.528.272.034.954	<hr/> 1.142.457.551.629

(c) Chi phí phải trả các bên liên quan

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	122.969.588.114	262.415.231.928
	<hr/> 122.969.588.114	<hr/> 262.415.231.928

Khoản chi phí phải trả các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và phải trả theo thỏa thuận.

22. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chương trình khách hàng thường xuyên	1.171.989.632.213	699.302.310.794
Khác	43.919.602.126	31.017.592.087
	<hr/> 1.215.909.234.339	<hr/> 730.319.902.881

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Nhận quỹ đại tu	555.998.940.000	1.286.922.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	245.640.377.899	165.014.361.790
Cổ tức phải trả	3.517.236.439	14.360.322.312
Các khoản phải trả, phải nộp khác	495.294.348.248	424.397.261.502
	1.300.450.902.586	1.890.693.945.604

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Nhận quỹ đại tu và đặt cọc thuê máy bay	845.310.484.786	816.316.336.339
Nhận trước khoản hỗ trợ tín dụng được cấp theo hợp đồng vật liệu và sửa chữa động cơ máy bay	306.861.245.824	306.861.245.824
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	163.477.318.933	154.848.283.654
	1.315.649.049.543	1.278.025.865.817

(c) Phải trả khác cho các bên liên quan

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	8.270.008.790	6.119.528.007
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài	1.572.621.523	3.328.473.614
	9.842.630.313	9.448.001.621

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vay và nợ thuê tài chính	(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1/1/2023		31/12/2023	
		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
	Vay ngắn hạn	9.138.049.078.606	38.057.506.795.844	(35.144.530.783.549)	12.055.763.479.157
	Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 24(b)(i))	1.334.068.207.606	1.521.291.016.826	(1.336.927.715.238)	1.542.128.291.036
	Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh 24(b)(ii))	2.927.935.430.235	3.875.315.440.511	(2.928.257.233.074)	3.963.889.144.913
		13.400.052.716.447	43.454.113.253.181	(39.409.715.731.861)	17.561.780.915.106

Khả năng trả nợ của Tổng Công ty và các công ty con sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ về tài chính của Chính phủ Việt Nam và việc được gia hạn thanh toán các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng và các khoản phải trả cho nhà cung cấp và cho thuê (Thuyết minh 2(c)).

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank)	VND	2,3% - 5,3%	2.379.818.949.408	1.999.999.996.629
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	1% - 6,8%	2.108.167.828.120	1.888.073.345.733
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	VND	2,5% - 5,5%	1.915.205.037.975	1.272.433.063.230
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	VND	5,5% - 6%	1.196.055.177.565	500.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	VND	2,5%	999.999.999.874	999.999.999.874
Ngân hàng TMCP An Bình	VND	5,3% - 6,5%	580.697.407.886	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	USD	3% - 3,5%	474.371.512.442	142.350.201.291
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	USD	3,5% - 4,5%	430.099.226.065	223.410.396.742
Ngân hàng Quân Đội	VND	3,2% - 3,8%	346.131.885.603	99.615.873.815
Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIBBank)	VND	3,3% - 4%	293.273.129.421	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	USD	3,6%	292.648.344.714	242.815.933.613
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	3,1% - 8%	291.483.242.052	198.558.242.604
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD	3,5%	286.925.274.005	578.892.509.486
Kestrel Aviation Ireland No.1 Limited	USD	4,5%	222.155.696.709	216.280.566.394
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	3,2% - 9,3%	193.276.873.318	254.253.487.840
Ngân hàng HSBC Việt Nam	VND	8%	45.453.894.000	-
Ngân hàng Quân Đội	USD	4,7%	-	421.365.461.355
			12.055.763.479.157	9.138.049.078.606

Các khoản vay tài cấp vốn từ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, với tổng hạn mức của các khoản vay là 4.000 tỷ VND theo Thông tư số 04/2021/TT-NHNN ngày 5 tháng 4 năm 2021 (Thuyết minh số 2) được đảm bảo bằng tài sản bao gồm tàu bay, động cơ và cổ phiếu của Tổng Công ty tại các công ty con/công ty liên kết đã niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE, HNX và UPCOM.

Ngoài các khoản vay tài cấp vốn, số dư khoản vay với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được đảm bảo bằng tài sản là 1.695 tỷ VND (1/1/2023: 1.679 tỷ VND) (Thuyết minh số 13). Các khoản vay ngắn hạn còn lại không có tài sản đảm bảo.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Vay dài hạn (i)	5.158.987.901.512	6.329.502.888.095
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	10.153.308.661.977	12.800.603.962.868
	<u>15.312.296.563.489</u>	<u>19.130.106.850.963</u>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	5.506.017.435.949	4.262.003.637.841
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<u>9.806.279.127.540</u>	<u>14.868.103.213.122</u>

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	USD	2024 - 2028	2.677.052.028.752	3.235.524.085.567
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	USD	2024 - 2028	782.649.686.463	1.015.807.883.611
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	USD	2028	582.690.816.000	660.714.240.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	2024 - 2028	323.698.083.538	380.242.030.386
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	VND	2024 - 2029	246.105.089.025	331.570.661.057
Ngân hàng liên doanh Việt - Nga	USD	2028	198.742.596.480	231.751.082.200
Ngân hàng TMCP Indovina	USD	2028	167.023.296.000	194.763.624.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	2024 - 2028	48.895.735.926	69.495.735.927
Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	2024 - 2027	43.666.719.190	71.636.636.870
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	VND	2024 - 2028	28.670.580.553	52.785.077.726
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	2025 - 2026	25.760.111.484	36.125.059.864
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	VND	2025 - 2027	24.122.343.709	34.310.310.043
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	VND	2026	7.706.968.000	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	USD	2024	2.203.846.392	4.997.011.194
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	VND	2023	-	9.340.449.650
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VND	2023	-	439.000.000
			5.158.987.901.512	6.329.502.888.095
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng			1.542.128.291.036	1.334.068.207.606
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng			3.616.859.610.476	4.995.434.680.489

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Bao gồm khoản vay hợp vốn của 3 ngân hàng trong nước do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam làm đầu mối cấp tín dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư các khoản vay dài hạn được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là 3.408 tỷ VND (1/1/2023: 4.208 tỷ VND) (Thuyết minh số 13), các khoản vay còn lại không có tài sản đảm bảo.

(ii) Các khoản nợ thuê tài chính

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tập đoàn ING	5.349.096.969.898	6.964.097.015.790
Ngân hàng Citibank	2.269.233.410.015	3.076.989.947.125
Ngân hàng MUFG	1.060.500.000.000	1.237.425.000.000
Ngân hàng HSBC	814.236.813.266	791.731.089.626
Ngân hàng JP Morgan Chase	660.241.468.798	730.360.910.327
	10.153.308.661.977	12.800.603.962.868

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư các khoản nợ thuê tài chính được đảm bảo bằng bảo lãnh của Bộ Tài chính là 9,093 tỷ VND (1/1/2023: 11,563 tỷ VND), các khoản nợ thuê tài chính còn lại được bảo đảm bằng tài sản thuê tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ có số dư là 418.865.869 USD (1/1/2023: 543.088.840 USD).

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang trên như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng 1 năm	4.516.374.594.081	552.485.449.168	3.963.889.144.913
Trong năm thứ 2	3.126.245.989.111	327.239.327.750	2.799.006.661.361
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	3.643.007.689.397	252.594.833.694	3.390.412.855.703
	11.285.628.272.589	1.132.319.610.612	10.153.308.661.977

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Ngày 1 tháng 1 năm 2023

	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng 1 năm	3.577.435.636.036	649.500.205.801	2.927.935.430.235
Trong năm thứ 2	4.321.934.333.344	467.608.128.473	3.854.326.204.871
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	6.294.372.734.646	482.267.918.665	5.812.104.815.981
Sau 5 năm	215.371.469.893	9.133.958.112	206.237.511.781
	14.409.114.173.919	1.608.510.211.051	12.800.603.962.868

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này chủ yếu được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	756.601.328.434	1.025.547.811.023
Trích lập trong năm	82.942.857.805	47.008.848.979
Sử dụng trong năm	(168.487.031.146)	(315.397.723.490)
Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ PLKT	(557.608.078)	(557.608.078)
Số dư cuối năm	670.499.547.015	756.601.328.434

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/EN
(Ban hành theo Thông tư số 20/2009/TT-BTC
ngày 22/02/2009 của Bộ Tài chính)

26. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn chủ sở hữu VND	Vốn khác VND	Chẩn lệch đánh giá lại tài sản VND	Chẩn lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lỗi kế kế VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	22.143.941.740.000	1.220.498.156.541	241.355.237.827	(1.153.004.222.954)	51.746.429.969	931.333.009.453	2.024.298.861	(21.959.695.613.871)	1.308.199.813.127
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(11.298.155.189.349)	(11.298.155.189.349)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	749.644.881	-	(749.644.881)	-
Phân bổ vào quỹ khác thường, phúc lợi Chẩn lệch do chuyển đổi tiền tệ (Thuyết minh 4(b)(ii))	-	-	-	-	-	-	-	(29.612.119.044)	(29.612.119.044)
Anh hưởng của giao dịch thay đổi tỷ lệ sở hữu tại các công ty con Biến động khác	-	-	-	-	40.035.362.877	-	-	-	40.035.362.877
	-	-	-	-	-	-	-	(1.749.214.381.934)	(1.749.214.381.934)
	-	-	-	-	-	-	-	(24.809.915.254)	(24.809.915.254)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	22.143.941.740.000	1.220.498.156.541	241.355.237.827	(1.153.004.222.954)	122.441.972.796	932.083.051.332	2.024.298.861	(35.072.236.866.340)	(11.562.896.228.947)
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	15.930.301.562.765)	(15.930.301.562.765)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	1.030.954.000	-	(1.030.954.000)	-
Phân bổ vào quỹ khác thường, phúc lợi Chẩn lệch do chuyển đổi tiền tệ (Thuyết minh 4(b)(ii)) Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-	(75.208.924.880)	(75.208.924.880)
	-	-	-	-	31.843.046.306	-	-	-	31.843.046.306
	-	-	-	-	-	-	-	21.368.285.560	21.368.285.560
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	22.143.941.740.000	1.220.498.156.541	241.355.237.827	(1.153.004.222.954)	154.285.019.292	933.114.412.332	2.024.298.861	(41.057.410.026.425)	(17.315.195.384.226)

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	2.214.394.174	22.143.941.740.000	2.214.394.174	22.143.941.740.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	2.214.394.174	22.143.941.740.000	2.214.394.174	22.143.941.740.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	2.214.394.174	22.143.941.740.000	2.214.394.174	22.143.941.740.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 9 ngày 12 tháng 1 năm 2022, tổng vốn cổ phần của Tổng Công ty là 22.143.941.740.000 VND.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn cổ phần đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số vốn góp tại ngày	
			31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Cổ đông Nhà nước	1.222.368.291	55,20	12.223.682.910.000	12.223.682.910.000
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	689.488.080	31,14	6.894.880.800.000	6.894.880.800.000
Tập đoàn Hàng không Nhật Bản ANA Holding Incorporation (ANA)	124.438.698	5,62	1.244.386.980.000	1.244.386.980.000
Các cổ đông khác	178.099.105	8,04	1.780.991.050.000	1.780.991.050.000
	2.214.394.174	100	22.143.941.740.000	22.143.941.740.000

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28. Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	507.271.473.093	(982.201.984.996)
Lợi nhuận trong năm	298.553.092.074	75.140.026.165
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(7.688.071.592)	(7.396.729.935)
Cổ tức	(308.687.526.178)	(346.074.297.132)
Ảnh hưởng của giao dịch tăng tỷ lệ sở hữu tại các công ty con	-	1.749.214.381.934
Biến động khác	(179.461.609)	18.590.077.057
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	489.269.505.788	507.271.473.093

29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Trong vòng một năm	11.600.141.258.137	10.644.508.071.450
Trong vòng 2 đến 5 năm	43.941.766.714.467	42.009.042.981.005
Sau 5 năm	40.544.017.808.912	35.349.830.322.540
	<hr/>	<hr/>
	96.085.925.781.516	88.003.381.374.995

Tài sản thuê hoạt động là máy bay tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm:

- Máy bay A320 – 10 chiếc thuê khô;
- Máy bay A321 – 10 chiếc thuê khô;
- Máy bay A321 NEO – 20 chiếc thuê khô;
- Máy bay A350 – 14 chiếc thuê khô;
- Máy bay B787-9 – 4 chiếc thuê khô; và
- Máy bay B787-10 – 4 chiếc thuê khô;

Tài sản thuê hoạt động là động cơ có các khoản thanh toán tiền thuê phụ thuộc vào vòng đời và giờ bay. Tài sản thuê hoạt động là động cơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm:

- Động cơ máy bay thuê dài hạn – 10 chiếc gồm 1 động cơ máy bay A321, 4 động cơ máy bay A321 NEO, 3 động cơ máy bay A350, 2 động cơ máy bay B787; và
- Động cơ máy bay thuê ngắn hạn – 33 chiếc gồm 20 động cơ máy bay A321, 3 động cơ máy bay A321 NEO, 2 động cơ máy bay A350, 1 động cơ máy bay ATR72, 4 động cơ máy bay B787 và 3 động cơ máy bay A320.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Ngoại tệ các loại**

	Đơn vị tính	31/12/2023		1/1/2023	
		Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ	USD	13.221.084	319.635.295.582	47.767.963	1.118.009.174.015
Bạt Thái Lan	THB	20.841.010	14.796.889.910	8.377.951	5.458.737.754
Nhân dân tệ Trung Quốc	CNY	7.509.167	25.596.067.472	5.919.303	19.729.036.899
Đô la Singapore	SGD	481.987	8.869.990.840	590.197	10.196.243.372
Đô la Úc	AUD	1.140.354	18.906.949.716	1.087.278	17.121.366.666
Euro	EUR	3.219.247	86.919.561.947	4.591.666	113.473.841.858
Đô la Hồng Kông	HKD	2.753.276	8.543.411.905	1.982.493	5.903.864.154
Won Hàn Quốc	KRW	2.200.734.801	41.505.844.547	2.016.887.580	36.182.963.185
Yên Nhật	JPY	376.971.902	65.200.930.678	175.097.797	30.825.967.162
Patacas Macao	MOP	2.520	7.517.160	2.520	7.411.765
Đô la Đài Loan	TWD	5.688.535	4.488.254.115	3.894.204	2.695.996.371
Bảng Anh	GBP	402.715	12.439.192.957	874.085	24.440.290.685
Đô la Canada	CAD	14.714	269.538.013	145.413	2.488.307.256
Rúp Nga	RUB	119.553.365	32.279.408.420	9.470.091	2.727.386.208
Kíp Lào	LAK	68.384.000	68.384.000	33.533.000	34.874.320
Ringit Malaysia	MYR	742.293	3.924.504.413	596.347	2.990.930.670
Rupiah Indonesia	IDR	2.736.888.780	4.324.284.272	3.445.021.776	5.236.433.100
Kyat Myanmar	MMK	150.444	1.805.328	-	-
Franc Thụy Sĩ	CHF	10	281.415	-	-
			647.548.574.677		1.397.522.825.440

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	95.699.689.119	94.970.667.121

(d) Các nghĩa vụ theo hợp đồng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty và các công ty con có các khoản phải trả các đơn vị cho thuê tàu bay, động cơ và cung cấp dịch vụ sửa chữa đã quá hạn thanh toán. Tổng Công ty đã đàm phán và đạt được các thoả thuận về giãn thời gian thanh toán một phần các khoản nợ quá hạn và đang tiếp tục đàm phán với một số đối tác còn lại. Tổng Công ty đã đánh giá thận trọng các nghĩa vụ/chi phí tiềm tàng liên quan đến vấn đề này, theo đó Tổng Công ty không phát sinh thêm các nghĩa vụ/chi phí nào liên quan tới đối tác hoặc bên thứ ba, phát sinh từ các khoản nợ quá hạn của Tổng Công ty, ảnh hưởng tới báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần bao gồm:

	2023 VND	2022 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu vận chuyển hành khách, hành lý	65.444.120.557.354	42.560.587.011.748
▪ Doanh thu vận chuyển hàng hóa, bưu kiện	4.939.729.223.455	7.738.698.880.456
▪ Doanh thu chuyên cơ, thuê chuyên	1.084.153.475.172	773.493.626.260
▪ Doanh thu vận chuyển hàng không khác	776.743.289.825	493.706.745.498
Doanh thu vận chuyển hàng không	72.244.746.545.806	51.566.486.263.962
Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ	3.066.820.277.786	3.037.240.542.937
Bán hàng	15.055.239.756.871	14.787.459.056.226
Khác	1.864.403.646.949	1.401.638.752.169
	92.231.210.227.412	70.792.824.615.294
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(691.345.042.213)	(382.603.297.695)
Doanh thu thuần	91.539.865.185.199	70.410.221.317.599

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	2023 VND	2022 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	71.837.074.170	106.237.186.461
Cổ tức được chia	94.886.217.750	101.674.370.919
Lãi chênh lệch tỷ giá	698.932.894.946	763.050.612.569
Doanh thu hoạt động tài chính khác	60.692.465.501	9.405.729.258
	926.348.652.367	980.367.899.207

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Chi phí tài chính**

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay	1.554.935.763.903	1.164.558.952.418
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.600.807.552.568	2.265.105.881.302
Chi phí liên quan đến hợp đồng vay dài hạn, vay thuê tài chính	237.941.458.077	242.969.964.421
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(188.005.414)
Chi phí tài chính khác	1.011.292.862.165	759.968.655.629
	<hr/> 4.404.977.636.713	<hr/> 4.432.415.448.356

33. Chi phí bán hàng

	2023 VND	2022 VND
Chi phí cho nhân viên	588.811.734.655	482.734.341.750
Chi phí hoa hồng	276.150.024.686	160.888.407.800
Chi phí đặt vé giữ chỗ	1.555.391.392.723	1.261.765.194.905
Chi phí bán hàng khác	1.956.315.829.649	1.289.617.740.444
	<hr/> 4.376.668.981.713	<hr/> 3.195.005.684.899

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2023 VND	2022 VND
Chi phí cho nhân viên	728.911.502.891	648.984.650.680
Chi phí thuê	160.531.554.889	97.012.926.237
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.206.649.573.157	1.023.311.187.337
	<hr/> 2.096.092.630.937	<hr/> 1.769.308.764.254

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***35. Thu nhập khác**

	2023 VND	2022 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	1.876.647.149	89.230.396.761
Tiền phạt thu được	52.335.925.933	14.090.329.875
Thu nhập từ nhượng bán quyền mua và thuê lại động cơ máy bay	-	50.563.315.812
Thu nhập từ bán và thuê lại động cơ và trang thiết bị	185.710.954.683	-
Nhà cung cấp xoá nợ	326.292.263.582	-
Các khoản khác	143.953.720.253	156.773.035.692
	710.169.511.600	310.657.078.140

36. Chi phí khác

	2023 VND	2022 VND
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định, xây dựng cơ bản dờ dang, bất động sản đầu tư	48.470.720	-
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	77.242.951.847	-
Các khoản phạt về trả chậm, thuế	1.887.398.460	17.765.486.709
Chi phí khác	15.863.973.380	20.115.322.620
	95.042.794.407	37.880.809.329

37. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu	26.042.294.140.081	24.416.486.032.684
Chi phí nhân công	7.935.963.198.272	5.881.332.901.509
Chi phí khấu hao	5.986.064.143.591	3.536.492.399.102
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.943.413.255.251	29.974.983.698.185
Trong đó:		
- Chi phí sửa chữa lớn động cơ máy bay	5.989.469.891.287	4.751.074.987.574
- Chi phí sửa chữa thường xuyên động cơ máy bay	3.123.563.663.585	3.537.124.688.011
- Chi phí thuê máy bay	12.253.707.591.602	11.364.238.022.637
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	16.576.672.108.777	10.322.545.999.963
Chi phí khác	1.164.228.117.322	873.927.335.288

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***38. Thuế thu nhập****(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2023 VND	2022 VND
Lỗi kế toán trước thuế	(5.362.609.321.731)	(10.945.484.322.099)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước	108.705.140.008	24.626.538.043
Chi phí không được khấu trừ	2.036.340.612.936	2.582.117.156.877
Thu nhập không chịu thuế	(94.886.217.750)	(101.674.370.919)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm nay	(170.386.785.128)	(139.042.814.769)
Thu nhập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	(46.839.911.697)	(61.845.665.031)
Thu nhập từ đầu tư vào các công ty liên kết	(88.210.560.520)	(74.112.410.620)
Ảnh hưởng của bút toán hợp nhất	18.662.657.601	128.192.428.171
Lỗi tính thuế được sử dụng trong năm	(89.339.713.267)	(42.976.104.980)
Thu nhập chịu thuế	(3.688.564.099.548)	(8.630.199.565.327)
Lỗi tính thuế chưa được sử dụng trong năm	5.001.366.607.840	10.074.935.053.729
Thu nhập chịu thuế	1.312.802.508.292	1.444.735.488.402
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	262.560.501.658	288.947.097.680
Biến động tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm	(4.309.540.329)	(24.503.543.354)
Chi phí thuế hợp đồng hợp tác kinh doanh	9.367.982.340	12.369.133.007
Dự phòng thiếu của các năm trước	1.520.205.291	718.153.752
	269.139.148.960	277.530.841.085

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

39. Lỗi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lỗi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được dựa trên số lỗi thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ đi số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	2023	2022
Lỗ thuần trong năm (VND)	(5.930.301.562.765)	(11.298.155.189.349)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	-
Lỗ thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	(5.930.301.562.765)	(11.298.155.189.349)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (số cổ phiếu)	2.214.394.174	2.214.394.174
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(2.678)	(5.102)

40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
Góp vốn đầu tư vào công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	-	8.100.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm		
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	47.263.271.000	94.643.987.000
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	40.496.605.750	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài	1.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	771.120.000	1.156.680.000
Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	-	1.288.392.119
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không	2.303.787.488	236.817.960
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	2.167.366.083	1.405.729.642
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	241.017.982	1.136.085.699
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	176.852.520	147.391.590
Mua hàng và sử dụng dịch vụ		
Công ty Cổ phần Cho thuê máy bay Việt Nam	2,182,318,520,859	2.148.093.580.010
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	240.945.887.433	158.399.130.788
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	165.715.575.923	150.065.147.172
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	58.444.251.942	37.806.075.350
Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không	46.714.143.580	36.683.602.453
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam	1.274.887.124	-

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
Tiền thưởng hao hụt nhiên liệu phải trả		
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	15.726.254.817	10.494.535.095
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài	3.001.379.289	4.080.077.025

Tiền lương và thù lao của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

		2023 VND	2022 VND
Ông Đặng Ngọc Hòa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	1.189.435.650	1.189.435.650
Ông Tạ Mạnh Hùng	Ủy viên Hội đồng Quản trị	951.548.653	951.548.653
Ông Lê Hồng Hà	Ủy viên Hội đồng Quản trị		
	Tổng Giám đốc	1.183.518.225	1.183.518.225
Ông Lê Trường Giang	Ủy viên Hội đồng Quản trị	951.548.653	951.548.653
Ông Hiroyuki Kometani	Ủy viên Hội đồng Quản trị (bỏ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2022)	189.046.603	95.955.473
Ông Tomoji Ishii	Ủy viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2022)	-	93.091.130
Ông Đinh Việt Tùng	Ủy viên Hội đồng Quản trị	189.046.603	189.046.603
Ông Trương Văn Phước	Ủy viên Hội đồng Quản trị	189.046.603	189.046.603
Ông Trịnh Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc	951.548.653	951.548.653
Ông Trịnh Ngọc Thành	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31/12/2023)	951.548.653	951.548.653
Ông Nguyễn Chiến Thắng	Phó Tổng Giám đốc	951.548.653	951.548.653
Ông Lê Đức Cảnh	Phó Tổng Giám đốc	951.548.653	634.365.768
Ông Nguyễn Thế Bảo	Phó Tổng Giám đốc	951.548.653	634.365.768
Ông Đặng Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	475.774.326	-
Ông Đinh Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	434.238.472	-
Ông Trần Thanh Hiền	Kế toán trưởng	951.548.653	951.548.653
Bà Nguyễn Thị Thiên Kim	Trưởng Ban Kiểm soát (đến ngày 31/12/2023)	913.788.785	951.548.653
Bà Dương Thị Việt Thắm	Trưởng Ban Kiểm soát (từ ngày 1/1/2024)	37.759.867	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Loan	Thành viên Ban Kiểm soát	118.154.127	118.154.127
Ông Mai Hữu Thọ	Thành viên Ban Kiểm soát (đến ngày 31/12/2023)	351.747.321	594.717.825
Bà Lê Trúc Quỳnh	Thành viên Ban Kiểm soát (từ ngày 1/1/2024)	23.599.914	-

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

41. Số liệu so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Hồ Xuân Tam
Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Trần Thanh Hiền
Kế toán trưởng

Lê Hồng Hà
Tổng Giám đốc

